VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

HỒ TRƯỜNG AN
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC
NHƯ CHI • PHẠM DUY
NGUYỄN DĂNG DIỆM
NGUYỄN ĐÌNH HÒA
VŨ QUỲNH HƯƠNG
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
LUÂN HOÁN • HOÀNG LIÊN
TRỊNH GIA MỸ • ĐỊNH NGUYÊN
NGUYỄN TẤT NHIÊN
HUỲNH LIỄU NGẠN
NGUYỄN HỮU NGHĨA
NGUYỄN BẠ TRẠC • BÙI BẢO TRÚC
NGUYỄN MAI THẠCH
BÙI QUANG TRIẾT
NGUYỄN TRẦN VIỆT

số 6 tháng 7-1986

SỐ ĐẶC BIỆT : TÂM CẢNH LƯU VONG

TRONG SỐ NÀY :

Magazine littéraire : *Tâm trạng các nhà văn lưu vong Nga (trang 1).* *** Nguyễn bá Trạc :** *Chị Quỳnh thân mến : Ông Võ Phiến, tháng ngày ở Mỹ và tôi (trang 10).* *** Đặng phùng Quân :** *Đưa người đi, thơ (trang 22).* *** Nguyễn đình Hoà:** *Kiểm điểm những công trình nghiên cứu chữ nôm (trang 23).* *** Định Nguyên :** *Chỗ tạm, truyện ngắn (trang 31).* *** Nguyễn tất Nhiên :** *Trời đất yêu thương, thơ (trang 38).* *** Nguyễn đăng Diệm :** *Thanh Nam và Đất Khách (trang 40).* *** Huỳnh liễu Ngạn :** *Một cuộc tình sớm mai, thơ (trang 48).* *** Như Chi :** *Thơ đêm, thơ (trang 49).* *** Phạm Duy :** *Hoàng Quý và Đồng Vọng (trang 50).* *** Vũ quỳnh Hương :** *Trăng ở Halfmoon Bay, thơ (trang 58).* *** Nguyễn xuân Hoàng :** *Bạn bè ở Sài gòn năm 1973, truyện (trang 60).* *** Bùi bảo Trúc :** *Tình khúc mới, thơ (trang 70).* *** Hồ trường An :** *Bèo bọt, truyện ngắn (trang 71).* *** Luân Hoán :** *Giặt áo quần cho vợ, thơ (trang 90).* *** Nguyễn trần Việt :** *Đọc Đời viết văn của tôi (trang 91).* *** Nguyễn mai Thạch :** *Chiều hoàng cung, Mộng và Thực, thơ (trang 101).* *** Bùi quang Triết :** *Mạng tù, truyện (trang 102).* *** Trịnh gia Mỹ:** *Cõi riêng, truyện (trang 110).* *** Nguyễn thị Hoàng Bắc :** *Nương dâu, truyện (trang 117).* *** Hoàng Liên :** *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký (trang 125).* *** Nguyễn hữu Nghĩa :** *Sinh hoạt văn nghệ tại Canada (trang 132*

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC
Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc
Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove Cali, USA, 92 643. Phone : (714) 838 8432

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

DI'S PRINTING, 10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 • (714) 636-7932

Tiếng nói lưu vong trong văn chương Nga.

Cách đây gần một năm, tạp chí Magazine littéraire ở Paris, nơi qui tụ đông đảo các nhà văn lưu vong từ rất nhiều quốc gia đang sống dưới chế độ độc tài cộng sản lẫn quân phiệt trên khắp thế giới, đã ra một số đặc biệt với chủ đề Văn Chương Lưu Vong. Trong số tạp chí đó, có những lời phát biểu của các nhà văn lưu vong Nga sô viết là đặc biệt đáng chú ý. Những kinh nghiệm và tâm cảm của những nhà văn lưu vong này có thể là bài học quí giá cho những nhà văn lưu vong Việt Nam hiện nay. Văn Học xin trích dịch một số phát biểu của những nhà văn Nga tiêu biểu và hy vọng sẽ thực hiện một số đặc biệt về Văn chương lưu vong Việt Nam trong một ngày gần đây.

Văn Học

"Chúng tôi, những đứa con của nước Nga được nhồi nặn trong mẻ bột đông phương, chỉ có chất men là tây phương thôi, chúng tôi ra đi mỗi người mang theo cho riêng mình những hòn đảo của tổ quốc."

VLADIMIR MAXIMOV

Sinh năm 1930. Sau khi trải qua các trại tù thiếu nhi phạm pháp và lăn lộn cùng khắp nước Nga, từ năm 1956, sáng tác của ông đã được đăng trên những tạp chí nổi tiếng. Năm 1971, cuốn Bảy ngày tạo thiên lập địa *là tác phẩm lớn của ông viết bằng tiếng Nga phát hành ra ngoại quốc (bản dịch tiếng Pháp* Les sept jours de la création, *do nhà Grasset ấn hành năm 1973). Di cư năm 1974. Hiện sống tại Paris và đang điều khiển tạp chí* Continent. *Trong số tám tác phẩm được dịch ra tiếng Pháp của ông có cuốn tự truyện*

Vladimir Maximov.

— được tiểu thuyết hóa — gồm hai tập: L'Adieu de nulle part *(nhà xuất bản Gallimard, 1977) và* La coupe de la fureur *(nhà xuất bản Fayard, 1984).*

Mới đây một nhà báo Mỹ có hỏi tôi rằng cuộc di cư của những nhà văn Mỹ đến Paris trong những năm 20 và cuộc di cư của các nhà văn Nga ngày nay khác nhau như thế nào? Theo tôi việc đặt

câu hỏi đơn giản như vậy chứng tỏ người phỏng vấn thiếu hiểu biết sơ đẳng về vấn đề mà ông ta khảo cứu. Buồn thay, ngày nay không hiếm gì những nhà báo loại ấy. Không cần phải khổ tâm suy nghĩ, người ta cũng có thể tìm thấy ngay câu trả lời. Đó là sự khác biệt giữa một chuyến du hành và một cuộc trốn chạy.

Đâu phải là chuyện tình cờ khi Hemingway đặt nhan đề *"Paris là một ngày hội"* cho cuốn sách viết về những ký ức Paris của ông. Thật khó mà tưởng tượng nổi, một nhà văn từ một nước độc tài lưu vong đến Paris, hoặc đến một nơi nào khác, lại có thể gọi nơi đó là "một ngày hội".

Đặc biệt đối với nhà văn Nga, lưu vong thường là một thảm kịch tâm lý hơn là thảm kịch xã hội (bởi vì so với những năm 20, 30 hoặc 40, người ta đã không rơi vào cảnh khốn cùng).

Nhà văn Tây phương, ngay cả những di dân người Tây ban nha, Bồ đào nha hoặc Hy lạp, mặc dù hoàn cảnh xã hội của họ giống chúng tôi, họ vẫn không cảm thấy mình bị rứt ra khỏi khung cảnh văn hóa Tây phương, nền văn minh vật chất và bầu không khí ngôn ngữ của họ như chúng tôi cảm thấy. Họ không hề là những kẻ mất gốc. Họ chỉ thay đổi chỗ ở mà thôi.

Còn chúng tôi, những đứa con của nước Nga, được nhồi nặn trong mẻ bột đông phương, chỉ có chất men là tây phương, mà thường khi cũng chẳng tự cảm thấy nữa, chúng tôi mang theo những hòn đảo cá nhân của tổ quốc, vẫn tiếp tục sống trên những hòn đảo ấy mà không thể nào hòa mình nổi vào cái thế giới xung quanh. Chúng tôi sống bằng hoài niệm, mà trên đời này không ai là người có thể sống mãi bằng hoài niệm được.

Vì thế, theo tôi, nếu có một nền văn chương lưu vong Nga thì nền văn chương ấy chỉ có ở thế hệ thứ nhất mà thôi. Bằng chứng là kinh nghiệm của những đợt lưu vong trước chúng tôi. Hãy thử tìm xem có một tên tuổi lớn nào của thế hệ thứ hai hay thứ ba xuất hiện ở Tây phương! Nabokov không nằm trong dòng văn học này, bởi vì chính ông về cuối đời đã không xem tác phẩm của mình thuộc vào văn chương Nga, mà tự xem mình như một nhà văn Mỹ.

Buồn thay, cuộc di dân Nga là một khái niệm tâm lý hơn là xã hội hay chính trị. Và hơn tất cả, đó là tâm lý của những kẻ bại trận sống trong sự khao khát trả thù. Mà đối với một nền văn học lớn, đặc biệt là văn học Nga, thì tình cảm đó không phải làmột nguồn cảm hứng đích thực.

NATHALIA GORBANEVSKAIA

Bà là một trong số bảy người biểu tình trên Công-trường đỏ sau khi Hồng-quân can thiệp vào Prague và bị bắt giam vào nhà thương điên trước khi lưu vong vào năm 1975. Hiện sống tại Paris.

Phụ tá chủ bút báo Continent *dưới quyền Vladimir Maximov. Bà cũng là phóng viên của tuần san* La Pensée Russe *(Tư tưởng Nga). Năm 1969 trong khi bà đang còn bị giam ở Liên Xô, báo Nga lưu vong* "Posev" *đã xuất bản tuyển tập thơ đầu tay của bà. Năm 1979, bà cho ấn hành tại Paris tuyển tập thứ hai bằng tiếng Nga dưới tựa đề* Tôi vượt biên giới tuyết. *Năm 1982, bà cho xuất bản tại Hoa Kỳ tuyển tập* Những viên đá của người khác *và năm 1983* Thiên thần bằng gỗ. *Bà cũng cho xuất bản cuốn* Luận về thi ca của Czeslaw Milosz, *bản dịch tiếng Nga.*

Trong khung cảnh tha hương tôi cảm thấy dễ chịu, dễ chịu một cách gượng gạo. Tôi không nói nhiều đến bản chất nhà văn của tôi, bởi vì ở đây tôi đang làm thơ và nếu chẳng may tôi còn ở bên kia, có lẽ tôi vẫn làm thơ miễn là tôi không bị mục rã trong nhà thương điên. Nhưng điều đáng nói là ở đây tôi làm được nhiều việc hơn là khi còn ở bên kia. Tôi dịch thơ của các thi sĩ Ba-lan ra tiếng Nga, và tôi còn có thêm nghề làm báo nữa... Hiện nay tôi giữ mục

Natalia Gorbanevskaia.

tin tức thường xuyên về Ba-lan trong tờ Pensée Russe, và nói không phải khoe chớ đó là một trong những nguồn tin dồi dào nhất trong thế giới Tây phương. Tôi đã xuất bản một cuốn tài liệu về Ba-lan và về phong trào Đoàn-kết, và người ta yêu cầu tôi dịch trở lại tiếng Ba-lan (tôi nói dịch trở lại vì có nhiều tài liệu viết thẳng bằng tiếng Ba-lan).

Hơn nữa, phải nói là tôi may mắn được ở Paris, nơi có tạp chí Continent. Paris là thành phố tôi yêu mến. Và tôi cảm thấy mình như là một người Paris chính cống.

Độc giả của tôi không bao giờ vượt quá con số vài trăm. "Ở đó" cũng như ở đây, chẳng có gì thay đổi.

Lưu vong có nghĩa là sống ở một nơi mà bạn không còn nghe nữa tiếng nói của dân tộc mình, là bị cấm trở về nơi mà mọi người ai ai cũng cùng nói tiếng nói như bạn.

VLADIMIR VOINOVITCH

Sinh năm 1932. Bắt đầu đăng những bài văn xuôi trên tạp chí Novy Mir từ 1961. Nhưng kiệt tác trào phúng của ông, quyển Les Aventures singulières du soldat Ivan Tchoukine *(Nhà xuất bản Le Seuil, 1977) không được ấn hành ở Liên Xô. Ngược lại, chính việc tác phẩm ông được in ở nước ngoài đã khiến ông phải trả cái giá là bị loại ra khỏi Hội Nhà Văn vào năm 1975 và chịu liên miên những phiền lụy cho đến năm 79 là năm ông bị bắt buộc phải lưu vong.*

Voinovitch đã viết một loạt truyện phiêu lưu trào phúng nổi tiếng với nhân vật Tchoukine. Đó là Le Prétendant au trône *(nhà xuất bản Le Seuil, 1981) bản anh hùng ca trào lộng có chủ đề là cuộc đấu tranh giữa hai nhà văn để giành một căn chung cư.*

Người ta vẫn thường nói kỳ lạ thay là những người Nga lưu vong! Sống ở phương Tây có tự do, có ô-tô, có quần jean, và có cả xúc xích nữa, vậy mà họ cứ đau khổ và cứ muốn trở về ngay lại nơi có rất ít ô-tô, rất ít quần jean và xúc xích, còn tự do thì không có tí nào hết.

Có người lấy niềm bí ẩn của linh hồn Nga để giải thích nỗi khổ đau ấy; nhưng riêng tôi, tôi chẳng thấy chút bí ẩn nào.

Thử đặt một người Pháp, người Đức, người Anh, người Thổ nhĩ kỳ hay người Ethiopie, — bất kể là người nước nào khác — vào hoàn cảnh người lưu vong Nga chúng tôi xem sao; chắc chắn hắn ta cũng sẽ đau khổ như thế (nhưng có lẽ hắn ta sẽ biểu lộ nỗi khổ đau một cách khác thôi).

Bị bắt buộc phải lưu vong là một thảm kịch thực sự. Đối với người lưu vong ra khỏi Liên Xô, thảm kịch ấy không nằm trong sự thể phải đổi chỗ về mặt địa lý mà nằm trong sự thể khứ bất phục hồi.

Anh không thể làm cách nào khác; anh sẽ phải vượt qua cuộc thử thách đó một cách khó khăn hay dễ dàng, tùy vào quá khứ anh, vào những gì anh đã mất đi ở bên kia và vào những gì anh tìm thấy được ở bên này, tùy vào hoàn cảnh mới, vào lợi tức và vào sự thông thạo sinh ngữ của anh.

Có người thất vọng về cuộc sống ở đây, chỉ nhìn thấy cái dĩ vãng màu hồng, và coi việc lưu vong như một lầm lỡ định mệnh: "Ở đây tôi sống vất vưởng, ở bên kia mới thực là đời sống". Tôi lấy làm lạ về quan điểm này, vì tôi biết rằng ở "bên kia" kiểu người như tôi làm gì có đời sống !

Khi tôi quyết định ra đi, sự lựa chọn thật ra, rất là hạn hẹp. Hoặc là phương Tây hoặc là Yaroutie.

Khi tôi đứng trước sự lựa chọn: Tổ quốc hơn tự do hay tự do hơn tổ quốc, tôi suy nghĩ tổ quốc là gì. Yakoutie là một mảnh của tổ quốc tôi. Tôi cảm thấy mình ít tình với nó. Tôi khổ sở về tiếng Anh và tiếng Đức, tôi lại càng ít hiểu tiếng Yakoutie hơn. Và nền văn hóa Đức, Pháp, Anh hay Tây ban nha còn gần gũi tôi hơn là nền văn hóa Yakoutie nữa (tôi không hề có ý định bỉ thử người Yakoutie và tôi muốn nói thêm là 99,9% những sản phẩm văn hóa Nga cũng xa lạ với tôi như sản phẩm văn hóa Yakoutie).

Một nhà văn Nga hiện đại, nếu là người lương thiện, thực sự anh ta phải là người lưu vong. Hoặc là lưu vong ngay trong nước Nga — bên kia, hoặc là lưu vong ngoài nước Nga — bên này. Ở đâu thì cũng khổ nhục như nhau, nhưng nói đúng ra, lưu vong bên này vẫn có phần đỡ hơn.

VICTOR NEKRASOV

Là một trong những khuôn mặt độc đáo nhất của lưu vong Nga. Ông đã trải qua thời thơ ấu ở Paris, rồi theo mẹ trở về Kiev. Ông học kiến trúc, làm diễn viên, chiến đấu tại Stalingrad và đột nhiên nổi tiếng nhờ một cuốn sách nhỏ có tựa đề "Trong những chiến hào ở Stalingrad" *(1946). Ông là nhà văn cởi mở nhất và Nga nhất trong những nhà văn Nga lưu vong.* Les Carnets d'un badaud *(Julliard, 1976) và* Un regard plus autre chose *(Gallimard, 1979) chan chứa tính hấp dẫn và tính trung thực của một con người, tuy tuổi đã bảy mươi lăm vẫn còn giữ được vẻ tươi mát một cách lạ lùng.*

Tôi nghe người ta nói rằng nhà văn khi bị bứt ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn sẽ không còn viết gì được nữa. Nói bậy! Ông ta vẫn viết hay lắm chứ. Ông ta có thể viết về tất cả, tất cả những gì chất chứa trong lòng ông. (Tôi nói về chúng tôi, những người Xô Viết, đến từ một xứ sở mà hầu hết mọi sự đều bị cấm đoán), những gì có trong đầu ông mà không cần phải canh chừng dòm ngó chung

quanh, không sợ hãi gì cả...

Tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy thiêu thiếu một điều gì đó, thiếu một cách kỳ cục kể từ ngày bỏ nước ra đi, điều mà tôi gọi là "trường leo dây". Nếu không có nó thì sẽ không có điều gì được coi là đích thực được viết ra trong nước chúng tôi. Đó là nghệ thuật làm trò xiếc bắt buộc đối với nhà văn Xô-viết. Anh ta phải biết tất cả: tung dao, nói tiếng bụng, đi trên một sợi dây, có khi còn phải đi trên lưỡi dao nữa... Không thể nào làm khác được, lúc nào cũng phải canh chừng, phải giữ miếng, phải phản ứng ngay tức khắc...

Còn ở đây, giữa khung cảnh hoàn toàn tự do? Không lo sợ gì cả, không gì nguy hiểm hết. Bỗng chốc mà những bắp thịt dãn ra và những phản ứng chậm lại. Không còn người đọc nào đến chào và khen anh "Hoan hô, anh đã dám nói!..." Mà những lời khuyến khích này thì rất cần thiết, nó thúc đẩy anh viết khỏe hơn...

Trả lời cho câu hỏi: vừa làm nhà văn vừa làm người lưu vong có khó không, tôi cho rằng điều đó dễ thôi, bởi vì cái "không tự do" tạo cho ta tính kiên trì. Và lòng kiên trì thì ta cần đến nó một cách kinh khủng.

EDWARD LIMONOV

Sinh năm 1944 tại Kharkov. Bắt đầu làm thơ khi lên Mạc Tư Khoa. Năm 1974 lưu vong sang New York. Năm 1979 ra mắt cuốn tiểu thuyết đầu tay được dịch dưới tựa đề Le poète russe préfère les grands nègres *(nhà xuất bản Ramsay). Năm 1980 bỏ New York sang sống ở Paris. Năm 1982 nhà Albin Michel in cuốn* Le Journal d'un raté *của ông.*

Không phải lưu vong mà tự nhận lưu vong là gian trá. Không ai đuổi tôi ra khỏi Liên-xô, chẳng qua những bão táp xã hội của thời đại tôi đã cuốn tôi đi cùng với hàng ngàn người Xô-viết khác đến bến bờ này thôi. Và tôi khám phá ra rằng bên bờ phía tây dân chúng cũng được tổ chức, sinh sống và tự cai trị theo những luật lệ giống bên bờ phía đông một cách lạ lùng. Phương tây cũng giả nhân giả nghĩa chẳng kém gì những xứ cộng sản vẫn tự xưng mình "tương lai rạng rỡ của nhân loại".

Liên-xô là xứ của thời thơ ấu và thời niên thiếu tôi. Đối với nó, tôi luôn có tình cảm trìu mến giống như cái cây đã lớn vẫn nhớ lại dòng nhựa nóng hổi. Hoa Kỳ phải là xứ sở của tuổi trưởng thành tôi và bản giao hưởng mạnh mẽ của New York vẫn còn vang vọng mãi trong các thớ thịt tôi, nhắc nhở tôi tới cuộc chiến cá nhân và tàn bạo mà tôi phải đương đầu trong cái thành phố hoa lệ và cuồng nhiệt này. Nước Pháp và Paris — đấy là ngày nay của tôi; tình yêu và hận thù của tôi đối với các nhà xuất bản và các nhà phê bình cũng có cùng một cường độ như những vụ tiếp xúc của tôi với

bọn công an trong thời niên thiếu êm đềm của tôi ở Kharkov.

Đi lang thang trên khắp địa cầu tôi bị buộc phải nhận ra rằng đâu đâu cũng lan tràn nền văn minh "trắng" tây phương, nẩy sinh tại Âu Châu trên cảnh đổ nát của Thiên Chúa giáo và bị đun đẩy một cách khoa học tới những cực đoan phi lý tại Liên-xô và Hoa-kỳ. Một nền văn minh mà lý tưởng là làm cho người dân no nê để trở về tình trạng của một gia súc vô hại... Những nhà lãnh đạo và các đảng phái trên toàn thế giới — từ Reagan đến Khadafi, từ Lữ-đoàn đỏ Ý đến đảng Bảo Thủ Anh quốc — đều cố gắng lấy lòng quần chúng, nịnh bợ họ, cám dỗ họ, hứa hẹn cho họ những bắp cải to hơn.

... Nhà văn cần phải lưu vong; y sẽ được cái lợi là rứt ra được căn bệnh sợ hãi và căn bệnh thành kiến. Cảnh lưu vong cho y một chân trời rộng mở và chữa cho y khỏi căn bệnh tỉnh lẻ, một căn bệnh làm hại cho nghề văn của y không kém gì bệnh nghiện rượu.

Edward Limonov.

ALEXANDRE ZINOVIEV

Sinh năm 1922 trong một gia đình nông dân Nga, đỗ tiến sĩ triết học và là giáo sư khoa luận lý học tại đại học Mạc Tư Khoa. Từ 1960 đến 1973, bốn tác phẩm trong số sách của ông viết về những vấn đề triết học của luận lý học đa hiệu đã được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Đức. Nhưng từ năm 1972 ông đã chuẩn bị cho tác phẩm trào lộng Les hauteurs béantes *phát hành ở nước ngoài, năm 1976 sách in tại Lausanne và sau đó được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau, phát hành trên toàn thế giới. Bấy giờ ông bị bãi chức giáo sư đại học, bị thu hồi bằng cấp và tước bỏ huy chương. Lưu vong năm 1978 và từ đó sống ở Munich.*

Tác phẩm ông là một pha trộn giữa xã hội học và giả tưởng trào lộng: L'Antichambre du paradis *(nhà xuất bản L'Age d'Homme, 1979),* La Maison jaune *(nhà xuất bản Julliard/ L'Age d'Homme, 1982), và* Le Heros de notre jeunesse *(nhà xuất bản Julliard/ L'Age d'Homme, 1984).*

Năm 1978 tôi bị đặt trước sự lựa chọn: hoặc ở lại Nga nhưng không được tiếp tục dạy học, theo đuổi sự nghiệp văn chương và nuôi sống gia đình — hoặc đi Tây phương. Tôi đã chọn điều thứ hai, nói rõ hơn tôi đã ưng thuận bỏ nước ra đi khi được lệnh. Tôi nghĩ rằng quyết định ấy (nói cho chính xác đó là sự thừa nhận quyết định của nhà cầm quyền) là đúng. Đối với tôi cuộc lưu vong bắt buộc (hay sự trục xuất trá hình) thực là một hình phạt và là một hình phạt nặng nề. Tôi có cho đó là công bằng không? Không có lời giải đáp một chiều cho câu hỏi đó. Là người Xô Viết tôi biết là hình phạt không thể tránh chạy được và nó hợp với bản chất xã hội Xô-viết. Tôi sẵn sàng chờ đợi điều tệ hại hơn. Nếu phải bắt đầu trở lại, mà biết rõ cái gì sẽ đến, tôi vẫn sẽ làm giống như những gì tôi đã làm...

Tại Tây phương, tôi sống với ý thức là mình đã làm tròn bổn phận đối với chính mình. Giờ đây tôi chỉ còn một mơ ước: hoàn thành càng nhiều càng hay cái chiều hướng đã vạch sẵn trong các tác phẩm tôi về xã hội Xô-viết. Phần còn lại tùy thuộc vào ý chí đó. Trở về Nga ư, tôi không hề nghĩ đến. Một là không ai để cho tôi về. Hai là chính tôi cũng không có ý trở về... còn như hòa mình vào xã hội Tây phương, tôi hoàn toàn và tuyệt đối bất lực: không ai có thể bắt đầu lại cuộc đời ở vào tuổi tôi. Tôi cư ngụ ở Tây phương, nhưng điều đó không thay đổi gì trong tình cảm tôi là luôn luôn sống ở Nga và tiếp tục theo đuổi công việc của đời tôi từ thời tuổi trẻ của mình.

Nguyễn Bá Trạc

Chị Quỳnh thân mến:Ông Võ Phiến tháng ngày ở Mỹ và tôi

San José ngày 12 tháng 6 năm 1986. Chị Quỳnh thân mến. Em họ tôi ở Hà Nội cũng tên là Quỳnh vừa viết cho tôi một cái thư. Hắn cho biết đã nhận được số tiền sách của tôi bên ấy do chị chuyển và đã chia cho những người trong gia đình. Số tiền đến vừa kịp buổi giỗ ông nội tôi tại căn nhà đường Hàng Bông thợ nhuộm.

Gia đình tôi rời Hà Nội vào Đà Nẵng năm 1954. Lúc ấy chú em họ tôi mới 9, 10 tuổi. Ba mươi hai năm qua trong bức ảnh đen trắng gửi kèm, hắn đã thành một ông quá tuổi trung niên (chững chạc ngồi với vợ), sau lưng vẫn còn cái tủ chè ông nội tôi để lại, thêm 2 đứa con trai con gái đầu đội mũ bê rê, cổ quàng khăn (chắc là khăn đỏ). Ông cụ tôi cầm cái bì thư và tấm ảnh mân mê mãi (coi bộ cảm động). Tôi cũng thấy vui sướng lắm.

Phần tôi, lại thất nghiệp gần 2 tháng rồi.

Tiền trợ cấp vừa đủ trả tiền thuê cái chỗ ở. Ăn uống, điện nước, xăng nhớt, mọi thứ khác có lẽ là... do lòng hảo tâm của các bạn hữu, tài vay mượn của tôi, sự nhẹ dạ và rộng rãi của người khác. Tuy nhiên tôi vẫn chưa tích cực trong công cuộc tìm kiếm việc làm. Ngoài ra vừa đi Texas về. Vé máy bay, các thứ cũng do lòng hảo tâm của một chú em phía bên ngoại.

Hôm ở Houston Texas, tôi có mượn xe chú em lái qua tiểu bang Louisiana thăm New Orleans, nơi xuất phát nhạc Jazz. Ở đây, thăm một xóm cũ kỹ dành cho dân du lịch: khu French Quarter, nó làm cho tôi nghĩ đến nước Pháp và Paris nơi chị ở. Tôi lang thang khu này cả đêm: tai nghe nhạc Jazz, mắt nhìn người chen chúc qua lại đường Bourbon, những quán rượu, những tiệm ăn kiểu Cajun, tiệm cởi truồng, tiệm bán đồ kỷ niệm treo đầy mặt nạ Mardi gras, con phố với nhà cửa thò ra thụt vào như Sài Gòn. Gần sáng tôi chui vào một phòng ngủ rẻ tiền nằm với dán mối bò

lổm ngổm trên giường. Thưa chị, tôi có vẻ một nghệ sĩ thứ thiệt... vào thời lãng mạn... ở bên Tây!

Louisiana là một tiểu bang đầy những đầm lầy, sông rạch chằng chịt, nơi con sông Mississippi đổ ra biển. Tôm cua cá rất nhiều. Phong cảnh làm cho tôi nghĩ đến Long Xuyên hay vùng Đồng Tháp ở Việt Nam. Tôi còn lái xe ra khỏi New Orleans chừng 30 dặm đến thăm một khu gọi là làng Versailles. Đây là nơi sinh sống của chừng 8000 người Việt Nam công giáo, phần lớn là dân Bắc Kỳ. Họ quây quần chung quanh một cái nhà thờ làm bằng tôn. Một cái nhà thờ bằng gạch, lớn hơn, đẹp hơn, đang xây. Họ sống như những người Amish ở Philadelphia: khắng khít với văn hóa cổ truyền, phớt tỉnh xã hội tối tân bay vượt chung quanh. Ở đây từ 5 giờ sáng đến 8 giờ sáng người ta họp chợ lộ thiên, trao đổi với nhau ít bầu bí rau muống trồng ngay mé sông (với đám bèo và những cái cầu ao), mua bán tôm cá tươi rói do người ta chài lưới lấy. Mọi sinh hoạt bất chấp cuộc đời siêu tốc ở Mỹ (siêu thị, siêu âm, siêu thanh, máy điện toán, nhà chọc trời bằng kính và thép). Nơi đây các bà nhai trầu bỏm bẻm, đi guốc gỗ cọc cạch. Nơi đây các cụ chít khăn mỏ quạ đứng chống nạnh chửi mát nhau, thưa chị, nghe sướng cả tai. Tôi bắt gặp hình ảnh ngộ nghĩnh: một bà sơ đội nón lá từ nhà thờ lững thững ra bờ sông, tay cầm tòn ten cái đuôi một con chuột chết. Ở Mỹ ít thấy ai có vẻ lững thững nhàn hạ như thế.

Khi tôi đến, chợ đã tan nhưng vẫn còn lác đác vài cô gái chanh chua mặc quần đen áo cánh ngồi bóc tôm. Dăm bà cụ răng đen nhánh co chân trên mấy cái sạp gỗ thu dọn những bó rau đay, rau muống. Tôi khoái quá xông vào chợ chụp hình lia lịa, suýt nữa bị đập máy ảnh vì đồng bào nghi tôi là... ký giả. Tuy nhiên nhờ... duyên dáng (cười nói nồng nhiệt) và... đáng yêu (tuột xăng đan đi đất giữa chợ), đồng bào xúm lại chuyện trò hỏi han về xứ Ca Li, cuối cùng còn đãi tôi một chầu tôm luộc. Cứ thế, ngồi xổm giữa chợ bóc tôm chấm muối tiêu trước khi lên đường về lại Texas.

Hiện giờ tôi đang ngồi viết thư cho chị trong tiệm Đắc Phúc, một quán ăn Việt Nam kiểu Bắc kỳ ở San José. Chủ tiệm, xuất thân một anh dược sĩ du học bên Tây, nhưng nghiệm ra dù cho ở Tây hay Mỹ, thuốc men chẳng quan trọng bằng cái dạ dày. Cơm nước no bụng, ấy là mạnh khoẻ. Học xong ở Paris, thay vì mở tiệm thuốc, như thế anh ta mở ngay một tiệm ăn ở khu La Tinh, không chừng trước kia chị biết. Bây giờ gia đình Việt Nam sang đoàn tụ bên Mỹ, chuyển tiệm ăn sang Mỹ tiếp tục sản xuất bánh cuốn chả quế, phở tái béo, ruốc chà bông, ô mai Quốc Hương. Ngày ngày anh dược sĩ đi ra đi vào bưng phở, tán gẫu với khách hàng về các vấn đề, trừ vấn đề y dược. Còn bà vợ loay hoay trong bếp với dao

thớt, rau mùi, rau răm, rau quế, đến Tết còn gói cả bánh chưng bánh dầy, làm mứt sen trần trong muốt.

Vào giờ trưa như thế này, quán Đắc Phúc là nơi tụ họp của các nhà văn, nhà thơ, nhà báo Việt Nam lưu vong (nhà đèn, nhà điện, nhà ga, nhà rửa chén bát, nhà thất nghiệp như tôi). Gọi tụ họp với nhau, nghĩa là cùng ngồi dưới một mái... tiệm phở. Nhưng họ vẫn chia nhiều bàn rõ rệt: ai thuộc phe nào đi thẳng đến bàn phe ấy. Không ngó ai. Cùng ngồi trong quán nhưng giả vờ không biết nhau, không hiểu nhau. Không phe nào ngoài phe ta hiện diện trên cõi đời. Đây không phải là vấn đề chia rẽ. Đây chỉ là vấn đề phong phú chính kiến, quan niệm thẩm mỹ, phong phú về giá trị văn chương nghệ thuật.

Thưa chị, San José quả là một tỉnh lẻ so với vùng Los Angeles hay vùng Orange county, nhưng tại đây với số dân tròm trèm từ 30 đến 50 ngàn người Việt biết chữ và không biết chữ (biết nhiều hay biết ít), chúng tôi cũng có trên 20 tờ báo thuộc đủ các khuynh hướng: tranh đấu hay mơ mộng. Tranh đấu thế nào? Mơ mộng ra sao? Hội nhập hay không hội nhập? Sự phong phú chính kiến, nghệ thuật tất nhiên cũng phát sinh ra cãi vã trên mặt báo một cách tục tĩu hay không tục tĩu, đôi khi xỏ xiên bóng gió như chị vợ ghen, đôi khi đánh bốc bằng tay thay vì bằng bút, nhưng rút cục tỉnh nhỏ, đi đâu chẳng gặp lại? Vả chăng lập trường chống cộng và lập trường dân tộc của phe nào chẳng vững chắc? Người ta khôn khéo đi đến giải pháp: cùng đến ăn phở tiệm Đắc Phúc, nhưng cứ như thế... như thế... cứ xem nhau như không có mặt trên cõi đời. Và như thế... như thế... nơi đây các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà đèn, nhà ga, các nhà cách mạng cùng ăn phở tái béo (như nhau), cùng uống cà phê phin sữa đá (như nhau), anh nào có việc làm, có tiền mặt thì hùng dũng rút ví trả tiền mặt. Anh nào thất nghiệp, gãi đầu gãi tai hoặc nhấm nhẳng yêu cầu ghi sổ trả sau.

Để hưởng cái thú an nhàn của một người Đông phương thất nghiệp, tôi đang nghiên cứu kỹ thuật trồng cây Bonsai Nhật Bổn. Tôi có làm một số hòn non bộ với các hang hốc nho nhỏ, gắn những ông câu cá, ông tiều phu đốn củi ngồi nghỉ mệt dưới gốc cây thông. Thực tế, tháo vát và có óc thương mại, sáng nay tôi đã mang ra tiệm này 2 chậu non bộ nhờ ông chủ chưng trên quày hàng: đề giá chậu nhỏ sáu chục, chậu lớn tám chục. Giá vốn mỗi chậu chừng ba chục đô la. Nếu có vị thực khách nào sau khi no nê và vui tính bỏ tiền ra để làm chủ các sông núi cây cỏ Đông phương, tôi sẽ có tiền đi chợ, đổ xăng, ăn phở tái béo Đắc Phúc... Còn nếu công việc kinh doanh đều đặn tiến triển hơn, tôi sẽ sản xuất thêm. Không phải vất vả rửa chén, bán nhà, bán bảo hiểm, dắt mối đưa người đi đánh bạc ở Réno. Tôi sẽ đi giầy vải hoặc dép nhẹ lững thững dạo chơi

các vùng đồi núi kiếm đá, kiếm hoa, kiếm cây cỏ (Tai nghe chim hót trên cành cây, mắt nhìn bướm bay ngoài đồng nội). Đêm về, khoan thai ngồi xuống pha một bình trà Vũ Di, châm một điếu thuốc ba số năm. Dùng cái óc thẩm mỹ Đông phương đầy dĩ vãng ,tôi chế ra những sông núi cây cảnh của một quê hương xa lắc xa lơ thu hẹp lại trong cái chậu nhỏ bán giá rẻ cho người yêu nước nhớ nhà (cây đa đầu làng, mái tranh ngoài ruộng).

Những cái chậu ấy lặng lẽ bình thản.

Nó sẽ làm cho thần kinh của các anh Việt Nam rối đầu được dịu lại. Nó có tác dụng tốt gấp mấy các viên thuốc an thần của những Bác sĩ tâm lý Hoa Kỳ. Nó sẽ làm người ta quên bớt lo âu tiền nong, thất nghiệp, kỳ thị, áp lực và tốc độ. Người ta chỉ cần ra tiệm Đắc Phúc (góc đường Almaden và đường Santa Clara) bê về một hòn non bộ của tôi (nhà thất nghiệp đầy sáng tạo) để ở một chỗ mát mẻ im lặng, ngồi xuống chống tay lên cằm ngắm nghía: kìa là núi, cũng núi. Kìa là sông, cũng sông. Những người hay suy nghĩ, thích luận lý, còn có thể ngắm hòn non bộ của tôi mà hỏi: tại sao trên lưng chừng núi kia lại có một cụ già chịu khó leo cao đến như thế? Tại sao ông cụ ngồi lắc lẻo ở một chỗ cô quạnh trên cái mỏm vời vợi kia lặng lẽ đọc sách? Đọc cái gì trong cơn biển động này hở trời? Sách ấy là sách gì. Nó là một quyển kinh chăng. Nó là một quyển thơ chăng? Nó là sấm Trạng Trình. Nó là một cuốn tùy bút? *Tùy tiện mà phóng bút*? Nó có làm cho tâm hồn người ta êm ả một chút chăng?

Cách đây chừng một tuần, trong lúc tôi vừa lái cái xe thùng Volkswagen khặc khừ của tôi lui ra khỏi bãi đậu , chợt có hai thằng Mỹ phóng xe vọt qua. Chúng la vào mặt tôi: *"Ass hole"*; Thưa chị, dịch ra tiếng Việt, có nghĩa là *cái lỗ đít*. Không biết bên Tây chị có gặp cái cảnh ấy không? Bên này khá nhiều. Một lần đứng ở góc đường dưới Orange county (chẳng trêu chọc ai. Chỉ đứng bên lề ngẩn ngơ nhìn xe chạy, mây bay), một thằng Mỹ bỗng chạy ngang nhổ bãi nước bọt đánh phẹt một cái. Không phải một mình tôi gặp cái chuyện ấy! Còn khi lái xe lỡ có chậm chạp lừ đừ hoặc lớ ngớ nhìn địa chỉ tìm ai, cái chuyện chửi tục, chửi thề xảy ra không có gì đáng lạ. Thường tôi bỏ qua (tức là mũ ni che tai: lờ đi). Có khi như Ả Q, tôi bảo: Mày chửi bố mày. Nhưng hôm ấy, trời nóng trên 100 độ, túng tiền, đang bị sở thất nghiệp gọi đi khai hàng trăm thứ giấy, tôi nổi cơn giận ngùn ngụt lên đỉnh đầu. Cơn giận phừng như thùng xăng bắt lửa. Cơn giận bốc lên vào mùa hè có thể đốt cháy hàng dãy nhà, có thể thiêu sạch cả một cái thành La Mã như chơi.

Chị Quỳnh. Chị cũng rõ khi hai thằng Tây hay hai thằng Mỹ chửi nhau, đó là việc hai thằng Tây hay hai thằng Mỹ chửi nhau. Nhưng khi một thằng Tây hay một thằng Mỹ chửi một ông Việt

Nam, hay một ông Đông phương, có lẽ... nó chửi... cả nước Việt Nam, cả giống da vàng mắt xếch mũi tẹt, (dẫu cho ông Việt Nam hay ông Đông phương đó hơi lóng ngóng trong lúc lái xe, có làm cản trở lưu thông, và không quen dừng lại ở những bảng stop). Vậy còn gì? Chính nó là một thằng Mỹ kỳ thị chủng tộc. Như thế, xin lỗi chị, tôi phải tát vào mồm cho nó rụng bớt cả răng cửa lẫn răng hàm. Tôi phải bóp cổ cho nó lè lưỡi trợn mắt. Tôi phải đạp xuống đất lấy gót giày dí bẹt cái đầu nó như một cái bánh tráng.

Cái thời các vị bảo trợ và các công dân Mỹ (cũ) nồng nàn tiếp đón người tỵ nạn Đông Dương đã qua rồi. Cái thời đó xảy ra cách đây từ hơn một thập niên: bấy giờ các nhà thờ mở rộng cánh cửa, các ông Mục sư nói giọng mũi hân hoan giới thiệu người ta trước bàn thờ Đức Chúa giời, diễn giảng dài giòng về tình huynh đệ, cái thời các tín hữu nhà thờ đua nhau mang đến cho người tỵ nạn ti vi, tủ lạnh, dao nĩa, đĩa chén, quần áo cũ... Cái thời đó, người ta cao cả, bác ái như chúa Giê Su đứng trên đỉnh đồi dang rộng cánh tay tiếp đón bọn tỵ nạn nhỏ bé, nhơm nhếch, tội nghiệp vì nạn Cộng sản vô thần, duy vật, bọn độc tài tàn bạo, bỏ tù hàng trăm ngàn người mà cứ nói phét là cho người ra *đi học tập*. Đám người tỵ nạn ấy rón rén bước đến đất mới, rụt rè nối đuôi nhau bước vào căn nhà lạ, nhũn nhặn như những củ khoai lang luộc hơi già lửa. Họ chào hỏi khúm núm từ ông chủ nhà cho đến bác làm vườn, cái gì cũng cười. *Cái thời ấy đã qua.* Nó xảy ra từ hơn một thập niên trước.

Bây giờ là lúc nào? Là lúc chị thư ký Mỹ trắng bắt đầu thấy mình thua thiệt. Chị liếc xéo anh cán sự điện tử Việt Nam: lương mày to hơn, nhà mày lớn hơn, xe mày tốt hơn. Thế mà mày lại *vàng*. Bây giờ là lúc nào? Là lúc các *lãnh tụ* cộng đồng Mỹ đen, Mỹ trắng ngà ngà, Mễ Tây Cơ tức là Xích Cà Nồ bực mình vì chuyện giành giật ngân khoản của các *lãnh tụ* cộng đồng Việt Nam. Ơ kìa, chúng mày giả vờ biểu dương lực lượng! Đến đây chưa nóng đít mà sao cứ đòi chia tiền cho rõ nhiều? Nay biểu tình la lối, mai lại mặc quân phục đi ắc ê. Rối cả mắt. Chưa kể những việc mua súng bắn nhau ỏm tỏi, e có ngày lạc cả sang mình hay mấy đứa con nhà mình !!

Thưa chị, phần những ông bà tỵ nạn còm cõi, sau 11 năm, khám phá ra: rút cuộc cõi đời ở đây chẳng phải cõi thiên đàng. Chả có cái ý nghĩa gì sất, ngoài việc toát mồ hôi làm bồi bếp, nô lệ cho các ông chủ lớn, chủ nhỏ, bảo hiểm và nhà băng. Mua được cái xe, cái nhà trả góp 30 năm thì lúc nào cũng tối tăm mày mặt vì lo mất việc, đuổi sở?

Đôi khi người ta cũng mát mặt chớ? Phải!

Thứ sáu công việc đã xong. Thứ bảy chủ nhật tà tà dăm ba ông

bà bạn ngồi xuống với nhau, người ta khề khà vài chai bia, dăm đĩa thịt nướng. Hay là bánh tôm? Hay là chả giò? hay bò nhúng dấm? Hay chả cá? Thực đơn có thể thay đổi nhưng đề tài luẩn quẩn loanh quanh. Những đề tài cổ truyền từ hơn mười năm nay. Trước hết, nó bắt đầu bằng *hiện tại* (lương bổng, kiếm việc, mất việc, mua bán bảo hiểm... vấn đề chửi nhau giữa báo X và báo Y, ký giả A tố ký giả B là Cộng sản, thực ra ký giả B là người quốc gia đang móc nối với Trung cộng, hỡi ơi, bọn Trung cộng cũng là Cộng sản). Sau đó đề tài chuyển sang một hợp âm êm dịu. Nó thuộc về quê hương, dĩ vãng. Các đề tài này xoay quanh một số tiết mục tùy theo trình độ thẩm mỹ, khuynh hướng thú vui, nguồn gốc địa lý của những người tham dự. Họ xuất xứ ở miền nào? Ví dụ như ông Võ Phiến thì hay nói chuyện về xứ Bình Định. Như những đề tài trong cuốn *Tùy Bút* của ông vừa xuất bản ở Mỹ, nó xoay quanh những sự nhớ nhung lẩm cẩm. Cái áo dài. Cái ăn cái uống. Chuyện mắm muối. Chuyện mấy anh Huế chị Huế. Mỗi người một câu, mỗi người thêm thắt một tí tùy theo kiến thức và khả năng ký ức. Tất cả những cái nhỏ bé. Nó không có gì to lớn như : Vai trò của người cầm bút hải ngoại, Đường lối cứu quốc kiến quốc phải như thế nào? Đặt một giải pháp tương lai cho Việt Nam. Hay cho thế giới. Tương lai thế giới, Cộng sản hay Tư bản. Thử nhận định một biện pháp hòa hợp dân tộc. Thử khai phá một lý luận và chiến lược chống Cộng hữu hiệu. Vân vân.

Những hợp âm êm dịu sau một chặp thường làm cho lòng con người ta chùng xuống. Người ta ngửi thấy cái mùi ngậm ngùi trong ly bia, trên những đĩa chả giò, thịt nướng và nước mắm. Người ta nhớ đến mùa hè ở Huế với hoa sen nở đầy hồ Tịnh Tâm, con đường Âm Hồn rợp bóng cau bóng nhãn. Người ta lờ mờ như một người loạn sắc nhìn ở vạn dặm xa xôi những cánh buồm Phan Thiết mỗi buổi chiều từ biển khơi nồng ấm trở về với những khoang cá lóng lánh như thỏi bạc. Lúc bấy giờ trong tiếng xe rì rào trên xa lộ, người ta tưởng như tiếng con tắc rán chạy mơ hồ trên sông rạch, hai bên là những cây mắm, cây bần, cây đước.

Người ta khựng lại khi nhớ đến bà mẹ già và cô em gái gầy yếu còn ở lại Việt Nam mà chương trình đoàn tụ gia đình cũng đã khựng lại. Người ta đổi đề tài. Đề tài cuối cùng trước khi chấm dứt, ai ra xe ô tô trở về nhà người nấy. *Đề tài cải tạo.* Cải tạo ở đâu? Bao lâu? đôi khi những kỷ niệm đớn đau lại trở thành những nhớ nhung vui sướng. *Đề tài vượt biên.* Đi thế nào? Đi ra sao? *Mất mấy cây?* Thường thua chị, các buổi nói chuyện đến đây bế tắc vì từ đó nó sẽ quay lộn ngược về hiện tại. Lại đến đảo. Đến Mỹ. Học nghề. Kiếm việc. Mất việc. Bảo hiểm. Nhà băng. Lại những thằng Mỹ chạy xe qua nhổ nước bọt đánh phẹt một cái, giơ ngón tay lên

làm một cử chỉ tục tĩu hoặc la lên *"cái lỗ đít"*. Hàng chục thứ rối đầu: kháng chiến hay không kháng chiến? Kháng chiến thật? Kháng chiến giả? Tương lai về đâu? Có ngày về hay không có ngày về? Về hay không về?

Tại sao rối loạn? Vì những câu hỏi ấy đặt ra nghe chừng đơn giản mà câu trả lời thì vẫn *phong phú*. Người nào cũng nhao nhao lên về *những ánh sáng cuối đường hầm*. Lúc đầu người ta bảo cái hầm nó *thẳng*, nhưng ánh sáng thì anh không thấy, tôi không thấy, *ông ấy thấy* vì ông ấy có điều kiện, ông ấy có dịp đứng ở giữa miệng hầm. Bây giờ cái hầm nó *khúc khuỷu*. Đúng vậy. Đứng ở đầu này không thể thấy ánh sáng ở đầu kia. Nhưng hãy theo tôi, đến đoạn cuối là đường thẳng, anh sẽ thấy cả một bầu trời quê hương xanh mát, ánh nắng chan chứa trên khắp ruộng lúa bờ đê. Chỉ tiếc rằng *quá nhiều* những cái hầm khúc khuỷu như vậy.

Thưa chị. Khi người ta phong phú ý kiến, người ta có thể khẩu chiến (anh nào to mồm anh ấy ăn), bút chiến (anh nào có báo ra đều, viết nhiều, anh ấy thắng), đánh bốc (anh nào bắp thịt to, anh ấy *có vẻ có lý*), đấu súng (anh nào bắn trước anh ấy sống). Phải chăng đó cũng là quy luật của cả Cộng sản lẫn Tư Bản?

Chừng ấy thứ nó trộn lộn thành một thứ bột nhão. Nó làm cho những cặp vợ chồng gương mẫu trước cãi cọ, sau thụi thẳng cánh vào quai hàm nhau. Làm cho những bạn bè trên dưới ba chục năm hầm hè nghi nhau là... Cộng sản. Làm cho những anh chị làm báo gọi nhau là ma cô và nhà thổ. Làm cho những đầu óc sáng suốt trở thành nhà thơ lẩn thẩn, bay bổng và dở hơi. Cũng như thế, những hôm mùa thu mùa đông đã qua, mùa hè nóng trên 100 độ fahrenheit, đỉnh đầu người ta bốc khói, người ta có thể nhảy dựng ra khỏi xe móc súng bắn thẳng vào giữa họng những thằng Mỹ dám gọi người ta là... *cái lỗ đít*. Vâng, có thể lắm. Nếu người ta có súng. Và bất cứ một tòa án nào biết tôn trọng công lý cũng phải tha bổng hay tối thiểu , cho giảm khinh những trường hợp như thế, khi mà người ta có nhà mà phải đi ở thuê, có đất mà đi ở đợ, và cái lão chủ nhà đất mới này té ra cũng là... quân cướp. Khi vợ con người ta chết hết trên biển cả bão bùng. Khi bạn bè thân thích vẫn bị Cộng sản cưỡng bách giáo dục, đã trên 10 năm học hoài học mãi tại những vùng sơn lam chướng khí, ma thiêng nước độc, khỉ ho cò gáy, cơm nước không có ăn, thuốc thang không có uống. Khi vợ và con gái người ta bị bọn cướp thay phiên hãm hiếp. Khi anh em người ta cứ nằm hoài trong các đảo tỵ nạn từ mấy năm vẫn chẳng được đưa đi định cư. Khi người ta kiếm không ra việc làm ở cái thiên đàng chủ nghĩa tự do mà tiền thất nghiệp lại sắp chấm dứt. Những khi như thế, thằng nào gọi ông là *cái lỗ đít*, ông bắn.

Thưa chị. Buổi trưa hôm ấy trời nóng trên 100 độ, tôi lồng lộn

như một con thú Phi châu. Tôi rú ga vọt lên, chạy theo hai thằng Mỹ. Tôi ngoắc tay kêu chúng nó ngừng lại.

Tôi bật tung cánh cửa nhào ra khỏi xe. Tôi khuỳnh tay vụt tiến lên như cái thiết vận xa. *Nhưng hỡi ơi, tôi không có súng.*

Còn hai thằng Mỹ, chúng nó cũng mở cửa bước ra xe. Cả hai đứa: bề cao hơn tôi gấp rưỡi. Bề ngang hơn tôi gấp đôi. Hỡi ơi, mặt mũi chúng nó lại non choẹt, chỉ đáng tuổi thằng con trai thứ ba của tôi.

Còn chửi mẳng? Cái khả năng chửi bằng tiếng Anh của tôi làm cho tôi ứ máu lên cổ. Vâng, tôi có thể đi xin việc bằng tiếng Anh. Vâng, tôi có thể thuyết trình đôi chút về Văn hóa Việt Nam một cách duyên dáng cho những người Mỹ đồng nghiệp trong sở. Tôi còn có thể tán tỉnh đôi chút với quý cô quý bà. Nhưng chửi nhau bằng tiếng Anh? Quả thật, cái khả năng ấy của tôi chỉ bé bằng *cái lỗ đít.*

*
* *

Ông Võ Phiến là một người Bình Định.

Người Bình Định có cái gì hay cái gì đẹp? Tôi sẽ gửi cho chị cuốn *Tùy Bút*, chị sẽ thấy ông Võ Phiến khéo léo kể ra trong hai bài *Anh Bình Định* và *Người Bình Định.*

Anh Bình Định được những chị Phú Yên mê vô tả, ông Võ Phiến chứng minh như thế. *Anh về Bình Định chi lâu? Chiều chiều em đứng hàng dâu ngó chừng.* Tuy nhiên những chị xứ khác có mê mẩn như thế hay không? Hay chỉ có những chị Phú Yên mới dại dột mà thôi? Ông Võ không nói tới.

Thế còn người Bình Định? Toàn những người giỏi.

Người hùng Bình Định: Nguyễn Huệ, Bùi thị Xuân, Võ văn Dũng... *ngang tàng lẫm liệt.* Xóm thơ Bình Định, được kể ra: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên với những cái làm *kinh động sững sờ,* những Quách Tấn, Yến Lan *mờ mờ những con đường chảy, êm như những giòng sông.* Ngó trước rồi lại ngó sau, ông không quên thế hệ trẻ hơn ông. Ông kể tên một người bạn trẻ xứ ông, Nguyễn Mộng Giác, *chín chắn, kín đáo, âm thầm, lim lim vào những suy nghĩ lo lắng.*

Những cái ông Võ kể ra về xứ Bình Định và người Bình Định làm cho tôi buồn lắm. Tôi, gốc gác lộn xộn: chánh quán làng Mọc Hà Đông, sinh ở Huế, lớn ở Hà Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn. Không chừng chết luôn ở Mỹ. Thế tôi biết khoe xứ nào ?

Tôi nói tiếng Bắc chị Quỳnh ạ. Chị cũng là người Bắc phải không? Tiếng Bắc, chị biết đấy. Nó không nặng như Quảng Nam, ngang như Bình Định. *Đi vào* thì mình nói là đi vào chứ mình

không nói là *đi dzô*. Vả chăng các ca sĩ người Trung người Nam... họ cứ uốn éo đổi sang giọng Bắc cả. Ờ, lạ lắm cơ?

Ở Việt Nam, tôi được đọc nhiều bài của ông Võ Phiến nhưng không có dịp gặp. Sang Mỹ, năm 1977 thì phải, Lâm Triết có mời ông Võ ghé ngủ lại phòng tôi nhân dịp từ Los Angeles lên thăm viếng xứ San José. Nhưng thật quả không biết nhiều về ông Võ.

Có thể, ông cũng *chín chắn, kín đáo, âm thầm, lim lì* như ông bạn trẻ đồng hương Nguyễn Mộng Giác. Người Bình Định, họ như thế. Đọc *Thác đổ sau nhà*, tôi khoái cái quan điểm, nhưng chưa dám nói thực hiểu ông Võ nhiều. Gặp lại tại nhà in N.V. của ông Trần đình Long, cũng chưa rõ lúc nào ông ấy đùa, lúc nào ông ấy thực. Mà lúc nào trông ông ấy cũng thành thật. Hoặc giả ông ấy có một ngụ ý một điều gì tinh quái sắc bén. Ngày giỗ Nguyễn Hiến Lê ở tòa báo Người Việt dưới Orange county cách đây vài tháng, lại thấy chẳng phải ông ấy lim lì. Ông ấy nghiêm trang một cách bỡn cợt. Ông ấy liên tục nói năng trôi chảy, hấp dẫn, cái giọng Bình Định cũng không thực là ngang ngang khó nghe. E chừng ngược lại. Tôi có nhận một cái thư của ông Võ thăm hỏi, cho biết trước cũng ở ngõ Tân Hưng, Hà Nội. Nhà tôi ở đấy, lúc ấy tôi hãy còn bé. Đến nay, đọc *Tùy Bút* gồm những bài xuất bản, đăng tải từ trước 1975, nhiều bài tôi chưa có dịp đọc, cùng với 5 bài mới viết ở Mỹ như một bộ tứ bình: Xuân, Hạ, Thu, Đông của cuộc đời lưu vong... phải nói *cụ Võ Phiến*, 63 tuổi, cụ hơn tôi đến 20 tuổi, và tôi thở phào ra. *Chị Quỳnh ạ, cụ ấy cũng chửi tục*. Cụ ấy viết đến những hai bài về sự *chửi và chửi tục* bên cạnh những bài trang trọng như *đạo và đời, nhàn và nhã, ông và cháu, mưa và thơ*...

Cái sự chửi tục gồm những câu rất tục mà ông Võ Phiến sưu tầm, bàn bạc, nại ra, bình luận, kể lể, dẫu có vì văn chương hay văn hóa, có câu để cả chữ, có câu chỉ viết tắt, thưa chị, tại đây tôi vẫn không dám đề ra cho chị xem mặc dầu chính tôi không phải là người nhã nhặn.

Khi mới gặp nhau, người ta thường thủ lễ, vâng dạ, thăm dò. Người ta chưa tin nhau. Khi đôi bên đã say sưa nồng nàn, co cẳng ngồi trên ghế vừa gãi nách vừa nói chuyện về các đề tài (kể cả văn hóa và chính trị) mà bọt mép sùi ra, tay chân vung lên, lâu lâu ngôn ngữ được đệm một vài tiếng chửi, người ta dễ chịu lắm. Người ta bắt đầu rút đi những hàng rào phòng thủ, những mũ sắt áo giáp bao bọc chung quanh, người ta tin nhau được.

Tôi cảm thấy gần gũi với *cụ Võ Phiến* từ sau những bài bàn về chửi và chửi tục chăng? Hai bài ấy viết ra năm 1959 và 1968, đổ đồng vào lúc *cụ* bằng tuổi tôi bây giờ: ngoại tứ tuần. Hay chỉ vì những sự ấm ức khi nghe người ta chửi nhau bằng tiếng Anh? Hay chỉ vì nó làm cho tôi thấy thấm thía cái cuộc đời? Hay nó làm cho

tôi nhớ lại đôi ba vấn đề của ngôn ngữ học và riêng về cái mục chửi của chúng ta đây nó dồi dào, phong phú, lảnh lót hơn quá nhiều so với "cái lỗ đít" của mấy thằng Mỹ hỉ mũi chưa sạch?

Hay nó làm cho tôi nhớ lại một ông bạn cũ từ thời niên thiếu lúc học chung với nhau ở Văn Khoa đường Nguyễn Trung Trực Sài Gòn? Cái *cậu* lúc ấy khoái chửi câu *"Tiên sư bố nhà mày. Tao căng mồm mày ra làm cái nhà chồ, tao ị vào ngay giữa cái mồm mày."* Dĩ nhiên, câu này cũng không lọt khỏi sách của ông Võ Phiến. Đó là một sáng tác của nhân vật xứ Bắc, chắc chắn không phải của người Bình Định, mà cũng không phải của người Mỹ có thể giỏi về khoa học, kỹ thuật nhưng nghèo nàn về văn hóa, triết lý và... đạo đức.

Đêm qua, tại nhà anh H. hàng xóm tôi, lại nhậu.

Có hai anh H., cả hai cùng có mặt. Anh H. hàng xóm tôi: cựu chiến sĩ sư đoàn 18 Bộ binh, đã rã ngũ nhưng trong nhà không bao giờ có dưới 7 khẩu súng cả ngắn lẫn dài. Anh H. *họa sĩ kỹ nghệ* tức Cựu Đại Úy Dược sĩ H., đai đen Aikido, dịch ra là Hiệp Khí Đạo, người đã nhờ Hiệp Khí Đạo và các phép đề khí mà trải qua 6 năm cải tạo một cách êm ả, dẻo dai và *tương đối* mạnh khỏe. Anh Nha sĩ T. tức Cựu Thiếu tá Nha sĩ T. với Anh dũng bội tinh, tức Cựu thi sĩ Bàng Hoạch (Báo Gió Mới, Việt Nam 1957, 1958). Tất nhiên, có mặt bia Coors và thịt nướng. Tất nhiên, vẫn các thủ tục và đề mục thường lệ: bắt đầu bằng hiện tại (lương bổng, thất nghiệp, kiếm việc, *Job shop,* mua bán bảo hiểm, đá banh bầu dục, báo X chửi báo Y) chuyển dần sang hợp âm êm dịu (bàn về con cua gạch ở Cát Lở, con tôm hùm ở Cà Ná, thịt con cheo ở Long Thành, con đuông tẩm bột chiên bơ ở Chợ Cũ). Lần này trước khi trầm ngâm đổi qua đề tài dĩ vãng cải tạo vượt biên chấm dứt ra về, chúng tôi thêm vào đề tài văn học: Ông Võ Phiến, cuốn Tùy Bút và nhà xuất bản Văn nghệ. Cuốn Tùy Bút thế nào: *Nó dày ba trăm mấy chục trang, phong phú ghê. Đủ các đề tài từ văn minh, văn hóa, thơ phú, đạo đời sang đến mắm muối. Đọc một lúc thì mệt nhưng lâu lâu nhàn nhã, thú nhá. Này là chuyện mấy chú én ríu rít bay lượn ở Hà Tiên. Này là chuyện Năm Non Bảy Núi. Này là chuyện Hội An có phải là Phải Phố hay không?*

Đường trong làng hoa dại với mùi rơm
Người cùng ta đi dạo giữa đường thơm
Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng
Đất thêu nắng, bóng tre rồi bóng phượng.

"Đoạn đường Đà Nẵng về Hội an... chỉ gợi nhớ đến cu gáy với bướm vàng trong ca dao... đến con đường thơm... Bóng phượng, phải, còn có bóng phượng nữa. Đà Nẵng có rất nhiều cây

phượng..."

Những cây phượng mùa hè trổ hoa đỏ ngợp con đường Hoàng Diệu Đà Nẵng. Nó làm cho tôi và anh T. cựu học sinh Phan Chu Trinh Đà Nẵng, những cựu thi sĩ văn sĩ báo Gió Mới, Việt Nam 1957-1958, những Tuấn, Hải, Chiêu, Nam, Khiết, Dũng, Tình, Ý, Sung, Ui, những kịch sĩ, ca sĩ, thể thao gia ở một ngôi trường đầy hoa phượng... và lớn lên tiếp tục những cuộc chơi lớn... kẻ chết Đồng Xoài, kẻ đi Biệt Kích và biệt tích, kẻ chết trên máy bay, kẻ theo Cộng sản, kẻ bị Cộng sản nhốt tù. Tôi và anh T. chắc lại cũng ngửi thấy cái mùi ngậm ngùi bay trong lon bia, trên những gắp thịt và trong chén nước mắm. Vậy chúng tôi đi vào đề tài khác. Chuyện chửi. Chửi tục. Cũng những chuyện trong *Tùy Bút* của ông Võ Phiến.

Tất nhiên trước khi đi vào phần ấy, tôi đã kể lại chuyện hai thằng Mỹ ranh con và *cái lỗ đít.*

Anh T. Nha sĩ lắng nghe.

Trước hết, Nha sĩ, họ là ai? Họ là những người vốn ít nói theo thói quen đeo mặt nạ bịt mồm trong lúc cà răng. Thực vậy, người ta không thể bịt mồm mà nói chuyện. Vả chăng bệnh nhân nhổ răng, chữa răng mồm miệng đầy bông băng kìm búa cũng không thể hàn huyên với Nha sĩ như lúc người ta ngồi thảnh thơi cắt tóc. Tiếp đến, Nha sĩ, họ là những người cẩn thận. Họ không thể nhổ lầm một cái răng sâu răng sứt với cái răng tốt răng lành. Họ phải chụp hình quang tuyến. Họ phải đeo kính ngắm nghía, nghiên cứu kỹ trước khi quyết định cà, hay đục, nhổ, hay rút gân máu, bịt răng vàng hay răng bạc. Vả chăng, bạn tôi, một trong những Nha sĩ lành nghề và có lương tâm chức nghiệp hơn hết thảy tại San José. Anh ta luôn luôn trầm ngâm, xem xét, lắng nghe và phán đoán kỹ lưỡng trước khi phát biểu.

— Ông ạ. *Anh T. từ tốn nói.* Lần sau, gặp những thằng Mỹ chửi tục, đừng có đánh nhau mà thua hoặc là bị ra tòa. Đừng chửi tiếng Mỹ mà thiếu chữ. *Ông cứ chửi bằng tiếng Việt,* y như những câu của ông Võ Phiến viết *Tùy Bút.* Ông sẽ hả hê sau khi chửi, cơn giận nó tiêu tan. Còn thằng Mỹ, nó chẳng hiểu gì nhưng nó vẫn biết là ông chửi. Như thế nó càng điên lên. Cái ấy kêu là nội thương."

Chị Quỳnh thân mến. Nha sĩ là những người ít nói và cẩn thận. Bao giờ họ cũng biết săn sóc hàm răng và nụ cười của người ta một cách chu đáo. *Cái răng cái tóc là góc con người.* Một anh bạn Nha sĩ thân ái luôn luôn có thể cho người ta một lời khuyên sáng suốt, lóng lánh và quý báu còn hơn cả răng vàng răng bạc.

Và, chị Quỳnh thân mến. Ông Võ Phiến là một nhà văn đàn anh *đàn chú* so với lứa tuổi tôi. Ông là nhịp cầu thời gian với những câu chửi lạ lùng như *đồ chết tiệt, con khỉ trù, chó nó ăn mất*

cu. Những câu ấy trang bị cho tôi một thứ võ khí tựa như gậy tầm vông để chống lại với... *cái lỗ đít.*

Còn cuốn *Tùy Bút* mới xuất bản của ông, trong cái giai đoạn hoang mang lưu lạc ở Mỹ này, nó có một giá trị đặc biệt, không phải chỉ vì giá trị văn học.

Nó là cái nhịp cầu tiếp nối miền đất xa xôi ở quê nhà mà không gian thơm mùi hò mái đẩy, mùi hương hoa tưởng tượng, mùi măng cụt sầu riêng, *mùi bánh tráng Bình Định chấm nước cá,* mùi mì Quảng và cao lầu Hội An tiếp sang miền rối rắm này với mùi *khù* (Chữ của một cô bạn tôi dịch chữ *smog,* một hỗn hợp giữa *khói* và *mù),* mùi hóa chất lau chùi trong xưởng điện, mùi nhạc Rock, và may thay vẫn còn mùi bánh cuốn, phở tái béo Bắc Kỳ tôi đang ngồi ăn đây trong tiệm Đắc Phúc ở góc đường Santa Clara và đường Almaden, San José.

Ông Võ Phiến là một nhà văn tỉ mỉ, rất tỉ mỉ. Con kiến bò qua cũng không thoát cặp mắt quan sát của ông. Ở một miền đất dẫu chiến tranh tàn phá trên mấy chục năm, một miền đất dẫu sao người ta *chửi dẹ dàng còn như ca hát,* nơi người ta dẫu sao vẫn còn có thể bình thản đứng trên cánh đồng, vào buổi xế trưa đầu mùa xuân nhìn đồng không mông quạnh. *Ở chân trời, vài đám khói ùn lên chậm chạp tỏa cao và rộng... Chao ơi những đám khói đốt cỏ ở chân trời trong nắng trưa, sao mà xúc động, cảm hoài. Những đám khói kể lể nỗi niềm bao la cuối một chân trời mênh mông. Đứng hìm mắt mà trông: khói lặng lờ, không vội vã, khói bát ngát, nhẫn nại, xa vời, hàng giờ, hàng giờ, khói tỏa, vừa hiền từ vừa mơ mộng...*

Những đám khói êm ả... *Chao ơi* trong địa hạt suy tưởng của nước Mỹ ào ạt vội vàng, vài ngàn cuốn sách đủ loại xuất bản từng triệu cuốn mỗi tháng dưới đủ các bộ dạng kiểu cọ khác nhau, với những nhà văn *sản xuất* bằng máy điện toán, điện thoại, điện tín... thì *chao ơi...* cái tôi yêu mến ở ông Võ Phiến cũng như cái tôi yêu mến những cụ già lững thững ở làng Versailles, nơi đây người ta ngảnh mặt khỏi siêu thị, nơi đây người ta họp với nhau một cái chợ lộ thiên sát mé sông với cầu ao và những đóa hoa bèo màu tím. Ở miền đất này còn tìm đâu những tâm hồn êm ả, những giây phút không vội vã đứng nhìn khói bay lên *hàng giờ hàng giờ?* Khói lặng lẽ, nhẫn nại, xa vời, vừa mơ mộng vừa hiền từ?

Thế nhưng chị Quỳnh thân mến, rút cục như lời khuyên của anh bạn Nha sĩ T. một người ít nói và cẩn thận: *ta cứ phải chửi bằng tiếng Việt...* và khi tôi thán phục cái cao kiến như thế, té ra tôi cũng đang bước chân trở về trên nhịp cầu của ông Võ Phiến và những bà cụ chít khăn mỏ quạ Bắc Kỳ nơi tôi lớn lên ở ngõ Tân Hưng, đường Ga Hàng Cỏ, đường Hàng Bông thợ nhuộm trước

Vườn hoa cửa Nam. Tôi có về lại được cái thời gian đã mất hay không? Thời gian sẽ đi, đi mãi hay sẽ quay trở về trong cái vòng vô tận? Tôi có về lại được miền đất bên kia không? Tôi chưa rõ. Có lẽ, chị Quỳnh, giờ đây tôi đang lóng ngóng trên đất Mỹ giữa Huế, Hà Nội, Sài Gòn, giữa hiện tại, dĩ vãng, tương lai, tôi ngồi bệt xuống giữa nhịp cầu của ông Võ Phiến và các bà cụ lững thững khoan thai. Tôi nhìn bên này, bên kia, vừa chửi thề bằng tiếng Anh nhưng biết phải chửi thề bằng tiếng Việt, tôi ăn phở tái béo và tôi thu hết núi sông lại mà bỏ vào trong những hòn non bộ: Này là núi, cũng núi. Này là sông, cũng sông....

Nguyễn Bá Trạc

Đặng Phùng Quân

Đưa người đi

Gió hãy đuổi những vầng hồng quanh mắt
Sóng hãy về vây phủ bóng tinh ma
Em hãy lớn, cao ngang tầm sông núi
Hỡi nguyệt cầm, dâng khúc Hậu đình hoa
Ngày đã thắp ngút ngàn tia lửa dại
Biển chập chùng giăng khắp bước xông pha

Tầng nguyệt lạnh bạn bè ta nằm đó
Lịch sử đời chia. Thế giới ăn năn
Khung sách cũ gối lên đầu cỏ mộ
Viết một lần. Trang trải nợ trăm năm
Em hãy đến. Quay đi và ngoảnh mặt.

Chút nghĩa ân tình trả lại kiếp xưa
Đêm của mặt trăng, đêm vẫn tương tư
Đêm mộng mị ngủ vòng tay tuổi nhỏ

Khi buổi bình minh lên đường khốn khó
Hình ảnh nàng như sương cát phù du

Từng trại đảo ngục tù quê hương đó
Sôi trong tim giòng máu phá lao lung
Em hãy lớn, một lần như thánh Gióng

Kiêu hãnh trong ta nhân ái muôn trùng *

* *Thơ Hàn Song Tường.*

Nguyễn Đình Hòa

Kiểm điểm những công trình nghiên cứu chữ nôm *(tiếp theo Văn Học số 2)*

5
VỀ ĐƯỜNG HƯỚNG KHẢO CỨU

5—1 Cách đây hơn 40 năm, khi nói đến những tư-liệu công-cụ cần cho việc nghiên-cứu chữ nôm, Cố Giáo-sư Dương Quảng-Hàm đề-nghị việc biên-soạn một quyển tự-điển chữ nôm với chất-lượng lý-tưởng như sau:

"Sách này sẽ gồm có hai phần. Trong phần thứ nhất, ta sẽ liệt-kê và phân-loại tất cả các chữ nôm dùng trong nhiều văn-bản xếp theo bộ-thủ, rồi dưới mỗi bộ-thủ, xếp theo số nét giống như các tự-điển chữ Hán, tất cả đều đánh số thứ-tự. Mỗi chữ nôm sẽ kèm theo chữ quốc-ngữ tương-ứng, và nếu có nhiều dạng chữ được dùng thì cũng ghi đủ. Trong phần thứ nhì, tất cả những từ ghi theo vần quốc-ngữ sẽ được liệt-kê theo thứ-tự chữ cái a-b-c và chú thêm con số của chữ nôm tương-ứng."

(1942 : 285) (dịch từ nguyên bản chữ Pháp)

Để tiến tới mục-đích lý-tưởng do Giáo-sư Dương nêu lên như vậy, một số các học-giả người Việt vừa già vừa trẻ, trước năm 1975 và sau năm đó, đã cống-hiến vài cuốn tự-điển chữ nôm thật hữu-ích: Trần Đức Rật 1961 (?), Trần Kinh-Hòa tức Chen Ching-ho 1970, Vũ Văn Kính và Nguyễn Văn Khánh 1970, Nguyễn Quang Xỹ và Vũ Văn Kính 1971, và Viện Ngôn-ngữ-học 1976. Cuốn *Tự-điển chữ Nôm* (có gốc chữ Hán) của Trần Đức Rật, phát-hành tại Đại-học Văn-khoa Saigon, chỉ có 90 trang và gồm ba tập từ 1 đến 3. Giáo-sư Trần Kinh-Hòa năm 1963 có cho đăng một bài về "hình-thái và niên-đại sản-xuất của chữ nôm" ở tạp-chí *Đại-học* ở Huế, số 35 và 36 (tháng 10-tháng 12), trang 730-773: đây là bản

dịch tiếng Việt bài khảo-cứu mà Giáo-sư (Chen Ching-ho) viết bằng chữ Hán và đăng hồi 1949 ở Hương-cảng. Không kể công-trình biên-tập về *Tự-Đức Thánh-chế Tự-học Giải-nghĩa Ca,* do Trung-văn Đại-học ở Hương-cảng xuất-bản năm 1971, Giáo-sư Trần Kinh-Hòa còn đã biên-soạn một tập chữ nôm có cách đọc chuyển sang vần quốc-ngữ: *A Collection of Chữ Nôm Scripts, with the pronunciation in Quốc-ngữ* (Tokyo: Keio University, tức Đại-học Khánh Ưng, xuất-bản năm 1970). Đến cuốn *Tự-vi nôm* của Vũ Văn Kính và Nguyễn Văn Khánh (cũng là loại tài-liệu học-tập ở Đại-học Văn-khoa Saigon như ba tập của Trần Đức Rật) thì cũng vẫn in theo kiểu rônêô, năm 1970. Và phải đến năm sau, chúng ta mới thấy có một cuốn tự-điển qui-mô về chữ nôm: đó là *Tự-điển chữ nôm* của Nguyễn Quang-Xỹ và Vũ Văn Kính biên-soạn, do Trung-tâm Học-liệu của Bộ Giáo-dục tại Việt-Nam Cộng-hòa xuất-bản tại Saigon năm 1971. Hai vị đồng-tác-giả có bằng Cử-nhân Giáo-khoa Việt-Hán, và Hội-đồng Duyệt Sách cũng gồm ba vị giáo-sư nhiều uy-tín (Bửu Cầm, Nghiêm Toản và Phan Khoang). Theo lời Tựa của Giáo-sư Bửu Cầm, là Thuyết-trình-viên của Hội-đồng nói trên, "đây cũng là cuốn *Tự-điển chữ Nôm* đầu tiên, khả dĩ đánh dấu một bước tiến đáng chú-ý của một nhóm thanh-niên trí-thức Việt-nam hiện-đại trên con đường nghiên-cứu quốc-học." (trang vi) Hai tác-giả đã áp-dụng "một phương-pháp đơn-giản nhưng hợp-lý" gồm ba điểm, là giải-thích bẩy loại chữ (dùng chữ Hán đã Việt-hóa, chữ Hán chỉ mượn nghĩa chứ không mượn âm, hài-thanh, hài-thanh nôm, hội-ý, giả-tá, giả-tá nôm), giải-thích cấu-tạo của từng chữ nôm, và dẫn ví-dụ. Phần Nôm - Quốc-ngữ, có chừng 10,000 chữ khối vuông từ chữ một nét đến 32 nét, chiếm 102 trang. Sau đó là phần Quốc-ngữ - Nôm, từ trang 105 đến trang 860. Một điểm giai-thoại là 100 trang của phần Nôm sang quốc-ngữ của *Tự-điển chữ Nôm* đã được in lại vào phần cuối (trang 965-1086) của cuốn *Tự-điển Việt-Đức, Vietnamesisch-Deutsches Worterbuch* của Giáo-sư Otto Karow (Wiesbaden: Otto Harrassowitz, 1972).

Bảng tra chữ nôm, (Hanoi: Khoa-học Xã-hội, 1976), do Viện Ngôn-ngữ-học tổ-chức biên-soạn, gồm 8.187 chữ nôm, "dùng để ghi hơn một vạn hai nghìn tiếng là từ hoặc là bộ-phận của từ thường dùng trong tiếng Việt" (Lời giới-thiệu, trang 6). Hơn tám nghìn chữ nôm đó được một số mấy nhà ngữ-học thu-thập từ 15 tác-phẩm, với sự tham-gia ý-kiến của mấy cụ thuộc thế-hệ cựu-học. Mười lăm tác-phẩm đó là: *Ức-trai thi-tập, Lê-triều Nguyễn-tướng-công Gia-huấn ca, Bạc-vân-am thi-tập, Truyền kỳ mạn-lục, Hồng-đức quốc-âm thi-tập, Nhị-độ-mai, Kim Vân Kiều, Vương Kim diễn tự-truyện, Đoạn-trường tân-thanh, Tự-Đức thánh-chế*

tự-học giải-nghĩa-ca, Đại-nam quốc-sử diễn-ca, Hiếu-kinh quốc-ngữ-ca, Gia-lễ, Quốc-văn tùng-ký, và *Đông-dương quốc-âm-ca.* Bảng tra gồm có hai phần: một phần dùng để tra cách đọc chữ nôm, và một phần dùng để tra cách viết các chữ nôm (có đánh số) ghi trong phần thứ nhất. Những chữ nôm được xếp theo số nét từ ít đến nhiều, các chữ khác nhau về vị-trí của bộ-phận được ghi gần nhau, ví-dụ từ *ngời* ghi bằng ba chữ nôm khác nhau, 3252 , 3253 và 3254 , nhưng đều 12 nét, và một chữ thứ tư khác hẳn là số 7416 những 20 nét.

Trong khi chờ đợi một quyển tự-điển chữ Nôm hoàn chỉnh hơn, người nghiên-cứu có thể sử-dụng hai cuốn tả trên, *Tự-điển chữ nôm* của Nguyễn Quang Xỹ và Vũ Văn Kính, và *Bảng tra chữ nôm* của Viện Ngôn-ngữ-học, mặc dầu hai cuốn đó còn thiếu sót. *Bảng tra* của Hà-nội chẳng hạn, dưới mục những chữ có 5 nét, không thấy ghi chữ đọc *thân* hay *thăn,* hoặc chữ đọc *chỉn,* mà cũng không cho biết rằng chữ số 84 dùng để nôm *đình, dừng, đành, đần, đứa, đừng,* còn được dùng để nôm *rình* (trong *hối rình),* và bỏ sót vài cách đọc nôm, như *(cá) chuối* của chữ số 7374 (thường ghi từ *rói),* hoặc *sả* của chữ số 166 *(thả).*

Ở hải ngoại, nhà nghiên-cứu Paul Schneider (bút-danh Xuân-Phúc) thuộc Viện Đại-học Nice, bên Pháp, đang theo đuổi hai công-trình dài hơi, là một cuốn từ-điển kê chừng một vạn từ tiếng Việt, cho thấy những biến-chuyển về văn-tự, ngữ-nghĩa và ngữ-âm từ thế-kỷ XIV đến thế-kỷ XIX, và một cuốn tự-điển kê chừng một nghìn từ nôm gốc Hán, nghĩa là những từ "mượn thẳng từ Hán-ngữ trước khi những hình-thái Hán-Việt ra đời." Học giả Schneider căn-cứ vào nhiều tài-liệu văn-học như tập thơ quốc-ngữ *Bạch-vân-am* của Cụ Trạng Trình, mà ông đã chú-giải và phiên-dịch sang tiếng Pháp năm 1974 (Thanh Long tái-bản tại Bỉ năm 1986), *Truyện Kiều,* mà ông đã thực-hiện hai bản dịch ra tiếng Pháp, bản UNESCO bảo-trợ, cùng làm với Xuân-Việt (Paris, 1961), và bản *Kim Vân Kiều tân-khảo* (Sèvres: Diệu-Pháp, 1980), v.v...

Mặc dầu tự-vị tự-điển hay bảng tra chữ nôm là những phương tiện khảo-cứu cần-thiết, Giáo-sư Hoàng Xuân-Hãn – là một học-giả Hán-Nôm đầy uy-tín, đã phiên-âm và chú-giải khá nhiều tư-liệu văn-học dân-tộc -- lại nghĩ rằng "soạn tự-vi chữ nôm chỉ là một công-trình lượm-lặt và thành-tích cũng không ích-lợi cho nhà đọc nôm bao nhiêu." Giáo-sư nói thêm là "có lẽ chỉ một bảng hỗ-chiếu các âm-tố đầu Nôm và Hán sẽ giúp ích nhiều hơn." Từ Paris, Hoàng Tiên-sinh đã cung-cấp bảng đó: Bảng hỗ-chiếu các âm-tố đầu Nôm và Hán, trong Tập-san *Khoa-học Xã-hội* số 5

(tháng 12 năm 1978), tr. 19 thuộc phần bài viết dài "Văn nôm và chữ nôm đời Trần Lê: Phái Thiền Trúc-lâm Yên-tử". Bảng hỗ-chiếu cũng như một bảng các biến-âm nôm của một số âm-tố đầu chữ Hán (trang 16-20), đã được tạp-chí *Ngôn-ngữ* số 38 (4-1978) in lại trong bài "Về cấu-tạo chữ nôm trong sách *Thiền-tông Bản-hạnh*" trang 51-58.

Giáo-sư Hoàng đã có công phiên-âm, khảo-thích hai bài chắc-chắn là của nhóm Trúc-lâm (Cư-trần lạc-đạo phú, Đắc-thú lâm-tuyền thành-đạo ca, và Vịnh Hoa-yên-tự phú), hai bài trên của Trần Nhân-tông và bài thứ ba của Huyền Quang, đều liên-quan đến triết-lý nguyên-thủy của thiền-gia. Ngoài việc giới-thiệu tài-liệu quí-giá *Thiền-tông Bản-hạnh,* mà phóng-ảnh toàn-quyển được in trong số 6 (tháng 12 năm 1979), trang 5-36, và số 7 (tháng 10 năm 1980), trang 78-125, của *Khoa-học Xã-hội* (Paris), Giáo-sư Hoàng còn đã chỉ cho chúng ta thấy là "không mấy ai để ý đến sự quan-hệ chữ nôm đối với cổ ngữ Việt và sự tồn-tại cổ-âm Việt trong các chữ nôm xưa." Nó khác đi, chữ nôm sẽ soi sáng vào những biến-chuyển về ngữ-âm, nghĩa là có ích cho ngữ-âm lịch-đại (diachronic phonology).

Thật vậy, cố-học-giả Maurice Durand đã từng viết là ngoài giá-trị về văn-chương và văn-bản, việc học các bản văn nôm còn có giá-trị về ngữ-học, vì liên-hệ đến ngữ-nghĩa-học Việt-nam và đến ngữ-âm-học so-sánh giữa các ngôn-ngữ Đông-nam Á và Hán-ngữ" ("L'étude des textes nôm de la littérature vietnamienne présente donc en plus de l'intérêt littéraire et philologique un intérêt linguistique qui touche à la sémantique vietnamienne et à la phonétique comparée des langues du Sud-Est asiatique par rapport à la langue chinoise.")

Văn-liệu nào có ghi chữ nôm thì đều có ích cho việc nghiên-cứu: ví-dụ Giáo-sư André Haudricourt, căn-cứ vào bản Kiều mà Abel des Michels sử-dụng, đã biên-soạn một công-trình hữu-ích, là Sách-dẫn vần Truyện Kiều, "Index des rimes du Kim Vân Kiều," trong *Cahiers d'Etudes Vietnamiennes* (Đại-học Paris 7), số 4, trang 27-60, năm 1980.

Ta cũng nên chỉ ra những sách phiên-âm tác-phẩm văn-học có in phóng-ảnh nguyên-tác chữ nôm mà Phủ quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa tại Saigon đã bảo-trợ, ví-dụ *Chinh-phụ ngâm* (1972) và *Lục Vân-Tiên* (1973), hay là toàn-quyển *Thiền-tông Bản-hạnh* do Giáo-sư Hoàng Xuân-Hãn công-bố tại Paris (1978-1980), hoặc *Phan Trần,* Tome I: Texte et traduction; Tome II: Notes (Paris, 1962) và *L'oeuvre de la poétesse vietnamienne Hồ Xuân-Hương,* Textes, traduction et notes (Paris, 1968), cả hai đều do Cố Giáo-sư Maurice Durand phiên-dịch và chú-thích. Trái lại, những

sách về văn-học nôm được xuất-bản ở Hà-nội trước 1975 và sau 1975 thì phần lớn chỉ cho bản quốc-ngữ, chứ độc-giả không được thấy bản chữ nôm để so-sánh và nghiên cứu.

5—2 Ngay từ năm 1934, khi giới-thiệu bản dịch tiếng Pháp của *Kim-Thạch Kỳ-duyên* mà tác giả là Bùi Quang Nghĩa, học-giả Pháp P. Midan có nói rằng việc chế-tác chữ nôm "làm hại đến uy-tín của những vị đó (tức những nhà nho chân-chính) vì cung-cấp cho số dân-chúng lớn hơn có thể có tầm tay với tới một phương-tiện truyền-bá tư-tưởng. Và sự sáng-tạo đó cũng đe-dọa luôn quyền-hành tối-thượng của nhà vua vì nó có thể giúp việc phổ-biến những ý-tưởng mới-mẻ:" (Introduction, Bùi Quang Nghĩa, l'Union Merveilleuse de Kim et de Thạch, trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.* Loại mới, tập 9, số 1 và 2 (1934), trang 12 (toàn bài trang 7-13). Đây thật là một khía-cạnh của đề-tài "chính-sách ngôn-ngữ" hay "kế-hoạch-hóa ngôn-ngữ" liên-hệ đến vai trò của chữ Hán, của chữ Nôm dưới thời-đại vua-chúa nhà Nguyễn còn chịu nhiều ảnh-hưởng của văn-minh học-thuật Trung-Hoa.

5—3 Tuy nhiên, chữ nôm ngày nay có sức hấp-dẫn hoàn-toàn phi-chính-trị về địa-hạt ngữ-văn và văn-học. Ông David Ray, cựu-thủ-thư của Trung-tâm Việt-học tại Viện Đại-học Nam Illinois, người thông-thạo văn-tự của rất nhiều nước châu Á, vạch rõ là đọc một bản văn nôm rất là khó, vì "ta phải thật giỏi tiếng Việt thì mới có thể nhận biết khi nào một chữ Hán hoàn-hảo có thể đại-diện cho một hình-vị (tức moóc-phem) của Việt-ngữ không dính-dáng gì đến nó về mặt ngữ-ý." Trong luận-văn Phó Tiến-sĩ của mình ở Viện Đại-học trên *(Sources of Middle Chinese Phonology: A Prolegomenon to the Study of Vietnamized Chinese)* do chúng tôi làm Giáo-sư Bảo-trợ năm 1979, ông Ray nói tiếp rằng "thường thường việc nghiên-cứu những phức-thể của chữ nôm rất có ích vì nó rọi sáng vào cách đọc cổ-xưa của những nguyên-tố thuần Việt trong toàn-bộ từ-vựng tiếng Việt" (Ray 1979: 76).

Các bài điểm sách hay bài phân-tích đăng ở những tạp-chí hoặc tập-san ngữ-văn để thảo-luận về quan-hệ giữa văn-tự nôm và âm-vận xưa của Việt-ngữ đã đóng góp nhiều điểm lý-thú trong khoảng mấy chục năm nay. Nhiều từ cổ trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, v.v. đã được kê-cứu (Đào Duy Anh 1975; Nguyễn Tài Cẩn 1979, 1985; Nguyễn Đình-Hòa 1985; v.v.). Nhiều chữ nôm đã được bàn cãi về cách đọc: riêng hai chữ *song viết* 又又曰 xuất-hiện cả trong *Quốc-âm Thi-tập* của Ức-trai, *Bạch-vân-am Quốc-ngữ Thi-tập* của Trạng Trình, và *Hồng-đức Quốc-âm Thi-tập* cũng đã được gán cho mấy cách đọc khác nhau (xin xem tóm lược các ý kiến trong bài "The Case of song viết in

Archaic Vietnamese" của chúng tôi đăng ở *The Vietnam Forum* số 6, mùa hạ-mùa thu 1985, trang 58-72; ý kiến gần đây nhất, chúng tôi xin cập-nhật, là của Nguyễn Quảng Tuân trong bài "Song nhật" chứ không phải là "song viết", đăng trong *Nghiên-cứu Hán-Nôm*, số 2/1985, trang 60-67). Lại còn chữ 沃, thường được đọc là *ốc*, đã được bàn đến trong bài điểm sách của Trần Xuân Ngọc-Lan và Cung Văn Lược phê-bình cuốn *Chữ Nôm* của Đào Duy Anh, 1976, một năm sau khi cuốn đó xuất-bản.

Gaston Nhân năm 1967 đã soạn luận-án Tiến-sĩ Đệ-tam cấp ở Viện Quốc-gia Ngôn-ngữ và Văn-minh Đông-phương, Paris, nghiên-cứu về Hệ-thống phụ-âm trong *Quốc-âm Thi-tập* của Nguyễn Trãi. Lê (Văn) Quán năm 1972 đưa ra "Vài nhận xét về phụ-âm đầu tiếng Việt cổ qua cấu-tạo chữ nôm", *Ngôn-ngữ* số 13, trang 16-25, rồi năm 1973 lại "Góp phần tìm hiểu thời-kỳ xuất-hiện chữ nôm trên cơ-sở cứ-liệu thanh-điệu Hán-Việt," *Ngôn-ngữ* số 18, trang 41-45.

Nhà nghiên-cứu nghiêm-túc này đã có một đóng góp đáng kể qua công-trình xuất-bản năm 1981, nhan đề *Nghiên-cứu về Chữ Nôm*, trong đó ông theo hướng ngữ-âm-học lịch-sử cố-gắng truy-cứu chữ nôm một cách toàn-diện không kém cuốn *Chữ nôm: Nguồn gốc, Kết cấu, Diễn biến* (1975) của Cụ Đào Duy Anh. Khảo-hướng này, căn-cứ vào ngữ-âm lịch-sử, so sánh mối quan-hệ giữa hai hệ-thống ngữ-âm tiếng Hán và tiếng Hán-Việt, thật ra đã được Giáo-sư Nguyễn Tài Cẩn theo đuổi trong một số công-trình từ 1971, 1972, 1976, v.v. Tóm tắt của Lê Văn Quán vừa ngắn vừa gọn; "Cách đọc của chữ Nôm Việt về cơ-bản là suy từ lối đọc theo âm Hán-Việt của thanh-phù. Khi quan-niệm về âm Hán-Việt chúng ta phải đặc-biệt chú-ý đến tác-dụng của âm Việt cổ và âm Hán cổ, chứ không thể chỉ bằng lòng dựa vào âm Hán-Việt hiện nay... Khi khảo-sát âm Việt cổ lại phải xét tới mối tương-quan giữa tiếng Việt và các phương-ngôn của ngôn-ngữ Việt cũng như các ngôn-ngữ Mường, Môn-Khơme, v.v." (Lê Văn Quán 1981: trang 13-14) Ông có cái lợi là được sử-dụng cả các văn bia: 1205 bia có chữ nôm trong tổng-số hơn hai vạn thác-bản văn bia lưu-trữ ở Thư-viện Khoa-học Xã-hội tại Hà-nội. Đó là chưa kể các tác-phẩm văn-học (là tư-liệu chủ chốt), các cuốn tự-điển chữ nôm, các loại sách (kể cả sách thuốc nam, sách Phật-giáo, sách Thiên-chúa-giáo), và tài-liệu tư-nhân như gia-phả chẳng hạn.

Ngoài Chương mở đầu về phương-pháp-luận, sách *Nghiên-cứu về Chữ Nôm* gồm bốn chương chính: (1) về thời-kỳ xuất-hiện chữ nôm; (2) về tính-chất và cấu-tạo chữ nôm; (3) về tình-hình chữ nôm qua các thời-kỳ; và (4) về cách đọc chữ nôm. Ba tổng mục thuộc ba chương đầu của cuốn sách đã được nói tới trong ba phần

2, 3, và 4 của bài kiểm-điểm này, chúng tôi khỏi cần nhắc lại những ý chính. Riêng trong Chương 4, nhà giáo ở nhà nghiên-cứu Lê Văn Quán đã bàn giải tỉ-mỉ về cách đọc chữ nôm: người đọc (cũng là người học, hoặc ít nhất người có óc cầu-học) được cung-cấp một bảng đối-chiếu âm-đầu, một bảng đối-chiếu vần - giữa Hán-Việt và Việt - rồi lại được cái thích-thú tập đọc hay ôn lại một vài đoạn chữ nôm trích từ *Truyền-kỳ Mạn-lục* (Truyện đối đáp của người tiều-phu ở núi Nưa), từ bài thuốc thứ 9 trong cuốn *Thập-tam phương gia-giảm* (lời thơ lục-bát: Cam-thảo ba lạnh cân no / Khử cho sạch hết bì thô sẽ dùng / v.v.), và từ bộ Hòa-cốc trong cuốn từ-điển Hán-Việt *Chỉ-nam Ngọc-âm Giải-nghĩa,* thế-kỷ thứ 16? (cũng lời thơ lục-bát, đối dịch hơn ba nghìn từ-ngữ Hán: *Ngọc-lạp* gạo sớm trắng trong / *Nhu-mễ* gạo nếp giống cùng dẻo thay). Cũng xin nói cuốn sách quí này đã là đề-tài luận-án Phó Tiến-sĩ của Trần Xuân Ngọc-Lan: *Sơ-bộ Khảo-sát Quyển Từ-điển* CHỈ-NAM NGỌC-ÂM GIẢI-NGHĨA (Hanoi: Viện Ngôn-ngữ-học, 1982).

5—4 Những học-giả bên trời Âu cũng có nhiều thuận-lợi hơn phía Mỹ -- là nơi chỉ có vài thư-viện lưu-trữ được tài-liệu Hán-Nôm, như Thư-viện Yến-kin ở Đại-học Harvard, Thư-viện Morris ở Đại-học SIU (Nam Illinois) -- nhất là họ có truyền-thống vẻ-vang của Viện Viễn Đông hay Hội Nghiên-cứu Đông-dương (Ecole Francaise d'Extrême-Orient và Société des Etudes Indochinoises) được hỗ-trợ tích-cực bởi mấy thư-viện lớn về Việt-học. Chúng ta mong mỏi loại sách Văn-bản Nôm "Textes Nôm" trong tùng-thư "Collection de Textes et Documents sur l'Indochine" sẽ được tiếp-tục ấn-hành nhờ những cố gắng của quí-vị học-giả người Việt như Tạ Trọng Hiệp, Nguyễn-Trần Huân, v.v., nhất là quí-vị nào có phương-tiện phiên-dịch và giới-thiệu những tư-liệu tồn-trữ trong thư-viện Tòa Thánh ở Rôma. Việc sau cùng này đã được Giáo-sư Nguyễn Tài-Cẩn của Trường Đại-học Tổng-hợp Hà-nội thúc-đẩy, và chúng ta có lý-do để tin rằng trong tương-lai nhiều tài-liệu về Ki-tô-giáo ghi bằng chữ nôm cũng như chữ quốc-ngữ sẽ được giới-thiệu và đối-chiếu.

Mặt khác, người nghiên-cứu chữ nôm rất biết ơn Giáo-sư Nguyễn Tài Cẩn về cuốn sách mới nhất đề-cập *Một số vấn-đề về chữ nôm* (Hanoi: Nhà xuất-bản đại-học và Trung-học Chuyên-nghiệp, 1985), do Giáo-sư biên-tập với sự cộng-tác của Phu-nhân, nhũ-danh N.V. Xtankêvích. Đây là tập-hợp chín bài viết mà cặp ngữ-học-gia đầy uy-tín này đã cho đăng rải-rác ở nhiều sách báo trong khoản hơn 15 năm nay, nay vì nhu-cầu giáo-khoa được xếp theo năm đề-tài: Tổng-luận về chữ nôm, Cách cấu-tạo chữ nôm, Thời-điểm chữ nôm xuất-hiện, Diễn-biến của chữ nôm, và Phương-pháp đọc chữ nôm, thay vì theo thứ-tự thời gian. Ngoài

ra, cuốn sách có bổ-sung mấy bảng thống-kê và một bảng kê vài trăm chữ nôm cổ. Đặc-biệt, trong một chương chót "thay lời kết-luận", Giáo-sư Nguyễn đưa ra một số suy-nghĩ *hiện nay,* với mục đích điều-chỉnh lại một vài điểm và làm sáng rõ thêm một vài điểm khác. Giáo-sư còn đề-cập vấn đề ghi nôm những từ lấp-láy, vấn-đề chữ nôm địa phương phản-ảnh cách phát-âm từng vùng (Trung, Huế, Nam), và vấn đề cần so-sánh chữ nôm của ta với chữ Nhật-bản cổ và chữ Cao-ly (tức Triều-tiên) cổ, là hai thứ văn-tự cũng thoát-thai từ chữ Hán. Đã đành những thao-tác trong phạm-vi công tác văn-bản thì rất tốt cho việc khoe với bên ngoài một góc lộng-lẫy và tươi-đẹp trong khu vườn muôn tía nghìn hồng của một nền văn-học đầy hương thơm sắc lịch. Nhưng Giáo-sư Nguyễn Tài Cẩn đã đặt vấn đề đi xa hơn thế nữa; Giáo-sư khuyên chúng ta rằng, vì chữ nôm là một hệ-thống văn-tự đầy sáng-tạo, bao gồm cả mấy nghìn ký-hiệu vừa ghi âm vừa ghi ý và đã được sử-dụng hàng bẩy tám trăm năm tại nhiều vùng, trong nhiều ngành học-thuật, hơn nữa đến nay còn lưu-trữ trên những tài-liệu tản-mạn nhiều nơi, cho nên nhiệm-vụ trước mắt của hàng-ngũ những người nghiên-cứu di-dản văn-hóa dân-tộc là phải cùng nhau xúc-tiến "công-tác điều-tra văn-bản" và "thu-thập cứ-liệu để tổng-kết (trang 240).

Bài kiểm điểm này xin tạm ngưng nơi đây trong niềm lạc quan và hi-vọng -- lạc-quan và hi-vọng căn-cứ vào nỗ-lực của các nhà nghiên-cứu Hán-Nôm nghiêm-túc, noi theo gương những bậc tiên-phong Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Hoàng Thúc Trâm, Hoàng Xuân Hãn, Nghiêm Toản, Nguyễn Khắc Kham, Trần Kinh-Hòa, rồi Tạ Trọng Hiệp, Nguyễn Trần Huân, Paul Schneider, Vũ Văn Kính, Lê Hữu Mục, Đoàn Khoách, v.v... quanh mấy trường đại-học Âu-Á, để ít nhất cũng để lại vài cái mốc có ý-nghĩa trên con đường khảo-cứu chữ nôm. Chúng tôi muốn nói chặng đường Đào Duy Anh, chặng đường Nguyễn Tài Cẩn, chặng đường Lê Văn Quán, và chặng đường Trần Xuân Ngọc-Lan, v.v. trên lộ-trình cuộc chạy tiếp-sức việt-dã càng ngày càng gần tới đích rồi.

G.s. Nguyễn Đình-Hòa
Giám-đốc TRUNG-TÂM VIỆT-HỌC
Viện Đại-học Nam Illinois
Carbondale, Illinois, Hoa-Kỳ

Định Nguyên

Chỗ tạm

Buổi chiều ở một quán cà phê đường *Bolsa*. Mùa hè rồi. Chàng bảo người bạn rằng chàng phải đi một nơi nào đó. Người bạn trẻ môi- cái vẻ trẻ môi cố hữu vừa làm chàng bực mình, vừa làm chàng tức cười- bảo cậu cứ hay bày đặt. Đi đâu ? Cũng vậy thôi. Tốn tiền lắm. Chàng lại phải lắng nghe một cách lơ đãng điều người bạn nói về sự khó khăn kiếm ra đồng tiền ở Mỹ, những thứ nợ nần phải trả, những nhu cầu thúc bách *không thể thiếu* (tại sao lại *không thể thiếu*, chàng vẫn cho đó là điều vô lý), những kế hoạch về tài chính, xe cộ, nhà cửa, đứa con sẽ ra đời, nuôi nó ăn học, vân vân và vân vân...Người bạn nói hăm hở như một kẻ thuyết giảng .Chàng thì lại nghe ra có điều gì buồn bã trong giọng nói đó. Và chàng chợt thú vị khi tưởng tượng người bạn giống như một cái bánh xe rỉ sét đang quay một cách vô vị trong một bộ máy khổng lồ.

Thế giới của chàng dường như ở một nơi nào đó. Chàng đi tìm kiếm nó bằng nỗi thất lạc. Có lần Nguyệt bảo :

— Anh có vẻ thay đổi nhiều.

— Hay tại cô thay đổi nhiều .

Có lẽ đó là câu nói rất thật của chàng. Mười năm gặp lại, chàng thấy Nguyệt thay đổi hoàn toàn. Nàng dường như không nhận ra điều đó. Hoặc giả cho rằng sự thay đổi của mình là lẽ đương nhiên và làm nàng tự hào. Chàng nhìn những móng tay sơn đỏ của Nguyệt mỉm cười . Nàng hỏi :

— Anh cười gì ?

Bây giờ nàng hay mang vẻ trang nghiêm một cách quá đáng.

- Những cái móng tay của em để dài hơn trước.

Nguyệt nhăn mặt. Nàng vốn thông minh :

— Anh không nên nhắc lại nữa.

Chàng im lặng nhưng trong tâm hồn chàng ngân nga cái nỗi đau vô vị về những tháng ngày chàng sống với Nguyệt. Những

móng tay nàng thường làm xước vai chàng trong cơn yêu dấu. Chàng chợt muốn bảo Nguyệt rằng chàng không có ý định nhắc lại một điều gì cả, bởi vì đây chỉ là một chỗ tạm.

Giống như trong một rạp hát hai người đã xem một phim gì đó khi còn ở Sài gòn. Ra khỏi rạp, Nguyệt ngước đôi mắt nâu trông đầy vẻ nghịch ngợm lên hỏi :

— Phim hay không anh ?

Cả hai phá ra cười.

Một đôi lần chàng *đã* có cảm giác *có thể* lấy Nguyệt làm vợ, vừa vì những câu hỏi thông minh lãng mạn và vì cả những vết xước móng tay trên lưng và vai chàng. Nhưng lúc ấy cái cảm giác về chiến tranh, đời sống, cái chết mạnh hơn. Nó lôi chàng đi. Đôi khi chiến tranh đối với tuổi trẻ cũng quyến rũ như một khám phá mới. Khám phá về sự huỷ diệt và vô luân.

Chàng nói một câu chẳng ăn nhậu gì đến đề tài của người bạn :

— Tôi không hiểu tại sao tôi lại tới đây.

Anh bạn cười độ lượng :

— Thôi đừng được voi đòi tiên nữa !

*

* *

Thực ra chàng có đòi hỏi gì ở đời sống đâu. Hoặc giả điều duy nhất cần thiết đối với chàng bây giờ là một chỗ để khuya về lăn ra ngủ. Một nơi nào đó giống như căn gác trọ ở Sài gòn, nằm cạnh con đường sắt người ta đã không còn sử dụng nữa. Những ngày tháng sáu nóng như một cái lò vì mái tôn quá thấp. Ngày nào chàng cũng chỉ mong mưa. Tiếng những giọt nước nóng hổi của ánh mặt trời nhiệt đới và bụi bặm của cái thành phố mất tên nhưng không quên lãng, đập ào ạt xuống mái tôn dễ đưa chàng vào giấc ngủ tẩm đẫm hơi nước và cái mùi chua nồng nàn của những chùm hoa me nở dội vào đầu mùa hạ. Ở đấy có cái cầu thang vừa ọp ẹp vừa dốc đến độ mỗi lần Phượng ra về chàng đều phải dắt nàng xuống bậc thang chót. Có lần Phượng nói đùa :

— Em không muốn về nữa cũng tại cái cầu thang.

— Em lại muốn xuống dốc theo anh rồi !

Quả thật đó là những ngày tháng, những nơi chốn, hạnh phúc Chàng tạm sống trên căn gác trọ dột nát ấy để chờ Phượng dàn xếp chuyến đi cho chàng. Người ta hẹn lần hẹn lữa vài ba lần. Cả hai trong thâm tâm lại muốn thời gian chờ đợi cứ kéo dài ra, bởi vì họ không thể đi chung được với nhau. Bao nhiêu vốn liếng của Phượng chỉ đủ trả cho một mình chàng. Bình thường nàng dịu dàng, nhưng cái lúc bảo chàng phải đi thì giọng nàng đanh lại như một bà dì ghẻ khó tánh :

— Anh phải đi ngay thôi. Ở đây người ta không cần đến

những người vừa ra tù .

Đó là câu nói tự nó mang tính phán quyết của một xã hội đương thời. Chàng cố biện hộ, bào chữa, nêu lý do. *Thì không có đủ cây ,vậy chúng ta cùng ở lại. Sướng khổ có nhau. Thì em đi trước cũng được vậy. Anh là đàn ông dễ xoay xở hơn. Thì anh cùi rồi đâu sợ lở nữa. Tù tám, chín năm chứ ít gì. Thì...*

Nàng dịu dàng hôn lên môi chàng :

— Có một điều anh cứ *giả vờ* không biết. Em chịu nhục được, anh thì không.

— Nhục gì ?

Chàng bắt đầu đuối lý và cãi chầy cãi cối. Phượng vẫn quả quyết một cách dịu dàng :

— Anh đã nói với em một lần. Anh quên rồi à ?

Chàng im lặng. Thua cuộc. Chàng quả thực đã nói với nàng điều ấy vào một buổi chiều cuối tuần chàng lên Dĩ An bằng chuyến tầu chợ để đón Phượng về thành phố. Ga Dĩ An nhìn ngay ra hông chợ. Khi chàng bước ra cổng ga gặp một đám đông đang xầm xì xem một tốp công an lấy báng súng đẩy vào lưng trần gầy gò của một người đàn ông luống tuổi bị còng chéo tay ra phía sau. Chàng nghe loáng thoáng những từ *phản động, phản quốc ,gián điệp CIA* chàng quay mình bỏ đi thật nhanh về phía trường phổ thông Dĩ An A, nơi nàng dạy. Buổi tối trăng tròn và sáng trên những mái tôn ám khói nham nhở. Bỗng chàng bảo Phượng :

— Ở một nơi nào đó, có thể người ta cũng làm nhục nhau nhưng vì tranh giành tư lợi. Như thế em còn bào chữa được. Còn ở đây người ta lại làm nhục nhau bằng *lý tưởng*.Kinh khiếp quá !

Trong cơn mệt mỏi đầm đầm của hạnh phúc nàng dường như ngái ngủ :

— Sao anh ?

Chàng cho rằng nàng không bắt kịp câu nói ấy của chàng .Thực ra không phải như vậy. Khi gần gũi cái tuyệt vời nhất của người đàn bà, là họ dành mọi giây phút cho tình yêu. Có những lúc Phượng thiếp ngủ một giấc ngắn ,nhất là vào những buổi trưa mùa hè với cơn mưa rào ấm nặng hơi nước và dồn dập. Có khi trận mưa chợt ngưng bặt và trong sự im lặng bất chợt ấy chàng có cảm giác nghe được tiếng thở rất nhẹ của nàng cùng những thớ gỗ râm ran ngấm nước mưa. Cũng là lúc Phượng mở mắt ra vẻ lười biếng

Nàng cười rất nhẹ và hỏi như một người lẩn thẩn :

—Em *đang ở* đâu đây anh ?

Chàng đọc một câu trong Phúc âm :

— *Ai yêu thương Ta thì ở trong Ta và Ta ở trong kẻ ấy.*

Nàng cắn nhẹ lên ngực chàng :

— Chúa không bị đóng đinh thì anh phiền với Ngài lắm.

Bình thường Phượng vẫn là một con chiên rất ngoan đạo. Những ngày chờ đợi chuyến ra đi ấy họ đã sống trong một thứ hạnh phúc tuyệt vời của nồng nàn và hốt hoảng.

*

* *

Liệu người ta có thể tưởng tượng một chỗ này ra một chỗ khác ? Chàng đang cố tưởng tượng như thế ở khu phố Tàu San Francisco. Người bạn tên T loay hoay bắt chàng phải đứng cạnh tờ giấy nham nhở vàng ố ,rách tả tơi viết đôi câu đối chữ nho. Chàng đoán người ta đã dán từ hôm trước Tết .Những dòng chữ lạc lõng- chàng không biết nghĩa- cũng giống như chàng, là một thứ văn hoá thất lạc, nằm không đúng chỗ. Chẳng ai buồn để ý tới. Lãng xẹt.

— Tôi sẽ chụp cho anh một bức ảnh. Số một. Anh phải in vào cuốn sách sắp xuất bản. Cái anh C.L là xoàng. Nào đứng yên nào ! Mặt hơi ngước lên nhìn vào cái bảng hiệu bên kia đường.

Chàng không nhìn sang cái bảng hiệu bên kia đường. Chàng nhìn lên bầu trời ẩm đục bất thường của một ngày mùa Hè miền Bắc California. Chàng nhìn thấy sự tàn tạ. Chàng nghe tiếng máy ảnh nhảy liên thanh. Bỗng nhiên chàng ghê gai. Lưng chàng chợt giá buốt như đang tựa vào bờ tường đá lạnh ngắt của nhà tù Sơn La.

Người ta không tưởng tượng một nơi này ra một nơi khác !

Chàng không tìm thấy gì cả, ngoài những bảng hiệu có chữ Tàu . Chỉ có thế ! Chàng muốn nhìn thấy lại những căn nhà sàn ám khói và bụi than của vùng Xóm Củi. Con rạch cầu Chữ Y nước lớn và những chiếc tam bản chở đầy dưa hấu. Cô gái đứng phơi cái áo bà ba trắng trong gió sông thổi lộng. Ở đây chàng chỉ tìm thấy bầu trời u ám, tàn tạ, một cảnh giả dối của mùa Hè. Nó giống như sự giận hờn điệu bộ của một cô gái hay nhõng nhẽo.

T kéo chàng đi về phía đại lộ *Market* .

— Thế nào, tuyệt không ?

— Cái gì tuyệt ?

— Những tấm hình tôi chụp cho anh chứ cái gì !

— Con khỉ !

*

* *

Lúc bấy giờ, bóng tối cứ buông dần trên bờ hồ *Shasta*. Chiều chỉ còn sống thoi thóp bằng ánh nắng trên ngọn núi phủ tuyết. Người ta bảo nó phủ tuyết quanh năm .Chỉ còn một mình chàng trong *rest area* bên hồ. Bóng tối như khói đen vất vưởng trong đám rừng thông. Trời lạnh hẳn đi vì chàng đang ở một cao độ nào đó. Hai, ba ngàn bộ thì phải. Bóng tối thật im lặng. Chàng dường như nghe được những rặng thông xanh chung quanh đang thở rì rào và

hơi nước tẩm đẫm từ mặt hồ bốc lên khiến chàng cảm thấy dễ chịu. Chàng nói một mình :

— Phượng thấy không ? Nếu nó nhỏ đi thì có vẻ giống hồ Than Thở .

Chàng nghe đâu đó âm vang trong tâm hồn chàng tiếng trả lời pha vẻ diễu cợt :

— Anh giàu tưởng tượng, giống thế nào được. Em thích mùi cỏ mục hơn cơ !

— Ừ nhỉ !

u nó nhỏ đi thì có vẻ giống hồ Than Thở .

Chàng nghe đâu đó âm vang trong tâm hồn chàng tiếng trả lời pha vẻ diễu cợt :

— Anh giàu tưởng tượng.Giống thế nào được. Em thích mùi cỏ mục hơn cơ !

— Ừ nhỉ !

Có một buổi chiều như thế;chàng đã ngủ bình an trong mùi cỏ khô và tóc nàng còn ngái hương thơm bồ kết. Đó là những ngày tháng hạnh phúc .Đời người nào cũng có những ngày tháng hạnh phúc. Thật đơn giản. Hạnh phúc tự nó tuyệt vời vì sự đơn giản. Một lúc nào đó, *anh* bắt được nó ngay trong đời anh. Hay có phải suốt đời *anh* không đi ra khỏi được hạnh phúc của chúng ta xưa.

Âm vang của những cơn gió đêm ngoài khung cửa đóng kín, hương thơm của những bông hoa đã tàn, mái tóc em mới gội còn ẩm ờng trên gối, ly cà phê buổi sáng em pha cùng với nụ cười long lanh như còn sót lại vẻ nghịch ngợm, đùa giỡn của đêm qua, cơn mưa hạnh phúc bất chợt của mùa Hè để người ta có cớ trú chân trong một quán nào đó có cửa kính nhìn mưa rơi ngoài đường và có cả những cây cột cẩn gương soi để người ta nhìn nhau mỉm cười chỉ vì thấy nhau hạnh phúc.

Chàng lại nghe thấy mình nói :

— Em đừng khó tánh quá, nó già người đi- âm vọng của tiếng nói chàng như kể lể lẩn thẩn - phải giầu tưởng tượng một tí chứ ! Hôm qua, T đưa anh ra phố Tàu, có lúc anh tưởng như đang đi trên đường Đồng Khánh ,chỗ gần giáp với Tổng đốc Phương ấy. Thú vị lắm !

Chàng nghe tiếng nàng trả lời nhẩm nhẳn :

— Nhưng anh đâu thấy cái xe đạp nào phải không ?

Chàng hơi giật mình. Ừ nhỉ ! Chàng nghe mình nói vậy; chàng vốn bướng bỉnh :

— Phượng đừng thực tế quá, sống sao nổi,

— Vì em là đàn bà mà !

Chàng im lặng. Nàng nói đúng. Chàng cần một người đàn bà như Phượng. Như một nơi chốn, không phải chỉ để sống, ăn, ngủ.

làm tình, tâm sự, mà nàng cũng là một nơi để chàng *trở về*. Người đàn bà cũng giống như một quê hương nho nhỏ, ở đấy có căn nhà, có khu vườn, có mái bếp, có bát canh mồng tơi mát cổ, sau một ngày vất vưởng với sinh kế, có tiếng xối nước trong phòng tắm, có mùi chanh hay bồ kết gội đầu, có những chiếc áo cũ được là ủi cẩn thận dù là bằng bàn ủi than ,và có cả cái mùi chua của quần áo lười chưa mang giặt.

Đèn pha của một chiếc xe *truck* quẹo vào *rest area* làm chàng bừng tỉnh. Hai vai chàng lạnh ngắt. Chàng đã ngồi mê hoảng như thế bao lâu ? Chàng chạy vội ra xe, đề máy, mở *heat*. Chàng vẫn chưa trốn thoát được bóng tối và sự cô độc của các căn hầm biệt giam , ở đó chàng phải nói chuyện với chính mình, với cái còng sắt đóng đai một chân lại, với bức tường nham nhở như những hàm răng khấp khểnh cười diễu cợt trong thứ ánh sáng tà mị hắt qua lỗ kiểm soát rộng không quá mười phân vuông, với cái thùng sắt tây đựng phân và nước tiểu. Chàng hát nghêu ngao. Chàng để dành một mẩu bột mì luộc để nuôi con gián .Đó là sinh vật duy hất chịu khó lắng nghe chàng, kiên nhẫn đồng ý tất cả những điều chàng kể lể, nhưng cũng không ngừng nhấm nháp miếng bột mì một cách nhàn hạ...

Một nơi này không thể là một nơi khác. Nhưng bóng tối và sự cô độc thì ở đâu cũng vậy.

Chàng bật sáng đèn trong xe đọc (lại) bức thư của Phượng .

...Em viết cho anh từ Tống Lê Chân. Anh biết nơi ấy rồi. Bây giờ thì em mới thấm những điều anh kể về trại giam. Câu chuyện cũng đơn giản thôi. Nhưng em biết rằng anh sẽ giận em khi biết rõ đầu đuôi. Không có nhiều tiền, em phải theo người ta vượt biên đường bộ sang Miên và bị bắt. Em cũng biết đi đường bộ là chấp nhận mọi cái giá phải trả, nhưng em cũng biết rằng anh không ích kỷ hay gì gì đó .Không biết em có chủ quan hay không ? Nhưng mà thôi anh ạ ! Xem như em không may. Hay là cái may anh mang theo hết rồi cũng vậy. Em bị kết án hai năm tập trung lao động. Luật pháp bây giờ tiến bộ hơn. Người ta có án hẳn hòi . Anh vẫn hay nói nịnh em là người đàn bà cứng rắn (thật ra với anh thì em yếu xìu). Nhưng bây giờ có lẽ em cũng phải dùng đến sự cứng rắn ấy. Anh bảo trong hoàn cảnh nào lạc quan cũng là điều cần thiết. Nó giúp chúng ta sống qua ngày. Em bắt đầu tập sống như vậy đấy. Anh thì chúa ghét mánh mung, nhưng em nói cho anh biết nếu không mánh mung thì sức mấy em gửi được những dòng chữ này tới tay anh từ Tống Lê Chân.Khen em một lần đi nhé...

Chàng không đọc hết bức thư, sang số, và lái ra *exit*. Chàng ghé vào một quán ăn nào đó. Ăn qua loa. Chàng cố đè nén cái cảm giác tuyệt vọng nhưng chàng không thắng nổi nó. Chàng hỏi người

bồi bàn chỗ *telephone*.

May quá, G. ngay ở đầu máy. Anh chàng thường đi làm về trễ.

— Sao ,khoẻ không ?

— Thường thường. Đi tới đâu rồi ?

— Đà Lạt ! Nhưng sắp quay về.

— Cái gì ?

— Tự nhiên chán. Báo cho ông biết tôi sắp quay về.

— Về thì về chứ cần gì phải gọi *long distance* cho tốn tiền.

— Cậu là chủ nhà mà !

— Bày đặt ! Thôi về đi ông nội .

Chàng ra xe. Gió đêm lộng thổi. Giá buốt. Trăng lên phía sau ngọn *Shasta*. Ánh lên mầu tuyết. Chàng mỏi mệt và buồn ngủ lạ thường, nhưng chàng vẫn phải lái xe hàng ngàn dặm trở về nơi chàng cư ngụ.Có thể chàng không về tới đó. Có thể chiếc xe sẽ lật ở một khúc đèo cao nào đó. Có thể chàng sẽ chết...

Định Nguyên

Sách mới

GÃ TỊ NẠN

Tập truyện của VĨNH LIÊM
Tủ sách CON RỒNG xuất bản

- **Tuyển tập truyện ngắn đắc ý nhất của tác giả.**
- **Những khắc khoải nội tâm, những cuộc tình đổ vỡ, những tiếc nhớ khôn nguôi, những ước mơ đoàn tụ. . . sẽ được tìm thấy ở GÃ TỊ NẠN.**

Đặt mua tại Tủ Sách CON RỒNG
P.O. Box 567
Germantown, MD. 20874 (USA)

Giá tiền: 7 Mỹ kim (Hoa Kỳ), 8 Mỹ kim (Canada), 10 Mỹ kim (các nước khác). Check hay money order xin đề tên VĨNH LIÊM.

Nguyễn Tất Nhiên

Trời đất yêu thương

9

Anh sẽ an nhiên chấp nhận nhìn mất mát để chẳng còn thứ chi để mất, vì anh đã mất em ! Và mỗi khi vừa chớm nghe tiêng tiếc một điều gì anh sẽ ngửa đôi bàn tay trơn ra mỉm cười với màu tình trong vắt như gương soi thấy mặt đôi mình, vì cho đến cái giây đang tích tắc này ta vẫn chưa hề gián đoạn giữ gìn nhau! Anh tin rồi em hỡi, người ta sống để yêu thương và chết là để bắt đầu lại một chu kỳ mới mẻ của muôn đời sống-để-yêu-thương !

10

Tóc chúng mình rồi sẽ nhiều sợi phai thêm. Em hỏi anh có buồn khi chợt bắt gặp sợi tóc bạc đầu tiên ? Anh không biết đáp làm sao ? Ồ, chắc cũng chẳng có ấn tượng chi sâu đậm gọi là. Kìa em ! Người ta vẫn thích tự đánh lừa bằng cách mượn chất màu hoá học, người ta vẫn chịu trang hoàng những chiếc lá bằng nhựa tẩm xanh, những đoá hồng bằng lụa nhuộm đỏ, hơn là điểm trang cho mầu mắt một nụ hoa mười giờ xinh xinh bên cỏ đang lành nhiên hấp hối buổi vào trưa, một xác lá nhu thuận ven đường đã vâng nhịp thời gian trong cung đàn mùa thu muôn thuở ! Kìa em ! Hay chiếc lá úa, cánh hoa tàn làm hoen trời đất ? Sợi tóc sâu làm cũ tình yêu ?

11

Sáng nay ngó ra đường, thấy mới tinh tất cả, thấy nắng nôi dịu dàng biết vuốt ve cây cỏ, thấy cây cỏ dễ thương biết làm duyên tóc xoã, thấy mặt trời thật ngoan biết dưỡng dung sự sống, thấy sự sống ngát hương (hương điểm trang ngây ngất từ phòng lược gương em). Anh hình dung lớp học, với đôi ta tình đầu, với em mười lăm tuổi, chân thỏ bước vào thơ...Ô, dòng thời gian chảy dưới chân cầu tình yêu ! Xuất thần anh phóng tưởng đôi mình vào sáu mươi, vụng về như mới lớn, cuống quýt và thơ ngây, tay ngập ngừng rung động, nhút nhát chạm bàn tay...Ô ! Tình yêu tối thượng đứng trên dòng thời gian !

12

Mặt đất kia phù sa đắp bồi cho lúa trĩu hạt đầy bông. Đất thản nhiên chẳng hay mình phì nhiêu hay khô cỗi, thảo mộc thản nhiên không biết mình xum xuê hay cọc còi, cõi lòng anh dòng tình táp mãi phù-sa-khổ-đau cho đòng-đòng-yêu-thương no sữa. Em là dòng sông là nắng mưa là thời tiết. Dưới chân tình yêu, xin cho vườn-ruộng-lòng anh chẳng tham lam cũng không phân biệt hoa nào là hoa-hạnh-phúc quả nào là quả-đau-thương !

Buena Park 15.12.1985

Nguyễn Đăng Diệm

Thanh Nam và Đất Khách

*N*gày còn ở Việt Nam, Thanh Nam được nổi tiếng là một nhà báo và một nhà văn hơn là một nhà thơ. Tên Thanh Nam xuất hiện thường xuyên trên các tuần báo, nguyệt san, truyện ngắn, truyện dài. Họa hoằn lắm mới thấy tên Ông ký dưới một bài thơ. Thiên hồi ký Ông viết dang dở, có lần Ông tâm sự: "Tôi viết văn là do sinh kế thúc đẩy, còn làm thơ thì chỉ khi nào cao hứng lắm mới làm." Có nghĩa là Ông rất ít làm thơ. Thế mà khi tập thơ *Đất Khách* của ông được phát hành, Ông được chào đón như là một nhà thơ lớn. Thật thế, sau ngày di tản 1975, ngoài tập *Thơ Cao Tần*, có lẽ tập thơ *Đất Khách* của Thanh Nam là tập thơ được người ta nói đến nhiều nhất. Nhiều nhà văn, nhà thơ tên tuổi, có uy tín đã viết cảm nghĩ của mình về tập thơ này. Từ Huy Quang, Mai Thảo, Nguyên Sa, Nhất Tuấn đến Nguyễn Mộng Giác, Phan Lạc Tiếp..., mỗi người đều có những nhận xét độc đáo, xác đáng và sâu sắc. Người ta nói nhiều đến thơ Ông, người ta ca tụng thơ Ông, một phần nhỏ là do trường hợp đặc biệt bệnh hoạn ngặt nghèo của Ông, nhưng một phần lớn là vì tập thơ *Đất Khách* là một tập thơ rất có giá trị.

Tập thơ Đất Khách của Thanh Nam gồm có 16 bài, trong đó 10 bài được làm tại Hoa Kỳ, 5 bài được sáng tác lúc nhà thơ còn ở Miền Nam Việt Nam, và một bài được làm lúc tác giả còn ở Hà nội. Sở dĩ tôi phải phân tích tỉ mỉ như vậy là vì tôi cứ băn khoăn về nhan đề tập thơ. Hiểu theo nghĩa hẹp, thì lẽ cố nhiên, Hoa Kỳ là *đất khách* của Thanh Nam. Hiểu theo nghĩa rộng hơn chút nữa — quê hương là nơi chôn nhau cắt rốn — thì Miền Nam Việt Nam cũng là *đất khách* của Ông. Giống như Vũ Hoàng Chương lúc mới di cư vào Nam, đã viết :

"Đất khách nằm suông lắng tiếng mưa".

Nếu hiểu theo nghĩa rộng rãi nhất, thì cõi đời trần gian này là đất khách của thi sĩ. Hình ảnh trích-tiên của Lý Bạch, hình ảnh con chim hải âu của Beaudelaire, giống như Hàn Mặc Tử đã viết:

"Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm mầu,
Những hạt lệ của trích-tiên đày-đọa".

Vậy thì Hà nội, Sàigòn và Hoa Kỳ đều là *đất khách* của Thanh Nam. Có khác chăng là từ Hà nội, vào Sàigòn, đến Hoa Kỳ, cái ý niệm lạc loài cô đơn, cái thân phận lữ thứ của Ông càng nổi bật lên, trở nên sâu đậm hơn, càng trở nên chua xót đắng cay hơn. Trong bài *Phai Mòn,* ba bài thơ duy nhất sáng tác lúc Ông còn ở Hà nội, tư tưởng lạc loài của Ông đã phảng phất:

"Hoang vu che lấp dấu đời xa xưa
Ta về chân bước bơ vơ
Ngựa xe lạc nẻo kinh đô nhục nhằn."

Vào đến Sàigòn, cái thân lữ thứ của Ông càng hiện rõ:

"Một mớ hành trang ưu sầu chất nặng
Giữa Sàigòn lạc lõng bước chân thơ."
(Hà nội)

Niềm cô đơn vẫn bám chặt vào Ông lúc Ông đứng giữa hí trường với người ca sĩ:

"Em theo tiếng hát vào hư mộng
Ngơ ngác mình tôi giữa hí trường".
(Hí Trường)

Ý thức cô đơn đã làm Ông nghi hoặc cả lòng chung thủy của người tình:

"Mai ta về không biết em còn nhớ
Hay trăm năm sầu chết phút tương phùng
Em ngó ta như ngó người khách lạ
Giọng lạnh lùng và bình thản: Thưa Ông"
(Khi về hỏi liễu)

Nỗi chua xót bị người tình nhìn mình như nhìn người khách lạ, cũng là nỗi chua xót của anh chàng d'Arvers ngày trước :

"Lạnh lùng lòng sẽ hỏi lòng
Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ?"
(Tình tuyệt vọng, Khái Hưng dịch)

Thân phận lữ thứ của Ông trở nên chua xót hơn trong *Bài hành đón tuổi 40 :*

"Gọi về trong đáy hồn lưu lạc
Những bước chân xưa nhạt dấu giày."

Sang đến Hoa Kỳ, sự chua xót, niềm cô đơn, thân phận lữ thứ của Ông đã đạt đến tột đỉnh, bởi Hoa Kỳ mới là *đất khách* thật sự. Ngày tháng ở đất khách mới này đã trở thành cơn ác mộng dài :

"Bảy năm cơn ác mộng dài
Con tàu biệt xứ trôi hoài mỗi đêm."
(Sàigòn)

"Ác mộng không rời người biệt xứ

Quê xa còn ngút lửa kinh hoàng."
(Khúc ngâm trên đất tạm dung"

"Ra đi từ thuở làm ly khách
Sầu xứ hai xuân chẳng đợi chờ
Quê người nghĩ xót thân lưu lạc
Đất lạ đâu ngờ buổi viễn du."
(Thơ Xuân Đất Khách)

Bởi tâm hồn Thanh Nam mang nặng tính chất cô đơn, ý niệm lạc loài, thân phận lữ thứ, nên thơ Ông đầy tư tưởng nhục nhằn hờn tủi. Nhục nhằn bởi công không thành danh không toại, nhục nhằn bởi cảm thấy bất lực trước sóng gió của cuộc đời và trước sức tàn phá của thời gian trên cơ thể, bởi công việc hàng ngày nhàm chán mà vẫn phải làm, bởi bỗng dưng mà biến thành đứa trẻ con "ngu ngơ tập nói", bởi bị bắt buộc rời bỏ quê hương yêu dấu, bởi bằng hữu tan tác mỗi người mỗi ngả :

"Tâm tư nặng chĩu u hờn
Tuổi hai mươi sớm phai mòn ước mơ."
(Phai Mòn)

"Cha ru con bằng lời thống khổ
Trong nhục nhằn mê sảng đêm nay
Tiếng bạc đời cha gieo đã lỡ
Chiều tà khôn gỡ nước cờ sai
.....
Viết mướn đã bao thằng mệt mỏi
Sang giàu đếm được những ai đây!"
(Bài hành đón tuổi 40)

"Uống say mai sớm lên đường
Đấu trường lại múa dăm đường võ quen
.....
Bốn mươi lăm tuổi rồi sao
Ngó gương xưa thấy tóc râu rối bù
Trán hằn dăm lũng ưu tư
Cuộc chơi trần thế chừng như mỏi mòn."
(Đêm cuối năm)

"Giọt nào lạc lõng trong tôi
Xót thân vô dụng một đời nín câm."
(Mưa)

"Rót hết cho nhau những bẽ bàng
Những buồn cơm áo, nhục tha hương."
(Khúc ngâm trên đất tạm dung)

"Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt

Tập làm con trẻ nói ngu ngơ
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đắt vô cùng giá tự do."
(Thơ Xuân Đất Khách)

Nỗi đau đớn nhục nhằn nhất của Thanh Nam là đã phải mua tự do bằng một giá quá đắt: rời bỏ quê hương yêu dấu. Ông yêu quê hương tha thiết. Quê hương sống mãi trong giấc mộng của Ông. Một thoáng sương mù buổi sớm trên biển khơi đã làm Ông nhớ tới quê hương :

"Bỗng dưng lòng thoáng bời hời
Tưởng đâu Phú Quốc đêm rời quê hương."
(Sương)

Mỗi một nhớ thương của Ông đều mang nặng hình ảnh quê hương:

"Ghé thân lữ thứ trăm miền
Nhớ thương nào cũng mang tên Sàigòn."
(Sàigòn)

Ông không bao giờ quên được ngày Ông phải rời bỏ quê hương, ngày Ông bắt đầu cuộc đời lưu đày, tức là ngày quê hương rơi vào tay cọng sản:

"Một năm người có mười hai tháng
Ta trọn năm dài một Tháng Tư."
(Thơ Xuân Đất Khách)

Yêu quê hương, nhưng Ông không nhớ tới Sàigòn với đại lộ Duy Tân cây dài bóng mát, với bờ sông Bạch Đằng dập dìu tài tử giai nhân mỗi chiều chúa nhật, với những đại lộ Tự Do, Lê Lợi sầm uất. Phải là người yêu Sàigòn lắm, phải là người từng sống lăn lóc với Sàigòn, từ lúc bình minh ló dạng với những chiếc xe lam chở người đi chợ từ ngoại ô về thành phố, cho tới đêm khuya chỉ còn ánh đèn le lói trong đường hẻm, mới viết được những câu:

"Sàigòn ôi những thân quen
Nhịp xe chợ sớm, ánh đèn hẻm khuya."
(Sàigòn)

Nhớ tới quê hương là nhớ tới cảnh đói rách tù đày, cảnh đày đọa nhục nhằn mà anh em bằng hữu đang phải gánh chịu trên quê hương đau khổ:

"Nỗi buồn nhức buốt xương da
Trong cơn đồng thiếp thấy ta trở về
Thấy anh em, thấy bạn bè
Thấy tù ngục, thấy chia lìa tóc tang."
(Sàigòn)

"Ơi hỡi quê hương bè bạn cũ
Những ai còn mất giữa sa mù

Mất nhau từ buổi tàn xuân đó
Không một tin nhà, một cánh thư."
(Thơ Xuân Đất Khách)

Nhớ tới quê hương cũng là nhớ tới bằng hữu đang tan tác trên đất khách :

"Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ
Đứa nuôi cừu hận, đứa phong ba
Đứa nằm yên phận vui êm ấm
Đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa."
(Thơ Xuân Đất Khách)

Ý thức sự bất lực của mình trước cuộc đời, ý thức sự nhục nhằn chua xót của đời mình, của quê hương đau khổ, Thanh Nam đã tìm sự khuây khỏa trong ly rượu. Ngày xưa, Vũ Hoàng Chương uống rượu để quên:

"Hãy buông lại gần đây làn tóc rối
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi điên
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói
Đưa hồn say về tận cuối trời Quên."
(Vũ Hoàng Chương: Quên)

Thanh Nam không uống rượu để quên. Thanh Nam không muốn quên quê hương, không muốn quên bằng hữu, không muốn quên cảnh nhục nhằn của đời mình. Thanh Nam uống rượu để nhớ, để chua xót, uống bởi sợ ngày mai mịt mờ bấp bênh:

"Say càng chua xót, tỉnh càng thương."
(Khúc ngâm trên đất tạm dung)

"Uống đi, uống cạm cơn cuồng nộ
Rót hết cho nhau những bẽ bàng
Thân ái nghìn trùng ôi bạn hữu
Uống cùng ta nhé, rượu bi thương."
(Khúc ngâm trên đất tạm dung)

"Lãng đãng khói sương trời tưởng nhớ
Ly này xin cạn hết chua cay
.....
Cuộc chiến nay chừa dăm bảy mạng
Thôi thì rượu đó uống cho say."
(Bài hành đón tuổi 40)

"Hãy uống cho say trời sắp sáng
Mai này hai đứa đã hai phương
Rồi đây hiu hắt thân bèo dạt
Trôi nổi quê người ai nhớ thương."
(Khúc ngâm trên đất tạm dung)

Đọc bốn câu sau này, tôi chợt nhớ tới mấy câu thơ của cao Tần :

"Cứ hát ta nghe mà bạn quý

Mai đời di tản lại buồn tênh
Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình."

Trước viễn ảnh bấp bênh của cuộc đời di tản, Thanh Nam đã giục bạn uống rượu, trong khi Cao Tần lại giục bạn ca hát. Cùng một hoàn cảnh, một ý nghĩ, nhưng hai nhà thơ phản ứng khác nhau. Uống rượu, Thanh Nam thích uống một mình:

"Đối bóng mình ta say với ta."
(Thơ Xuân Đất Khách)

"Mở chai bia lạnh thay cơm tối
Ngồi đọc thư nhà, lệ chứa chan."
(Thơ nhà)

"Nghiêng chai, thêm một ly này nữa
Trên vách sầu ta đối bóng gầy."
(Bài hành đón tuổi 40)

"Rượu mời ta rót cho ta
Bạn gần không tới, bạn xa chưa về."
(Đêm cuối năm uống rượu một mình)

Cảnh Thanh Nam ngồi uống rượu một mình cũng giống như cảnh Lý Bạch ngày xưa. Có khác chăng là Thanh Nam càng uống càng trầm ngâm yên lặng, trong khi Lý Bạch càng say càng ca múa:

"Hoa gian nhất hồ tửu
Độc chước vô tương thân
.....
Ngã ca nguyệt bồi hồi
Ngã vũ ảnh linh loạn."
(Lý Bạch: Nguyệt hạ độc chước)

(Tạm dịch: Trong vườn hoa, một bầu rượu, một mình ta rót uống, chẳng có ai là người thân... Ta ca hát, trăng bồi hồi. Ta nhảy múa, bóng linh loạn).

Nhà thơ Nhất Tuấn đã nhận xét rất đúng khi bảo rằng thơ Thanh Nam không có tính chất tranh đấu. Thật thế, Thanh Nam không phải là người tranh đấu. Ông không bao giờ cổ võ tranh đấu. Ông là người thua cuộc và Ông chấp nhận thua cuộc. Ông đau đớn chấp nhận cuộc sống như hiện có, bởi Ông cảm thấy bất lực trước giông bão của cuộc đời. Nhất là càng ngày càng già đi, Ông lại càng cảm thấy bất lực hơn. Ông để đời Ông trôi nổi, cầm bằng theo gió đưa đi, "làm thân cây cỏ gục ven bờ" :

"Chấp nhận hai đời trong một kiếp
Đành cho giông bão phũ phàng đưa
.....
Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua."

(Thơ Xuân Đất Khách)

"Ta như giông bão tan rồi hợp
Trôi giạt còn hơn sóng đại dương
Tuổi già ví tựa thân tơ mỏng
Cuộc sống trăm cơn gió bạo cuồng
Ôi bạn, ôi ta, chiều đã xế
Phù sinh thương mình ly rượu suông
Bàn tay bất lực che ngang mặt
Người ơi, người ơi, sao đoạn trường!"

(Khúc ngâm trên đất tạm dung)

Ông chấp nhận cuộc sống, chấp nhận một cách tuyệt vọng, bởi không thể làm khác hơn. Lâu lâu, Ông cũng muốn vùng lên để thay đổi cuộc sống, để làm lại cuộc đời, quên đi những hờn tủi cũ:

"Thôi chào quá khứ ngủ yên
Những đau thương cũ vùi quên cuối trời
Giã từ luôn nữa nổi trôi
Cành tươi chim đậu, bến vui thuyền về."

(Buổi đầu)

Hy vọng vùng lên nhưng rồi chỉ là ánh đèn leo lắt. Rồi đâu lại vào đấy, bởi sóng gió của cuộc đời thì quá mạnh mà sức Ông thì yếu đuối. Vả lại, Ông nghĩ rằng dù có cố gắng thay đổi cuộc sống thì cũng chẳng được ích gì, cũng chẳng đi tới đâu:

"Đi đâu hoặc có về đâu nữa
Cũng gái phong trần, trai gió sương."

(Khúc ngâm trên đất tạm dung)

Ông bào chữa cho cái thái độ thua cuộc của Ông bằng cách triết lý: hơn thua rồi cũng về chung ba tấc đất:

"Canh bạc trần gian dù thắng bại
Nẻo về đất lạnh giống nhau thôi."

(Bóng nguyệt lòng sông)

Cho nên, như Nguyễn Mộng Giác đã nhận xét rất đúng: Thơ Thanh Nam là tiếng "thở dài". Nhất Tuấn cũng đã dùng một từ ngữ rất chính xác để nói về thơ Thanh Nam: thơ Ông là tiếng "ngậm ngùi". Thở dài và ngậm ngùi cho thân phận con người, cho đời người và người đời, cho thân phận lữ thứ, cho nỗi nhục nhằn mất quê hương, cho nỗi đau xót phải xa bằng hữu, cho bao hờn tủi trên đất khách, cho thân phận cỏ cây yếu đuối trước giông bão của cuộc đời.

Bởi thế, thơ Thanh Nam là thơ của "người trung niên". Thơ Ông không phải là thơ của tuổi trẻ. Những người tuổi trẻ đang hăng say trước cuộc sống, sẽ và đang dấn thân vào đời, lòng chứa chan hy vọng, những người tuổi trẻ đó khó mà thích thơ Thanh Nam, bởi thơ Ông không có cái hăng say, cái đam mê, cái bồng bột

của tuổi trẻ. Chỉ có những người đứng tuổi, "người trung niên" (chữ của Huy Quang), đã từng có một quá khứ ở Việt Nam, dầu là một quá khứ tầm thường không huy hoàng, đã từng lăn lóc vào cuộc sống, đã từng thất bại trong cuộc đời, đã từng lê gót chân trên những nẻo đường đất nước, đã từng ứa nước mắt khi phải rời bỏ quê hương bằng hữu, chỉ có những người ấy mới thích thơ Thanh Nam, bởi Ông đã nói ra nỗi lòng của họ, Ông đã đau cái đau của họ, đã buồn cái buồn của họ.

Như đã nói, tập thơ Đất Khách của Thanh Nam gồm có 16 bài, trong số đó, có 6 bài lục bát, 5 bài thất ngôn, 3 bài hành và 2 bài thơ 8 chữ (thơ mới). Hai bài thơ mới *Hà nội* và *Khi về hỏi liễu* không được đặt biệt lắm. Nhưng các bài hành, thất ngôn và lục bát thì thật là tuyệt diệu. Trong làng thơ Việt nam, ngoài Thâm Tâm và Nguyễn Bính ra, có lẽ Thanh Nam là người có tài nhất trong việc sáng tác những bài thơ theo thể điệu hành. Có lẽ bởi vì thơ Ông là tiếng thở dài triền miên, là tiếng ngậm ngùi muôn thuở, cho nên thể hành là thể thơ thích hợp nhất cho lời than thở của ông. Thơ của ông rất cổ điển, điềm đạm, dễ hiểu. Ông không dùng điển tích khó hiểu. Lời thơ Ông rất tự nhiên, hơi thơ Ông đi một mạch, không khúc mắc, không cầu kỳ, không làm dáng, mà lại giàu âm nhạc, nên thơ Ông đọc rất dễ nhớ, dễ thuộc. Có người bảo Ông làm thơ dễ dàng. Dễ dàng chứ không phải dễ dãi. Thật sự, thơ Ông không phải dễ dàng như người ta tưởng. Cái bề ngoài dễ dàng của lời thơ Ông hàm chứa một sự trau chuốt, một cuộc vật lộn với chữ nghĩa. Chứng cớ là trong tám năm lưu lạc ở Hoa Kỳ, Ông chỉ làm được có 10 bài thơ. Như Thanh Nam đã nói, Ông phải cao hứng lắm mới làm thơ. Và cái hứng thường đến với Ông nhân một dịp nào đó. Dịp đó, thường là dịp Tết Nguyên Đán. Có lẽ vì suốt năm Ông bận rộn mưu sinh, đến dịp Tết Ông mới rảnh rỗi thì giờ để ngồi trầm ngâm suy tư về thân phận, cảm thấy chua xót, mới làm nên thơ. Đó là trường hợp bốn bài thơ hay: *Thơ xuân đất khách, Cõi xuân non, Đêm cuối năm uống rượu một mình* và *Bài hành đón tuổi 40.* Ba bài khác là bài *Buổi Đầu* sáng tác nhân dịp Ông vừa đến định cư ở Seattle, bài *Sàigòn* để kỷ niệm ngày 30 tháng 4 và bài *Khúc ngâm trên đất tạm dung* là để tiễn bạn.

Để kết thúc, tôi xin mượn lời của Hoài Thanh khi nói về Đoàn Phú Tứ: *Thơ hay không cần phải làm nhiều.* Với 16 bài thơ, Thanh Nam đã tạo được một chỗ đứng vững vàng trong lịch sử thi ca Việt Nam. Hơn thế nữa, thơ Ông là tiếng nói, là niềm đau, là tâm sự của biết bao người-Việt-trung-niên đã trải nửa đời người trên đất nước, bỗng một sớm một chiều, chợt thấy mình bơ vơ lạc loài trên đất lạ giữa những người khác màu da tiếng nói, lòng không bao giờ quên được quê hương yêu dấu đã mất, đồng thời ý

thức đau đớn sự vô dụng, cái tương lai mờ mịt bấp bênh của mình trên phần đất tạm dung này.

Nguyễn Đăng Diệm

Huỳnh Liễu Ngạn

Một cuộc tình sớm mai

Đã lâu rồi chẳng nhận
Được một dòng sông xưa
Anh lưu vong đất Mỹ
Vạn nỗi buồn đong đưa

Mái tranh giờ dột nát
Em chăm bón nỗi sầu
Mình xa nhau thuở nọ
Có chia được miếng trầu

Nhớ em chiều nắng muộn
Hắt vạt áo lụa đào
Bóng ai bên liếp đó
Se sắt đời lao đao

Vẫn dòng sông xưa cũ
Nắng đục rồi mưa trong
Em qua mùa gạo mới
Đong phận người rêu rong

Mai có về quê cũ
Thương bước ngắn bước dài
Ngàn năm sau duyên nợ
Một cuộc tình sớm mai

Đã lâu rồi chẳng nhận
Được một dòng thư xưa
Cũng đành thôi lỗi hẹn
Như phận đời đẩy đưa

Như Chi

Thơ đêm

Chữ nghĩa bay đâu mất
Một buổi chiều nắng phai
Ta ngồi đây nhập thất
Ngoài song gió thở dài
Chở chuyên lời ẩn mật

Thôi chiều ơi chiều ơi
Đợi chi đời đã mệt
Hãy tắt đi tàn đi
Cho một ngày sớm hết
Cho nỗi buồn tàn theo
Cho cõi lòng đã chết

Thôi người ơi người ơi
Nhớ chi tình ảo mộng
Chiều phai rồi đêm rơi
Đời ta một khoảng trống
Buồn khi đầy lúc vơi
Chẳng vợi lòng say đắm
Ôi tình ơi tình ơi !

Chữ nghĩa bay mất rồi
Bàn tay ta vẫn trắng
Thân xác ngồi chơ vơ
Đêm đen còn đợi nắng
Đã hết rồi tình ơi
Nỗi buồn vào khuya khoắt
Người ơi người ơi người ơi...

Phạm Duy
Thời kỳ thành lập xu hướng nhạc hùng
Hoàng Quý và Đồng Vọng

*N*gay từ khi Tân Nhạc mới được thành lập, Hoàng Quý đã sốt sắng tham gia với một bài có tính chất xưng tụng quê hương: bài CHÙA HƯƠNG với nhạc điệu, lời ca rất mộc mạc, rất êm đềm, không hay lắm nhưng cũng không dở lắm. Nhưng sở trường của ông có lẽ không phải là *"nhạc tĩnh mịch"* như tiếng nam mô hay tiếng chuông chùa trong động vắng trầm tư! Bài CHÙA HƯƠNG không được đón nhận một cách nồng nhiệt, có lẽ vì dùng một âm giai Tây Phương để diễn tả sự trầm lặng của một ngôi chùa Á Đông thì... không được ổn cho lắm.

Nhưng khi Phong Trào Thanh Niên mà nhà cầm quyền Pháp giao phó cho Đại Tá Ducoroy để *"nắm"* thanh niên nam nữ Việt Nam và có sự phản ứng của nhạc sĩ trẻ trong sáng tác, thì Hoàng Quý như cờ gặp gió, soạn ngay cho hai đoàn thể của mình là tổ chức hướng đạo và học sinh ở các trường nơi ông dạy học, một số bài hát có tính chất hát cộng đồng (hát chung với nhau, không còn là hát biểu diễn nữa)... Có bài được dùng để hát và múa trong đêm lửa trại, có bài là những *"anh hùng ca", "lịch sử ca"* có lẽ chịu ảnh hưởng của bài ANH HÙNG XUA đã có sẵn trong hướng đạo sinh.

Suốt trong một thời gian từ năm 43 cho tới 45, Hoàng Quý đã qui tụ được một số bạn hữu như Phạm Ngữ, Lưu Hữu Phước, Văn Cao, và em ruột của mình là Hoàng Phú (sau đổi tên là Tô Vũ) để sáng tác và ấn hành khoảng trên 60 bài ca theo xu hướng NHẠC HÙNG.

Riêng phần Hoàng Quý, đã có những bài bất hủ như TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG, GỌI BẠN LÊN ĐƯỜNG, TIẾNG CHIM GỌI ĐÀN, BÓNG CỜ LAU, NƯỚC NON LAM SƠN, LỜI VỌNG NGÀN XƯA, DƯỚI BÓNG THÔNG XANH, CHIỀU XUÂN, NẮNG TƯƠI...

Bài hát được dùng nhiều trong các vụ lửa trại là bài ĐÊM TRONG RỪNG:

ĐÊM TRONG RỪNG

Hoàng Quý

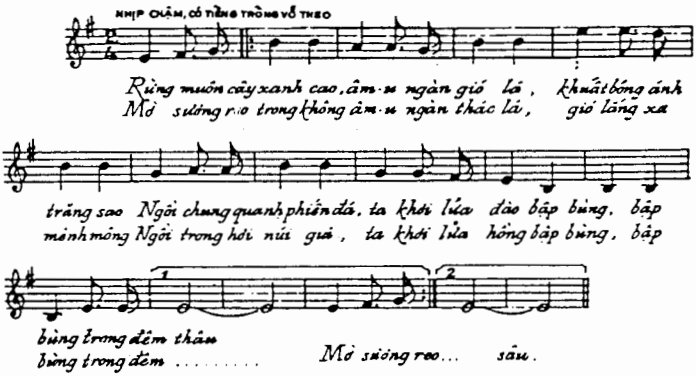

Tân nhạc không còn là những bài hát có tính chất biểu diễn nữa, và trở thành một tiếng hát, kêu gọi đoàn viên cùng đến hát chung với nhau những tiếng hát rầm rộ, khỏe mạnh, hứng khởi. Không còn sự tĩnh mịch, không còn sự bùi ngùi, than khóc miệt mài như trong loại nhạc tình tiêu cực nữa! Rõ rệt là các nhạc sĩ trẻ đã lợi dụng Phong Trào Thanh Niên mà thực dân Pháp đưa ra với ý định *"nắm"* các thanh niên thuộc địa, để viết ra những *"thanh niên ca"* của mình, của dân tộc mình.

*
* *

*N*hững bài hát dùng trong các buổi lửa trại, gọi chung là NHẠC HÙNG gồm có những bài "thanh niên ca", "lịch sử ca" trong đó "anh hùng ca" được soạn ra khá nhiều để nung nấu lòng yêu nước của thanh niên, phải cố gắng theo gương những người đã có công cứu nước.

Lúc đó, trong giới học sinh, sinh viên, hướng đạo đã có những bài "lịch sử ca" kể lại hầu hết những vị anh hùng lập quốc, cứu quốc và kiến quốc như Phùng Hưng, Trưng Vương, Đinh Bộ Lĩnh, Hưng Đạo Vương, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Quang Trung, Mai Hắc Đế, Lê Lai... Nhạc điệu hãy còn phải vay mượn điệu dân ca Hoa Kỳ Clementine nhưng lời ca thì rất hấp dẫn:

Tâm gan nát mòn
Noi gương anh hùng

Cùng nhau gắng sức quên tấm thân...

Giang sơn điêu tàn
Dân gian nguy nàn
Phùng Hưng uất ức phá tan hoang...

Trên vai mang thù
Thương dân lao tù
Bà Trưng tuốt kiếm phá quân Ngô

Sứ quân tung hoành
Gieo kinh dân lành
Trừ yêu khắp nước có vua Đinh...

Quân Mông lên đường
Vua ta lo lường
Đằng giang quyết chiến có Hưng Vương...

Quang Trung anh tài
Vung gươm . . . . . .
Vào Nam xuống Bắc vững không lui...

Đao cung lên đường
Gian nguy coi thường
Tài Mai Hắc Đế nhất Nam phương...

Quân Minh vây thành
Lê Lai quên mình
Vì dân cứu chúa chết quang vinh...

Đem binh ngăn Tầu
.....
Ngàn năm hiếm có Lý tướng quân

Gian nguy muôn từng
Xông pha anh hùng
Cờ Lê phấp phới cứu muôn dân...

Những bài "anh hùng ca" như vậy đã được tung ra, hưởng ứng phong trào soạn nhạc hùng, bên cạnh loại nhạc tình. Ví dụ bài Ngô Quyền, của Khuyết Danh, mở đầu cho những bài cũng cùng chung một đề tài của Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước sau này :

NGÔ QUYỀN

Bạch Đằng Giang, sông ơi !
Cùng ta réo lên chiêu anh hùng xưa
Theo tiếng sóng bên kia vừa tung bay
Tà giáp theo gươm thần chập chờn
Trên sông thiêng đỏ máu ai kia
Đã vung kiếm báu lên trời ghi hú vang
Bên ngàn núi sông chiêu hồn nước non.
Kìa Hoàng Thao đem bao quân sang
Quyết thâu giang sơn nhà Nam
Trên sóng biếc Ngô Quyền phá tan
Quân Tầu thoát nơi nguy nan
Bạch Đằng giang,
Sông ơi là mồ chôn quân Nam Hán
Dân trong nước nhớ ơn đời đời
Nhớ ơn anh hùng cứu nước khơi vùng tối tăm...

Nhưng những "anh hùng ca" mà tôi vừa kể ra đó, hoặc nó vay mượn nhạc điệu ngoại quốc, hoặc nó thiếu tính chất nghệ thuật cho nên nó đã không được phổ biến mạnh mẽ. Đằng khác, Hoàng Quý có tài sáng tác, có cả một hậu thuẫn là hai giới học sinh, hướng đạo, nhất là có hẳn một cơ sở để ấn hành nhạc hùng là tổ chức ĐỒNG VỌNG, qui tụ được hầu hết các nhạc sĩ trẻ của thời đó.

Anh Hùng Ca của Hoàng Quý là những bài như BÓNG CỜ LAU, xưng tụng vị anh hùng ở Động Hoa Lư:

BÓNG CỜ LAU

Hoàng Quí

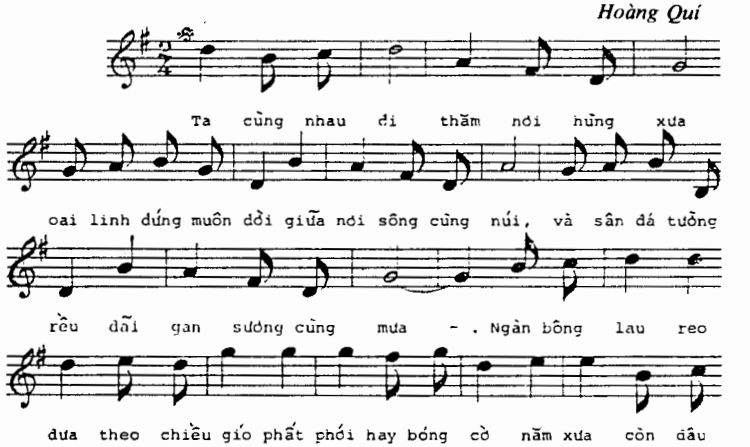

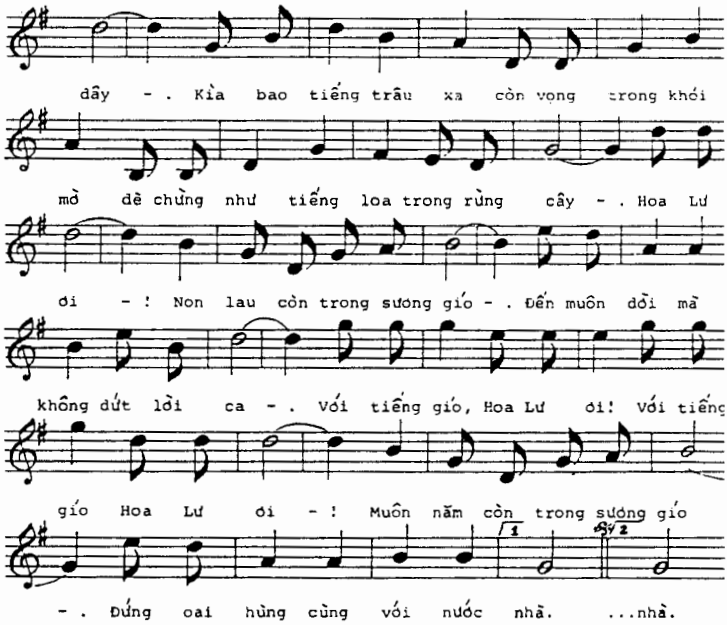

Nhạc điệu nghe ra rất khỏe mạnh. Lời ca không có vẻ "sáo ngữ" mà vẫn gợi cho thanh niên những tình cảm đẹp đối với non nước Việt Nam, "sân đá, tường rêu"... ."ngàn bông lau reo, đưa theo chiều gió"... với trẻ thơ anh hùng chơi trò đánh trận, với "tiếng trâu xa, cơn vọng trong khối mờ, dè chừng như tiếng loa trong rừng cây"...

Xưng tụng Lê Lợi, Hoàng Quý soạn bài NƯỚC NON LAM SƠN :

NƯỚC NON LAM SƠN

Hoàng Quí

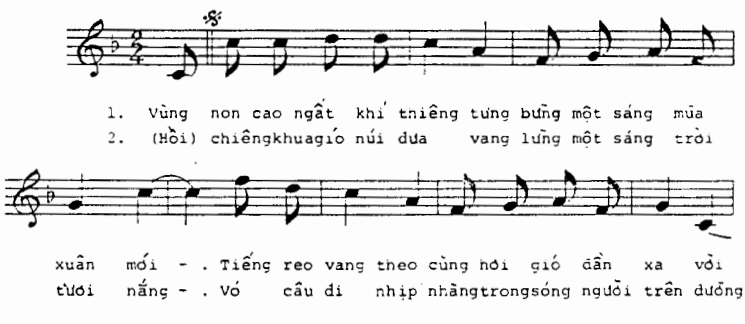

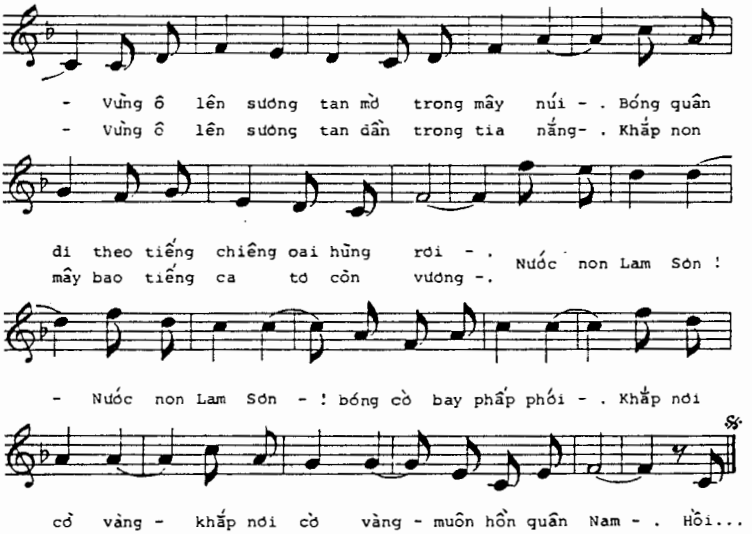

Nhạc Hoàng Quý không cầu kỳ, bóng bẩy, và có đặc điểm thôi thúc, lôi cuốn người nghe. Ông hay nhắc lại một nét nhạc chủ đề trong nhiều ca khúc. Một nét nhạc sau đây là một ví dụ (nét nhạc này về sau, ta cũng hay thấy hiện ra trong những hành khúc của Văn Cao) :

Điệp Khúc của bài BÓNG CỜ LAU có một nét nhạc tương tự như đoạn cuối của bài NƯỚC NON LAM SƠN :

ĐIỆP KHÚC CỦA BÓNG CỜ LAU

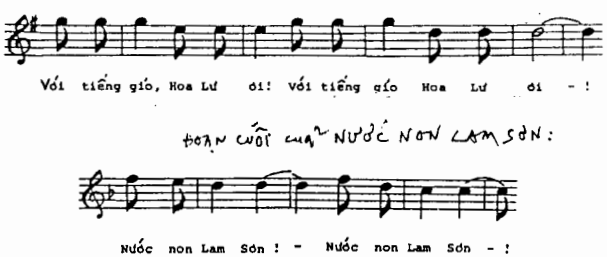

Hoàng Quý cũng như Lưu Hữu Phước còn ca tụng chiến thắng BẠCH ĐẰNG GIANG, nhưng nhạc ngữ của ông thiên về Á Đông hơn! Nhạc phẩm của ông thường là sự dung hòa hai âm giai ngũ cung và thất cung, trong khi *"nhạc hùng"* của Lưu Hữu Phước

thì có vẻ như là nhạc fanfare của quân đội Pháp !

TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG

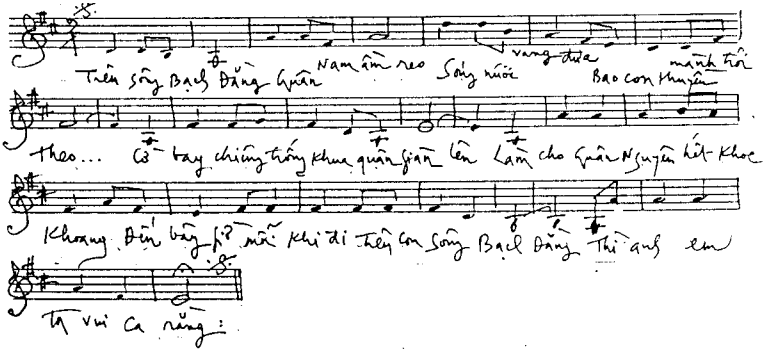

Bài hát giống như một RONDE ENFANTINE được hát đi hát lại nhiều lần, rất phù hợp với tuổi thiếu niên đang khao khát âm nhạc mới và được nuôi dưỡng thêm tình yêu nước, yêu những anh hùng liệt sĩ thuở xưa.

*
* *

Đánh giá Hoàng Quý không nên chỉ thu hẹp vào những sáng tác của ông, bởi vì sự hoạt động của ông cho nền nhạc hùng còn là một điều khiến chúng ta phải ghi nhớ và ghi ơn. Ông là linh hồn của đám nhạc sĩ trẻ ở Hải phòng, thúc đẩy mọi người sáng tác và ông làm cho những sáng tác đó có một đời sống hẳn hoi, nghĩa là in ra, hát lên trong những sinh hoạt hướng đạo hay học sinh của ông. Chắc chắn công việc làm của ông đã ảnh hưởng tới Lưu Hữu Phước, chứng cớ là những nhạc phẩm đầu tiên của họ Lưu đã được nhạc sĩ họ Hoàng cho in trong những tập nhạc ĐỒNG VỌNG, chẳng hạn những bài BẠN ĐƯỜNG, ANH EM BƯỚC LÊN, những hành khúc nho nhỏ mà Lưu Hữu Phước soạn ra trong những ngày theo học ở Đại Học Viện Hà Nội.

Văn Cao cũng đóng góp vào tổ chức ĐỒNG VỌNG một ca khúc nhan đề VUI LÊN ĐƯỜNG ngoài hai bài hát hướng đạo đã kể. Phạm Ngữ khởi sự từ bài NHỚ QUÊ HƯƠNG mà tôi đã nói tới, bây giờ cũng sáng tác thêm một bài xưng tụng quê hương: TRƯỚC CẢNH CAO RỘNG! Hoàng Phú là em ruột của Hoàng Quý thì cống hiến một bài nói tới công ơn của Hai Bà Trưng cũng như của Đức Trần Hưng Đạo, nhan đề NGÀY XƯA... Cả hai bài này đều nằm trong nhạc mục của ĐỒNG VỌNG!

Nói tóm lại, công lớn của Hoàng Quý là ở chỗ đã đẻ ra XU HƯỚNG NHẠC HÙNG trong những năm đầu của Tân Nhạc! Không những làm cho phong trào nẩy nở bằng những sáng tác của mình, ông còn là người đỡ đầu cho những nhạc sĩ trẻ cùng một chí hướng soạn nhạc hùng với ông nữa! Tiếc thay, cũng như nhân tài yểu mệnh Đặng Thế Phong, nhạc sĩ Hoàng Quý đã vĩnh biệt chúng ta vào năm 1946 sau khi đã soạn thêm những bài thuộc xu hướng nhạc hùng như HƯƠNG QUÊ, SA TRƯỜNG TIẾN HÀNH KHÚC... Lúc ông sắp qua đời, ông cũng để cho một thứ tình cảm mềm mại hơn được phát xuất tự lòng mình qua một ca khúc buồn: CỎ LÁNG GIỀNG! Rồi chưa soạn hết bài TÚ UYÊN, bản nhạc nói đến mối tình của một thư sinh và một người đẹp trong tranh, thì Hoàng Quý giã từ chúng ta, có lẽ để đi theo nàng tiên vào bức tranh vạn cổ chăng?

(Kỳ tới: Lưu Hữu Phước)

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN MỖI THỨ NĂM
CHỦ BIÊN HOÀI DIỆP TỨ

mai

ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN
KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

TÒA SOẠN:
10708 Westminster Ave. ☐ Garden Grove, CA 92643
714.638.8798

Vũ Quỳnh Hương

Trăng ở Halfmoon Bay

Hãy tới hãy tới hãy tới Halfmoon Bay với anh
Ở một nơi trăng biếc gió xây thành
Đêm và mộng và anh cùng ước hẹn
Ở Halfmoon Bay màu trăng rất xanh

Hãy bước khẽ hãy ngồi đây với anh
Đêm nguyệt tận bầy chim bay không về
Em muốn thấy sao khuya làm hôn lễ
Nghiêng lòng xuống và ở đây với anh

Hãy nói nhỏ hãy nhìn sâu mắt anh
Đêm thở hơi em nồng nàn cỏ biếc
Đi đi với anh qua cửa trăm năm
Trăng đã rụng và môi em đã chín

Môi ngực ủ trầm hương em đến đây
Bờ cõi mộng đã đầy lên phương này
Lòng anh đã trải nguyệt tràn năm cửa
Đêm Halfmoon Bay và anh đã say

Trăng Halfmoon Bay làm em nhớ thương
Những bờ sông trải lụa tới Thiên đường
Những lòng thuyền neo bến chờ thinh vắng
Áo lụa em vàng hơn xiêm áo trăng

Những con trăng ở đậu lúc xuân thì
Đợi em về ngủ mộng giữa đôi mi
Cửa thanh xuân khép nhẹ chờ trăng tới
Trăng mặn nồng cúi hôn niềm phân ly

Trăng Halfmoon Bay tình yêu xứ này
Thắp sương mù nhẹ mỏng tà váy bay
Phấn son thơm vây ảo lòng thiếu nữ
Buồn lặng ở bên trời không ai hay

Ở Halfmoon Bay mùa trăng đã xa
Lối em qua khói sóng đã phai nhoà
Áo em xưa lạnh nguyệt trong tà mộng
Đêm thở dài nghe sao khuya đổi ngôi

Đêm và mộng và anh ngoài cõi đó
Ở một nơi trăng khóc nuối tình duyên
Ở một nơi sầu trổ nhánh ưu phiền
Ở Halfmoon Bay em và trăng đã khóc

Nguyễn Xuân Hoàng

Bạn bè ở Sàigòn năm 1973

Căn nhà nhỏ nằm trên một quãng đường hẹp, sỏi đá lổm chổm và bụi mù tung mờ mịt dưới bánh xe. Cổng là một khung gỗ có ràng kẽm gai bên ngoài, nhưng bên trong là một miếng tôn dùng che tầm mắt của người đi đường để họ không thể thấy được phòng khách. Rất tạm bợ. Sân tráng xi măng xù xì vì trộn quá nhiều cát. Giữa sân là một cây khế cành lá xum xuê. Cửa chính hẹp, nhưng phòng khách tương đối rộng.

Chủ nhân là một nhà văn nữ. Truyện chị hiện đang được nhiều nhật báo dành nhau đi hằng ngày. Chị viết dễ dãi, lôi cuốn, nhiều tình tiết. Nhân vật chị yêu nhau dữ dội và nguyền rủa nhau không tiếc lời. Họ gần gũi đời sống nhưng đó là một đời sống đã được cường điệu: một linh mục - một tín đồ, một cô giáo - một nam sinh, một mối tình tay ba, một tình yêu không lối thoát... Nói chung truyện chị rất ít tình ái và rất nhiều tình dục. Lãng mạn có phần lép vế trước xác thịt. Ghen tuông dằn vặt lấn át cả hòa thuận yên vui. Một vài nhân vật tự tử vì không lấy được nhau. Một vài nhân vật lấy được nhau nhưng bắt đầu chán nản và cả hai cùng ngoại tình...

Truyện chị đăng trên báo thì nhiều, nhưng hôm nay mới là ngày ra mắt cuốn sách đầu tay của chị.

Khách đến đã khá đông. Phần lớn tôi đều quen mặt biết tên. Phùng, vẫn đôi kính cận màu nâu nhạt, gọng to, vẫn giọng nói gấp gáp đuổi nhau từ tiếng này sang tiếng khác. Anh dạy học ở một tỉnh cách xa Sàigòn chừng vài mươi cây số, nhưng mới đây, Phùng nói, anh vừa (*) nhận được sự vụ lệnh thuyên chuyển về làm phụ khảo môn Triết Tây tại đại học Văn Khoa.

Nhật, sĩ quan chiến tranh chính trị, phóng viên chiến trường. Anh là người gây sôi nổi và được chú ý nhất trong năm qua với cuốn sách viết về trận chiến mùa hè ở Quảng Trị. Cái chết của người dân và người lính trải dài trên Đại Lộ Kinh Hoàng gây cho

người một ấn tượng khủng khiếp khó quên. Nhật là một nhà báo xông xáo nhất, có mặt trên hầu hết những điểm nóng của chiến trường.

Tâm, khuôn mặt sạm đen, gầy như một Khô Khốc Thiền Sư, thở thuốc lá đen như ống khói nhà máy, uống rượu như hũ chìm, và là một trong những tay đổ bác thuộc loại "Paul Húc". Anh cũng là một trong số ít nhà phê bình văn học trẻ có cái nhìn mới mẻ và sâu sắc về các tác phẩm văn chương hiện đại. Trong giao tế anh là người khó khăn, nhưng trong tình bạn anh là người cực kỳ chung thủy.

Gầy và mỏng hơn cả Tâm là Đình. Anh có mái tóc dài chải lật ngược về phía sau. Cặp kính cận đôi lúc hơi trụt xuống sóng mũi, tuy vậy vẫn không che hết được nỗi hắt hiu của một đôi mắt lúc nào cũng như chực chờ để vĩnh viễn khép lại. Đình là một trong mấy cây bút thời danh của Sàigòn kéo dài từ những năm sáu mươi đến nay. Văn chương anh mềm mại, chữ nghĩa anh xanh xao. Truyện anh là một tiếng thở dài buồn bã hắt ra từ niềm tuyệt vọng của một kiếp nhân sinh. Giọng nói Đình phải chăng vì thế chan chứa sự quyến rũ của một cái gì sắp tan đi như mây khói. Trên đài phát thanh, chương trình nhạc chủ đề do Đình viết, đọc, và giới thiệu thu hút một tầng lớp thanh niên có học, và phải nói là gây một ảnh hưởng khá lớn đối với giới trẻ. Tôi yêu cái tài hoa điệu nghệ của anh, nhưng thật tình mà nói, tôi sợ giống anh, ít ra là hai điều: bệnh tật trầm kha đang ngự trị trên một thân thể vốn quá gầy yếu của anh, và ngôn ngữ anh chứa đầy độc tố...

Nguyễn Giang, một khuôn mặt lớn trong đời sống âm nhạc của đám đông với mái tóc dài hơi xoắn, chiếc kính cận gọng nhỏ, nụ cười nửa miệng. Anh là cha đẻ của những ca khúc mà mỗi lời hát như một lời thơ. Ngôn ngữ âm nhạc anh là bản lề giữa một bên là tiếng nói hằng ngày và một bên là suy tư triết học. Âm nhạc ấy được trình bày bởi một giọng hát lôi cuốn trẻ trung và đìu hiu: Mai Khanh. Tiếng hát của chị vang lên từ một trái tim hấp hối. Trong buồng ngực chị như có ngọn lửa tàn bạo thổi nóng từng tiếng ngâm, thắp sáng và mở rộng không gian của người thưởng ngoạn. Tôi nghĩ người ta đã nói không quá đáng rằng âm nhạc của Giang sở dĩ chinh phục được tim óc người nghe là nhờ tiếng ca ma túy của Mai Khanh và ngược lại giọng hát của Mai Khanh có được một chỗ đứng hàng đầu như cô hiện nay chính là vì tiếng hát ấy đã tựa được vào âm nhạc Nguyễn Giang.

Góc nhà chỗ đầu hồi, ngó ra cửa sổ, nơi lá của những cành khế thấp xuống, là một cây dương cầm. Con gái nữ chủ nhân đang chơi một khúc cổ điển quen thuộc của Beethoven.

Ghế ngồi của khách đặt sát vách tường. Giữa phòng là hai

chiếc bàn kê gần nhau. Một bàn xếp những cuốn sách mới vừa in xong còn thơm mùi mực của nhà văn nữ. Bàn còn lại là thức ăn nhẹ và nước uống. Giữa là một bình hoa lớn. Những bông hồng nhung đỏ và vàng tươi chen quanh những lá măng nhỏ cọng.

Người đến trễ giữa lúc mọi người đang ăn và sắp sang mục tặng sách là Tuấn-phở, Tuấn-luật sư. Hôm nay hắn ăn mặc khá đỏm đáng. Quần áo như đi dự dạ hội, râu mép, tóc dài, cổ choàng foulard đỏ màu huyết dụ. Vừa bước vào nhìn thấy tôi, Tuấn đã kêu to:

— A, Thăng! Vụ mày tới đâu rồi?

Tôi nhìn hắn cười, hỏi nghịch:

— Vụ gì?

— Còn vụ gì nữa! Có Bản Đại Tự chưa?

Tôi vẫn muốn chọc hắn:

— Sao ông không nói toẹt ra là vụ ly dị cho nhẹ cái lỗ nhĩ có hơn không!"

— Ừ! Thì cứ gọi là vậy đi! Thế nào?

Tuấn vẫn tỉnh bơ:

— Thế mà tôi định hỏi thăm ông đó. Ông ở tòa án chắc ông phải rõ hơn tôi chớ!

— Khỉ! Tao đâu có phụ trách hồ sơ mày! Đi mà hỏi luật sư của mày chứ!

Tuấn nói hơi to tiếng khiến mọi người gần như phải quay mặt về phía hắn. Hắn vẫn không để ý, vẫn ồm ồm cười nói lớn giọng. Liền đó, hắn xăm xăm tới bàn, rút ra một cành hồng vàng rồi đi thẳng tới nữ chủ nhân. Nhà văn nữ của những truyện tình thời thượng đang nói chuyện với nhà xuất bản, một thanh niên trẻ và làm giàu sớm, thấy Tuấn đến vội ngừng câu chuyện.

— Xin tặng người phụ nữ văn chương đẹp nhất Việt Nam một bông hồng vàng của David Lean!

— "Tại sao David Lean?" Chị hỏi.

— Vì David Lean là đạo diễn phim Doctor Jivago.

— Thế thì có liên hệ gì đến tôi cơ chứ!

— Có chứ!

— Ông chỉ được cái vớ vẩn!

— Vớ vẩn thế nào được. Thế bà chưa xem phim này à?

— Đã. Nhưng sao cơ?

— Đó là đoạn chàng Jivago bỏ nàng Tonia đang có bầu đứng giữa một vườn hoa vàng ở Varenkino để lên đường đi thăm người tình Lara của mình.

— "Khiếp cái nhà ông luật sư này!" Nữ chủ nhân hiểu ra và la lên.

Tôi bưng ly rượu đến gần chỗ Nhật. Anh là người nói nhiều.

nhưng hôm nay nhìn anh trầm ngâm trước ly whisky làm tôi ngạc nhiên:

— "Bao giờ lại đi?" Tôi hỏi.

— Cũng sắp !

— Nhà cửa hồi này ra sao?

— Khủng khiếp !

— Cái gì? Sao lại khủng khiếp? Tôi ngạc nhiên.

— Con vợ tao mày biết rồi chứ gì? Nó "hiền" như con cọp cái!.

Nhật sôi nổi:

— Tại sao?

— Mày coi đây này!.

Nhật vừa nói vừa cởi chiếc giày trận. Ngón chân út của anh đã mất, tuy vết thương đã lành nhưng lớp da chỗ đó vẫn còn đỏ hỏn.

— "Tao chả hiểu khỉ khô gì hết!" Tôi vừa nói vừa nhìn vào mắt Nhật.

Anh kể lại câu chuyện. Cách đây hai tháng về thăm vợ ở Biên Hòa là nguyên nhân về cái bàn chân bị mất một ngón út của anh. Vợ Nhật là con gái rượu của viên đại tá công binh. Chị tên Lê, xinh đẹp và thông minh. Ở tỉnh lẻ, Lê nổi bật như một thiếu nữ tân tiến. Chị đọc sách nhiều, đầu óc cởi mở. Tuy mới lớn, chị đã dám vượt khỏi khuôn khổ của lề thói mà con người sống trong một tỉnh nhỏ thường vẫn tự trói buộc. Tôi không hiểu từ miền Trung xa xôi, Nhật đã gặp, quen và cưới Lê trong trường hợp nào, nhưng tôi biết nếu cuộc hôn nhân ấy thành cũng là điều dễ hiểu. Tuy vậy thỉnh thoảng gặp Nhật, tôi vẫn nghe anh thở than về cuộc sống của gia đình anh.

Là một sĩ quan Dù, Nhật chiến đấu giỏi, gan dạ và mưu trí. Những bài báo viết từ chiến trường của anh có tiếng vang lớn. Chính những bài báo đó đưa anh từ Dù sang Chiến Tranh Chính Trị và làm phóng viên chiến trường. Cuộc sống nay đây mai đó của Nhật làm Lê khó chịu. Nhiều khi cả tháng anh không về nhà một lần mặc dù công tác đã xong. Anh lê la mấy quán nước ở Sàigòn, lăn lóc chè chén với đám bạn bè. Tới hôm về thăm vợ chợt nhớ ra sinh nhật của Lê đã qua cách đây hai hôm. Nghe lời tôi, Nhật mua về một bó hoa hồng xin lỗi vợ, nhưng Lê một mực lặng thinh. Chị nhất định làm con ốc biển mặc cho sóng vỗ ào ạt lên bờ cát.

Tối hôm đó, khi Nhật bắt đầu "chiến tranh lạnh" trở lại, Lê lên tiếng. Đến nửa đêm, khi thấy mình cứ lải nhải mãi mà chồng thì cứ ngáy khò từ đời nào, Lê đập Nhật dậy bật đèn sáng cả nhà, liệng xuống sàn nhà tất cả ly chén cốc dĩa nào trong tầm tay, xong cầm cái dao lính của Nhật vẫn thường dắt lưng, đặt ngón tay trỏ của bàn tay trái mình lên bàn ngủ chặt phựt một cái.

— "Mày biết không." Nhật tiếp: "Tao điên lên vì tức, vì buồn

ngủ, vì lo sợ. Nó muốn qua mặt mình, muốn dằn mặt mình. Tao nghĩ vậy, bèn giật con dao còn dính máu, đặt cái bàn chân này lên chỗ bàn ngủ, cứa mẹ cái ngón chân út này. Thế là huề."

— "Còn mày?" Nhật hỏi tôi.

— Ối! Tao còn tệ hơn mày nhiều!

— Tới đâu?

— Mày không nghe Tuấn-luật sư nói sao?

— Thì cũng mơ mơ màng màng vậy thôi. Nhưng sao có thằng nói mày sắp làm phò mã ông Phan ?

Nhật làm tôi giật mình. Sao lại có cái cớ sự này ?

— "Ai nói?" Tôi hỏi gặng.

— Thì tụi nó nói. Đại khái là vậy. Thế nhưng còn em bé gì làm ở China Air Lines thì sao?

— "Có sao đâu!" Tôi chống chế.

Phùng mang một dĩa thức ăn đến chỗ tôi và Nhật.

— Ê, Thăng. Tình hình hồi này ra sao?

— Tình hình gì?

— Thì còn tình hình gì nữa? Tao muốn nói tình hình chính trị ở đây?

— Chính trị? Sao mày không hỏi thằng Nhật hoặc ông Đình mà hỏi tao?

— Tin sốt dẻo bây giờ chỉ có mày là nhất. Tao sợ thằng Nhật hay ông Đình rồi cũng phải đến hỏi mày mà thôi!

Phùng làm tôi tức cười. Bạn bè biết tôi là thằng không ưa chính trị. Trong đám đông có ai nói chiến tranh hay chính trị thì tôi luôn luôn là kẻ ngồi im câm miệng hến. Tại sao? Tôi cũng không rõ nữa. Có lẽ tôi là tên dốt chính trị, cũng có lẽ tôi sợ chính trị. Đằng nào tôi cũng là tên lơ tơ mơ về mặt này. Còn nhớ có lần Trọng, một bạn đồng nghiệp hỏi tôi rằng đâu là mối tương quan giữa chính trị và văn chương. Tôi trả lời hắn thẳng thừng văn chương và chính trị chẳng có ăn nhậu gì với nhau hết. Trọng, tất nhiên là không hài lòng về câu trả lời đó. Hắn chờ một câu ngược lại kia. Tuy vậy mặt hắn cứ lạnh như tiền. Thật ra, trước đó, hồi cùng thụ huấn chung tại quân trường Quang Trung, khi tôi được cử làm tờ báo cho Liên Đoàn Khóa Sinh Dự Bị Sĩ Quan, Trọng có viết cho tờ Đặc San một bài xã luận về cuộc chiến Việt Nam. Suốt bài, hắn lên án quân đội Mỹ và đồng minh là kẻ xâm lược, giọng điệu sặc mùi tả phái bởi vì bài báo ấy chỉ nhìn từ một phía nên không thể đi được. Hắn lạnh lùng nhìn tôi và nói:

— Rồi mày sẽ hối hận.

Tôi không hiểu ý nghĩa của lời hắn nói. Khi được biệt phái trở về nhiệm sở cũ, và cũng như Phùng, hắn được chuyển về làm phụ khảo cho môn Triết Tây tại đại học Văn Khoa Sàigòn, hắn viết và

cho xuất bản một tập tiểu luận dưới nhan đề: "Cái chết của một nhạc sĩ". Bài viết của hắn lập tức được đài Hà nội đọc lại và gây một phản ứng dữ dội từ nhiều phía.

Thật ra, khi viết tập tiểu luận này, Trọng hoàn toàn đứng trên quan điểm duy vật biện chứng có cải đổi nhẹ đi một chút. Dù sao vẫn là lấy chính trị đè bẹp văn chương.

Tôi nói với hắn rằng nhìn ngắm một tác phẩm văn học nghệ thuật tiên quyết là nhìn ngắm bằng con mắt thẩm mỹ học trước khi nhìn ngắm dưới khía cạnh chính trị, kinh tế, xã hội hay đạo đức. Một cái nhìn văn chương có tính cách gượng ép và đàn áp như vậy là một cái nhìn cận thị trí thức, khiến cho người có đôi mắt ấy trở nên một quái nhân với "chiếc đầu" to nhưng "trái tim" teo.

Tất nhiên không ai chịu nổi một bài thơ ca ngợi trăng sao và tình ái đăng trên một tạp chí xuất bản tại thành phố vừa mới qua một trận thiên tai kéo theo cái chết của hàng chục ngàn con người và hàng ngàn gia đình không chốn nương thân. Cái thứ thơ thẩn ấy cũng nên đem chôn sống đi là vừa. Thế nhưng, tôi cũng rất không ưa những kẻ bạ đâu cũng bô bô cái miệng lập trường quan điểm. Những kẻ chuyên gán ghép để buộc tội kẻ khác, lên án kẻ này, người nọ thường là những kẻ đang có trong cơ thể hắn đúng thứ tật bệnh đó, nếu không muốn nói hắn là kẻ yếu đuối và thiếu bản lĩnh. Cái điệu bộ trịnh trọng của bọn này làm tôi chết cười.

Phùng, hơn ai hết, biết rõ điều này nơi tôi. Tôi không hiểu tại sao bạn ta lại đặt cho ta một câu hỏi quái đản như thế? Tôi hỏi lại Phùng:

— Tại sao? Tao tưởng dạo này mày bắt đầu quan tâm tới đời sống chính trị rồi chớ!

Phùng vất mẩu thuốc hút dở xuống bàn — hắn luôn luôn làm như vậy dù trước mặt hắn có cái gạt tàn, bởi vì theo hắn cả cái xã hội này đã là cái gạt tàn lớn thì điếu thuốc hay tro thuốc bỏ đâu mà chẳng được.

— Nghe nói mày vẫn đều đặn trình diện ông Phan mà!

— Đừng nói móc bạn! Ừ thì tao có gặp ông Phan. Nhưng đã sao?

— Đó! Vấn đề là ở chỗ đó! Ông Phan không phải đang là người tạo thời cuộc sao? Không phải ông Phan đang chuẩn bị để làm *người số một* hay sao? Cái quyền lực trong tay ông Phan hiện chưa tới nhưng chẳng phải là một quyền lực "diều gặp gió" hay sao?"

Nghĩ là tôi giận vì thấy tôi vẫn làm thinh, Phùng đùa:

— Chứng chỉ Triết Tây của cô Uyên do ông Phùng phụ trách, còn chứng chỉ Tình Yêu do ông Thăng đảm nhiệm nhé!

Nói xong, Phùng xô ghế đứng dậy, sửa lại gọng kính nâu tụt

trên sóng mũi, kẹp cuốn sách vào nách.

— Đùa chơi tí, đừng cáu nghe bạn!

— Sư mày! Đồ triết gia điên khùng!

— Thôi, để tao đến chào chủ nhân cái rồi dọt!

Phùng đi, nhưng Nhật vẫn không buông tôi:

— Tưởng mày cũng biết tí ti chứ!

— Biết gì? Tôi giả mù sa mưa.

— Thì tình hình chính trị chớ còn gì?

— Thế mày tưởng thằng Phùng nó nói thật hả?

Nhật cười cợt :

— Đừng quên anh em nghe Thăng !

— Cái gì? Tôi hỏi lại và bật cười.

Bạn tôi thực sự là những tên đùa dai. Những lời chòng ghẹo của chúng làm tôi nhớ lại hôm gặp ông bà Phan. Đó là lần duy nhất tôi gặp ông Phan. Ông quá bận rộn đến nỗi câu chuyện mà ông hứa sẽ nói với tôi vẫn còn nguyên trong bóng tối. Tôi cũng không quên những câu hỏi của bà Phan trong bữa cơm. Bà tấn công tôi với mục đích gì? Tại sao Uyên bật lên tiếng kêu ở cuối bữa cơm? Có phải nàng muốn ngăn chặn những câu hỏi tiếp của bà Phan? Và tôi làm sao quên được lần hôn Uyên. Đôi môi nàng nóng bỏng nhưng còn do dự ngập ngừng và mái tóc dài của nàng che phủ mặt mũi tôi tỏa xuống một mùi hương kỳ diệu của một thân thể trẻ trung tràn trề nhựa sống.

Nhật chưa kịp trả lời câu hỏi tôi, thì Đình, Tâm đã cùng nữ chủ nhân kéo đến.

Nhà văn nữ chìa ly rượu trên tay cho tôi:

— Xin lỗi anh Nhật nhé! Tôi muốn mời anh Thăng thử chút Ngũ Gia Bì này!

— Bà ơi! Bà mời rượu thằng này chẳng khác nào mời thằng Tây húp nước mắm!

— Vậy là anh Thăng không biết uống rượu?

— "Đúng! Bà đưa cho tôi. Tôi mới là *connoisseur* chính cống!" Nhật cầm lấy ly rượu.

— "Anh Thăng không có ý kiến?" Nữ chủ nhân hỏi.

— "Đừng hỏi ý kiến của một người không bao giờ có ý kiến!" Đình chận lời.

— "Cám ơn!" Tôi giật ly rượu trên tay Nhật và hớp một ngụm. Chất cay muốn xé cổ. Tôi chuyền ly cho Nhật. Anh ngửa cổ nốc cạn.

— "Ngon tuyệt!" Nhật chùi mép khen.

Nhà văn nữ hỏi tôi:

— Thế còn anh Thăng? Anh thấy thế nào?

— Cay! Với tôi, rượu không có mùi vị gì khác ngoài vị cay!

Rất đắng cay!

— "Nó đang đau khổ vì tình, nên rượu vào chỉ có đắng cay." Tâm chêm.

— "Tôi có nghe nói chuyện tình của anh Thăng. Có lẽ tôi sẽ viết một truyện về anh, anh Thăng ạ!" Nhà văn nữ hơi phô trương.

— Cám ơn lòng tốt bà chị. Tài năng như bà chị mà viết chuyện tình của tôi thì phí phạm quá!

— "Đừng mỉa mai tôi, ông bạn! Rồi có lúc ông sẽ đọc truyện về ông trên những dòng chữ của tôi!" Nữ chủ nhân không phải tay vừa.

— Chào!

Nhà văn nữ cười và kéo Đình sang một nhóm khác.

Tôi ngồi lại một mình với Nhật. Tôi không biết làm gì. Mọi người chia ra từng nhóm nhỏ. Tuấn-luật sư vẫn là người to tiếng nhất. Tôi hỏi Nhật khi thấy anh thừ người trên ghế như đang lo nghĩ điều gì.

— Ông Phan là người như thế nào?

Nhật nhìn thẳng vào mắt tôi nghi ngờ. Có lẽ anh nghĩ là tôi hỏi đố anh. Tuy vậy sau cùng Nhật vẫn lên tiếng nói về ông Phan theo cách hiểu biết của anh. Theo Nhật, ông Phan là một tay hiếm hoi những người làm chính trị chuyên nghiệp. "Một tay thủ đoạn, một kẻ tà đạo trong chính trường". Nhật nói như vậy. Ông Phan tốt nghiệp khóa sĩ quan trường võ bị Dar-el-Beida năm mới hai mươi mốt tuổi, tham gia nhiều trận đánh trong quân đội Pháp. Khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, ông mang cấp bậc Trung tá. Người ta nói trong đoàn quân trở về tiếp thu Paris, ông Phan có mặt trong đội danh dự. Nhờ vết thương trong trận Normandie, ông Phan xin giải ngũ, xuống Toulouse mở một tiệm ăn Việt Nam.

Năm 1954, khi Pháp thua trận Điện Biên Phủ và Hà nội rơi vào tay cộng sản, ông Phan sang lại tiệm ăn ở Toulouse cho một người đồng hương, trở lại Sàigòn. Người ta thấy ông Phan có mặt trong những buổi tiếp tân quan trọng. Vai trò của người Pháp sắp hết trên bán đảo Đông Dương, ông Phan là người biết rõ điều ấy, nhưng ông vẫn đi lại với tướng Michel Nguyên — có vợ đầm, quốc tịch Pháp và là con trai của Đốc phủ sứ Maurice Nguyên — trong chức vụ Tổng Tham mưu trưởng quân đội. Ông Phan cũng liên hệ đến trùm băng đảng Sáu Cận, người cầm đầu Bình Xuyên và tin tức báo chí còn cho thấy ông Phan dành nhiều buổi nói chuyện với Đức Hộ Pháp... Sau cùng khi những khuôn mặt này không còn chỗ đứng trong chính trường miền Nam, người ta thấy ông Phan lui tới với ông Cương — em trai của vị Tổng thống đầu tiên ở Việt Nam — và uống rượu với đại sứ Hoa Kỳ Amberley. Người ta đồn lúc này bà An Hạ, vợ của ông Cương, là tình nhân của tướng Trần,

nhưng nguồn tin thân cận thì nói rằng ông Phan mới là người tình thực sự của người đàn bà lừng lẫy này. Khi bà An Hạ đi Pháp tẩy độc dư luận sau vụ tự thiêu của một Hòa Thượng, người ta thấy ông Phan có mặt bên cạnh bà Đệ Nhất Phu Nhân ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Sau đó ông biến mất một thời gian. Người ta nói tổng thống Hoa Kỳ đón ông sang Mỹ ngay khi cử ông Fullerton, nhà ngoại giao và cũng là tay bỉnh bút cừ khôi của tờ *Le Monde diplomatique* Pháp đến Việt Nam làm đại sứ. Sự có mặt của ông Fullerton kéo theo sau đó sự sụp đổ của anh em ông Cương... Người ta cũng nói khi nhảy sang lĩnh vực chính trị, ông Phan là người luôn luôn chứng tỏ mình là một nhà lãnh đạo nhà nghề. Ông không ngừng học hỏi nghệ thuật lãnh đạo và chủ nghĩa quyền thuật trong các tác phẩm lớn của nhân loại, điều mà trước kia do khả năng văn hóa kém đã không cho phép ông thực hiện được. Ông đã tự học — ngoài tiếng Pháp và tiếng mẹ đẻ — Anh, Tây Ban Nha và Hoa ngữ. Ông nói khá thành thạo tất cả những ngôn ngữ này. Châm ngôn của ông là *"Si vis non vobis"*, nghĩa là "ở với họ nhưng không theo họ". Với một bề ngoài xuề xòa, ông Phan là người đòi hỏi kẻ khác nhiều đức tính mà không phải ai cũng có thể có. Ít ai đoán được ông Phan sẽ làm gì sau cái bắt tay thân mật và nồng nhiệt của ông. Ông luôn luôn rào đắp quanh ông những cạm bẫy. Ông muốn làm sụp ai kẻ ấy trước sau sẽ sụp. Điều đặc biệt cái bẫy của ông Phan là một khi đã sụp thì khó mà ngóc dậy được ...

Nhật nói về ông Phan như nói về một nhân vật tiểu thuyết của anh. Sự mô tả của Nhật làm cho hình ảnh ông Phan trong tôi mỗi lúc một rõ nét hơn.

— Nhưng ông ấy có phải là một người giỏi không?

Nhật cười :

— Thế nào là một người giỏi?

— Ông Phan có phải là một chính trị gia giỏi không?

— Chính trị đòi hỏi thủ đoạn, liều lĩnh và máy lạnh. Ông Phan có đủ những thứ ấy!

Tôi ngó chăm vào mặt Nhật:

— Mày không ưa ông Phan ?

Nhật cười dòn:

— Tại sao mày bắt tao ưa hay không ưa một người chẳng có gì liên hệ đến tao? Mày nên dành câu hỏi ấy cho chính mày mới phải!

Ừ, mà tôi yêu hay ghét ông Phan vậy? Có lúc tôi thấy tôi ghét ông, ghét cái khuôn mặt mập tròn của ông, ghét những ngón tay ú nhão rít mồ hôi trong tay tôi, ghét cái hung bạo người ta nói về ông... Nhưng cũng có lúc tôi thấy tôi thích ông. Sự cố gắng cực kỳ

khó khăn của ông để làm thành một con người khác. Một tình cảm vô thức nào đó trong tôi nói với tôi rằng ông là mẫu người mà tôi tìm kiếm, khát khao được gặp và đã tìm thấy. Dù sao tôi muốn chấm dứt câu chuyện về ông Phan.

— Thôi không phải nói chuyện ông Phan nữa!

Nhật cười :

— Bây giờ làm báo mà không nói về ông Phan thì coi như không biết làm báo!

Tôi đứng dậy, trả ly rượu trên bàn, đột nhiên nhận ra suốt buổi chiều hôm nay mình đã không đốt một điếu thuốc nào. Tôi hỏi Nhật:

— Mày còn thuốc ?

Nhật đang vò bao thuốc không trên tay giơ lên cao cười cười.

Thiệt là vô duyên. Tôi nói:

— Thôi về đây !

— "Chưa về được đâu!" Nữ chủ nhân chận tôi: "Phải nghe anh Giang hát một ca khúc mới nhất của anh ấy đã! Cái ông Thăng này!"

— "Ngồi xuống đây đi ông nội!" Nhật đè vai tôi xuống.

Người ta đã mang cây tây ban cầm ra cho Giang. Tôi thấy anh sửa lại gọng kính đang bị tụt xuống sóng mũi. Anh so dây, đầu cúi thấp, nhưng mặt hơi nghểnh lên, tai trái nghiêng xuống thùng đàn lắng nghe âm thanh phát ra từ những sợi dây đồng.

Cả phòng bỗng im lặng.

Âm nhạc anh làm tôi nhớ Quỳnh, vô cùng nhớ Quỳnh...

Nguyễn Xuân Hoàng

* *Trích một chương trong tiểu thuyết* Kẻ tà đạo. *Truyện được viết lại từ tập đầu trong bộ ba. Sẽ in.*

Bác Sĩ BÙI ĐỒNG

Nguyên Giảng Huấn Trưởng Đại Học Y Khoa Saigon
Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính
Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoại Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ

— Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Veneral Diseases)
— Bệnh Dị ứng (Allergy)
— Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683
(714) 531-4616 / 4617

Bùi Bảo Trúc

Tình khúc cuối

Cho anh một sợi tóc
Trăm năm còn nhớ nhau
Cho anh giọt nước mắt
Khơi lại chiếc hôn đầu

Cho anh một giọt mưa
Đã rơi trên vai áo
Rồi mai có cách xa
Nhớ nhau mùa mưa cũ

Cho anh một hơi thở
Mãi ấm những mùa đông
Cho anh bàn tay nhỏ
An ủi cuộc tình buồn

Cho anh một buổi tối
Hò hẹn thêm một lần
Lệ nến hồng lăn vội
Một lần rời quan san

Cho anh lại lần đầu
Tình như con nước lũ
Cho anh ngọn cỏ úa
Xót xa mãi về sau

Cho anh một góc phố
Nơi chúng ta chia ly
Cho anh giòng sông nhỏ
Làm nhánh củi trôi đi

Hồ Trường An

Bèo bọt

*N*ăm nay ông Nhưn Giáp cảm thấy mình mỏi mệt và yếu sức lắm rồi, nên bàn với vợ:

— Chắc là tôi khó thể theo nghề thương hồ nữa. Vợ chồng mình hãy còn một ít vốn liếng, nên thu xếp về Đạo Thạnh. Bà nên mua một con heo nọc đi bỏ giống kiếm ăn qua ngày. Còn tui trở lại nghề thiến heo, chắc cũng không đến đỗi chết đói đâu.

Bà Nhưn Giáp nghiến răng:

— Tui đã thề với má tui là không bao giờ tui trở về Đạo Thạnh. Nay ông ứng bà hành gì mà ông lại có ý nghĩ kỳ cục đó? Thà tụi mình tấp vào xứ khỉ ho cò gáy nào để "trụ" còn hơn là quay về cái xứ Đạo Thạnh bạc bẽo đó?

Bà nguýt chồng rồi lần ra trước mũi ghe mở khạp gạo xúc gạo nấu cơm. Chiều nay ghe chở than củi của hai vợ chồng đã đến Chợ Cái Răng thuộc tỉnh Cần Thơ. Họ mua than ở U Minh Thượng lần hồi về đây. Bà vốn thực tế. Ngoài việc chở than bà còn mua thuốc cao đơn hườn tán, bán dọc đường. Đã gần 20 năm qua, hai vợ chồng sống nghề thương hồ. Họ mua đi bán lại đủ thứ loại hàng hóa: lúa than, mắm, lá chằm, đồ gốm, mía... Hai mươi năm trước, cả hai sống bằng nghề buôn theo gót du canh, theo nghĩa là đoàn người khẩn hoang đến từ địa danh hoang vu này đến địa danh khỉ ho cò gáy khác. Đoàn người khẩn hoang kia đốn tràm, đốt sậy dọn đất làm rẫy, làm ruộng, lập vườn.. Cuộc đất vừa thành hình thì có khách trú tới mở tiệm tạp hóa, tiệm trà, tiệm trồng răng vàng, tiệm bán đồ sắt...

Đạo Thạnh là một làng nằm gần Ngả Ba Trung Lương thuộc tỉnh Mỹ Tho, nổi tiếng về mận hồng đào, một loại mận màu hường lợt nhưng không ngọt bằng mận da người. Đạo Thạnh cách ga xe lửa Trung Lương một cây số, cách châu thành tỉnh Mỹ Tho bốn cây số. Cách đây ba mươi năm, có lần bà Nhơn Giáp theo về Đạo Thạnh. Chỉ về quê cũ một lần thôi mà tâm tư bà còn ê ẩm cho tới

bây giờ.

Số là bà Tám Liệu, má của bà Nhơn Giáp vốn người làng Đạo Thạnh hồi mười sáu tuổi theo cô Hai Ngọc Loan, con bà Thông Đàn về Vĩnh Long vì cô Loan lấy chồng xa, cần có người tớ gái tâm phúc để đỡ đần tay chân và bậu bạn sớm hôm. Chồng cô Loan là thầy Ba Phương, con ông Hương Cả Thành mới hai mươi tuổi mà đã có tương lai khá sáng sủa. Thầy làm thông ngôn cho quan Chánh Chủ Tỉnh người Pháp ở Vĩnh Long, được ông giúp đỡ để tiến thân vào làm trong Soái Phủ Nam Kỳ. Sau mười bảy năm ở đợ, Tám Liệu không nghe cô Loan lúc đó đã trở thành bà Phủ Phương, tính chuyện lứa đôi cho mình. Tám Liệu dan díu với Hai Báu, làm thợ rèn trong làng, có chửa, bị chủ đánh đập rồi đuổi đi. Tám Liệu sống nghèo khổ với Hai Báu ở trong lò rèn bên sông Cổ Chiên; mãi đến khi con Tý (tức bà Nhơn Giáp bây giờ) lên mười tuổi bà tính về thăm Đạo Thạnh một chuyến. Hai Báu can vợ:

— Đi xa làm ăn có khá giả thì khi về thăm quê, xóm giềng cũ mới trọng vọng mình. Má nó bỏ xứ suốt 27 năm rồi, người thân thuộc lớp chết, lớp tứ tán đến nơi khác, còn ai đâu mà về thăm? Lại nữa, má nó về Đạo Thạnh chẳng có một phân vàng nào đeo, chẳng có quần hàng áo lụa để diện thì về đó, ai mà thèm chứa?

Bà Tám Liệu không nghe dắt con gái lên đò máy về Đạo Thạnh. Bà chỉ có bộ đồ vải xiêm đen bóng lớp hồ gọi là tươm tất. Tai bà đeo bông chuồi hổ phách, cườm tay đeo chiếc huyền. Cô con gái mặc chiếc áo vải in bông đã cũ, quần vải ú. Đúng như lời Hai Báu tiên đoán. Dân làng Đạo Thạnh hầu hết không ai nhìn ra bà Tám Liệu. Có vài chỗ bà con xa lại thấy bà ăn mặc lôi thôi tỏ ra lợt lạt, không thèm mời bà ăn trầu uống nước chớ đừng nói là mời ăn cơm. Buồn tủi quá, bà Tám Liệu mua bánh bò, bánh ích và nhang đèn tìm đến mồ mả cha mẹ cúng vái rồi dắt con ra ga xe lửa Trung Lương ngủ đỡ một đêm, để sáng sớm cả hai đến Ngả Ba Trung Lương đón xe đò về Vĩnh Long.

Cô Tý lớn lên được cha mẹ gả cho một anh kép hát bội tên Giáp cũng xuất thân từ Đạo Thạnh. Kép Giáp mặt tuy khôi ngô, nhưng đến tuổi 30 thì hư tiếng, phải làm kẻ nhắc tuồng cho đào kép, mà người trong nghề gọi là Nhưn... Nhưn Giáp đêm đêm đứng ở cánh gà nhắc tuồng cho đào kép mãi đâm chán nên bỏ đi làm nghề thương hồ khá hơn...

Ba mươi năm thấm thoát trôi qua.

Giờ đây chiều xuống êm đềm. Bên kia sông, sát bến nước là chỗ phơi lưới cá, có chiến vó vừa cất lên. Sau chỗ phơi lưới là chiếc lò gạch nóc tròn, màu gạch đỏ rực trong ánh hoàng hôn. Bà Nhưn Giáp đợi cơm sôi, sẵn mẻ lửa than nướng mấy con khô sặc sửa soạn dọn mâm nhậu cho chồng.

Cũng đã từ lâu khi thấy cảnh vợ chồng không con, không cái mà cứ trôi nổi bình bồng trên chiếc ghe thương hồ hoài, bà cũng tự hỏi, rồi đây rủi cả hai chết dọc đường thì thi thể tìm đâu ra miếng đất an táng? Bà cũng tự giận mình, hồi 40 tuổi mà không chịu nuôi một đứa con để cậy nhờ lúc tuổi già bóng xế.

Ông Nhưn Giáp hiện giờ có một người em gái tên cô Ba Ất, đi tu từ nhỏ, có lập một cái am nhỏ ở làng Lộc Hòa tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng ông Nhưn Giáp hễ làm có tiền, sắm vàng rồi gởi cho em, tính đến nay cũng súc tích được đến mười bảy lượng vàng rồi. Ông bà không dám lận tiền trong mình vì trên bước đường thương hồ dễ đầy trộm cướp. Sư bà Diệu Pháp, pháp danh của Ba Ất đã bao phen khuyên anh chị nên "trụ" lại bất cứ một địa danh nào thích hợp, rồi cất nhà rồi lần hồi buôn bán, sắm vườn có cơ ngơi vững chắc để gởi nắm xương tàn về sau. Ông Nhưn Giáp sực nhớ đến chuyện lũ voi rừng già, dù có kiệt quệ thế mấy, mà khi gần chết cũng tìm về cho được chốn bỏ thây của đồng loại mình để xương cốt và cặp ngà của mình được gần xương cốt và cặp ngà của đồng loại

Dù sao, ở Đạo Thạnh ông Nhưn Giáp cũng còn một mảnh vườn hai sào đất, giáp với vườn làng (tức là vườn thuộc về ban Hương Chức Hội Tề), ở đó có phần mộ cha mẹ ông. Bấy lâu hai sào đất đó, ông cho đứt một đứa em bà con nhà chú để hắn trồng cây đinh hương cân bán cho tiệm thuốc Bắc, cùng trồng khoai từ, khoai môn, khoai sọ.

Tuy ghét làng Đạo Thạnh, tuy thấy chồng lẩn thẩn chưa chi mà tính việc hậu sự, nhưng bà Nhưn Giáp cũng cảm thấy kiếp sống thương hồ phải chấm dứt trong vòng năm tới. Gặp trời lạnh, trời ẩm ướt các khớp xương bà đau nhức, lồng ngực như chứa sa mù đặc sệt khiến cho hơi thở của bà khò khè.

Ông Nhưn Giáp ngồi trước mũi ghe nhậu một mình cho tới lúc bóng trăng trồi lên khỏi ngọn bần ven sông Bassac ba sào. Trong khoang ghe, bà Nhưn Giáp thắp ngọn đèn dầu mỡ cá, rồi lấy chiếc tượng sành đổ vào đó một ít cơm nóng và rưới một muỗng nước cá kho sền sệt. Vậy là xong bữa ăn tối. Cơm xong, bà giăng mùng đi ngủ sớm, trong lúc ông lấy cây đờn cò kéo ò e những bản Xuân Nữ, Tây Thi, Văn Thiên Tường...

Trong mùng, bà Nhưn Giáp chạnh nghĩ tới những đoạn đời tha phương cầu thực: những gánh hát nhỏ di chuyển bằng ghe, những kẻ du canh, những khách thương hồ. Có một hôm nọ, cách đây bốn năm ông Nhưn Giáp bán trúng kỳ dưa hấu lời năm mươi phần trăm số vốn, nên đưa vợ đi ăn ở một tiệm cơm Tàu tại chợ Vàm Xáng, thuộc huyện Hòa Lựu, tỉnh Rạch Giá. Đây cũng có thể gọi là cao lâu, vì nó có căn gác rộng, mái lợp ngói móc, trần gỗ.

Ông mặc bộ bà ba vải xiêm đen, vai quàng khăn rằn tất cả đều mới tinh. Bà mặc áo xuyến trắng, quần lãnh trơn, tóc chải láng, đeo một vài món nữ trang bằng vàng pha đồng, đi guốc sơn đen mới. Cả hai mạnh dạn bước lên lầu, gọi phổ ky đem món ăn lại. Bên cạnh bàn hai ông bà đã có một chiếc bàn sắp sẵn một vài dĩa thức ăn, cơm canh cùng nhạo rượu và 4 ly uống rượu. Giữa bàn là một bát nhang, có cắm sẵn nén nhang huyền đàn tuôn khói nghi ngút. Một người đàn bà tuổi ngoại tứ tuần, ốm tong teo, lưỡng quyền nhô lên cao đang khấn lạy, nước mắt tuôn lai láng. Sau khi rót rượu ra cúng, bà ta còn khóc thêm chặp nữa và thu mình trong góc căn lầu... chờ nhang cháy hết, cầm đũa ăn cơm.

Hai vợ chồng ông Nhưn Giáp bồi hồi nhìn nhau. Cả hai đều biết người đàn bà đó đang làm đám giỗ cho người thân; nhưng vì chưa về nhà kịp (hoặc vì không có nhà) nên đành cúng kiếng ở tiệm ăn. Cảnh tượng gợi nên kiếp người bèo bọt, cái số phận cô độc của một vài người đã từng quen biết với cặp vợ chồng không con này.

Vốn tò mò, bà Nhưn Giáp muốn hỏi người đàn bà rằng: "Cô giỗ ai đó?" Nhưng ông chồng vừa thoáng thấy vẻ tò mò của vợ, vội nắm áo kéo bà lại. Theo ông, chuyện muốn biết người được giỗ cúng là ai không cần thiết. Bà vợ ông có thể đoán ngược, đoán xuôi mà vẫn thấm thía cuộc đời bèo bọt như thường. Quả vậy, hôm đó trở về ghe, bà Nhưn Giáp khóc cả buổi. Ông cũng không biết phải khuyên can, an ủi bà cách nào? Từ lâu, cảnh già không con, cuộc sống bềnh bồng làm cho vợ chồng bao phen suy nghĩ, và càng lúc nó trở thành một ám ảnh không nguôi, một ám ảnh vắng vặc. Thế mà cả hai không ai dám nói ra. Vì cả hai vẫn còn có ảo tưởng mình khỏe mạnh, nếu không đeo đuổi nghề thương hồ, thì còn biết làm nghề gì hơn? Nhưng giờ đây cảnh cúng giỗ dọc đường xuôi ngược nhắc nhở họ nên "trụ" lại, và vô tình nó làm cho hai vợ chồng cảm thấy mình yếu đi nhiều, sức khỏe không còn vững chãi như hồi năm ngoái.

Rồi đó một hôm ghe chở lúa của cặp vợ chồng thương hồ kia phải ghé nhà thờ Cái Răng, vì hôm đó bà ngã bịnh ban cua lưỡi trắng. Vị linh mục nhân từ khuyên ông đưa vợ đi nhà thương ở Cần Thơ điều trị. Chừng bà bình phục, ông vẫn neo thuyền dưới bến nước nhà thờ. Dù là đạo Phật nhưng vì mến linh mục, ông Nhưn Giáp vẫn dự lễ Chúa Nhật vẫn mua hoa huệ dâng Đức Mẹ, và vì hiếu kỳ, ông chú tâm nghe lời Cha giảng Kinh. Và đau khổ cho ông biết bao, bao nhiêu lời giảng đạo bay vuột qua khỏi trí óc của ông, chỉ trừ một câu: *Chồn cáo có hang, chim có tổ, con người không có chỗ gối đầu*

Ông Nhưn Giáp bao phen rùng mình khi nghĩ tới cái quê hương vĩnh viễn của con người. Sống gởi thác về... Nếu về dưới

âm phủ, địa ngục thì buồn quá để rồi lại sống gởi trên trần gian bao nhiêu lượt nữa? Đi về, rồi lại đi về. Vậy thì cõi âm phủ đâu phải là quê hương vĩnh viễn của con người? Nếu nó vĩnh viễn thì đâu có vụ đi đi, về về, đâu còn cái vụ "sống gởi thác về?". Lại nữa cõi âm là cõi của kẻ bị trừng phạt, cõi u tối đầy tiếng rên than. Vậy thì quê hương đau khổ đến như vậy sao?

Cô Ba Ất, em của ông Nhưn Giáp vốn sinh trưởng ở Đạo Thạnh, sau theo cha mẹ về Cầu Dài, một ngoại ô của tỉnh Vĩnh Long cách thành phố con rạch Long Hồ. Vậy mà, có lần theo cha mẹ đi Lộc Hòa mua bán, khi đi ngang doi đất có cây gừa, cây da, cô bỗng bảo:

— Hồi đó tui ở đây.

Bà mẹ mắng:

— Đồ khùng, mày ở hồi nào tới giờ theo vợ chồng tao ở hai nơi là Đạo Thạnh và Cầu Dài... Mày ở đây hồi nào?

Cô Ba Ất rơi nước mắt:

— Tui là con gái ông Hương Cả Bình. Hồi đó tui tên Hòa.

Cha mẹ ông Nhưn Giáp kinh hoảng và ngạc nhiên tột độ. Cả hai dọ hỏi thì mới biết Lộc Hòa có gia đình ông Hương Cả Bình. Ông này có cô gái út tên Hòa, chết hồi 18 tuổi.

Cô Út khẳng định:

— Tự dưng qua đây, tui nhớ lại quê nhà hồi kiếp trước.

Và cô than thở:

— Ba Má nghĩ coi, kiếp trước tui có một quê hương, kiếp này tui có hai ba quê hương. Con người không có chỗ "trụ" vững chắc, muốn ở yên không được, cứ trôi nổi hoài. Thôi, xin ba má tha tội bất hiếu cho tui, tui muốn ở đây tu hành. Vì ở đây có am sư cô Diệu Mãn.

Dầu có ráo nước miếng khuyên lơn, nhưng vì thấy con gái quyết chí xuất gia nên đành để cô Ba Ất đến am Thanh Liên tu hành

Tối nay, trong cơn gió sông hiu hiu, dưới ánh trăng bạc nhược lọc qua lớp sa mù ẩm đục, tự dưng ông Nhưn Giáp nhớ lại ánh đèn dầu chong dưới mái am. Cô Ba Ất giờ đây trở thành sư bà Diệu Pháp, tu hai pháp môn Thiền Tông và Tịnh Độ -Thiền Tịnh Song Tu .Tết năm ngoái, vợ chồng ông có về Lộc Hòa thăm sư bà. Mỗi khi nhìn vầng trán cao sáng sủa đôi mắt hiền lành của em, ông Nhưn Giáp ôn lại chuyện tiền kiếp của sư bà. Ông không tin rằng em mình bịa đặt. Làm sao ai có thể cắt nghĩa cái hiện tượng nhớ lại kiếp trước của em ông? Tai mắt con người có giới hạn, làm sao thấy xa và nghe xa trên cõi trần, huống hồ gì tới chuyện tiền kiếp? Nhưng nhà ông Hương Cả Bình ở Lộc Hòa còn đó. Sự thác sanh của cô Hòa vẫn có thiệt. Làm sao một kẻ chưa từng đi Lộc Hòa bao

giờ như em gái ông lại biết được? Lại nữa, em gái ông khi đến nhà ông Hương Cả Bình còn chỉ cho người đào ở gần hông nhà, dưới đám cây bồ công anh, gặp một cái chén da rạn, một cái dĩa quả tử mà hồi xưa cô Hòa đã chôn lén.

Quê hương bao kiếp trước. Quê hương kiếp này. Quê hương bao kiếp sau. Đó là chỉ nói quê hương trên cõi trần. Lại còn quê hương vào lúc "thác về" tức là cõi âm phủ. Thì ra con người có quê hương thật sự bao giờ đâu! Phải đi đi về về suốt qua hai cảnh giới. Hồi còn mạnh khỏe, còn hăng hái bán buôn, còn say mê cảnh sông hồ, chưa bao giờ ông nghĩ tới chuyện sống chết luân hồi. Nhưng, lúc sức lực cạn vơi, và sau bao năm xuôi ngược trên sóng nước, tự dưng trong cõi sâu thẳm của tâm linh ông bỗng lóe ra một tia sáng bạc nhược, nhưng cũng đủ cho ông biết rằng: Ngay trên cõi tạm này là cõi trần gian, có mấy ai suốt đời ở một nơi cố định? Dù vui hay khổ về chuyện xê dịch, nhưng đến lúc già yếu, ai cũng phải tìm cho ra một chỗ "trụ". Chuyện đầu thai, chuyện luân hồi, dù chưa có ứng nghiệm, dù tin hay không tin, nhưng ông đủ thấu hiểu rằng con người sinh ra đời chẳng phải là một tình nguyện, mà con người như một mảy lông ném vào cơn vận chuyển không ngừng nghỉ.

Chồn cáo có hang chim có tổ, con người không có chỗ gối đầu?" Đã bao lần, ông Nhưn Giáp lập lại câu đó để rồi ngậm ngùi thương xót cho kẻ chết dọc đường, để rồi thương cho lũ voi khi gần chết cố gượng sức lết về hang động của tổ tiên, đồng loại để gởi ngà gửi xương.

*
* *

Sau khi bán than cho các vựa than ở Cái Răng, ở chợ Cần Thơ, ông bà Nhưn Giáp lần hồi về bến chợ Vĩnh Long. Dọc đường, họ bán thuốc cao đơn hườn tán, bán dây chuyền, kim hát máy, bán cuốn bài ca và các tuồng thụ thanh trong dĩa nhạc, bán luôn cả dĩa nhựa

Ông nói với bà:

— Kỳ này, vợ chồng mình mò mẫm đi Lái Thiêu mua lu hũ, chén sành, liễng kiếng để bán dạo khắp vùng Tiền Giang. Mình bán hết chuyến chót thì năm cùng tháng tận, rồi về Lộc Hòa ăn Tết với sư bà. Ra giêng, mình phải dọ hỏi ruộng đất, hoặc chỗ nào có thể "trụ" để sanh sống... trên bờ thì mua.

Bà vợ nói:

— Ông sao có cái tật...lên bờ nhớ sông, xuống sông nhớ bờ thì còn nước non gì. Tui còn nhớ lần ông về Lộc Hòa thăm sư bà. Ông nói rằng ông là cá, lên bờ phát ngộp thở như cá mắc cạn.

Về bến chợ Vĩnh Long mà không có hàng hóa thuộc loại thổ sản thì cũng ngặt cho bà. Nhưng bà biết ông thích gặp các tay thương hồ để mặc sức mà đàm đạo chuyện sông hồ, chuyện anh hùng bốn bể, từ chuyện trên nguồn có kẻ đốn củi hầm than tới chuyện ngoài vàm khơi có kẻ chài cá.

Đã ghé bến chợ, bà Nhưn Giáp đi viếng chợ, mua một con cá chẻm, một con cá bông để làm món nhậu cho chồng. Khi về tới ghe, bà đã thấy ông chồng đang quạt than nướng khô cá gộc, khô cá thiều. Mùi khô thơm ngát bay tỏa khắp dãy ghe đậu từ phía bến nước chợ cá tới bến Chú Cụt. Cạnh ghe thương hồ của vợ chồng bà là ghe chở khô mắm Cà Mau. Chủ ghe giữ phần đà công (lái ghe) còn đứa cháu giữ chân trạo phu. Ghe mắm đã bán hết cho vựa bà Tám Phuông bên kia bến chợ, tức là về phía bến Cầu Dài, gần dãy trại lá chầm. Nhưng còn khô cá sưởu, khô cá lăng sình thì chủ ghe bán lẻ ở tại chợ cá Vĩnh Long.

Bà Nhưn Giáp vừa thấy ông Bảy Tịnh chủ ghe mắm và khô đang lui cui luộc trứng vịt lộn, trứng ung thì biết là chốc nữa đây sẽ có cuộc nhậu nhẹt... Ngoài ông Bảy Tịnh còn có ông Ba Chất chủ ghe lươn, ông Năm Bảnh chủ ghe đồ gốm... Thế cũng đủ cho tiệc rượu thêm xôm tụ. Các túy tửu phiên vương kia có thể nhâm nhi cả lít rượu đế. Bà Nhưn Giáp xưa kia vốn không ưa không ghét chuyện nhậu nhẹt của chồng. Nhưng từ một năm nay, bà thích dỏng tai nghe kể chuyện kể của các tay thương hồ. Bà càng lúc càng muốn chia sẻ tâm sự với họ, nên bà thường tham dự tiệc nhậu, để có dịp hỏi han họ chuyện nọ, chuyện kia.

Chiều tối. Thành phố lên đèn. Vì bên sông đầy rác rến, lại gần cầu tiêu chợ, nên ai muốn tắm rửa thì chèo ghe đến khúc sông để tắm gội nấu cơm, và xách nước đổ vào hũ, vào khạp, lóng phèn cho nước trong để dành xài. Bà Nhưn Giáp lôi trong rổ những trái cốc, những trái khế, những trái me xanh, rồi gọt vỏ cốc, và rửa khế, me cho sạch, bày tất cả lên dĩa. Trái cây chua chấm mắm ruốc giã tỏi ớt cũng là món nhắm độc đáo rồi. Bà xào nấu hai món nhậu bằng cá chẻm và cá bông rồi dọn vào mâm lớn cho chồng.

Ông Nhưn Giáp hướng về phía chiếc ghe mui lá chầm, trên đó có chị đàn bà ngoài bốn mươi mặt mày tiều tụy, mắt sâu hoắm, tóc tai biếng chải.

— Nè thím Sáu Ách, thím kêu chồng thím qua ghe tui nhậu một phen.

Vợ Sáu Ách hỏi:

— Tui nhậu ké được không anh Nhưn?

— Có mụ vợ tui, thím tháp tùng qua nhậu cho vui.

Vợ Sáu Ách nói:

— Để tụi này chèo ghe qua bên An Thành tắm rồi lựa trái bần

về ăn kèm với mắm sặc chắc là ngon.

Chị ta réo bà bán vôi bột đậu ghe kế bên ghe mình, mượn cục xà bông sả đi tắm gội cho thơm tho. Bà Nhưn Giáp nghĩ thầm:

— Con này biết... chuyện. Vợ chồng nó không tắm xà bông sả thì ai mà dám ngồi gần.

Bà vừa chùi nồi, soong vừa cười chúm chím khi nhớ cái hôm đầu tiên gặp vợ chồng Sáu Ách. Sáng hôm đầu tiên ngồi tại chợ Vĩnh Long bán khô, bà Nhưn Giáp bỗng chột bụng, mắc đi cầu. Bà liền nhờ bà bán mắm ruốc kế bên coi chừng sạp khô giùm mình và đi lẹ về phía cầu tiêu công cộng cất dựa bến chợ. Vừa xổ bụng xong, thì bà nghe có tiếng cằn nhằn của người đàn bà ngồi dưới sàn cầu tiêu.

— Hôm nay, vừa ra ngõ là mình gặp chị đàn đàn chửa nên mình xui tận mạng. Nãy giờ có ba ông, một bà vào đây tiêu chảy thì mình còn kiếm chác được gì đâu.

Thì ra, chị đàn bà chuyên nghề đi vớt phân thiên hạ, vò tròn bằng bụm tay, phơi khô rồi bán cho mấy người Tiều (Triều Châu) chuyên nghề làm rẫy.

Đêm đó, trằn trọc mãi trong khoang ghe, bà Nhưn Giáp bỗng nghe ở ghe đậu cách ghe bà ba bốn chiếc ghe có tiếng than khóc. Bà rủ ông chui ra ngồi đầu mũi ghe nghe ngóng. Trên trời trăng sáng vằng vặc. Thành phố vào nửa khuya hãy còn ồn ào. Nhưng tiếng ồn ở xa văng vẳng mơ hồ vì ngược theo chiều gió chướng thổi lao xao. Tiếng than khóc vì thuận chiều gió, đến tai đôi vợ chồng già rõ mồn một:

Người đàn bà bỗng ngừng khóc đổi qua giọng the thé:

— Hồi đó, tui biểu anh đi tập hát cải lương. Anh nghe lời ông bầu gánh Rương Đen, đi theo nghề hát bội. Giờ đây hát bội hết thời, không ai thèm coi. Gánh Rương Đen rã tại chợ Lách, may mà tui còn chút đỉnh tiền mua chiếc ghe để về đây vớt phân thiên hạ. Vớt ba cái thứ thúi tha hoài, rồi chẳng biết ngày nào về quê quán đây? Năm cùng tháng tận rồi mà mình chưa mua được chai rượu, con vịt để dành ăn tết

Tiếng người đàn ông lè nhè:

— Tao biểu mày nín. Số tao là số bần cùng, dẫu có đi theo cải lương, thì với cái giọng thùng thiếc bể chắc gì tao làm được kép chánh đâu. Nghề hát bội là nghề ông cha tao, nuôi các cô, các chú, các anh chị em tao đã hai đời rồi; lẽ nào tao phụ nó? Bộ mày tưởng hễ ai đi hát cải lương rồi cũng ngang hàng với Bảy Nhiêu, Năm Châu, Tư Út hết hay sao? Có nhiều gánh cải lương đi hát ở miễu đình, gặp lúc trời mưa thưa khách thì sáng hôm sau họ cũng bắt cóc nấu cháo.

— Thịt cóc coi vậy thơm tho, nói cho anh biết.

— Ấy, mình vớt cứt sanh nhai chớ có ăn cứt đâu nà. Dầu sao đi nữa, mình cũng đắp đổi qua ngày nhờ nghề vớt hạ tiện này. Mày chê nó thì mày ngu như ăn cứt.

Vốn là nghệ sĩ, ông Nhưn Giáp cảm xúc lắm. Vào thập niên 30, các gánh cải lương thuộc loại trung ban khi lưu diễn thì dùng ghe chài. Còn các gánh hát bội, gánh tiểu ban chuyên lưu diễn ở làng, ở quận, thì dĩ nhiên lấy sông nước làm đường di chuyển, lấy rạch con, kinh nhỏ để vào tận các làng hẻo lánh. Hồi xưa, ông Nhưn Giáp đi gánh Rương Vàng, chuyên diễn tại các miễu, các đình nằm dọc trên rạch Long Hồ, trên sông Cổ Chiên. Gánh Rương Đen rã ba phen. Ông bầu phải trở về nghề làm ruộng rẫy để rồi có đủ tiền, ông hội đào kép cũ dựng lại gánh. Ông bầu cũng là một kép lão đóng vai Tỷ Can trong vở Mổ Tim Tỷ Can hay thần sầu. Đã trót lâm đời nghệ sĩ, đã mắc nợ Tổ nghiệp, ai mà rứt khỏi nghiệp cầm ca dễ dàng?

Sáng hôm sau, vợ chồng ông Nhưn Giáp tìm ghe người vớt cứt. Hỏi ra đó là Sáu Ách, em của Hai Canh, mà Hai Canh là bạn chí thân của ông Nhưn Giáp khi cả hai cùng thay phiên đóng các vai chính trên sân khấu Rương Đen. Không ngần ngại, ông Nhưn Giáp lấy năm chục đồng trao cho Sáu Ách, mời hai vợ chồng qua ghe mình dùng cơm, viết một bức thư cho sư bà Diệu Pháp, nhờ sư bà tìm cách giúp đỡ vợ chồng Sáu Ách khi họ về Lộc Hòa.

Khi các bợm nhậu bày tiệc thì bóng trăng tròn trịa đã nằm vắt vẻo trên dãy cây đen thẫm bên kia cù lao An Thành. Riêng cậu Hai Chí Thành, cháu ông Bảy Tịnh không biết nhậu. Cậu vốn ăn chay trường, nhưng cũng đến mâm nhậu trái cây chua chấm muối ớt để hóng chuyện sông hồ. Vợ chồng Sáu Ách được tắm gội bằng xà bông sả, họ mặc bộ quần áo bằng vải ú còn mới thơm mùi lông nãO.

Mấy hôm rày, ông Năm Bảnh thèm ăn thịt chó, nhưng ông Ba Chất không chịu bảo rằng:

— Con chó là loài thú vật gần gũi với con người, lại hết lòng trung tín với người. Mình ăn thịt nó té ra mình ăn thịt thủ hạ mình hay sao? Thủ hạ của mình có khi còn phản phúc nữa là... Còn con chó thì trước sao sau vậy?

Ông Nhưn Giáp có vẻ yêu mến nể nang cậu Hai Chí Thành lắm. Khuôn mặt của cậu hiền, cậu tươi cười nhưng không có hậu ý gì. Thần thái của cậu sáng rỡ. Hết màn trái cây chua, cậu xin ly nước trà ngồi nhâm nhi hầu chuyện các bậc "trưởng thượng". Bà Nhưn Giáp đem dĩa bánh xôi vị mời cậu, và nhấn đi nhấn lại đây món bánh chay.

Các bợm nhậu hết nói về huyền thoại, về truyền kỳ các cuộc đất mà họ đi qua, rồi đề cập cách sinh hoạt các dân vùng khai

hoang khẩn đất, về thổ sản. Mới đó mà đã hết một lít rượu ngâm hoài sơn, thục địa và cam thảo. Bà Nhưn Giáp lấy thêm bốn chai rượu nếp than màu nâu đỏ, đặc sền sệt khi rót ra thơm ngào ngạt. Từ ba mươi năm qua, cuộc sống thương hồ đã làm cho tâm hồn bà phong phú, kiến thức bà dồi dào, nhưng giờ đây ám ảnh về chỗ "trụ" đã có một chỗ đứng trong tâm hồn bà, càng ngày càng lớn rộng, càng vững bền. Vợ chồng Sáu Ách sau khi vớt phân thiên hạ, có thể tắm gội bằng xà bông sả là mùi xú khí bay đi, nhưng giấc mộng trở về quê của họ làm sao mà tắt mất? Ông Nhưn Giáp có thể mượn rượu tiêu sầu giải muộn, nhưng khi men rượu thoảng qua, ám ảnh về chỗ "trụ" càng vắng vặc, càng sáng ngời... Còn bà, bà cũng mệt rồi, cần một "chỗ gối đầu" để nghỉ ngơi.

Ông Ba Chất đang lúc ngà ngà vụt tâm sự:

— Bà con biết tại sao tui không ăn thịt chó không? Hồi đó, tui sanh đẻ tại Tân Hiệp, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Tía tôi làm nghề thuốc Nam, chuyên nghề sửa những người trặc chân, nghề cắt giác. Tía má tui sanh đầu đuôi có hai anh em tui. Anh lớn tui tên là Hai Chơn. Rồi một ngày nọ, có một người đàn ông xứ Quảng Nam từ Tân An thả xuống, bán quế, kỳ nam, thuốc dán (tức là loại thuốc cao). Ông ta ăn nói vui vẻ tính tình bãi buôi. Tía tôi hợp ý với ông ta kết làm anh em, ổng nhỏ hơn tía tui một tuổi làm nghĩa đệ. Dè đâu ông này tán tậm lương tâm thấy má tui có bóng sắc nên lén tía tui ve vãn má tui. Má tui cũng mê cái mã khôi ngô của ông Quảng Nam, xiêu lòng. Lúc đó, tía tui mắc chứng bịnh phù thủng, không hiểu sao biết được tự sự. Phẫn uất quá, vào lúc sáu giờ sáng, tía tui lết ra đường rầy xe lửa Mỹ Tho-Sài Gòn cho xe lửa cán nát thây. Má tui sau một năm để tang cho tía tui, chánh thức sống chung với ông Quảng Nam. Ổng bắt hai anh em tui đi chăn trâu mướn cho ông Hương sư Kỉnh ở xóm Tre, cách xóm tôi hai cây số. Thiệt tình, hai anh em tôi lúc mới mồ côi cha, còn nhỏ quá, đâu có hiểu chuyện thương tâm của tía tui. Lại nữa, trẻ con xóm tôi hễ vừa mới lớn lên là đi chăn trâu, ở đợ. Hai anh em tôi được vợ chồng ông Hương sư thương tình, cho ở ngoài chòi khá rộng, cất giữa ruộng, có chõng tre, mùng mền, có nồi niêu. Anh tui có nuôi một con chó Vá. Hai anh em tui coi nó như đứa em út trong nhà. Vì mồ côi, hai anh em tui thương yêu, trìu mến nhau lắm. Không hiểu ai đó học lại chuyện tự vận của tía tui cho anh tui nghe. Bắt đầu từ đó, ảnh tư lự, buồn bực lắm nên thường đến chùa Kim Quang luôn. Đêm nọ, hai anh em lạnh quá vì vào tiết lập Đông, cả hai ôm chặt nhau ngủ mà không đủ ấm. Ảnh đốt mẻ lửa ở chiếc cà ràng, rồi than thở:

— Ba à, mày thấy chuyện nhà mình thảm thiết lắm không? Lớn lên mày cũng đừng thèm cưới vợ, sanh con làm gì? Đừng có nghĩ nối dòng, nối giống làm chi? Dòng mình là dòng nghèo nàn,

làm nghề lặt vặt, hoặc đi làm mướn ở đợ, có gì vẻ vang đâu mà nối? Mà mày cũng đừng oán hận gì ông tía ghẻ tụi mình. Chẳng qua tại kiếp trước, tía một mình có làm gì oan trái với ổng, nên kiếp nầy ổng báo oán.

Rồi một hôm nọ, anh tui tìm về nhà mẹ và tía ghẻ, bảo rằng thôi không làm mướn. Tía ghẻ tụi tôi đánh ảnh thiếu điều nứt đít. Ảnh khóc:

— Xin chú đừng giận con tội nghiệp. Con về đây để có chết được thấy mặt má con.

Con chó theo ảnh, chồm lên táp vào cánh tay tía ghẻ tụi tui rồi chạy mất. Má tui liền can gián và lấy muối xức vào vết roi cho anh tui. Đêm đó anh tui nổi cơn nóng lạnh. Sáng ra mình mẩy ảnh đầy mụt đỏ. Ảnh bị trái giống và chết vì bệnh oan nghiệt nầy. Tía ghẻ tui toan đi thưa làng nước, để đem xác ảnh thiêu ra tro. Má tui khóc, năn nỉ ổng, vào nửa đêm bó chiếu thây ảnh rồi chôn gần chòi tui. Tội nghiệp con chó Vá, cứ mỗi chiều, nó ra ngoài mộ ảnh nằm rạp, rồi cất mỏ tru lên từng hồi thảm thiết. Mấy cây ổi quanh chòi, cây nào do anh tôi trồng, tôi cắt miếng vải trắng, gọi là để tang cho ảnh. Con Vá chỉ nằm dưới những tàng cây mang mụn vải trắng. Rồi đó, liên tiếp ba ngày tui bị sốt rét, nóng mê man, nằm lì trong chòi. Nhờ ông Hương sư thương tình, mời thầy thuốc nên tôi mới gượng ngồi dậy. Kỳ đó, tôi đau ban trắng, uống mỗi ngày hai gói cảm mạo phát tán. Con chó Vá cứ quanh quẩn theo tôi. Lúc đó, vào mùa Vu Lan, mưa tháng bảy cứ dầm dề. Suốt ba ngày, tôi không thấy con Vá. Đến khi mưa tạnh, thằng Ân, tên hầu trà nước của ông Hương sư đến thăm tôi, và cho tôi biết con Vá đã chết, xác nó nằm úp trên mộ anh tôi. Chuyện vẫn chưa hết đâu. Sáu tháng sau, ông tía ghẻ tôi phát điên vì nọc chó, cứ rống, cứ tru và như ngộp thở, le lưỡi thở hào hển. Ổng chết. Đó là điều tôi rất khổ tâm vì cái cảnh góa bụa của má tôi, cảnh côi cút của lũ em khác cha. Nhưng sau đó, má tôi lấy chồng khác, sau hai năm cư tang cho ông tía ghẻ thứ nhất. Bà sống lận đận với cái nghề mua thúng bán bưng ở ga xe lửa Trung Lương, ở chợ Bến Chùa. Tôi bỏ nhà làng ra đi, để khỏi thấy mấy đứa em tôi bị ông tía ghẻ thứ hai hành hạ. Ông nầy vốn ghiền rượu, hễ say sưa là ổng đánh má tôi và các em tôi còn hơn kẻ thù. Năm năm sau má tôi qua đời. Các em tôi được người chú đem về Thủ Thừa dạy .Tôi về xóm cũ, chỉ thấy nền nhà cỏ mọc. Sau đó, tôi ở chơi với bà con lối xóm một tháng, thăm mộ tía má tôi, mộ tía ghẻ, và mộ anh tôi, cùng mộ con chó có nghĩa, bồi đắp các ngôi mộ cho tử tế, rồi đi Thủ Thừa thăm các em. Từ đó, trên hai mươi năm, tôi vẫn sống đời chợ gạo nước sông, chưa có dịp nào về nơi cố quán cả.

Bóng trăng giờ đây đã lưng chừng trời. Ngoài vàm, một chiếc

ghe giương buồm chạy về phía Bắc Mỹ Thuận. Ông Năm Bảnh buồn rầu nói:

— Tui bỏ quê chừng hai mươi năm, trở về thăm quê thì lớp người sanh trước tui rủ nhau thăm ông bà tiên tổ. Điều đó chẳng nói làm chi. Còn những người đồng thời với tui thì cũng đi tứ tán theo kiểu tha phương cầu thực; mà nếu kẻ còn ở lại thì họ cũng già cả lẩn lộ. Tụi nhỏ mới tấn lên, nhìn tui một cách tò mò, ghẻ lạnh. Quê của mình mà làm mình buồn tủi còn hơn quê người. Cảnh vật thay đổi làm mình như lạc lõng ở rừng, ở hóc Bà Tó...

Nãy giờ, cậu Ba Chí Thành yên lặng ngồi nghe các bậc "trưởng thượng" đàm đạo. Cậu chỉ cười hiền, ánh mắt sáng ướt, môi cười chúm chím. Ông Nhưa Giáp liền gợi chuyện với cậu:

— Sao chú Ba? Nãy giờ, cháu chưa kể chuyện về quê quán của cháu cho các chú, các bác cháu ở đây biết. Quê cháu ở đâu ?

Cậu Ba Chí Thành nhỏ nhẹ thưa:

— Thưa các bác, các chú, bác Bảy của cháu chắc cũng đã kể qua cho các bác, các chú quê quán của hai bác cháu rồi. Quê cháu ở làng Mỹ An cách tỉnh Vĩnh Long mười lăm cây số. Cháu mồ côi cha mẹ hồi sáu tuổi. Bác Bảy cháu đi buôn, nên gởi cháu cho sư bà Diệu Đức ở chùa Sơn Thắng nuôi dưỡng. Sư bà dạy cháu học kinh kệ, và cho học chữ ở nhà trường. Khi 15 tuổi, cháu rời Vĩnh Long, đi lưu học ở Mỹ Tho, tới năm thứ hai chương trình Pháp. Vì thấy sư bà già yếu quá, cháu trở về chùa phụng dưỡng sư bà. Thiệt sự, sư bà là kế mẫu của má cháu, nhưng cháu thương bà còn hơn là bà ngoại ruột. Trước khi viên tịch, sư bà muốn cháu đi đây đi đó để kinh qua thế sự, trước khi trở về chùa tu lại. Mấy năm nay, cháu theo bác Bảy đi thương hồ, có lẽ năm tới cháu trở về chùa, thọ giới sa-di...

Bà Nhưn Giáp nói :

— Vậy thì cậu còn có chỗ trụ; đó là chùa Sơn Thắng chớ gì?

Cậu Ba Chí Thành vẫn giữ giọng ôn nhu :

— Dạ thưa bác Nhưn gái, chùa ở đâu đối với cháu cũng vậy, cũng vừa là nơi tạm, mà cũng vừa là quê hương. Quê hương chỉ là điều mê vọng, chỗ nào ở cõi Ta Bà này cũng chỉ là mê vọng, như vậy thì chỗ nào cũng là quê hương cả. Quê hương thiệt sự có chăng là do ở tâm mình mà thôi.

Ba Chất giả bộ cung kính, xá dài cậu Ba Chí Thành:

— A di đà Phật. Chí Thành Bồ Tát nói cao xa quá tui không hiểu gì hết trọi á. Còn tui, chỗ nào có bán rượu là quê hương của tui.

Cậu Ba Chí Thành cười vui vẻ, chớ không cãi cho ra lẽ.

Đêm đó, sau khi tiệc rượu dẹp đi, ai về ghe nấy, ông bà Nhưn Giáp vẫn trằn trọc. Ông thì nhớ lại lời kể của ông Ba Chất mà

thương cảm cho kẻ bỏ làng nước để trốn tránh cái tuổi thơ đầy nước mắt của mình và ông thương luôn con chó nằm chết bên mộ chủ. Ông cũng đã xa quê, bỏ lại cái chòi lá xiêu vẹo bên ven ao cuối xóm, bỏ luôn con chó cái và bốn chó con mới đẻ đầy tháng. May phước con chó cái dắt con đến nhà một bà điền chủ nhơn đức, được bà nuôi luôn. Vậy mà, mười lăm năm sau, tình cờ đi ngang quê cũ, ông có ghé lại thăm, bà con lối xóm kể lại rằng chiều chiều khi bóng hoàng hôn nhuộm vàng một nửa mảnh ao, con chó cái dắt con đến chỗ nền chòi xưa, cất tiếng tru lên thảm thiết. Từ đó, mỗi chiều, khi ghe đậu ở một bến sông nào, ông Nhưn Giáp cũng lắng nghe tiếng chó tru để hoài niệm loài nghĩa thú kia. Nhưng đồng thời tiếng chó tru lại thúc giục ông tìm cho mình một quê hương. Tiếng thúc giục đó có khi lẩn vào tiếng gà gáy lẻ tẻ ở một thôn xóm vào buổi trưa lặng ngắt; tiếng gà trưa gợi nên cảnh sống nơi thôn ổ trù mật, có tình lân lý, có kỷ niệm trong lễ thánh hội đình.

Còn bà, bà cũng không ngủ vì bứt rứt. Bấy lâu nay đành rằng bà thích chỗ trụ, nhưng nhứt định chỗ trụ không phải là làng Đạo Thạnh bên đường rầy xe lửa, gần Ngả Ba Trung Lương. Bà cũng không thích nuôi heo nọc vì bà nhờm gớm cái mùi hôi hám của nó. Ông bà kể như tuyệt tự, có lẽ vì có một dạo ông làm nghề thiến heo, làm tuyệt tự nhiều con heo nên lãnh cái quả xấu ngày nay vậy. Ai đời, ông Nhưn Giáp muốn vợ mình gây giống cho heo, còn ông thì làm tuyệt giống loài heo bằng nghề thiến heo; xây dựng làm chi rồi phá vỡ, ngẫm nghĩ có kỳ cục hết chỗ nói hay không?

*
* *

Ông Bảy Tịnh nhứt quyết cùng vợ chồng ông Nhưn Giáp vượt sông Cổ Chiên, sông Hàm Luông để xuôi về miền Đông, đến Lái Thiêu mua đồ gốm và liễng kiếng. Liễng kiếng là một thứ liễng làm bằng gương, trên mắt gương dài họ vẽ từng câu chữ nho, có trang trí chung quanh rìa bằng hoa lá, chim bướm, dơi, rồng phụng, tiên cô, tiên ông.

Vào một buổi trưa, hai chiếc ghe tới một bãi hẫm, phía trên bãi hẫm là một vùng cây trầm thủy như cây bần, cây đước, cây mắm, và trên nữa là rừng tre, đan chằng chịt dây mây, dây choại, dây cóc kèng...

Nước lớn dồn đầy sông. Sông quá lớn. Đứng bên này bờ sông nhìn qua bên kia, ông Nhưn Giáp chỉ thấy một vệt cây đen thẫm chìm trong hơi nước mù xanh. Gió thổi lồng lộng. Sóng dữ chồm lên từng lượn lớn như vồng khoai tràn vào bãi hẫm rồi rút đi để lại bọt trắng lẫn bọt vàng ngàu vướn víu trên đám lác, đám lục bình.

Ông Bảy Tịnh hỏi ông Nhưn Giáp:

— Nè anh Nhưn, đây là đâu ?

Ông Nhưn Giáp nói :

— Đây là một khúc quẹo trên con sông Hàm Luông.

Trời ơi! Chưa có vượt qua sông lớn lần nào nên hôm nay ông sợ hãi vu vơ. Từ rừng tre, tiếng gà gáy vang. Bình thường tiếng gà trong những thôn ổ tịch mịch vào buổi trưa làm cho ông bồi hồi cảm khái. Còn tiếng gà ở đây sao mà rợn óc. Gà gáy từng chập không dứt. Và trong cơn gió rào rào từ giữa sông, từ vàm biển đưa lại, có những tiếng rít như tiếng roi mây hươi lên vun vút.

Ông Bảy Tịnh hỏi :

— Mình có nên vượt sông không ?

Ông Nhưn Giáp nhìn lên bầu trời xanh không một gợn mây, rồi bảo :

— Hôm nay tốt trời, tuy có gió, nhưng không có giông. Ở sông lớn thì gió lúc nào cũng lồng lộng, không bao giờ thoang thoảng như ở kinh rạch. Thôi thì mình vượt sông cho sớm, để rút ngắn hành trình.

Ông Nhưn Giáp điều khiển lái, bà Nhưn Giáp chèo ở trước mũi. Nhưng ghe bên kia thì cậu Ba Chí Thành không làm trạo phu nữa mà giành làm đà công. Gặp sông dài sóng dữ nầy phải điều khiển bánh lái một cách dẻo dai mới được.

Hai chiếc ghe mạnh dạn ra giữa dòng. Nhưng lúc đầu thì sóng gối đầu từ giữa sông tràn từng lượn vào bờ, nên ghe có thể nương theo từng lượn một cách nhẹ nhàng. Nhưng tới gần giữa sông, ông Nhưn Giáp hét lớn:

— Trời ơi! Sóng lưỡi búa, sóng bạc đầu kìa.

Bà Nhưn Giáp rụng rời. Sóng không di chuyển từng lượn nữa. Chúng trồi lên hụp xuống ở một chỗ. Ghe không thể gối đầu để tránh cơn úp chụp của sóng nữa. Sóng chồm lên như phủ nhòa chiếc ghe. Ông Nhưn Giáp nghiến răng chèo lướt phăng lên đầu ngọn sóng. Bên kia ông Bảy Tịnh hét người cháu :

— Chèo mạnh lên, hễ lướt qua vũng sóng bạc đầu là sẽ tới chỗ sóng gối đầu.

Bà Nhưn Giáp chỉ còn biết niệm Phật, và với một bản năng mù mờ, bà ngước về phía cậu Ba Chí Thành mà không hiểu tại sao? Có lẽ trong tiềm thức bà, hình ảnh trầm tĩnh dịu dàng của cậu đã đem cho bà niềm thanh thản, an lạc vô bờ bến, nên giữa lúc nguy biến như vậy, bà muốn bấu víu vào cậu để quên bớt cơn kinh hoàng. Quả nhiên cậu Ba Chí Thành không hề đổi sắc mặt. Hai mái chèo của cậu vẫn quạt vun vút để ghe vượt lên hai đầu ngọn sóng lớn như gò cát rồi hạ xuống chỗ trũng của ngọn sóng gối đầu, và từ chỗ trũng sâu thăm thẳm ghe cậu gối đầu ngọn sóng thứ ba và

được sóng đưa nhẹ lên cao.

Bên này, lúc đầu vì không được bình tĩnh, ông Nhưn Giáp bị hai ba lượn sóng bạc đầu úp lên ghe và phân nửa chiếc ghe ngập nước. Trong lúc đó cậu Ba Chí Thành gọi lớn :

— Bác Nhưn hãy chèo theo cháu, vùng sóng gối đầu không xa, chèo nhanh lên bác.

Tiếng gọi của cậu lanh lảnh và không bị gió quạt đi. Nó làm cho ông Nhưn Giáp cảm thấy đôi tay mình thêm một sức mạnh không thể ngờ. Đôi mái chèo ông đẩy mạnh nối theo đuôi ghe cậu, rớt giữa thung lũng sông và kịp gối đầu lên ngọn sóng cao, ghe không cần đẩy mái chèo mà tự động lên cao xa vùng sóng bạc đầu ác hiểm.

Dù gió rít ghê rợn, nhưng hai chiếc ghe êm đềm thoăn thoắt theo từng lượn sóng đưa vào bờ.

Khi biết mình thoát hiểm, bà Nhưn Giáp gác chèo, ngồi trước mũi khóc hu hu. Cậu Ba Chí Thành vẫn cười điềm đạm bảo ông Bảy Tịnh:

— Thưa bác, mình nên neo ghe nghỉ mệt rồi nấu cơm. Tối nay nếu có gió xuôi mình trương buồm cũng không muộn.

Ông Nhưn Giáp như mất hết nội lực, nói xuôi:

— Tối nay là mười ba âm-lịch, trăng bắt đầu tròn rồi đó.

Hai chiếc ghe đậu sát bên nhau cạnh một bãi hẳm mọc đầy cây trầm thủy như cây vạt sành, cây bần. Trong lúc bà Nhưn Giáp lẩm bẩm khấn vái tạ ơn Trời Phật thì cậu Ba Chí Thành nhúm lửa nấu nước. Ông Bảy Tịnh thở hào hển, rồi khoe với ông Nhưn Giáp:

— Thằng cháu tui thì lúc nào cũng bình tĩnh, coi cái chết như không.

Bà Nhưn Giáp hỏi cậu Ba Chí Thành:

— Bộ cháu không sợ hay sao? Hoặc là cháu gượng làm tỉnh để cho tụi tui đừng mất tinh thần ?

Cậu Ba Chí Thành :

— Cháu không sợ— Giọng cậu đều đều và êm nhẹ— Sống hay chết cũng là mê vọng cả, y như giấc chiêm bao.

Ông Bảy Tịnh cười hề hề, lòng tràn ngập niềm thương mến thằng cháu tài giỏi. Ông nói :

— Ừ, sống gởi thác về.

Ông Nhưn Giáp cằn nhằn :

— Về âm phủ thì buồn quá. Nếu nói âm phủ là cái quê quán thiệt sự của mình thì tui không ham rồi đa.

Cậu Ba Chí Thành vẫn cười hiền :

— Thưa đâu phải vậy, cõi trời, cõi âm phủ cũng chỉ là giấc mê mà thôi. Sống ở âm phủ mà lòng mình không khiếp sợ, không đau khổ thì âm phủ đâu còn là âm phủ nữa. Theo cháu, quê hương

chính ở cái tâm mình.

Bà Nhưn Giáp tuy không hiểu thủng những gì cậu Ba Chính Thành nói, nhưng bà cảm thấy từ khuôn mặt, từ lời nói, từ dáng điệu, cử chỉ của cậu như toát ra một niềm an lạc, dịu mát nên bà rợn ngợp, nao nao không muốn hỏi han lôi thôi gì nữa. Ông Nhưn Giáp cũng như vợ vậy, nhưng hơn vợ ở chỗ là ông như chập chờn nắm bắt được cái ý nghĩa của câu nói của cậu Ba Chí Thành, tuy bất hụt, nhưng lòng ông như trải rộng ra êm đềm...

Bỗng một chiếc ghe chở lúa thong thả bơi ngang qua. Đà công là một người đàn ông ngoài bốn mươi tuổi, mình mẩy hơi gầy hơi khô, nhưng bắp thịt rắn chắc nổi cuồn cuộn. Người đàn bà chèo trước mũi là một chị đàn bà cũng trạc tứ tuần, da bánh ích, nhưng mặt mũi sáng rỡ, miệng nhai trầu chóc chách, mắt ướt lắng lơ.

Đà công hỏi lớn :

— Bà con vừa vượt qua sông, phải không?

Ông Bảy Tịnh nói :

— Một lần vượt qua khúc sông nầy là tụi tui như chết đi sống lại.

Chị đàn bà hỏi :

— Trước khi qua sông, bà con có cúng kiếng gì chưa?

Bà Nhưn Giáp nói :

— Tụi tui nào có biết cúng ai? Đây là đâu vậy?

Chị đàn bà chắc lưỡi :

— Muốn qua sông mà bà con gan quá, không cúng kiếng Cậu, hèn chi Cậu giận cũng phải. Nhưng mà phước đức của bà con đây lớn lắm nên ghe mới không chìm. Nhưng chắc chắn bà con phải một phen hồn phi phách tán.

Ghe lúa ngừng lại. Người đà công nói :

— Các bác với chú em đây xuôi về Mỹ Tho phải không?

Ông Nhưn Giáp gật đầu xác nhận. Người đàn ông biểu vợ cắm sào rồi sửa soạn cơm nước. Chiều dần xuống. Sóng gió vẫn cuồng nộ giữa sông. Chị vợ nói:

— Các bác và chú em cho tụi nầy vầy đoàn với. Hễ tối nay, gió đổi chiều là mình trương buồm cho ghe chạy đua, và mình kể chuyện tào lao cho đỡ buồn.

Ghe lúa chật chội, ông Bảy Tịnh mời vợ chồng chú lái lúa qua chiếc ghe lườn có mui của mình. Ba ghe cùng hùa đem gạo nấu cơm chung trong cái nồi đồng lớn của bà Nhưn Giáp. Canh, cá kho, thịt kho dọn chung nên mâm cơm có vẻ ê hề lắm. Ông Bảy Tịnh lấy chai rượu đế ra rót năm ly. Cậu Ba Chí Thành dùng cơm chay và uống trà. Bà Nhưn Giáp hỏi chú lái lúa:

— Đây là đâu vậy, chú ?

Chú lái lúa trợn mắt :

— Trời ơi, bác không biết hay sao? Đây là khúc Dinh Cậu. Ai mà nghe tới hai tiếng "Dinh Cậu" mà lại chẳng sợ ớn xương sống? Người ta đồn rằng Cậu đây là con trưởng nam của Hà Bá cai quản sông Hàm Luông. Ở đây, khách thương hồ lập miễu thờ Cậu. Miễu tuy nhỏ nhưng đẹp đẽ, cất theo lối thượng thực hạ hư như kiểu nhà sàn, nóc có chạm cặp rồng tranh trái châu, phía trong cũng chạm tứ linh, sơn son thếp vàng hực hở. Miễu tuy nhỏ, nhưng dùng làm dinh thự cho Cậu. Khách thương hồ nếu muốn vượt sông thì phải lên dinh cúng cho Cậu cặp gà và lên nhang đèn khấn vái Cậu thì cậu mới phù hộ vượt sông. Còn nếu thiếu sót thì Cậu nhận ghe cho chìm. Bởi đó ở rừng tre chung quanh "dinh", gà thả đầy lĩnh nghỉnh. Lâu ngày, từ gà nhà chúng biến thành gà rừng. Gà rừng thì gáy bất kể sáng tối. Chúng sợ chồn cáo nên làm ổ trên nhánh tre nữa là khác.

Người vợ nói:

— Dưới đáy khúc sông nầy, ghe chìm lểnh nghểnh còn hơn bến chợ Cầu Ông Lãnh ở Thầy Gòn. Trước kia, khi muốn nhận chìm ghe ai, Cậu cho cặp ngỗng trắng ở thủy phủ trồi lên. Nhưng tàu xà lang của Tây cậy có súng nên tụi Tây đâu thèm sợ Cậu, sợ ngỗng. Vừa thấy cặp ngỗng trồi lên là tụi nó bắn chết, máu ngỗng lan rộng cả một khúc sông. Tuy vậy mà Cậu vẫn linh, ai khi dễ Cậu là đố khỏi qua sông mà bình yên cho được?

Cậu Ba Chí Thành cười lắc đầu, nhưng không cãi cọ hoặc bàn ngang tán dọc gì hết. Vừa thấy cái lắc đầu nhẹ của cậu, ông Nhưn Giáp chợt hiểu thủng lời nói lúc nãy của cậu mà ông không hiểu tại sao mình lại hội được ý của cậu qua cái lắc đầu kín đáo kia. Trước hết ông không tin huyền thoại ác ôn của khúc sông này. Mà nếu Cậu có thật chăng nữa cũng là thứ tà thần, tham của hối lộ khách thương hồ. Sắc mặt thanh thản của cậu Ba Chí Thành như thầm bảo cho ông biết rằng: vào tuổi già bóng xế, bởi ông lo sợ thiếu quê hương, thiếu "chỗ trụ" để gởi nắm xương tàn nên ông lo lắng, ông bất an. Thiệt sự, đâu phải chỉ tìm được "chỗ trụ", "chỗ gối đầu", mà ông sẽ được an ổn hưởng cái tuổi già nhàn nhã? Về Đạo Thạnh rủi ông gặp tai ương, gặp chuyện bực mình thì cái "chỗ trụ", "chỗ gối đầu" kia có khác gì âm phủ đâu. Mới hồi xế đây, nếu cuộc vượt sông thất bại, ghe ông chìm đáy nước, vợ chồng ông chết trôi, và bên kia cõi chết, vợ chồng ông còn uất ức cái tai ương thì khổ biết bao. Nhưng nếu vợ chồng ông bình thản đón nhận tai nạn, và nếu trong cõi chết cố tâm của cả hai vẫn tiêu dao, bình thản, thì cõi chết còn hạnh phúc hơn "chỗ trụ", "chỗ gối đầu" muôn vạn lần.

"Quê hương ở tâm!" Trời ơi, câu nói đó dễ hiểu mà khó, khó hiểu mà dễ. Ông Nhưn Giáp cũng biết rằng mình chưa đủ cái lợi căn để nhận diện cái quê hương ở nơi cái Tâm. Làm sao ông có cái

tâm bình thản, vững mạnh như cậu Ba Chí Thành. Bởi đó ông cần phải có "chỗ trụ", "chỗ gối đầu". Nhưng mà "chỗ trụ", "chỗ gối đầu" đâu cần phải là Đạo Thạnh nói có mồ mả tiên tổ ông, nơi đã từng chôn nhau cắt rún của ông. Ông đã hiểu rằng "chỗ trụ", "chỗ gối đầu" sẽ là bất kỳ ở đâu, có thể là cái am của sư bà Diệu Pháp, chớ chẳng thu hẹp ở Đạo Thạnh, miễn là nơi đó ông tu tập để tìm được cái tâm an lạc.

Đêm đó, gió đổi chiều, trăng sáng vằng vặc. Ba chiếc ghe cùng trương buồm chạy trên dòng nước lao xao sóng vỗ và lấp loáng ánh trăng.

Ngồi giữ lái, ông Nhưn Giáp chưa bao giờ cảm thấy tâm hồn yên tĩnh và bát ngát như giờ phút nầy. Ông cất tiếng hát. Bà Nhưn Giáp cũng cảm thấy bớt lo sợ về viễn ảnh chỗ trụ. Bà chưa tìm được "cái quê hương ở nơi tâm" như cậu Ba Chí Thành bảo. Nhưng nghe ông hát nho nhỏ dưới ánh trăng, bà cảm thấy một cách rõ rệt mà không sao giải thích được là từ đây ông đã qua một giai đoạn sống mới mẻ, không còn nghĩ tới Đạo Thạnh nữa. Tiếng hát của ông khàn đặc, run rẩy, yếu ớt vì tuổi già, không phải là để làm sống lại thời kỳ ông đi lưu diễn gánh "Rương Vàng" đâu. Nó là tiếng vang của tâm hồn ông trước giai đoạn mới của cuộc đời. Bà cảm thấy mình sẽ nương tựa vào chồng để tìm ra cho được "Quê hương ở tâm", để khỏi nhọc công tìm kiếm "chỗ trụ", "chỗ gối đầu" ở Đạo Thạnh hay bất cứ ở đâu.

Bên kia ghe lúa, chị vợ nhúm bếp nấu nước pha trà. Trăng sáng vằng vặc dễ làm thao thức lòng người. Làm sao mọi người có thể ngủ trong lúc trăng đẹp trăng trong như vầy? Ghe đi sâu vào khúc sông mà sóng bớt gào thét, và gió chỉ thổi lao rao. Chị vợ lái lúa chõ miệng qua bên ghe ông Bảy Tịnh năn nỉ cậu Ba Chí Thành:

— Hát huê tình, hát vọng cổ chơi, cậu em.

Cậu Ba nói:

— Tôi không biết hát huê tình. Nhưng tui cũng đang muốn hát một bài kệ...

Chị vợ lái lúa cười:

— Trên trăng dưới nước, cảnh hữu tình như vầy mà hát một bài kệ thì... mà thôi, miễn là cậu hát rồi cậu thưởng thức theo cái đạo tâm của cậu, còn tui thưởng thức theo cái trần tâm của tui. Cậu em hát bài... mặc kệ đi cậu.

Rồi chị ỏn ẻn hỏi chồng:

— Mình, em nói vậy mà có nhằm lẽ, không mình?

— Nhằm lẽ lắm.

— Nhằm lẽ mà hữu tình nữa, hén mình?

— Ừ.

Bà Nhưn Giáp bực cười mắng thầm: "Con nầy ngựa quá!"

Nhưng lòng bà chẳng có gợn một chút ác cảm nào đối với chị ta. Bà lẳng lặng chờ cậu Ba Chí Thành hát.

Cậu Ba cất giọng lúc đầu hơi e ấp, sau giọng trở nên dạn dĩ và rõ dần :

Trời đất liếc hề ôi mênh mang
Chống gậy thả rong hề ra chốn ngoại phương
Hoặc đến đỉnh cao hề núi thẳm
Hoặc vào nước sâu hề đại dương
Đói ăn cơm hề do muôn nơi góp lại
Mệt ngủ giấc hề chỗ chẳng quê hương
Hưng thời thổi hề sáo không lỗ
Lặng sẽ đốt hề giải thoát hương (*)

Hồ Trường An
Troyes, ngày 1-5-86

(*) Dịch bài "Phóng Cuồng Ca" của Tuệ Trung Thượng-Sĩ Trần Quốc Tảng.

Đã phát hành

ĐÁY ĐỊA NGỤC

của Tạ Ty

Một tác phẩm lớn, viết trung thực nhất về chế độ Tập Trung Cải Tạo dưới ách thống trị của cộng sản, từ Miền Nam tới Miền Bắc. Cuốn sách không những có giá trị chính xác về phương diện tài liệu, mà còn là một tác phẩm văn học. Tác giả đã trải qua nhiều trại cải tạo sau nhiều năm bị giam cầm và gánh chịu nhiều nhục nhằn dưới vùng trời Việt Nam ngất ngất oán thù, kể từ sau ngày 30.4.1975.

Tác phẩm mà mọi người mong đợi từ lâu, nay đã xuất hiện trên thị trường chữ nghĩa. Mỗi tủ sách gia đình tị nạn phải có một cuốn ĐÁY ĐỊA NGỤC do cơ sở THẮNG MÕ ấn hành.

Giá 15 Mỹ kim trng nước Mỹ
Giá 17 Mỹ kim ngoài nước Mỹ
Xin liên lạc với nhà văn Tạ Ty theo địa chỉ :
9152 Danby Ct, San Diego, CA 92 129

Luân Hoán

Giặt áo quần cho vợ

Trộn chút tình ta vào trong bột giặt
Vò nhẹ nhàng bởi lo sợ em đau
Vải còn đượm mùi thịt da em thơm ngát
Tay bùi ngùi như đang vuốt ve nhau

Trông thau nước đục lờ cáu bẩn
Ta bỗng thương lớp bụi nổi màng màng
Chúng là những nhọc nhằn em gánh chịu
Nuôi chồng con dài năm tháng gian nan

Vòi nước nhỏ chảy qua từng thớ vải
Như chảy vào trong cùng tận lòng ta
Em có thấy giọt lệ ta thầm nhỏ
Và tan trên màu vải những thiết tha ?

Hơn bốn mươi lần đầu ta tập giặt
Để tiêu xài cho bớt chút thời gian
Thân nam tử ở trong thời mất nước
Sao trói nơi này lẩm cẩm kêu than ?

Đời không giữ giùm ta hai chân đứng
Có lẽ nào vô dụng mãi hay sao ?
Giặt giũ làm thơ đọc vài trang báo
Hai mươi bốn giờ thường trực chiêm bao.

Nguyễn Trần Việt

Đọc "Đời viết văn của tôi" của Nguyễn Hiến Lê

LTS: *Nhà văn Nguyễn Hiến Lê mất tháng 12-1984 để lại một sự nghiệp văn hóa đồ sộ gồm hơn 100 cuốn sách đủ loại đã xuất bản và 20 cuốn chưa xuất bản. Qua những cuốn đã xuất bản trước 1975 của ông, chúng ta thấy được sức học uyên bác và tinh thần nhân bản của ông bàng bạc trong các tác phẩm.*

Mới đây, nhà xuất bản Văn nghệ đã cho in cuốn tự thuật "Đời viết văn của tôi" *của Nguyễn Hiến Lê. Qua lối tự thuật thành thật, bạn đọc thấy rõ quan điểm nhân sinh, lối làm việc, và quan điểm của ông về một số thời sự VN.*

Nhờ vậy, chúng ta thấy thêm được rằng: mặc dù rất uyên bác về văn học và lịch sử, Nguyễn Hiến Lê vẫn có những thành kiến chủ quan đối với thời sự chính trị VN, nhất là đối với các chế độ VNCH. Ông cũng tỏ ra mơ hồ không phân biệt được bản chất cuộc kháng chiến chống thực dân vài năm sau 1945 và bản chất cuộc xâm lăng của cộng sản Bắc Việt khởi đầu từ 1960.

Sự mơ hồ này đã khiến một số độc giả thất vọng về NHL, sau khi đọc xong cuốn Đời viết văn của tôi.

Vì vậy, mặc dù rất ngưỡng mộ khả năng làm việc và tinh thần nhân bản của nhà văn đã quá cố, mặc dù không hoàn toàn đồng ý với lối xét đoán nghiệt ngã của ông Nguyễn Trần Việt, Văn Học cũng xin đăng tải ý kiến dưới đây của một bạn đọc rất thành thực và thiết tha với vận mệnh dân tộc.

Văn Học chỉ xin mạn phép tác giả lược bớt vài câu mà do nhiệt tình chính trị, ông Nguyễn Trần Việt đã có những nhận định quá đáng, hoặc những giả định không đúng với những gì nhà văn Nguyễn hiến Lê làm sau 1975.

Văn Học

*

Là người có lẽ đã viết nhiều nhất trong văn học sử Việt nam — nhiều cả về lượng lẫn loại — Ô. Nguyễn hiến Lê đã được nói đến rất nhiều trong sinh hoạt văn hóa tỵ nạn, ông Nguyễn hiến Lê được nói đến nhiều, cũng như nhiều nhà văn hóa khác được nói đến nhiều là trong tinh thần nhắc nhở và đề cao các giá trị văn hóa của nền văn hóa dân tộc, muốn được bảo tồn trong giòng đời tỵ nạn. Nhưng để tìm hiểu con người, tìm hiểu tâm tư các nhà văn hóa, công việc thật là khó khăn. Riêng về ông Nguyễn hiến Lê, may mắn thay, độc giả muốn tìm hiểu con người ông, lại được chính ông kể cho nghe. Cuốn "Đời viết văn của tôi" ông viết ra năm năm sau ngày thảm họa 30-4 chụp xuống đất nước, vừa được ấn hành tại Mỹ, về hình thức là một hồi ký, về nội dung thật là một tổng luận về con người ông, với tiến trình xây dựng sự nghiệp và toàn bộ sự nghiệp mà ông đã xây dựng trong hoàn cảnh tang thương của đất nước gần nửa thế kỷ qua. Với tính cách một tổng luận như thế, "ĐVVCT" không phải chỉ là một tác phẩm thường, mà còn có thể coi như một sử liệu, vừa đóng góp cho sự tìm hiểu nhà văn hóa Nguyễn hiến Lê, vừa giúp tìm hiểu văn học Việt nam (phần Miền Nam) trong ba phần tư đầu thế kỷ hai mươi, và điều này còn quan trọng hơn: tìm hiểu một số phần tử được coi như thuộc tầng lớp tinh hoa dân tộc, xưa được tôn xưng là sĩ phu với thiên chức lãnh đạo tinh thần quần chúng, trong mặc ước "Công chi thủ, tội chi khôi" (Nếu có công thì được lãnh công to nhất, nếu có tội thì phải gánh tội lớn nhất). "ĐVVCT" đặc biệt như thế, và có lẽ đây là điểm đặc biệt nhất: nó cho thấy một Nguyễn hiến Lê khác hơn những Nguyễn hiến Lê mà các độc giả đọc các tác phẩm của ông, các thính giả nghe các xưng tụng về ông, mỗi người đã có một hình ảnh. Như vậy vài ý kiến trình bầy dưới đây về con người Nguyễn hiến Lê chỉ thu hẹp trong phạm vi tác phẩm mới nhất của ông, tức cuốn "Đời viết văn của tôi", mà không đề cập tới bất cứ tác phẩm nào khác của ông.

THỰC TẾ VÀ TỰ TIN

Có lẽ ông Nguyễn hiến Lê là một trong những người viết hồi ký khá thành thật khi nói về mình. Từ cuộc đời riêng tư, cho tới những chuyển biến trong giòng sống và tâm tư, ông rành rẽ thuật lại, với nhiều chi tiết được nhắc đi nhắc lại.

Người đời thường có ấn tượng rằng nhà văn, với đầu óc phong phú và tình cảm bén nhạy, thường khi "đi trước" cả cuộc đời thực, là người coi nhẹ thực tế — nhất là thực tế vật chất — đôi khi đi quá thành mơ mộng, ông Nguyễn hiến Lê không phải là nhà văn loại trên, mà là nhà văn hóa khá thực tế. Từ quyết định đổi

nghề — đổi từ cán sự công chánh qua nghề viết văn ông tính toán kỹ lưỡng và đặt kế hoạch chu đáo. Sau khi lựa chọn hướng đi — viết gì, viết cho ai, viết để làm gì — cho tới việc thực hiện hướng đi đã chọn, ông tính toán rất sát, từ nghiên cứu thị trường độc giả tới kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, ông đặt thành con số hẳn hòi. Cho nên ông đã thành công. Ông ghi lại "Ba năm học nghề công chánh tôi chỉ dùng được mươi năm, còn vài năm học chữ Hán lại dùng được suốt đời, giúp tôi sống trong sạch và phong lưu" (trang 27).

Ngoài tinh thần thực tế, ông Nguyễn hiến Lê còn có tinh thần tự tin khá cao, nhất là trong sự lượng giá sự nghiệp của mình. Tục ngữ có câu "văn mình, vợ người" (văn mình bao giờ mình cũng thấy hay và vợ người bao giờ mình cũng thấy "hay" hơn vợ mình). Ông Nguyễn hiến Lê không bị câu tục ngữ trên ám ảnh. Ông thành thực đánh giá cao khả năng của ông (các trang 23, 154, 157, 161, v.v...) ghi lại sự tăng trưởng của tiếng tăm ông (các trang 28, 151) và khen ngợi các tác phẩm của ông, đặc biệt loại "học làm người" là loại mà ông cho là "dễ viết" (trang 119). Ông viết "Ngày nay ngồi buồn, tôi thỉnh thoảng còn đọc lại vài trang trong những cuốn *Kim chỉ nam của học sinh, Thế hệ ngày mai, Luyện lí trí,* và nhất là cuốn *Tương lai ở trong tay ta* mà tôi vẫn thấy có những chương hấp dẫn..." (trang 161). Ông lượng giá cao các tác phẩm của ông trong tinh thần tự tin và cũng tự tin lượng giá văn tài của các tác giả khác, kể cả các tác giả cổ, như ông viết "Nguyễn Du được vài chục câu trong Kiều, chục câu trong Văn tế Thập loại chúng sinh..., còn những nhà khác chỉ được vài bài..." (trang 125).

Phần lượng giá về sự nghiệp của ông thật là điểm độc đáo trong "ĐVVCT", nhưng độc đáo hơn thế phải nói tới điều ông thổ lộ tâm tư của ông — con người thật Nguyễn hiến Lê.

TÂM TƯ: "CÓ CẢM TÌNH VỚI KHÁNG CHIẾN"

Theo lời tác giả, "ĐVVCT" là hồi ký rút ngắn từ hồi ký dài, và chỉ chú trọng về đời viết văn của ông. Tuy là hồi ký rút ngắn, nhưng có lẽ nhờ ông rút lấy những phần chính và điểm chính cho nên khá nhiều sự việc và nhận định được ghi lại đủ cho thấy tâm tư của tác giả, tâm tư của một người văn hóa sống giữa một tập thể quằn quại trong máu lửa gần nửa thế kỷ, và như thế cho biết ông đã thấy gì, ông đã nghĩ gì, ông đã làm gì đối trước cái tập thể khốn khổ là dân tộc Việt nam mà ông là một phần tử.

Theo lời ông thuật, ông là giòng dõi nho gia, là nhà biên khảo chuyên về cổ học Trung Hoa (trang 157), ông cũng ca ngợi đạo Khổng là "thực tế, hợp tình, hợp lý nhất, xét cả về việc tu thân, tề gia, trị quốc" (trang 251). Thế mà Khổng Tử thì nói rằng "nhân đạo

chính vi đại: trong đạo làm người thì chính trị là việc lớn (bởi chính trị bao trùm mọi sinh hoạt của con người sống thành tập thể). Có lẽ bởi lẽ đó, cho nên dù khuyên con cháu đừng làm chính trị, ông cũng đã có thái độ chính trị. Thái độ thế nào?

Ngay trong câu đầu của lời mở đầu tập hồi ký (ĐVVCT), ông Nguyễn hiến Lê viết "Trong tập hồi ký... tôi ghi những nét chính về hai cuộc "kháng chiến" Việt Pháp - Việt Mỹ". Sau đó ông xác nhận ông có cảm tình với kháng chiến" (trang 143) và nói rõ hơn "có nhiều cảm tình với kháng chiến từ 1971 đến 1976" (trang 230). Là nhà ngôn ngữ học, lại rất chú trọng đến chánh tả và dùng chữ cho đúng (trang 126), và "chỗ ngồi viết, sau lưng kê một tủ hai ngăn đựng toàn tự điển" (trang 127), ông Nguyễn hiến Lê chắc chắn không dùng chữ hồ đồ. Vậy thì từ ngữ "kháng chiến" mà ông dùng, "cảm tình với kháng chiến" mà ông có, và thời điểm "1971-1976" phải có ý nghĩa bầy tỏ thái độ chính trị của ông đối trước vận mạng dân tộc.

AI KHÁNG CHIẾN? KHÁNG CHIẾN ĐỂ LÀM GÌ?

Về cuộc kháng chiến Việt Pháp thì cái nghĩa kháng chiến đã rõ. Đổ máu để đánh đuổi thực dân Pháp thì toàn dân đổ máu. Nhưng máu dân đã phải đổ ra không mọc thành cây độc lập thật, không nở ra hoa tự do thật, mà cũng chẳng kết thành quả hạnh phúc thật. Chỉ có độc lập giả, hết Tàu đến Nga thay Pháp trên ngôi vị đế quốc thao túng Việt nam. Chỉ có tự do giả cho dân, còn tự do thật Đảng cộng sản nắm trọn để Đảng tự do biến cả nước thành trại khổ sai khổng lồ. Chỉ có hạnh phúc thật cho các lãnh tụ và cán bộ cao cấp Đảng và Nhà Nước cộng sản, muốn gì được nấy; còn với dân thì giấc mơ bé mọn là một bát cơm gạo không trộn sắn khoai vẫn vĩnh viễn hãy còn là một giấc mơ.

Về cuộc kháng chiến Việt-Pháp này, ông Nguyễn hiến Lê không bầy tỏ quan điểm của ông (có lẽ ông ghi lại trong cuốn hồi ký dài chưa xuất bản chăng?). Tuy nhiên trong "ĐVVCT" ông dùng từ ngữ cách mạng và kháng chiến (từ thời điểm 40-45) để chỉ đích danh hai cán bộ Việt cộng: Huỳnh tấn Phát và Lưu hữu Phước (trang 88).

Về cuộc "kháng chiến Việt Mỹ" ông minh bạch bầy tỏ thái độ cực lực chống Mỹ, triệt để chống lại mọi chính quyền tại Miền Nam trước tháng 4-75 , và có cảm tình với phía "kháng chiến" đang tiến hành chiến tranh thôn tính Miền Nam.

Thật vậy, về cuộc chiến tranh mà ông NHL gọi là "kháng chiến Việt Mỹ" ông chỉ thấy một phía là Mỹ và phía đối nghịch quân sự với Mỹ là "kháng chiến", kỳ dư không có phía nào khác.

Nói về Mỹ trong trận chiến ở Việt nam, ngay người Mỹ cũng có người gọi Mỹ là đế quốc. Người Việt nam có lương tri cũng không ai không thấy rằng Mỹ núp dưới chiêu bài "hỗ trợ tiền đồn của Thế giới Tự do tại Việt nam chống Cộng" để thi hành sách lược toàn cầu ngăn chặn cộng sản bành trướng — đặc biệt là cộng sản Tàu. Nhưng một khi sách lược gây áp lực để thương lượng đã có kết quả (khối cộng sản rạn nứt, Nga Tàu chống nhau, đánh nhau, và Tàu quay qua thân thiện với Mỹ) thì sự can thiệp của Mỹ tại Việt nam hết lý do tồn tại. Vả lại quân đội Mỹ tỏ ra vô dụng trong loại chiến tranh Mỹ chưa từng học. Và dân chúng Mỹ cạn kiệt sức chịu đựng; lãnh đạo Mỹ, chính khách Mỹ tiện dịp trở mặt với "đồng minh giai đoạn" Việt nam, thế là Mỹ bỏ chạy, trong khi đó tiếp viện của phía cộng sản (ngay cả của Tàu), vì vẫn phải ganh đua với Nga), kìn kìn vận chuyển vào Miền Nam. Người Việt ở Miền Nam vì thế kẹt, hoặc vì ngây thơ đã dựa vào Mỹ để chống cộng, trở tay không kịp đành mất nốt Miền Nam và cả nước Việt nam bị nhuộm đỏ. Nhưng nghĩ cho thực tế, nghĩ cho cùng, trong tình huống bị cả phe cộng sản, chứ không phải chỉ Việt cộng đe dọa, và sống trong một thế giới mà cái thế độc lập tuyệt đối đã trở nên không tưởng, và cái thế liên lập phải tùy trường hợp mà chấp nhận, người Việt không muốn bị cộng sản thống trị không nhờ cậy vào thế lực cường quốc như Mỹ chẳng hạn, thì trông cậy vào đâu!?

Trong tình huống xảy ra như đã nói trên cái phía "kháng chiến Việt" mà ông NHL viết trong từ ngữ "kháng chiến Việt-Mỹ" chỉ là phía cộng sản — không phải chỉ có cộng sản Việt nam mà đằng sau cộng sản Việt nam còn cả phe cộng sản do Nga Tàu đứng đầu, đã ào ạt tiếp tế súng đạn, lương thực, thuốc men và tận tình hỗ trợ chính trị, ngoại giao và tình báo rộng khắp trên trường quốc tế. Mặt trận cộng sản thôn tính Việt nam chỉ đổ vỡ sau khi Miền Nam Việt nam và Miên, Lào rơi trọn vào tay cộng sản, để Nga chiếm độc quyền thao túng Đông dương, còn Tàu thì bị hất chân.

Trong cuộc "kháng chiến Việt Mỹ" mà ông NHL đã nói dĩ nhiên không có quân lực Việt nam Cộng hòa; không có chính quyền VNCH, không có những người Việt chống lại cộng sản; không có cả những người Việt không ủng hộ VNCH chống cộng, nhưng cũng không chấp nhận cộng sản, không hoan nghênh Mỹ nhưng cũng không muốn đánh Mỹ, bởi vì so VNCH với cộng sản, so Mỹ với cộng, cộng sản mới thực sự là ách nước tai trời. Vậy thì sau khi phân tích minh bạch hai thế lực đối kháng sinh tử trong từ ngữ "kháng chiến Việt Mỹ" để thấy rõ chỗ đứng của ông NHL trong cuộc chiến thảm khốc vừa qua, mới hiểu rõ được thái độ chính trị của ông khi ông viết ông "có cảm tình với kháng chiến". Ông NHL không viết thẳng ra rằng chính quyền, quân đội và nhân

dân Miền Nam là Ngụy, nhưng ông cũng đã viết "Từ 1965 trở đi, khi Mỹ đổ bộ nửa triệu quân vào Miền Nam, tôi càng đả mạnh Mỹ và chính phủ Thiệu bù nhìn của Mỹ (trang 143).

Nói tóm lại từ ngữ "kháng chiến" mà ông NHL đã dùng trong cặp "kháng chiến Việt-Pháp, Việt-Mỹ" là để chỉ phía cộng sản mà thôi.

TRIỆT ĐỂ CHỐNG LẠI MỌI CHÍNH QUYỀN TẠI MIỀN NAM TRƯỚC 75

Thật ra không phải ông NHL chỉ chống Mỹ và bù nhìn Mỹ sau khi Mỹ đổ quân vào Miền Nam, ông chống mọi chính quyền tại Miền Nam ngay trước cả khi Mỹ đổ quân. Ông viết rõ rằng ông nhiều lần từ chối hợp tác (trong công tác văn hóa) với các chính quyền Miền Nam, nhiều lần từ chối nhận giải thưởng văn chương mà các chính quyền Miền Nam muốn trao vì ông thấy đó là những chính quyền mà ông "không trọng" (trang 110). Chính quyền là ai? Chả cần phải là nhà văn hóa như ông NHL ai cũng biết rằng từ ngữ chính quyền là để chỉ tổ chức công quyền bao gồm mọi cơ chế quân dân chính của một quốc gia. Chính quyền Miền Nam không phải chỉ là Ngô đình Diệm và Nguyễn văn Thiệu, những kẻ chả phải một mình ông NHL biết khinh, mà trong dân chúng Miền Nam chả thiếu gì người không những không trọng mà còn chống nữa, nhưng họ không ngu xuẩn mù quáng đến độ coi Diệm Thiệu nguy hiểm hơn cộng sản, bởi vì cộng sản giả danh cách mạng, giả danh kháng chiến, giả danh giải phóng mới đích thực là kẻ tử thù của dân tộc và nhân loại.

Vì nặng tình với "kháng chiến" ông NHL đã triệt để chống các chính quyền Miền Nam, nhất là vào lúc Miền Nam phải đổ xương máu để chặn bước cộng quân. Ông NHL rất nhiều lần nhắc tới thảm cảnh chiến tranh nhưng ông chỉ nói bâng quơ, ông tiếc cả đến một chữ — nói chi một giòng — để nói đến, để tách ra khỏi bọn "bù nhìn Mỹ", những người lính trẻ ngày đêm đem thân xác và xương máu ngăn chận cộng quân không cho chúng bén mảng về các vùng dân trù mật để ông được phong lưu "sống trong một gia đình êm ấm giữa sách và hoa" (các trang 27 và 252). Và hơn thế, ông viết "Chiến tranh Việt Pháp, Việt Mỹ là cái họa lớn cho dân tộc là nỗi đau khổ cho mọi người, nhưng tôi lại nhờ nó mà viết được nhiều!" (trang 109). Ông NHL triệt để chống các chính quyền Miền Nam đến nỗi dường như họ càng khá ông càng chống dữ, trong chiến thuật "triệt hạ uy thế địch". Chả thế mà ông xác nhận "Họ (tức chính quyền Miền Nam) còn tương đối biết trọng tự do ngôn luận và có thái độ nhã nhặn với những nhà văn đứng đắn dám nói thẳng

và nói đúng (trang 150). Ông cũng xác nhận sau hiệp định Giơ Neo 54 nhờ chính quyền giúp phương tiện mà văn nghệ Miền Nam khởi sắc (trang 252). Hơn thế nữa ông ghi nhận tờ báo Bách Khoa mà ông là một cột trụ, do ông L ng Ch , một người "có cảm tình với kháng chiến" chủ biên, được sự cộng tác của cán bộ cộng sản nằm vùng Vũ Hạnh (trang 151), và sau 30-4-75 được cán bộ Hà nội vào khen ngợi (trang 144) *,lại là tờ báo mà thời thịnh nhất là vào 1959-1963, tức thời Ngô đình Diệm (trang 150).

Tinh thần triệt để chống đối các chính quyền tại Miền Nam vẫn còn sục sôi trong ngọn bút của ông vào lúc ông viết hồi ký ĐVVCT, tức năm năm sau ngày Miền Nam gục ngã.

CỘNG SẢN BẮC VIỆT VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Như trên đã trình bầy: ông NHL triệt để chống lại các chính quyền tại Miền Nam vì ông chỉ "có cảm tình với kháng chiến". Vậy thì trong thế đối nghịch với Miền Nam, liệu cộng sản Bắc Việt có được cảm tình của ông chăng? Qua câu "quân cộng sản Bắc Việt ngồi xe thiết giáp" có vẻ như ông không có cảm tình nhiều với "quân" này. Thật vậy trong tập "ĐVVCT" ông NHL cũng đã nói rõ "mặc dù có cảm tình với kháng chiến, chế độ cộng sản không hợp với tính tình tôi" (trang 230). Ông cũng chê thuyết thặng dư giá trị của chủ nghĩa Mác (trang 116), và ông cũng theo lời ông Giản Chi kể lại chuyện cộng sản thi hành đấu tranh giai cấp bằng chính sách đấu tố là "tàn nhẫn quá, không còn tình người" (trang 204). Ngoài ra ông ám chỉ cộng sản cũng như tư bản đều là đế quốc thực dân (các trang 153, 177 và 249). Tuy nhiên trong tinh thần thực tế đã giúp ông lập nghiệp, ..., ông cũng đã chấp nhận danh nghĩa "công dân" (trang 254) của cái nhà nước mà quân cộng sản Bắc Việt ngồi xe thiết giáp đã lập nên.....

Rút lại thế lực kháng chiến mà ông NHL có cảm tình chỉ một phần nhỏ là cộng sản Bắc Việt còn phần lớn là Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam (M.T.P.M.N. VN.N.). Điều này ông cắt

---

* *Nguyên văn trong sách ,N HL viết : Sau ngày 30.4, nhiều học giả ở Bắc nhận là một tờ báo "nghiêm chỉnh", tuy chống đối cả cộng sản lẫn tư bản, nhưng có lập trường đứng đắn, lí luận vững, ngôn ngữ đàng hoàng. Họ thích đọc Bách Khoa để hiểu các vấn đề ở Miền Nam, và hiện nay các số Bách Khoa cũ càng ngày càng có giá : một bộ cũ rách, từ đầu đến cuối thiếu độ 10 số, bán được 800 đ (400.000 đ cũ).*

nghĩa trong câu viết về nhà văn Ngu I. Ông viết "Năm 44-45 (Ô.Ngu I) giúp việc cho tờ Thanh Niên nên quen nhiều người sau làm cách mạng theo kháng chiến như Lưu hữu Phước, Huỳnh tấn Phát" (trang 88). Huỳnh tấn Phát là Thủ tướng và Lưu hữu Phước là Bộ trưởng của cái gọi là chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Ông NHL coi M.T.G.P.N.V.N. là kháng chiến và có cảm tình với tổ chức này là điều đã rõ. Nhưng tại sao ông lại nhấn mạnh ông có cảm tình nhiều (chứ không vừa vừa như trước) với kháng chiến vào thời điểm 1971-76. M.T.G.P.M.V.N. được Hà nội khai sinh ngày 20-12-1960 để tiến hành chiến tranh thôn tính Miền Nam, giả bộ như đây là cuộc nổi loạn của dân chúng Miền Nam mà thôi. Đến khi Hà nội nhận thương thuyết với Mỹ vào năm 1968 thì ngày 10-6-69 cộng sản đẻ thêm ra cái gọi là Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (C.P.C.M.L.T.C.H.M. N.V.N.) Nhưng phải đợi tới năm 1971 thì cuộc thương thuyết mới chuyển biến mạnh. Vậy thì các sự việc sau đây là thuộc thời điểm 71-76.

— Ngày 26-6-71, Lê đức Thọ (CSBV) đưa cho Kissinger (Mỹ) đề nghị hòa bình 9 điểm. Hai điểm then chốt là: (1) Mỹ và đồng minh Mỹ rút hết quân khỏi Miền Nam (2) Mỹ ngưng ủng hộ Thiệu Kỳ Khiêm và lập lên một chính phủ mới yêu chuộng hòa bình độc lập trung lập và dân chủ, CPCMLTCHMNVN sẽ thương thuyết với chính phủ này để giải quyết các vấn đề nội bộ của Miền Nam và thực hiện hòa giải dân tộc. Ngày 1-7-71 cái gọi là CPCMLTCHMNVN ra tuyên bố 7 điểm lập lại luận điệu Hà nội với một điểm được chi tiết hóa là "sẽ thương thuyết với chính quyền yêu chuộng hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ ở Miền Nam để thành lập chính phủ hòa giải ba thành phần".

— Đến năm 71, cộng sản mới đưa đề nghị này vì năm này Nguyễn văn Thiệu mãn nhiệm kỳ 1 (bắt đầu từ 3-9-67). Cộng sản đưa đề nghị này để dụ chính quyền và dư luận Mỹ có cơ hội thay Thiệu một cách "hợp pháp hợp hiến". Cộng sản cũng "thúc" dân chúng Miền Nam, vốn không có cảm tình với Thiệu, ngả về khuynh hướng thay Thiệu cho xong. Đồng thời cộng sản liên lạc với sư sãi "tiến bộ", hứa chia cho một phần trong "chính phủ ba thành phần" và hứa sẽ thương thuyết với chính phủ mới do người của sư sãi "tiến bộ" đưa ra tranh cử để thay thế Thiệu. Do lẽ này mà Phật giáo Ấn Quang bỗng dưng lãnh nhận cờ hiệu "thành phần thứ ba" do cộng sản vẽ cho và đưa Dương văn Minh ra làm "gà". Tuy nhiên vào phút chót Ấn Quang bảo Dương văn Minh rút lui.

— Thế rồi chiến tranh tiếp diễn, Mỹ chỉ tháo chạy một cách có vẻ danh chính ngôn thuận hơn bằng hiệp định Ba Lê 73, để Miền

Nam tự sụp đổ sau một thời gian vừa phải (descent interval) vào 1975. Đến 1976, sau khi bố trí xong guồng máy kìm kẹp Miền Nam, cộng sản "diễn trò thống nhất đất nước", dẹp luôn vai hề MTGPMNVN và CPCMLTCHMNVN; đồng thời khủng bố những tay chủ chốt của cái thành phần thứ ba, và chỉ giữ lại làm cảnh bọn tiểu tốt chạy hiệu.

Vậy thì lý do ông Nguyễn hiến Lê nhấn mạnh "ông có cảm tình nhiều với kháng chiến vào thời điểm 71-76" chính là vì ông tin MTGPMNVN sẽ thắng bằng trò hòa giải hòa hợp, Miền Nam sẽ có chính phủ không đến nỗi đổ máu. Nhưng ước mơ của ông Nguyễn hiến Lê tan biến vào năm 76.

ĐẦU ÓC BỆNH HOẠN

Đến đây câu hỏi được đặt ra là ông NHL có biết MTGPMNVN là do cộng sản "bịa" ra không?

Ông NHL là người rất chịu tìm tòi học hỏi. Ông khuyên độc giả đừng "mới biết qua loa đã mãn nguyện" (trang 60), phải đọc nhiều để gặp tư tưởng mâu thuẫn rồi xét xem phải trái mới thấu triệt vấn đề (trang 61). Đọc sách đã nhiều, ông đọc báo cũng lắm "để theo dõi các biến chuyển đặng kịp thời góp ý kiến với quốc dân đồng bào" (trang 116 và 146). Riêng về vấn đề cộng sản ông chê nhóm Sáng Tạo chống cộng không "sâu sắc" vì "không chịu đọc sách báo ngoại quốc" (trang 145). Ông chịu đọc và chịu học như thế vì ông tự coi là "một nhà giáo dục quần chúng" (trang 161) "có mục đích rõ rệt là mở mang kiến thức thanh niên" (trang 155).

Đấy, đến những việc nho nhỏ của cá nhân như biết cách học, biết cách giao dịch biết cách làm ăn... ông còn tìm tòi sách này sách nọ để kiếm ý tìm lời rồi mới viết, thì không lẽ gì một vấn đề trọng đại là vấn đề vận mạng dân tộc ông lại lơ mơ. Mà vấn đề vận mạng dân tộc lại gắn liền với chiến tranh, chả lẽ ông không tìm hiểu xem chiến tranh từ đâu ra để biết rằng công cụ chính trị để cộng sản tiến hành chiến tranh quân sự thôn tính nốt Miền Nam là MTGPMNVN, điều mà báo chí trong ngoài nước đã hằng ngày nhắc đi nhắc lại.

Không ai nghĩ rằng ông NHL cùng loại với thứ nhân sĩ không nhân (chỉ có vỏ) Lâm văn Tết, thứ trí thức không óc và không tim Ngô Bá Thành (cái) cùng loại với cha cố bán chúa Chân Tín và sư sãi điếm đàng Huỳnh Liên, và dù sao cũng khá hơn bọn chạy hiệu Lý Quý Chung, v.v... Người ta chỉ có thể nghĩ rằng ông NHL là trí thức đầu óc bệnh hoạn như nhiều người là bạn viết của ông: sợ hãi phải sống dưới chế độ cộng sản xảo quyệt đến vô luân, tàn bạo đến phi nhân, nhưng lại mơ màng ngưỡng mộ hào quang kháng chiến mà cộng sản đã tước đoạt của nhân dân (trong cuộc kháng chiến

chống Pháp) để chụp lên đầu chúng. Tình trạng mơ màng tiếp diễn dù đã có biến cố cắt đôi đất nước năm 1954 để cộng sản công khai thiết lập chế độ độc tài chuyên chế tại Miền Bắc. Từ 1954 trở về sau chiến tranh lại tiếp diễn và danh từ kháng chiến lại được thì thầm từ miệng các "bà mẹ chiến sĩ" ở miền quê mà đến khi "biết thì duyên đã già", cho tới bọn "trí thức mê sảng" ở thành thị coi "thiên tả" như một cái mốt thời thượng, và "đối lập" (cái gì cũng chê, cái gì cũng chống) là một cái "mác" có giá. Ông NHL là một phần tử trong đám trí thức đầu óc bệnh hoạn đó. Chỉ có điều hơi khác ở ông là bệnh tình của ông, sau liều thuốc giải độc tự nhiên - năm năm sống dưới một chế độ mà ông đã mượn lời ông Giản Chi để tố cáo là "không còn tình người" - bệnh ông vẫn không thuyên giảm, ông vẫn mê sảng ca hát giấc mơ kháng chiến.

Nói tóm lại ông Nguyễn hiến Lê chỉ có cảm tình với thứ cộng sản mơ hồ trong trí tưởng tượng của ông. Ông NHL cũng biết MTGPMNVN là cộng sản nhưng vì lẽ trên ông vẫn có cảm tình, và càng có cảm tình nhiều khi cộng sản tô vẽ thêm ảo tưởng Miền Nam sẽ có chính phủ hòa bình hòa giải hòa hợp.

Dù sao đọc "ĐVVCT" khó ai có thể không suy nghĩ về câu ông NHL viết sau 5 năm chứng kiến đất nước tang thương và suy nghĩ về chế độ cộng sản, ông viết "Có lần tôi nói với ông Giản Chi, cộng sản vô đây tôi chỉ cần họ cho tôi sống yên ổn, không phải làm một nhiệm vụ gì hết, mình già rồi. Điều này may mắn tôi giữ được" (trang 230). Ông có cảm tình với "kháng chiến", được tuyên xưng là trí thức tiến bộ",.... nên cá nhân ông được toại nguyện. Nhưng còn 50 triệu đồng bào ruột thịt thì sao? Ông có nghĩ đến họ - có nghĩ họ là ruột thịt của ông?

VIỆC BẢO TỒN VĂN HÓA

Ông Nguyễn hiến Lê nay đã ra người thiên cổ. Theo truyền thống Á Đông "nghĩa tử là nghĩa tận", một nén nhang nên được thắp lên cầu cho linh hồn ông được siêu thoát và ghi công ông về những tác phẩm mà ông để lại còn giúp ích được cho đời sau, mặc dù thái độ chính trị sai lầm của ông thật đáng trách....

Vấn đề thái độ chính trị sai lầm của ông Nguyễn hiến Lê được nêu lên không phải để thức tỉnh ông vì nay ông không còn nữa. Nhưng vẫn phải nêu lên vì "dịch bệnh hoạn đầu óc" không phải ngày một ngày hai mà hết, dù sự sụp đổ của Miền Nam và niềm thống hận của toàn cõi Việt nam ngày đêm ngún cháy là một liều thuốc tâm trí có một không hai trong lịch sử. Bởi thế, đó đây, bọn mặt người dạ thú, hoặc trước đây ở ngoại quốc, hoặc trước đây ở trong nước, lăng xăng, hùng hổ, hung hãn vác cờ "hòa bình hòa giải hòa hợp" do cộng sản cung cấp đã làm rối loạn hàng ngũ chiến

đấu sinh tử của Miền Nam, đã tiếp tay cho cộng sản thu ngắn chiến tranh nô lệ, giờ đây lại đang lóp ngóp bò ra.

Ngoài ra, và đây chính là lý do của các ý kiến đã nêu về cuốn "ĐVVCT" của ông NHL: cần phải có sự thận trọng trong việc thẩm định các giá trị văn hóa dân tộc sẽ được bảo tồn trong giòng sống tị nạn. Văn hóa Việt nam là một kho tàng vô giá. Nhưng trải qua nửa thế kỷ đất nước Việt nam như trải qua cơn địa chấn khổng lồ, kho tàng văn hóa bị đổ nát bị tráo đổi, bị giả mạo. Từ đống đổ nát đó còn có châu báu ngọc ngà nhưng cũng có rác rến nhiễm độc làm hại ngay cho ý nghĩa bảo tồn và di hại cho mãi đến đời sau.

Nguyễn Trần Việt

Nguyễn Mai Thạch

Chiều hoàng cung

Chim trắng bay về phía lãnh cung,
— Hồn ai mòn mỏi chết bên song ?-
Ngô đồng lá rủ, ôi ! xuân nữ,
Đã giấu bao nhiêu lệ não nùng ?
Huế, 1946

Mộng và thực

Je souffre, donc je suis

Không gian thăm thẳm mấy mùa sao
Năm tháng triền miên sóng dạt dào
Thấp thoáng thuyền đời sương mộng ảo
— Còn chờ đau khổ hoá chiêm bao !

Hà nội, 1969

Bùi Quang Triết

Mạng tù

Trích dịch từ nguyên văn Anh-ngữ tiểu thuyết "The Survivor" Copyright by Bùi Quang Triết

LTS: *Trên con đường mòn Hồ Chí Minh có không biết bao nhiêu điều bí hiểm. Một trong những bí hiểm đó là trại tù binh Mỹ. Chương truyện trích sau đây mô tả lúc toán Biệt Kích Báo Đen của đại tá Thanh đột nhập vào trại tù bí mật H3 mà chúng đặt tên là* "Thiên đường của tù binh Mỹ". *Đây là một tiểu thuyết viết căn cứ trên sự thật mà tác giả là người vượt Trường Sơn nên mới biết được...*

Tiến sĩ W. Demaree, giáo sư Anh-văn của trường đại học, nơi tác giả đang tòng học, sau khi đọc tiểu thuyết The Survivor, *đã kêu lên :* "Càng đọc tôi càng kinh ngạc. Tôi không thể tưởng tượng rằng một chuyện như thế này lại có thể xảy ra trên trái đất ta đang sống!" *Được biết tiểu thuyết "The Survivor" đang được một Agency dạm bán cho các nhà xuất bản và hãng làm phim Mỹ.*

Văn học

*
* *

PHẦN THỨ BA
THIÊN ĐÀNG CỦA TÙ BINH MỸ
CHƯƠNG XXXII

*M*ột tốp trực thăng đã đổ quân xong, cất cánh bay lên. Những toán Biệt Kích chạy vun vút và chỉ trong phút chốc đã bao vây cả khu vực. Họ lục lọi tìm kiếm và kiểm soát toàn thể trại tù.

Hai anh chàng cảnh vệ lười biếng định chuồn nhưng đã bị tóm ngay. Vậy là đúng với ý nguyện của họ. Họ luôn luôn chuẩn bị trốn khỏi trại này.

Chuyến trực thăng đổ bộ cuối cùng đã đưa đại tá Thanh và bộ tham mưu của ông đến. Đại tá trèo thang dây xuống vừa đặt chân xuống đất là Việt đã đến, đứng nghiêm :

— Tôi là Việt, thuộc lực lượng đặc nhiệm Báo Đen, xin chờ lệnh đại tá.

— Bộ tư lệnh đặc nhiệm có lời khen các anh. Còn Hùng đâu?

— Thưa đại tá, nó còn bận dắt các toán xung kích đi lùng khu Thiên Đàng.

— Chuồng lợn nhốt Harris đâu ?

— Chừng vài trăm thước cách đây, thưa đại tá.

— Dắt tôi đến đó xem.

— Chưa được, thưa đại tá. Cả khu vực này bị cài mìn dày đặc. Tôi chưa tìm ra "công tắc" ở đâu.

— Tên cai tù đâu ?

— Chúng đã bị bắt — Việt trỏ vào Ngạnh và Chinh đang đứng gần đấy với sự kiểm soát của một toán Báo Đen.

— Có hai tên thôi ?

— Vâng, chúng tôi tóm cả bọn.

— Dắt tôi đến chuồng lợn nhốt Harris. Hùng đâu rồi?. Đại tá Thanh lại hỏi.

— Thưa đại tá, nó đang dắt một toán đi tìm "công tắc" của hệ thống mìn.

— Cứ đi đến đó !

Họ chạy. Đại tá Thanh nghe phấn khởi lạ lùng. Đời binh nghiệp của ông luôn luôn nối dài bằng những cảnh tượng giống như thế này. Ông đã hứa với đại tá Smith, tư lệnh lực lượng đặc nhiệm Hoa Kỳ cùng công tác trên vùng này với đơn vị của ông, rằng lực lượng Báo Đen nhất định sẽ tìm và giải thoát Harris đem về cho đơn vị Hoa Kỳ.

— Nhanh lên, Việt. Đừng để lỡ một giây nào.

— Đừng lo, thưa đại tá, phi công Harris vẫn còn sống.

— Nhưng đêm qua có hơi lộn xộn! Những đột biến thường xảy ra ở phút chót.

— Chuồng lợn nhốt Harris ở ngay kia, trước mặt kia, thưa đại tá.

— Cho canh giữ hai tên kia gắt gao. Coi chừng nó bấm công tắc giết hết tù binh.

— Vâng. Tôi đã dặn toán Báo Đen kỹ rồi.

Mặt trời đã lên cao quá ngọn cây rừng. Ánh nắng tràn lan trên mặt đất. Việt vọt nhanh tới cũi trước và nói :

— Đây là chuồng lợn nhốt Harris, một góc Thiên Đàng của tù binh Hoa Kỳ— Việt vỗ nóc chuồng và kêu to — Chúng tao, lực lượng Sàigòn đã bắt tụi chúa ngục và giải thoát mày, Harris !

Đại tá Thanh cùng bộ tham mưu chạy lao tới. Việt thò đầu vào khoảng trống trên nóc, nhìn vào trong cũi. (Những thân cây bị Chinh gỡ đi để cho thú rừng vào ăn thịt Harris vẫn chưa được Chinh gác trở lại). Nhưng lạ này, chỉ có lá khô, đất ẩm dấu vết mòn lẵn. Harris đã biến mất! Việt cứ húc đầu vào tìm trong cũi. Harris ở đâu...

— Mày có nói láo không Việt?-Đại tá gắt, mắt trợn ngược.

— Không... Không- Việt lắp bắp- Harris còn ở đây hôm qua. Cho đến hồi tối nó vẫn còn trong cũi. Chúng tôi theo dõi rất sát.

— Vậy nó đi đâu? Lạ kỳ thế ?

— Thưa đại tá, tôi cũng ngạc nhiên vô cùng !

— Anh có chắc là Harris bị nhốt trong cũi này như các anh đã báo cáo về cho tôi không ?

— Dạ đúng, Harris bị nhốt ở đây và chính tôi đã tới đây cả trăm lần kể từ khi nó bị nhốt trong cũi này. — Việt nghẹn lời, suýt bật ra tiếng khóc — Đêm qua đích thân tôi đến đây nói chuyện với nó như một tên gác tù. Sau đó, tôi bảo Hùng điện báo cáo về đại tá đồng thời xin lệnh hành động.

Đại tá Thanh lặng lẽ lau mồ hôi trán và nhìn quanh chiếc cũi.

— Tại sao có cái khoảng trống đó? — Đại tá hỏi.

— Tên chính trị viên mở cho cọp vào ăn thịt Harris.

— Đến thế à ?

— Vâng, Việt giải thích tiếp, một đêm hắn đi rỏn, hắn trông thấy cọp beo lởn vởn tới đây, hắn bèn nảy ra cái dã tâm đó.

— Hay là cọp beo đã tới ăn thịt Harris ?

— Cọp beo nào đâu thưa đại tá, chỉ có bọn Báo Đen chúng tôi thôi. Hắn tưởng lầm.

— Thế thì tại sao? Tại sao?

Việt gỡ thêm một thân cây nữa và nhảy vào trong cũi. Việt thấy cái khóa vẫn còn đó nhưng sợi xích thì biến mất. Dấu cắt không sắc. Kẻ nào đó đã không có đồ nghề. Cái khóa kia có thể còn dính theo chân Harris. Đại tá Thanh nhìn khúc dây xích còn lại và hỏi :

— Theo cậu thì Harris có thể cắt dây xích và trốn đi không?

— Chuyện đó không thể xảy ra, thưa đại tá, Harris đứng dậy còn không nổi, nói chi tới chuyện vượt ngục. Harris càng không thể cắt nổi sợi xích đó.

— Đem tụi cai ngục tới đây — Đại tá Thanh lại hỏi — Cậu có chắc là Harris bị nhốt ở đây hay người nào khác?

Việt thành khẩn :

— Tôi xin đoan chắc với đại tá. Chỉ Harris bị nhốt trong cũi này thôi! Đại tá còn nhớ ngày Harris bị bắt ở trãng? Đại tá đã gọi bọn tôi đến và đưa cho tấm ảnh của Harris và chỉ sau đó một tiếng

đồng hồ, chúng tôi đã nhảy xuống rừng tức tốc tìm theo vết chân Harris. Tôi và Hùng đã vào ngay đường mòn. Ngày hôm sau chúng tôi đã tìm thấy Harris ở một trạm y tế. Tôi chắc chắn đó là Harris vì lúc đó nó còn giống in như trong tấm hình. Sau đó tôi và Hùng đã tạo nên cơ hội để cùng với một tên VC đưa Harris về đơn vị của tên này. Trên đường đi, chúng tôi đã chuẩn bị giải thoát Harris nhưng chúng tôi lại nhận được lệnh mới của đại tá hãy theo sát Harris có thể tìm ra nhà tù bí mật nhốt binh sĩ Hoa Kỳ trên đường mòn. Chúng tôi đã bám sát và đã tìm thấy Harris ở đây! — Việt tiếp — Harris bị xiềng bằng hai ống khóa, một cái khóa vào gốc cây, một cái khóa chân Harris. Tôi vẫn còn nhớ cách đây không lâu, tên cai tù thử mở khóa để đem Harris ra khỏi cũi giây lát nhưng cái khóa đã rỉ sét, hắn không mở được. Tôi luôn luôn có dịp đi tới đây mà, thưa đại tá.

— Thôi được rồi — Đại tá Thanh nói — Nhưng cậu nghĩ thử xem chúng có thể đem Harris giam chỗ nào khác không ?

Đến đây thì toán Báo Đen đem Ngạnh và Chinh đến.

— Bọn bây giấu Harris đâu? — Đại tá Thanh quát hỏi.

Ngạnh liếc sang Chinh. Chính cúi đầu. Việt hỏi :

— Đứa nào đã đem Harris ra khỏi cũi ?

Ngạnh nhìn Việt với cặp mắt khẩn cầu :

— Như "anh" biết, Việt. Từ khi tên tóc bạc này về làm chính trị viên thì tôi chỉ là bù nhìn. Hắn là chủ trại, tôi chỉ là lâu la. Hắn muốn làm gì tôi cũng không ngăn được. Anh thấy đó, hắn thả rắn "chàm oạp" vào trong,gài lựu đạn trong thức ăn, hắn thuê cả người Thượng giết Harris bằng tên thuốc độc với giá một lon muối... Hắn coi tôi có ra cóc rác gì. Tôi khỏi cần nói "anh" cũng biết mà, thưa... "ông".

— Đúng, nhưng mày đã lưu Harris đi đâu? — Việt quát.

Mặt Ngạnh xám bệt. Ngạnh ngó sang Chinh. Việt lại quát:

— Thằng Ngạnh nói mày nghe không Chinh ?

Mặt Chinh như chàm đổ. Cái sẹo trên trán hắn bầm tím lại như lát thịt trâu và cái mồm thì càng méo ra thảm hại. Hắn lí nhí:

— Em chỉ là người giúp việc cho ông Ngạnh. Ổng bảo gì em làm nấy.

— Nó có bảo mầy mở nóc chuồng không ?

— Tôi muốn thả thằng Harris đó chớ !

Việc quát :

— Nếu mày cố chối quanh, tao sẽ xiềng chân mày trong cái cũi lợn đó và sẽ thả rắn chàm oạp vô chơi với mày và gài lựu đạn trong gà-mèn cháo như mày đã làm với Harris! Nói ngay, mày giấu Harris đâu ?

— Tôi không biết !

— Mấy tên gác đã khai với tao là mầy giấu nó đêm qua.

— Không đúng. Tôi đã đi ngủ sớm đêm qua.

— Mày nói láo. Mày đi rỏn suốt đêm qua. Đêm nào mày cũng đi. Mày đã giết Harris mà không ai hay !

— Tôi không có giết...

— Nếu mày đã giết Harris rồi, thì mày giấu xác nó đâu ?

— Tôi không biết gì hết.

— Câm mồm. Tao cho mày suy nghĩ một lát. Nếu mày cứ chối leo lẻo, tao sẽ có cách bắt mày phải khai. — Rồi Việt quay sang Ngạnh :

— Trong trại tù này có bao nhiêu tù binh ?

— Chừng vài chục.

— Nói đúng con số !

— Không chắc là bao nhiêu. Vì có khi chúng chết hoặc chúng bị giải tới mà tôi không biết hoặc tôi không cần vô sổ.

— Không có sổ sách đàng hoàng à ?

— Dạ không !

— Tại sao ?

— Đâu cần gì phải vô sổ. Chết sống mặc xác chúng !

— Vậy mày giữ họ ở đây làm gì ?

— Đó là lệnh cấp trên. Họ bảo thế thì tôi làm thế. Tôi có quyền hành gì đâu.

Một toán Báo Đen khiêng một chiếc cán tới, trên đó có một người nằm. Đại tá Thanh mừng rỡ :

— Có thể anh em đã tìm ra Harris ?

Việt chạy tới chiếc cán. Đó là một người Mỹ, râu bít mặt, máu me dầm dề, nhưng Việt không nhận ra đó là tù binh nào trong số Việt đã gặp ở khu Thiên Đàng. Chiếc cán được đặt trước mặt đại tá Thanh.

Đại tá nhìn người tù binh. Người tù nhìn trả lại yếu ớt. Hình như anh ta chờ đợi một cái gì thân yêu nhất đang tới.

Đại tá Thanh giơ tay lên vành mũ kính cẩn chào, rồi khom xuống đưa tay vuốt mớ tóc phủ trán người tù. Đôi mắt yếu lờ đờ của anh ta khép lại, từ từ, như đã được toại nguyện.

Đại tá Thanh ra lệnh cho trực thăng đem thi hài người chiến sĩ về Bộ Tư Lệnh ngay rồi quay lại Việt. Việt lắc đầu :

— Không phải Harris, thưa đại tá. Bây giờ Việt mới nhớ ra. Việt nói: — Thưa đại tá, đây là người tù mà chúng nó liệt vào hạng "Tốt" — nghĩa là không đánh cảnh vệ hoặc vượt ngục — ở khu Thiên Đàng nên chỉ xích có một chân! — rồi hỏi Chinh :

— Sao mày giết nó ?

— Đó là thằng mà tôi mở khóa chân hôm qua.

— Để làm gì ?

— Tôi muốn cho nó trốn !

— Nhưng tại sao nó chết? — Đại tá Thanh gắt — Mày có thấy vết thương trên ngực nó không ?

— Tôi không biết. Có thể nó bị rắn cắn.

— Mày không định thả nó đâu — Việt ngắt ngang — Mày gài bẫy. Mày mở xiềng và mày phục kích nó. Hễ nó trốn, mày bắn rồi mày báo cáo là nó đánh lính gác nên mày bắn ! Tao thừa biết dã tâm.

— Đúng đấy! Ngạnh tiếp thêm — Nó sẽ báo cáo lên trên là tôi lơ đễnh để tù trốn luôn. Nó muốn hạ tôi bằng mọi cách, ông biết rõ mà ông Việt. Chính mày đã giết thằng Harris rồi vùi xác nó ở đâu đây. Ngạnh lôi ra thêm việc Chinh ngủ với nữ tù nhân làm cho Chinh im thít.

Việt gõ mũi súng vào cái sẹo trên trán Chinh :

— Tao cho mày một phút để suy nghĩ, và trả lời cho tao về việc giết Harris. Nào, nói mau. Không được chối quanh nữa. — Việt ấn mũi súng vào vết sẹo, nghiến răng — Nếu chối nữa, đạn sẽ hôn cái sẹo này.

Chinh ngó xuống để tránh cặp mắt rực lửa của Việt và họng súng. Hắn nói :

— Thực tình là tôi không giết cũng không giấu Harris, nhưng tôi biết một việc khác quan trọng hơn Harris nhiều.

— Việc gì, nói ngay !

— Tôi biết là thằng Ngạnh đang giữ bí mật một hệ thống chất nổ cài khắp khu này, trong mỗi chiếc lều giam tù. Nếu gặp bất trắc không di chuyển được tù đi nơi khác thì nó sẽ giết tất cả.

Việt tin đó là sự thực. Một lần Ngạnh nói lộ tí ti rồi ngưng.

— Đúng không Ngạnh ?

Ngạnh cau mặt, suy nghĩ một chốc rồi đáp :

— Vâng, có đúng như vậy! Chỉ mình tôi biết sử dụng.

— Sử dụng như thế nào ?

— Chỉ cần giật công tắc thì tất cả các chất nổ sẽ nổ tung! Và... tất cả tù sẽ tan xác.

— Mày đặt chất nổ ở đâu ?

— Dưới đít tù nhân ngồi.

— Còn công-tắc ?

— Trong lều tôi.

— Chỉ cách cho tao tiêu hủy nó.

— Tôi không thể chỉ cho ông biết cách sử dụng được, vì nó rất rắc rối. Thay vì ông hủy diệt hệ thống chất nổ, ông sẽ tiêu diệt tất cả tù binh !

— Được rồi, nếu mày nói láo tao sẽ cho mày ăn đạn.

— Không, tôi không nói láo, tôi chỉ muốn chuộc tội lỗi của tôi.

Việt mở trói cho Ngạnh, và nói với đại tá Thanh :

— Đại tá chờ tôi phá hủy xong hệ thống mìn, tôi sẽ trở lại đưa đại tá đến khu Thiên Đàng của tù binh Hoa Kỳ và tìm Harris.

Việt cùng một toán Báo Đen đưa Ngạnh trở lại lều Ngạnh.

— Ai bảo mày gài mìn kiểu đó, Ngạnh? Việt hỏi :

— Đó là kế hoạch của ở trên. — Ngạnh đáp — Trong trường hợp bị tấn công bất ngờ, không di chuyển tù binh kịp, chúng tôi sẽ giật "công-tắc" điện và tiêu diệt toàn bộ trại tù.

— Tại sao đêm qua mày không "giật" ?

— Tôi không nghĩ là bị các ông tấn công. Tôi không bao giờ tin là các ông len lỏi vô tới đây được.

Vừa tới mé lều, Việt bảo tất cả dừng lại, dí súng vào lưng Ngạnh và dằn từng tiếng một:

— Kể từ giờ phút này, mày phải làm theo lệnh tao, nếu chậm chạp hoặc suy siển một tí tao sẽ bóp cò, khẩu K54 này không còn là đồng chí của mày nữa! Rõ chưa?

— Dạ vâng, tôi nghe rõ !

— Khoan bước vô lều. Phải cho tao biết cái công-tắc ở chỗ nào ?

— Phía bên kia góc lều — Ngạnh trỏ tay — chỗ đó !

— Tao có thấy gì đâu !

— Dưới mảnh ván nơi ta thường ngồi uống trà Tàu và nghe radio Bắc Kinh kể chuyện cạo đầu Lưu Thiếu Kỳ.

— Đừng nói lải nhải những chuyện đó. Tao muốn thấy ngay cái công-tắc.

— Không thấy được! Nó âm dưới đất — Ngạnh nói.

— Đào nó lên! — Việt gằm lên.

— Không phải dễ đâu ông, mặc dù ông biết nó ở đó, ông cũng không lấy lên ngay được. Bên trên có cái nắp đậy rất kín. Không ai trông thấy được.

— Hãy đi từ từ tới đó. — Việt ra lệnh. Từng bước một, nếu mày đi nhanh tao lẩy cò. Các chiến hữu hãy canh cho kỹ thằng này.

— Tôi không lừa ông đâu! — Ngạnh nói giọng nhỏ nhẹ — Chúng ta từng là bạn với nhau một thời.

— Không được nói lải nhải. Bước tới đó, từng-bước-một!! Không được nói gì nếu tao không hỏi! Không được làm gì nếu tao không bảo.

Ngạnh tới bên góc lều, hắn trỏ tay :

— Cái công-tắc dưới đó, dưới hầm.

— Đi đến đó.

— Dưới ngay đây, ngay mũi chân tôi.

— Moi nó lên.

— Tôi phải ngồi xuống.

— Ngồi xuống !

Ngạnh chưa kịp ngồi thì Việt lại bảo toán Báo Đen :

— Đẩy nó sang bên cạnh.

Khi Ngạnh bị đẩy sang bên cạnh, Việt nom xuống nhìn, nhưng chẳng thấy gì ngoài những chiếc lá khô. Ngạnh biết Việt không thấy nắp hầm. Hắn nói :

— Chúng tôi ngụy trang kỹ lắm, ông không tìm ra đâu.

— Hãy bỏ lớp ngụy trang, rồi để tao gỡ công-tắc !

— Cái nắp hầm có chốt khóa.

— Ngồi xuống, bỏ tay ra sau lưng !

— Để tôi mở nắp rồi tôi chỉ cho ông cái công-tắc.

Việt ngó xuống, tìm mãi chẳng thấy gì. Bèn quát :

— Mở nắp hầm, không được làm gì khác.

— Ông không phải lo. Tôi sẽ chỉ cho ông cái công-tắc.

— Mở nắp hầm có làm mìn nổ không ?

— Không, tôi sẽ đưa cho ông sợi dây, khi ông giật nó mới nổ.

Ngạnh luôn luôn dùng tiếng "giật" và bây giờ hắn thêm tiếng "sợi dây".

— Được rồi, mở nắp hầm đi. Tao cho mày dùng hai tay.

Ngạnh đưa tay cào đất nhẹ nhẹ. Cái mép gỗ của nắp hầm dần dần lộ ra, cho thấy một hình chữ nhật bằng cái khay lớn. Rồi hắn cào đất ở giữa nắp, vừa nói :

— Ông có thấy cái quai bằng dây kẽm đây không! Nó tiệp với đất — Không tài nào ai thấy được — Hắn vừa nói vừa dùng ngón tay trỏ móc cái quai lên và luồn luồn ngón tay vào. Hắn lôi mạnh lên làm cho nắp hầm bật lên.

Việt vừa thấy một khoảng trống đen ngòm hiện ra dưới đất thì "Ầm" !

Ngạnh đã phóng cặp chân hắn xuống đó, nơi đặt công-tắc. Như máy, Việt bóp cò.

Một tiếng nổ rền trời vang dội khắp khu trại tù.

Ngạnh chúi sấp nhưng hai chân vẫn cắm sâu trong hầm.

Việt và toán Báo Đen nhìn nhau. Thế là tất cả mìn chôn đều nổ. Tất cả tù binh đã tan thành tro bụi.

Việt cùng toán Báo Đen trở lại chỗ đại tá Thanh.

— Hắn đã giật nổ, thưa đại tá.

— Tại sao? — Đại tá Thanh lột mũ phủi bụi đất và hỏi :

— Tôi không thể chặn lại được. Một thằng cuồng tín.

— Còn Harris ?

— Tôi cũng không biết nó ở đâu bây giờ, thưa đại tá! — Việt ôm đầu — Tôi không thể ngờ là ...

•

Trịnh Gia Mỹ

Cõi riêng

Đài đặt tay lên ổ khóa, xoay một vòng. Căn phòng khách bỗng rực rỡ hơn, khi trám lên nền tường trắng là những mảng nắng chiều loang lổ, rọi xuống từ ngọn cây loà xòa phía trước. Mầu nắng nhạt, vàng, và ấm luôn là vị khách quý đến thăm mỗi chiều khi Đài đã xong việc ở Sở và đón hai con nàng trở về nhà. Vị khách đến thăm để đánh thức những bờ cỏ mượt, để gọi dậy những vỉ tường thấp, tiếp tục cuộc sống bình yên sớm mai còn đang dang dở. Thường thì Đài thích đứng yên ở ngay cửa một chút, ngắm nhìn ánh nắng nhẩy múa trên tường, như để xác nhận lại một lần nữa cái cõi riêng nàng đã trở về. Cái cõi riêng nàng đã có sau khi đánh mất nàng đi trong những giờ làm việc ở sở, với những người không cùng nàng một tiếng nói, một hướng nhìn.

Đứng ở đó, lắng nghe từng chuỗi hạnh phúc chảy ùa vào đời sống bằng những bước chân rộn ràng của trẻ thơ. Đứng ở đó, ngắm nhìn sự hiện hữu của cuộc đời bằng những tiếng ríu rít tràn ngập căn phòng của con nhỏ. Đài có cảm tưởng cuộc sống bên ngoài đã bị quên đi, đã bị đứng lại, khi nàng bước vào trong và cánh cửa sau lưng đã được khép lại. Đám đông bên ngoài và những sinh hoạt dường như hối hả sẽ không làm bận tâm nàng nữa. Đài nghĩ thế khi đôi mắt dừng lại ở con nàng. Đôi bàn tay nhỏ xíu đang chăm chú lần trên chiếc dây cột giày, tháo gỡ từng nút thắt một cách từ tốn. Mỗi chiều trở về bao giờ cũng bắt đầu như thế. Bắt đầu bằng không khí yên tịnh thoải mái. Bắt đầu bằng nụ cười tiếng nói hồn nhiên. Bắt đầu bằng những công việc quen thuộc nhưng cần thiết như hạnh phúc.

Bắt đầu, cũng bằng những lời nhắc nhở con nàng về những thói quen hay quên như mang đôi giày cất vào chỗ cũ, để những tờ giấy bài làm trong lớp ngay ngắn lên bàn, thay bộ quần áo đi học ra trước khi đưa tay lên mở cái tủ lạnh. Bắt đầu, cũng bằng những truyện kể không đầu không đuôi của con nàng về những gì xảy ra

trong lớp học, về bạn bè, về một món đồ chơi lạ mắt vừa mới nhìn thấy trên ti vi tối qua. Bắt đầu như thế, mỗi ngày. Nhưng bao giờ cũng là một bắt đầu mới lạ. Đài quay qua bên này, nghiêng qua bên kia, thích thú theo dõi khuôn mặt con nàng thay đổi không ngừng theo diễn tiến của câu chuyện. Trẻ con có biệt tài lôi cuốn làm người lớn phải nhập vào truyện kể của chúng hay là vì chúng là con nàng? Đài không biết. Nhưng nàng biết mỗi chiều tan sở trở về, tuổi nhỏ của con nàng và thế giới kỳ ảo của chúng đã xóa đi những mệt mỏi nàng có trong ngày. Đã biến mất những phiền muộn, hoặc đôi khi những hối tiếc, khi nhìn lại đoạn đời vừa mới trải qua. Đoạn đời có đầy đủ những hạnh phúc tuyệt vời lẫn khổ đau chất ngất.

Đài không có thói quen nghĩ về quá khứ. Hoặc nếu có, Đài tự xem phần quá khứ mình như một gương soi, trong đó nó phản chiếu lại cho nàng nhiều trách nhiệm và bổn phận hơn. Bổn phận làm mẹ và luôn cả bổn phận làm bố, kể từ ngày Hiệp mất đi. Hiệp, vết thương êm ái đôi khi đã làm Đài muốn ngất lịm. Đài nhớ, giữa ngổn ngang những thân người rã rời nằm trên con tàu chết máy thả trôi bềnh bềnh trên biển nhiều ngày. Đài đã ngồi ở đó, bên xác Hiệp, nhiều giờ. Đài đã ngồi ở đó, bên khuôn mặt Hiệp trắng bệch với đôi môi nứt nẻ vì thiếu nước lâu ngày, cho đến khi gặp được con tầu Nhân Ái. Con tầu quảng đại đã ra tay cứu vớt hơn một trăm mạng người nhưng con tàu không chấp nhận một thân xác của Hiệp. Đài đã nhận lấy tấm poncho từ tay người thủy thủ trẻ, gói gọn lại xác Hiệp trong ấy. Một số người bảo Đài nên lánh mặt trước khi họ thủy táng Hiệp, nhưng Đài đã van xin người ta cho nàng làm việc đó. Đài đã tự tay nâng phía đầu Hiệp lên, cùng hai người nữa, phía chân, từ từ thả tấm poncho có mang Hiệp vào lòng đại dương xanh thẳm. Trong tiếng thì thầm đọc kinh của nhiều người, đôi mắt Đài ráo hoảnh không còn một giọt nước mắt, nhìn thấy hai đứa con nàng đang mở tròn mắt nhìn mẹ nó. Chúng vẫn không biết gì. Sau đó, Đài nằm liệt trên tàu nhiều ngày.

Quá khứ. Quá khứ. Đài đặt một tay lên ngực. Đài vẫn nghe lòng ấm áp mỗi lần nghĩ đến Hiệp. Mỗi lần nghĩ đến những hình ảnh đã xa khuất nhưng vẫn luôn kề cận bên nàng. Một đứa bạn thân của nàng từ thời trung học, Vi, vẫn luôn khuyên nàng nên bước thêm một bước nữa. Nên có một người đàn ông để đỡ đần công việc nặng nhọc trong nhà. Đài chỉ mỉm cười. Vi nói: Mày còn trẻ lắm so với cái tuổi ba mươi của mày Đài ơi, tội gì ôm đồm lo lắng một mình cho khổ. Ông anh tao vẫn chờ cho đến khi nào mày chịu sai bảo ổng đó. Đài nhăn mặt. Đó là chuyện của ổng, không phải chuyện của mày. Vi la lớn: Mày nói vậy mà nghe được hả Đài? Ổng có sự nghiệp, có việc làm chắc chắn, lại thương yêu mày

thiệt tình, mày không tìm được ai hơn ổng đâu. Đài phát cười: Tao có tìm kiếm gì đâu, nhưng tao cũng không tính chuyện gì khác. Đời tao như vậy cũng yên rồi. Vi cười nghi ngờ. Thỉnh thoảng nó vẫn nhắc nhở nàng về chuyện ấy. Không yên đâu, để rồi mày coi. Tao cá với mày là rồi đây mầy sẽ thay đổi cái đầu óc ngu si của mày, khi nào có thay đổi thì nhớ báo cho ông Huy biết nghe. Cho ổng ăn mừng!

Huy, Huy, cái tên Vi vẫn luôn nhắc đến mỗi lần gặp Đài. Vi làm như với sự nhắc nhở thường xuyên như vậy, cộng với sự ân cần của Huy, nó sẽ nhét được vào đầu óc cứng cỏi của Đài hình ảnh của một bàn tay đỡ đần; một mái nhà ấm cúng có tình yêu, có hạnh phúc. Với Đài, tình yêu không phải là một cái bàn, một cái ghế hay một đồ vật dùng để trang trí trong nhà để có thể nghĩ một cách dễ dàng khi cái nầy mất đi, mình tìm cái khác để thay thế vào. Đài nghĩ tình yêu là một tình cảm thiêng liêng cao quý mà con người chỉ có thể cho đi và nhận lại duy nhất một lần. Sau lần đó, nếu có, không phải là tình yêu nữa mà là tình thương hại. Người ta không thể có trong đời nhau bằng tình thương hại đó. Đài không muốn thương hại Huy. Đài kính trọng Huy. Và nàng cũng rất kính trọng cuộc tình đã có của nàng và Hiệp. Cuộc tình mà kết quả bây giờ là hai đứa con của nàng. Chúng có thể làm cho nàng chết đi hay sống lại.

Đài thở dài, đứng dậy. Hình ảnh Huy thỉnh thoảng vẫn thoáng qua đầu óc của nàng cùng với lời nhắc nhở của Vi. Nhưng nó không ở lại lâu. Không phải Đài tránh không dám đối diện với vấn đề đặt ra cho nàng bây giờ là Huy. Cũng không phải Đài yếu đuối phó mặc cho hoàn cảnh đưa đẩy ra sao thì ra... Hiệp đã xa, nhưng vẫn sừng sững trong tim nàng. Và hai đứa nhỏ. Và cái cõi riêng nàng đã bao công chăm sóc nâng niu... Đài không muốn phá vỡ nó đi. Nàng đi trở vào buồng tắm, chà lại bồn tắm và mở nước cho con; như nàng vẫn làm như vậy, mỗi ngày, từ bao nhiêu năm qua. Đứa con gái nàng hỏi: Mẹ có coi mấy tờ giấy của con chưa? Tuần sau có "conference" với cô giáo con đó. Nàng bối rối; à... ừ... để chút nữa mẹ coi! Con bé nhắc: Nếu mẹ quên kỳ này thì mẹ sẽ "miss' đó. Mà làm sao mẹ đi được? Đài hấp tấp: Được chứ! Được chứ! Mẹ sẽ xin nghỉ một ngày để đi họp cho con. Con gái nàng vỗ tay mừng rỡ. Nhìn khuôn mặt rạng rỡ của con, Đài thấy tâm hồn nàng thanh thản lạ kỳ. Nàng nói: cho con đi coi ti vi một chút rồi học bài. Đứa bé dạ ngoan ngoãn. Thỉnh thoảng đến chơi Vi vẫn khen: Mấy đứa con mầy ngoan nhất xứ Mỹ nầy rồi đó nghe Đài. Nàng hảnh diện: Như vậy thì cũng đáng để cho tao hy sinh một đời, phải không mày? Vi trề môi: Xí, để rồi xem mày hy sinh được đến bao lâu. Sao mày tự tin vậy? Đài im lặng. Vi chưa có con để biết

được tình thương của một người mẹ dành cho con bao la đến mức nào. Đài không muốn giải thích. Nàng muốn bao giờ Vi có con rồi thì tự nó sẽ hiểu. Lúc đó nó sẽ cảm thông và không còn trách là Đài đã lãng phí đi một thời thanh xuân nữa.

Đài đi trở vào phòng. Hai đứa nhỏ đang coi Tivi đòi nàng ngồi xuống. Lưng Đài mỏi dừ. Nàng nói để mẹ nằm một chút. Có lẽ vì mấy hôm nay nàng rán nhổ cho hết những cây cỏ dại mọc lẫn trong đám cỏ nàng trồng trong vườn chơi của con. Hai đứa nhỏ xúm xít quanh nàng, đó là hình ảnh của một gia đình hạnh phúc. Chỉ thiếu có Hiệp. Đôi khi Đài nghĩ giá mà có Hiệp ở đây, lúc này, cạnh nàng. Dù cho Hiệp chẳng làm gì để phụ giúp nàng hết, Đài cũng cảm thấy yên tâm. Nàng cũng cảm thấy vững vàng để phấn đấu với cuộc sống, để lo toan cho gia đình. Người đàn bà, dù có nhiều nghị lực cách mấy, dù có gan dạ cách mấy, cũng chỉ là đàn bà: yếu mềm và dễ cảm xúc. Như lần đưa cả nhà đi vượt biên. Nếu không có Hiệp trấn an, nếu không có Hiệp vỗ về, Đài đã chẳng dám ôm con xuống tàu. Vậy mà Hiệp đã bỏ cuộc. Hiệp đã ra đi một mình bỏ mẹ con nàng bơ vơ khi chưa đến được bến bờ mơ ước. Những câu nói của Hiệp về tương lai đàn con. Những vẽ vời của Hiệp về một căn nhà tràn ngập tiếng cười đùa của đàn trẻ, giờ vẫn theo Đài, như một lời trăn trối. Đài biết là nàng sẽ không bao giờ quên được Hiệp. Chàng đã cho nàng một phần của đời sống và đã lấy đi của nàng hết cả tuổi thanh xuân.

Cho nên chẳng bao giờ Đài nghĩ rồi một ngày nào đó sẽ có một hình bóng khác thay thế được Hiệp trong lòng nàng. Huy tuy có làm cho nàng xúc động nhưng Huy cũng chẳng thể là Hiệp. Huy chẳng thể nào mang đến cho nàng những mê đắm không cùng của một tình yêu thần thánh đầu đời con gái. Tình yêu của nàng đã chết cùng Hiệp. Huy không thể nào làm cho nó sống lại. Huy không thể cho nàng những rộn ràng khi nằm nghe trẻ thơ khóc tiếng đầu tiên. Huy cũng không thể cùng nàng có những say sưa như Hiệp, khi nhìn ngắm con nàng trong giấc ngủ thần tiên thánh khiết. Huy đến, Huy chỉ đứng bên lề cuộc đời nàng. Huy như một người bộ hành lỡ đường gặp cơn mưa bão, nhìn thấy một căn nhà hoang duy nhất ven đường. Chàng chẳng làm sao có được chìa khóa để mở cánh cửa vào trong nhà tạm trú chờ dứt cơn mưa.

Đài úp mặt vào gối không muốn nghĩ tiếp nữa nhưng những hình ảnh cứ lởn vởn bên nàng. Phải nói cho Huy biết những ý nghĩ nàng có bây giờ, càng sớm càng tốt. Nếu không nàng sẽ điên lên mất. Đài vụt ngồi dậy, đưa tay vuốt lại mái tóc cho ngay ngắn. Giờ này có lẽ Huy cũng đã đi làm về. Chàng đang ngồi trước những tờ báo quảng cáo mà người đưa thư mang đến mỗi ngày? Chàng đang ngồi trước bàn máy đánh chữ mà bên cạnh đó là một núi tài liệu.

Hay là chàng đang loay hoay trong bếp để tự làm lấy những thức ăn cho mình? Đài thở dài. Nghĩ đến những ân nghĩa của Huy mà nàng sẽ không bao giờ có dịp trả hết. Căn nhà êm ấm này. Tiếng cười dòn dã kia, là của Huy. Là do công lao Huy tạo lấy, từ những ngày nàng mới chân ướt chân ráo ôm con đến miền đất này. Thoạt đầu Đài nghĩ Huy có những giúp đỡ cho nàng bởi vì theo chàng nói là vì chàng là người đến trước. Chàng xem nàng như là một người bạn mặc dù nàng là bạn của em chàng. Hoặc hơn nữa, chàng xem nàng như là em gái của chàng, như Vi chẳng hạn. Chàng đã giúp đỡ cho Đài, Giống như một người bảo trợ. Thuê giúp cho nàng căn nhà. Dẫn hai đứa con nàng đến trường để học. Giới thiệu cho nàng có một việc làm. Huy không thích Đài xem chàng như một người ơn. Trái lại, chàng coi như là mẹ con Đài đã mang đến cho chàng một niềm vui để chàng có dịp bận rộn ở những ngày cuối tuần. Huy thành thật. Điều đó Đài có thể đọc thấy từ tia mắt chàng. Tia mắt êm đềm mang đến cho người đối diện cảm giác tin cậy hay một niềm cảm thông sâu xa. Thỉnh thoảng Huy đến thăm nàng hoặc là gọi điện thoại hỏi xem nàng có việc gì cần đến chàng giúp không. Đài nhớ nàng có nhờ Huy một lần. Đó là lần đưa đứa con trai nhỏ của nàng đi cấp cứu vì cơn nóng sốt quá độ. Ngồi trong phòng cấp cứu làm hồ sơ bệnh lý, Huy đã vừa bế con nàng vừa trả lời những câu hỏi của người y tá vừa không ngớt trấn an nàng. Đài đã ước gì Huy là Hiệp để nàng có thể siết chặt tay chàng như để tìm thêm được nơi chàng một chút nghị lực, một chút tự tin. Sau lần đó, thái độ của Huy đối với Đài đã thay đổi đi. Những săn sóc dịu dàng của Huy dường như cũng ân cần hơn. Huy nói: chàng đang bắt đầu có một thói quen nghĩ đến sự êm ấm của một mái gia đình. Chàng đã chán những sáng những chiều đi về thui thủi một mình. Chàng vẫn thèm muốn có được những nôn nao khi nghĩ đến đôi mắt chờ mong chàng ở giờ tan sở. Chàng nói những hình dung đó vẫn làm cho lòng chàng xúc động. Trời ơi, Đài thấy tội nghiệp cho Huy quá! Đài ước gì nàng có thể lùa tay vào tóc chàng để nói được lời chia xẻ. Đài ước gì nàng có thể tựa đầu vào vai chàng để chàng thấy ở đó là một niềm cảm thông. Và đôi mắt. Ôi đôi mắt chàng chứa đựng cả một trời thương yêu có thể làm cho Đài khóc ngất. Có thể làm cho Đài chết lịm đi trong sự xúc động đầm thắm không cùng. Chàng hỏi: anh có thể nhìn thấy ở Đài đôi mắt chờ mong anh mỗi giờ tan sở không? Đài có cảm giác nàng đang chơi vơi, đang bay bổng dần ra xa tầm kiểm soát của mình. May thay Huy đứng lên. Chàng nói: Anh về. Đó là lần duy nhất nàng nhìn thấy ở Huy vẻ yếu đuối. Đó cũng là lần sau cùng nàng tìm thấy ở nàng sự rung động của một thời lãng mạn con gái đã qua.

Hạnh phúc. Ôi cái tên gọi quý báu mà con người luôn mải mê tìm kiếm đã không chọn Huy mà đến. Đã không chọn Đài để mà dừng lại. Sự xúc động đã như một cơn mưa rào chợt đến nhưng mau tạnh không đủ sức làm ướt lòng Đài mà chỉ làm cho nàng thấy tỉnh táo hơn. Cuộc đời nàng đã không còn là của nàng nữa mà đã thuộc về hai đứa con. Mà đã thuộc về hai đôi mắt mở tròn vô tư đang nhìn tới tương lai trong sáng. Đài không có quyền làm mất đi vẻ hồn nhiên đáng yêu đó mà Hiệp đã ủy thác cho nàng. Dù Huy là một người ơn. Dù Huy đã độ lượng che chở cho mẹ con nàng những ngày khó khăn nhất ở xứ Mỹ.

Huy biết rõ điều đó. Đài nghĩ vậy. Nhưng chàng vẫn đến như bao nhiêu lần trước chàng đã đến, với những hỏi thăm quen thuộc. Nụ cười của chàng vẫn êm đềm. Đôi mắt của chàng vẫn trìu mến. Chẳng có gì khác. Chẳng có gì thay đổi. Hai đứa con nàng chơi giỡn với chàng dường như đã thân thiết hơn, đã mạnh dạn hơn. Đài mong Huy nhắc lại những lời chàng đã nói với nàng hôm trước để nàng có dịp nói với chàng một cách mạch lạc và rõ ràng con đường nàng đã chọn. Nhưng Huy chẳng nói gì cả ngoài những săn sóc đầm ấm dịu dàng. Chàng vẫn đến và về như một thói quen, như một người bạn. Đài vẫn nghĩ nàng phải làm sao để nói với chàng mà không để chàng buồn? Bắc cái ghế mời chàng ngồi xuống rồi tằng hắng để lấy giọng nghiêm trang mà nói với chàng rằng có nhiều bổn phận đang đè nặng lên vai nàng. Rằng nàng rất kính trọng chàng nhưng đồng thời nàng cũng rất quý cái cõi riêng nàng đang có. Nàng không muốn ai phá vỡ nó đi dù bằng những phá vỡ thương yêu nhất. Hay là nàng sẽ đợi đến một hôm đẹp trời nào đó, khi Huy đang nói chuyện huyên thuyên Đài sẽ làm như là rất tình cờ hỏi thăm dự tính tương lai của chàng. Rồi chắc là Đài sẽ nhân dịp đó nói luôn với chàng một cách tự nhiên và đầy đủ những ý nghĩ đó. Dĩ nhiên là chàng sẽ đau lòng lắm, nhưng thà một lần như thế còn hơn. Vậy mà Đài chưa tạo được cho nàng một dịp tốt để thổ lộ. Huy chẳng khi nào cho nàng có dịp để nói chuyện tâm tình. Chàng coi cái lần yếu đuối trước của chàng là một lỗi lầm hay chàng nghĩ là Đài đã biết và đã chấp nhận chàng?

Đài cứ luôn loay hoay với những ý nghĩ không được ai giải thích. Nàng lại càng không nói được những thắc mắc đó với Vi vì mỗi lần nhắc đến Huy với Đài, Vi đều coi như là nó đã thay mặt Huy để nói được với nàng về những chuyện tình cảm. Đài không nghĩ thế. Tình yêu là một trong những tình cảm thiêng liêng không giải thích được bằng ngôn ngữ tầm thường mà chỉ có thể cảm nhận được giữa hai kẻ yêu nhau. Vi không thể là Huy để nói với nàng điều đó. Tuy nhiên nàng vẫn nói cho Vi biết về những khó xử của nàng. Về những toan tính mà nàng nghĩ đến cốt chỉ để giữ được

cho nàng cõi riêng còn lại. Cái cõi riêng duy nhất cho nàng được những bình yên và hạnh phúc.

Đài không rõ Vi có phải là sứ giả tình yêu của Huy không? Nhưng những tâm tình nàng nói với Vi, về Huy, nó đã không nói lại cùng với chàng. Nó giải thích rằng chỉ cần thêm một thời gian nữa là Đài sẽ xiêu lòng. Rồi nàng sẽ chấp nhận Huy như một điểm tựa cần thiết cho cuộc sống. Huy sẽ mang đến cho Đài một gia đình hạnh phúc như những gia đình khác. Chẳng có gì quan trọng đáng để lo lắng cả. Đài không nghĩ đơn giản như vậy. Cánh cửa lòng nàng đã mở ra một lần để đón Hiệp. Giờ không thể mở ra lần nữa để đón Huy vào. Cuộc đời của nàng đã hết. Cõi riêng của nàng đã khép lại. Không còn gì nữa để mà nghĩ đến, dù chỉ là chút hạnh phúc mong manh.

Đài nghĩ là nàng sẽ nói với Huy một lần cho hết. Rồi sẽ chẳng bao giờ nói đến chuyện đó nữa. Nàng đưa tay nhấc máy điện thoại lên, bấm số. Nàng nghe chuông reng và có tiếng Huy trả lời ở bên kia đầu dây. Chợt dưng Đài cảm thấy hụt hẫng. Nàng không biết nên bắt đầu như thế nào...

Trịnh Gia Mỹ

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens
Làm việc theo hẹn
Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm
9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Nương dâu

*L*úc tôi tới nơi, có lẽ chàng đã đi xa rồi. Trên bãi biển hoang vắng ngoài mấy hòn đá chồng chất bơ vơ, chỉ còn có tôi. Chân dầm trong nước lạnh, gió hắt ngược từ phía trước mặt, quất vào mắt, rồi lọt vào tai nghe ù ù. Hai màng tang buốt giá, đầu choáng váng, tôi bỏ nước leo lên chỗ gộp đá chồng chất, đi ra mãi mỏm đá chồm tít ngoài khơi. Giữa khói sóng buổi chiều, tôi lên ngồi nơi hòn đá cao ngất. Ngóng ra xa, những cánh thuyền đi lại chập chờn, những chiếc đã về đến bến sắp thành một hàng dài bất động. Gió lay động, mặt nước rập rờn, hòn đá dưới tôi cũng rung rinh.

Hai trái cam màu thật tươi, chai thuốc ho chàng gửi lại còn trong túi áo, tôi cho tay vào túi sờ, nắn nắn như chưa tin là còn có thật trong trong túi áo tôi. Mùi cam thơm thơm cay mũi giống như hương ngọc lan trên mái tóc của một người đẹp liêu trai đã để lại trên gối chàng thư sinh lạc đệ. Chỉ chừng ấy cũng đủ để chàng tin là đêm qua, chàng đã có cơ may hội ngộ với người tiên. Còn tôi, tôi có cả quả cam, chai thuốc ho vì chàng biết tôi đang ốm. Chàng còn dặn: "Tôi đi, Duyên đừng ra biển một mình nhé, trời động, biển sóng gió đấy, mà Duyên lại đang ho." Quả cam của cô bạn nào đó gửi cho chàng khi ra đi, chàng chia bớt cho tôi hai trái, thế là ân tình nhiều đấy chứ!

Tôi lắng nghe biển nói chuyện một lát, trời tối đang định bỏ ra về thì người bạn ngoại quốc tới gần hồi nào; giục giã:

— Đi về, đi về! Tối rồi.

Tôi tròn mắt nhìn ông: hay ông bạn là hiện thân của một loài chim đêm? Sao ông bạn kêu lên "Đi về, đi về!" Giống tiếng con chim gì kêu thế! Tiếng Việt tôi đâu có giọng "đi về, đi về" như kia...

Chàng thì thầm khi chúng tôi ngồi trong căn lều nhỏ trước sân nhà tôi ven biển:

— Những cái lưới này như những mắc xích càng lúc càng siết buộc đời. Tôi không thể chịu đựng... Chuỗi còn lại của đời cứ mãi

như thế này à? Nhưng xa biển tôi sẽ nhớ mãi tiếng gió rít từng luồng xuyên qua động đá, gió lay-lắt cánh buồm của những con thuyền của xóm ta, gió tung cát lên những hũ mắm đã bốc mùi dù được đậy kín, những tấm lưới cũng mang mùi hương của xóm, nhưng tôi, tôi đã nhất quyết...

— "Cầm lấy quả cam", vừa lục giỏ chàng vừa nói "và nhớ uống thuốc nghe!"

Tôi ngập ngừng và thèm thuồng nhìn vào đống sách vở chàng nhét lộn xộn trong giỏ, định hỏi: "Anh đi rồi, hết người mượn sách", nhưng lại thôi.

Xóm chài không mấy người đi học nhưng các "xơ" thì bảo tôi "thông minh" lắm, nên các "xơ" nhất định bắt tôi đi học.

Tôi ấp úng định nói gì thì anh bạn bảo :

— Duyên đừng băn khoăn, nếu anh gửi thơ về thì các "xơ" sẽ bày cho em cách bỏ thư cho anh. Còn anh Paul nữa, anh Paul...

Chàng nhìn tôi ngập ngừng và tôi thì đỏ mặt tức tối.

Tôi ngồi ở lều ngoài sân vá lại mấy tấm lưới rách. Cào tôm thật mệt, được vài ký tôm mà lưới rách lung tung. Khuya nay lúc đi lưới về, mẹ bảo :

— Gió dữ rồi, chắc là không đi lưới được nữa. Mày lo kỳ rửa mấy cái thùng cho mẹ đi vớt sứa. Gió càng lên, sứa càng nhiều.

Mẹ lên đường chỗ bến xe đậu, khách khứa qua lại ồn ào cân tôm sớm cho bạn hàng đi chợ rồi về ngủ. Tôi ngồi ở cái lều ngoài sân vá lưới. Ống chỉ đưa qua đưa lại như cái máy, đều đặn như đầu óc tôi lúc này nặng nề buồn nản.

"Xơ" Hạnh tới, tôi mừng quýnh quíu: chắc là có thư anh. Trái cam tươi tôi giấu trong thùng gạo đã héo quắt queo đóng mốc đen sì, ngửi chẳng còn có mùi thơm... chai thuốc ho keo lại như mật, tôi uống một giọt cũng đủ say cay lên mắt. Có khi nào anh tin thình lình chung quanh tôi bỗng thơm nồng lên mùi cam và ngạt ngào một mùi thuốc ho? Có khi nào chàng biết được, tôi lén mẹ một mình mở cửa đi ra biển nửa đêm: mặt nước sáng-loáng lóng-lánh trong màn đêm đen kịt, tiếng gió đưa, tiếng võng ai kẽo kẹt trong đêm, rồi một giọng nói rất quen rất nhẹ và một hơi thở bỗng ấm một bên ai? Nhưng rồi chẳng có gì, chẳng có ai cả ngoài tôi, một mình chập choạng trong đêm. Tôi lại thất thểu lần qua bãi lầy đạp chân trên đá, có những hòn đá đầy cả hàu cắt bén chân tôi, có những hột cát lớn như hột sạn nhét vào vết thương đau điếng. Tôi cà-nhắc cái chân đau về nhà, lách cửa vô mà mẹ cũng chưa về.

"Xơ" nhìn tôi ái ngại :

— Mẹ đâu, mẹ ngủ hả ?

Tôi gật đầu :

— Duyên học đến trang mấy rồi? Tối nào, cũng thức khuya

lắm sao ?

Tôi giật mình, ấp úng:

— "Xơ" có cái quà này cho con.

"Xơ mở gói lấy cái áo len màu đỏ ướm vào ngực tôi. Tôi ngượng ngịu líu quíu nên chẳng kịp nói lời cám ơn.

— Vào nhà cất áo đi. Thôi "xơ" về, nói với mẹ "xơ" có tới thăm.

"Xơ" bước đi mấy bước rồi ngoái lại nhìn tôi :

— Cầu Chúa che chở cho con !

Tôi chẳng bao giờ được thư kể từ ngày anh bỏ đi. Tôi nghẹn ngào: hay chàng đã chết đâu đó trên đường, tôi càng thêm tủi.

Paul dẫn tôi đi Cô-nhi-viện T.L ngoài đường quốc lộ. Tôi mặc cái quần mới với cái áo len đỏ của "xơ" Hạnh. Xe xuống dốc, hai bên đường cây cao thẳng tắp, rồi xe lại lên dốc, mùi xăng cháy khét lẹt ai cũng kêu buồn nôn nhưng tôi lại thấy vui vui.

Viện mồ côi là dãy nhà trắng toát lạnh lẽo nhưng khang trang. Nhiều bé người Việt, bé lai Mỹ đen Mỹ trắng... bé nào cũng sạch-sẽ xinh-xắn. Tôi ngây người nhìn mấy em bé tàn tật khập-khiễng chạy theo các bạn khác, té lên té xuống. Tôi chẳng cần phải nhờ ai nâng lên nâng xuống với ánh mắt thương hại ban cho như người ta đang ban cho các bé này.

Paul dẫn tôi về vì tôi không muốn xa mẹ, xa biển và dường như linh-mục giám đốc không hài lòng mấy với vẻ thất thần ngơ ngác của tôi. Ở trại mồ-côi nửa buổi, tôi thấy thèm vô cùng được nghe biển nói chuyện.

Bước chân cũ lại đưa về nơi ghềnh đá. Tôi bó gối ngồi dõi mắt ngó ra xa. Có gì bên dãy núi mờ mờ ngoài ấy? Gần hơn một chút là hòn Yến. Tôi biết ở đó tới mùa yến về đậu trên những vách đá cheo-leo nhả nước miếng ra làm tổ, người thợ lấy yến phải trèo lên những vách đá thẳng đứng gỡ tổ yến làm món yến sào. Cuộc đời những người thợ lấy yến, cuộc đời những con chim én từ đâu bay đến làm tổ rồi từ đó lại bay đi như những chuyện hoang đường đã làm tôi ngây ngất tự những ngày còn nhỏ.

Một con cua biển màu đen men men trong kẹt đá bò ngang qua mặt tôi. Nước triều bắt đầu rút, tiếng tôm búng nghe bóc-bóc, tiếng nước rút re-re, mấy con cua nhỏ màu xanh đỏ, lông măng dựng đứng bò qua bò lại rạo-rạo trên đá, con cá nhảy nhảy lanh tanh, muôn vạn thứ tiếng của biển chiều. Gió từ khơi xa hắt vào, đá nước rong reo vang trong bờ lao-xao đáp lại. Tiếng hát đưa, hát lại vang mãi dặt-dìu, mê-man tôi lắng nghe. Dào-dạt nước triều rút, biển đã rút, bờ lấn ra tận ngoài xa. Tiếng rạo rạo, rào rào trong suốt âm vang không ngớt lấn vào chiều.

Paul lại đến, nhìn ra xa buồn buồn. Chắc ông ta nhớ nhà. Nhà

ông ta ở đâu đó xa-lơ xa-lắc bên kia. Ông ta từ nơi đó đến đây và chắc chắn có một ngày sẽ được về nơi ấy. Sinh cũng đã cắt mắc lưới mà đi. Mùi muối mặn thấm trên môi, tôi nhăm nhăm cho vị mặn thấm vào như mùi nước mắt.

Đừng nói gì với gió, đừng sánh gì với biển vì không gì có thể sánh được! Biển và gió đã kể hoài hoài những mẩu chuyện Vô Cùng cho tôi nghe.

Chàng giống như bức ảnh của một tài tử đóng phim nào đấy, mái tóc quăn gợn sóng bay theo gió lòa-xòa trước trán, khuôn mặt vuông cương nghị mà vẫn dịu dàng, mắt nhìn ra xa như chẳng muốn nhìn ai... Sau lưng là một vùng biển rộng, xanh xanh ngợp. Sao cứ hễ một người con gái lớn lên là phải mơ mộng tới một người lý tưởng và ngược lại! Nhưng anh ấy, rõ ràng là anh ấy chẳng mơ màng tới ai. Sinh đã muốn nhìn ra xa, xa thật xa, nhưng từ cái xóm chài của tôi thì chẳng có thể nào nhìn ra xa được vì biển đã choáng hết cái bao-la của đất trời, chận cái mênh-mông từ ngay chỗ ấy.

*
* *

*N*ửa khuya một chiếc thuyền buồm trở về từ xa, anh Tư vui mừng nhảy xuống. Anh vừa trúng một mẻ cá to, vợ anh ở nhà lại vừa sinh đôi hai chú con trai. Anh về đem theo vài tin tức mới lạ: "Cách mạng" về, đã "giải phóng" ngoài thành phố rồi, chỉ vài hôm nữa là tới xóm chài tôi. Mọi người xôn xao bàn tán: Cách mạng giải phóng thành phố, chừng nào tới xóm mình, lính hải thuyền còn dám ghé không, theo ai thì sướng, bỏ ai khổ, mình đi đánh cá chắc khỏe ra, giải phóng rồi khỏi lo gạo mắc, rẻ... Mấy ông làm việc xã mà cũng vui mừng chộn rộn. Tôi nghe tin nào cũng như tin ấy vì tất cả chẳng phải là tin mà tôi mong đợi.

Bốn anh du-kích cách mạng tiến vào xóm tôi từ một chiếc xuồng: hai anh đi trước đeo súng AK, hai anh đi sau đeo hai cái giỏ tre, trong đựng hai vật dài dài bọc sắt trắng. Bà con bảo đó là hai trái bom. Lên bờ, các anh cuốc xới một hồi rồi nghỉ, vào nhà anh Tư nói chuyện. Anh Tư khúm núm đem trà nước ra mời "cán bộ" thì các anh nghiêm nghị từ chối và tự tay ra giếng xách nước lên uống. Chiều lại, các anh lên xuồng ra về đâu đó bên kia.

Lâu lắm rồi xóm tôi cũng ổn định. Đưa hết mấy ông làm việc xã của Mỹ Ngụy đi học tập rồi thì Ủy-ban Nhân-dân mới tổ chức một buổi mít-tinh long trọng cho tất cả bà con chòm xóm, xóm tôi và xóm bên đông xa lắc. Cờ quạt đỏ trời dưới hàng thông ven biển, ngày trước là chỗ khách du lịch đáp ca-nô tới tắm những ngày hè. Mỗi hộ chỉ để lại một người giữ nhà, mẹ đi từ ba giờ sáng. Xóm

vắng leo heo mấy đứa nhỏ, tôi chẳng muốn giữ nhà, bỏ ra biển leo lên ghềnh đá ngồi chơi.

Nhưng rồi đến kỳ kiểm tra dân số để thành lập hộ khẩu, gia đình nào có đạo công-giáo phải đi đăng ký riêng ở Ủy-ban thì xóm làng *phát hiện* ra nhà tôi. Mẹ tôi cãi:

— Tui đâu có đạo, nhà tui có thờ cúng ông bà mà.

Ông cán bộ an ninh kêu tên xơ Hạnh và ông Paul ra thì mẹ tôi run rẩy cả người. Bà đập đầu, đập trán một mực van nài :

— Xơ Hạnh tới xóm tui dạy học, con nít học trò trong xóm là có đạo hết sao?

Công an xã thả tôi về với mẹ nhưng dặn:

— Khi nào có lệnh kêu, phải có mặt liền!

Mẹ vẫn đi câu với chiếc xuồng nhỏ và hai tấm lưới rách vá qua vá lại, mỗi buổi chiều ra khơi và trở về khi trời chưa kịp sáng. Nhưng tôm thì phải *buôn bán hai chiều* cân cho Công-ty đông lạnh xuất khẩu. Mắt mẹ buồn ướt ướt. Năm thì mười họa mới nghe mẹ nói :

— Tao chẳng ham trồng lại cái răng cửa. Thôi, thời buổi cách mạng rồi, có gì nhai đâu mà phải trồng răng!

Khi công an tìm lại nhà tôi, lần này đọc bản án và bắt tôi thì mẹ vừa ngủ dậy sửa soạn đi rẫy. Dạo này mẹ làm thêm rẫy bắp ở dãy núi sau lưng.

Họ nhốt tôi vào cái buồng xép phên tre sau văn phòng xã, ông công an ngồi trên ghế đẩu, dựa ngửa tựa lưng vào bàn:

— Mày phải khai cho đúng sự thật thì sẽ được cách mạng khoan hồng.

Công an lần lượt hỏi tôi :

— Xơ Hạnh tuyên truyền cho mày cái gì? — Xơ giao sách vở, mật hiệu, công tác gì? — Chiều chiều ra ngồi ở ghộp đá liên lạc với những tàu đế quốc nào? — Điện đài liên lạc giấu ở đâu? — Thằng Sinh đầu sỏ liên lạc qua đường dây nào? Lần Paul dẫn ra nhà thờ T.L., mày nhận ra thằng chỉ huy là ai không? Còn nhớ mặt nó và nếu bắt được thằng "xịa" đó, có nhận mặt được liền không?...

Ông ta gằn giọng :

— Trọn ổ gián điệp đã bị tóm cổ hết rồi. Cô chỉ là mắc xích cuối cùng. Khôn thì khai thật ra hết, cố tình giấu diếm sẽ không qua được mắt của cách mạng và nhân dân.

Tôi ngồi khơi khơi trước tờ giấy màu vàng ngà và mân mê cây bút vì đâu biết phải viết gì ngoài tên, tuổi, chỗ ở, nơi sinh. Công an bỏ ra ngoài lâu lâu thò đầu vô cái lỗ nhỏ nơi vách, quắc mắt nhìn. Thấy tôi vẫn ngồi bất động, hình như thương hại, ông ta dỗ dành:

— Cô bắt đầu khai từ lúc nhận công tác vào ổ gián điệp móc nối với nước ngoài là ngày nào? Từ đó làm những gì, gặp ai, ở đâu,

mấy lần... cho đến hôm nay thì tổ chức bị phát hiện. Cứ thành khẩn khai báo đi thì sẽ được khoan hồng.

Tôi cầm bút mạnh dạn viết: "Tôi vào tổ chức từ ngày gặp anh Nguyễn Ngọc Sinh. Tôi và anh quen nhau khi Xơ Hạnh về xóm tôi tổ chức lớp học cho trẻ em. Anh Sinh chỉ dạy chúng tôi, lớp lớn, môn nhạc và tập hát, nhưng tôi thân với anh hơn những người khác vì tôi thích biển mà anh còn thích biển hơn tôi. Chúng tôi hay ra ngồi ở gộp đá cạnh bờ nước để lắng nghe biển trò chuyện. Có khi tôi nghe biển nói thế này, anh Sinh nghe thế khác, nhưng chúng tôi không cãi nhau mà cho là mỗi đứa nghe được một ý. Giờ một mình tôi ngồi nghe biển, tôi rất buồn vì không nghe hết đủ ý của nó."

Rồi tôi cắn bút mãi cuối cùng đưa nộp tờ giấy lên. Ông công an giận dữ xé toang tờ giấy rồi đập bàn hỏi ;

— Vậy chớ điện đài mày giấu ở đâu?

— Tôi không biết điện đài là cái gì?

Ông ta gào to, mắt đỏ ngầu gân máu :

— Mụ xơ Hạnh dạy mày cái gì? Chúa ở trong trái tim mày vậy thì thằng Ri-gân ở trong cái đầu mày hả? Đồ gián điệp !

Từ đỏ tới tím từ tím tới đỏ, tôi cứ thấy mặt mày ông thay đổi luôn luôn. Tôi ngó sững ông nhưng tai thì chỉ nghe gió và biển lào-xào ngoài kia nhắc tôi trả lời:

— Tôi ra gộp đá đó mỗi chiều mà không có hẹn với ai (tôi thẹn thùng chợt nghĩ: có, mình có buồn, có hẹn, hẹn với một người không bao giờ đến nữa).

Ông công an dấu dịu:

— Này nhé, mày nên hiểu sự khoan hồng nhân đạo của Đảng và Nhà Nước. Đừng để tao phải nặng tay.

*
* *

*T*huyền đưa tôi đi xa đi xa mãi, xóm chài heo hút mờ dần. Tôi có thấy mẹ, mẹ phờ phạc hốc hác trông lạ quá, tôi ngó sững gộp đá tôi ngồi mỗi chiều. Mẹ, gộp đá: tôi ngoái đầu nhìn nửa như tỉnh giả nửa như ghi khắc sợ mau quên. Chân đạp lên một miếng vỏ hàu chắc là bén lắm, máu loang ướt cả vũng nước.

Ngồi trên thuyền, hai tay bị trói, tôi yên lành ngắm biển và lắng nghe lời biển bồi hồi. Lờ mờ dưới đáy nước, tôi tưởng tượng ra được đời sống vô cùng náo nhiệt; những con sao biển màu đỏ bò dưới đáy cát, hàng gai rung động như đang hít thở nhấp nháy, con đồng-đột đen thui miệng nhả ra một đống nhựa trắng, ánh nắng chiếu xuyên lấp loáng từng mảng xanh mảng trắng qua nước trong veo, trên một chút là đàn cá tung tăng đủ màu, từng con mực trong

suốt hàng râu bơi bơi khoan thai qua những cọng rong rung động theo làn nước. Và mùa mưa là mùa của lũ sứa ma như những chiếc dù cái xanh cái trắng trôi nổi bềnh-bồng. Khi biển động, ôi chao dữ dội, bọt sóng tung lên phủ cả ghềnh đá tôi ngồi, chất từng ụn rong vàng cao ngất che phủ cả bờ cát. Biển bỗng lạ hoắc. Những lần đó, tôi nghe con sóng dữ dội đánh sầm vào bờ la lên với tôi: "Mày coi, tao đẹp hùng vĩ ghê người!"

Tôi thương xót những con còng nhỏ bé yếu ớt cái mai mỏng tanh, không biết giờ này nó trốn ở đâu, mấy con hến hai nắp vỏ cứng úp chặt lại chắc là dư sức để tự bảo vệ, còn mấy con cua nho nhỏ hai mắt lồi ngơ ngác, chúng đào hang trốn có kịp không?

Những chiếc thuyền của xóm tôi đã về bờ gần hết, mùa giông tố ai dại gì ra biển. Mẹ đánh bài tứ sắc với hàng xóm, tôi không có việc làm, vá áo quần vá lưới rồi đem lũ ốc đủ màu ra xếp hình Kim-tự-tháp, lấy chỉ xâu ốc thành những xâu chuỗi loanh-quanh. Cuốn sách cũ coi mãi cũng nhàm, lâu nay mùa đông "xơ" chẳng tới. Trái cam khô teo thành nhỏ xíu, chai thuốc ho đã đặc kẹo đen thui đọng dưới đáy, tôi lẩm cẩm cầm lên ngó xuống rồi cũng muốn vứt đi.

Người ta dành cho tôi một mảnh nhỏ sàn xi-măng để làm chỗ ngủ. Tôi vào trễ nên mất ăn cơm chiều. Mệt lử vì ngồi thuyền chuyển xe, tôi ngồi xuống sàn xi măng nhớp nháp, tay sưng vù vì bị trói lâu, bàn chân vết thương sâu hút vẫn còn ứa máu. Chị quản ca bắt giọng hát:

"Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng..."

Cả phòng giam nữ cất tiếng hát theo, tiếng vỗ tay đều làm nhịp. Ngoài song cửa, cán bộ giám thị tù qua lại. Vì có tôi là tù mới nên chị trưởng phòng đứng ra đọc lại "mười điều qui định" của trại giam cho tất cả nghe. Xong chị đúc kết:

— Bà lớn bà nhỏ nào vô đây là mỗi tuần cũng phải xách nước dội phòng và quét cầu tiêu mỗi ngày. Mày với vô, nhưng là tù chính trị phải "biệt giam". Tới giờ ăn cơm ai đi ra ăn thì đi, còn mày ngồi đó có tao đem về.

Chị cao giọng :

— Có ai còn giấu cái lon nào không, cho nó một cái!

Có người đưa ra cái bị ni-lông cũ, chị gật đầu cầm lấy quăng về phía tôi.

Tôi đang ngồi, thình lình thấy mẹ thấy Sinh thấy ông Paul thấy xơ Hạnh, mọi người đi trước mặt tôi nhưng cứ đi xa xa. Cổ họng khát khô khốc, tôi há miệng chờ giọt nước mà không có, định kêu mẹ thì bỗng nhiên tất cả mọi người xung quanh tôi lần lượt nhào lộn, đầu quay xuống đất: xơ Hạnh đi bằng cái đầu lần tới chỗ tôi, mẹ quơ quơ hai chân lên trời, anh Sinh, ông Paul ai nấy đều chúc ngược đầu xuống đất, hai chân dựng đứng siết chặt một

vòng bao quanh lấy tôi. Rồi, từ đâu những cụm mây to lừ đừ tuôn tới đập vào mắt vào mũi, xung quanh bỗng tối sầm, tôi đưa tay ra đỡ thì bỗng ngã vật xuống đất. Một sức mạnh nào tự dưới đất đạp tung tôi lên; từ từ như có một bàn tay đẩy, người tôi tới tới sắp đập mạnh vào trần nhà. Tôi thét lên lấy hai tay đấm vào ngực thụp thụp mong kéo trì mình xuống. Bỗng tôi rớt đánh phịch xuống, người cong lên, chân tay co giật. Tôi thở mạnh một hơi dài, thế là cái êm ái tự đâu ùa tới. Dưới lưng tôi là tấm đá trên ghềnh biển tôi hay ngồi mát lạnh, từng con sóng dạt dào dào dạt tự khơi xa, sóng này sóng kia nối tiếp tưới mát lên mặt lên người lên linh hồn tôi.

Chuyển được con nhỏ điên ra khỏi phòng đi nhà thương điên, lộn xộn chạy qua chạy lại nãy giờ mệt đừ, chị trưởng phòng ngáp vặt, chỏ miệng sang chọc bà Năm Á:

— Ác như bà mà cứ sống hoài không chết hả?

Bà Năm ngồi lạnh lùng nhìn hoài vào cái vệt sáng yếu ớt hắt qua từ lỗ nhỏ trên trần.

Phòng giam tối mờ mờ, mặt mày ai nấy cũng nhợt nhạt.

Chị trưởng phòng dài giọng :

— Cái hồi bà đốt ổng ra sao, kể nghe chơi bà Năm.

Cả phòng yên lặng không tán thưởng cũng không can dự. Bà Năm hai mắt đỏ rực như sắp lên cơn, hai tay nắm cái lai quần rách giựt giựt.

Bà Tàu già nằm cạnh vượt biên bị bắt nhốt với thằng con nhỏ, khi bỏ nhà đi không khóa cửa, ba thằng hàng xóm yêu ma trèo qua tường viết lên vách: "V.C. là đồ ăn c..." Thuyền đi ba ngày liệt máy, quay vô bờ, bà lãnh cái án "phản động".

Ai nấy bó gối ngồi bất động, chỉ có mấy đứa tù con gái là còn hăng "nhúc nhích":

— Xích qua một chút mày, xê qua cho tao "dãn cái gân chưn" chút coi.

— Mày cho tao dựa cái vách chút.

Chị thợ may, can tội may cờ cho đảng Phục Quốc, can ra:

— Hai em đừng làm ồn, mụ trưởng phòng chửi chết !

Chị trưởng phòng không chọc được bà Năm đang dựa lưng vào vách thiu thiu chợp mắt bỗng choàng vậy vì tiếng gãi soàn-soạt rồi tiếng cãi nhau của mấy người giành nhau để mũi vào "lỗ thông hơi" gần cửa.

"Xì" một tiếng thiệt dài, chị chửi đổng :

— Tổ cha nó, mới sáng ra, tống ra được một đứa rồi, ức hiếp gì mà còn than chật! Đứa nào ham thở đi theo nó vô nhà thương điên mà thở!

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

Đoạn VIII

Một vụ vượt ngục và công tác chuẩn bị ra Bắc

Tháng Sáu năm 1968, chúng tôi tiếp tục theo dõi diễn biến của Hội Nghị Ba Lê. Chưa bao giờ chúng tôi nhận thấy tình hình đất nước liên quan mật thiết đến số phận của chúng tôi bằng lúc này. Mỗi buổi chiều, những người lao động ở ngoài về thường xúm quanh lại những người làm việc ở nhà :

— Hôm nay có gì mới không ?

Nhưng vì không được cán bộ phổ biến tin tức đầy đủ, chúng tôi chỉ biết bốn bên đang thảo luận về việc nên ngồi quanh một chiếc bàn vuông, bàn tròn, hay bàn dài trong phòng họp, và Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ được cử làm Trưởng Phái Đoàn của Việt Nam Cộng Hòa. Khi chúng tôi biết sự việc đó, Tuy lắc đầu :

— Gay go thật! Chỉ có mỗi một cái bàn họp mà thảo luận mãi không xong.

Tuy nhiên, dù không có đủ yếu tố để nhận định tình hình một cách chính xác, chúng tôi vẫn hi vọng vào kết quả của Hội Nghị, với những suy luận có phần chủ quan :

— Một khi đã đồng ý vào bàn họp, thì có lẽ bốn bên đã thỏa thuận với nhau về một số điểm căn bản từ trước rồi.

Chúng tôi đang ở trong tình trạng chờ đợi ấy, thì một buổi sáng, khoảng tám giờ, trong lúc đang ngồi dịch mấy tờ khai báo hộ cho Thuần, tôi bỗng thấy ông Minh hiện ra ngoài khung cửa sổ. Vẫn chiếc áo đen dài, đôi mắt tinh anh trong khuôn mặt gầy rắn rỏi, và chiếc mũ nồi đen trên đầu. Ông ghé sát vào chỗ tôi ngồi, thì thầm :

— Nếu tôi được về sớm, ông có nhắn gì cho gia đình không ?

Như vậy, có nghĩa là ông sắp vượt ngục, bởi vì tôi tin rằng chưa có việc phóng thích phạm nhân trong lúc này. Câu hỏi của ông lại đột ngột quá, nên tôi chỉ kịp trả lời :

— Tôi chỉ mong nhà tôi cố gắng làm ăn, nuôi dạy các cháu cho nên người. Tôi tin tưởng có ngày sẽ được trở về. Còn cuộc sống ở đây, ông đã rõ. Chỉ cần trấn an gia đình tôi, để khỏi lo nghĩ về tôi nhiều quá.

Ông Minh bước đi ngay sau câu nói của tôi. Ông cầm một cái rựa, bước về phía hàng rào, ở một chỗ vắng vẻ, gần mấy hố xí. Kéo hai thanh tre xếp chéo cho rộng ra, ông đặt chân vào thanh tre buộc vào chiều ngang hàng rào, và nhẹ nhàng nhảy ra ngoài. Tôi vội vàng thay đổi chỗ ngồi, hướng về phía sân trong, để về sau, khi sự việc được phát hiện, thì sẽ khai rằng tôi không thấy gì cả.

Gác bút xuống, tôi suy nghĩ về biến cố vừa xảy ra. Thế là ông Minh cương quyết vượt ngục và không rủ tôi cùng đi, sau khi tôi ngỏ ý chờ đợi kết quả của cuộc hòa đàm. Tại sao ông hành động gấp rút như vậy? Ông có được tin gì mới chăng? Chắc không phải như thế, bởi vì nếu có tin gì, ông đã cho tôi biết. Hay ông muốn trở về Huế gấp để góp phần hoạt động vào diễn biến mới của thời cuộc? Nhưng ông vốn không tin tưởng vào Hội Nghị Ba Lê... Dù động lực nào đã thúc đẩy ông bạn già muốn sớm trở lại môi trường cũ, tôi cũng rất khâm phục tinh thần dũng cảm và tính tháo vát của ông. Ông vốn là một người bền chí đấu tranh từ nhiều năm nay, và trải qua nhiều bước gian truân trong cuộc đời chính trị. Tôi thành thực mừng cho ông, và cầu nguyện cho ông thành công trong chuyến vượt ngục. Tôi hài lòng về biến cố mới xảy ra, dù biết chắc rằng hành động của ông sẽ ảnh hưởng xấu đến chúng tôi, những người còn ở lại.

Gió lốc bỗng nổi lên, báo trước một cơn mưa lớn. Tôi lo ngại nhìn bầu trời thấp, với những đám mây dày xám xịt, và mong trời đừng mưa, vì mưa sẽ gây khó khăn cho chuyến đi của người bạn vong niên. Nhưng những đợt gió liên tiếp xoáy mạnh vào cây cổ thụ trong sân trại giam, và những đám bụi mù tung vào hội trường. Rồi cơn mưa ập đến, đột ngột và hung bạo... Tôi chán ngán nhìn những hạt mưa lớn hắt mạnh vào tấm phên mỏng, cạnh chỗ tôi ngồi, và ái ngại cho người bạn tù, giờ đây không biết đang trú ẩn nơi đâu, và đang xoay xở ra sao để tìm đường về mà không gặp rủi ro.

Tôi không viết được gì nữa, nhưng vẫn bình tĩnh ngồi trước tờ giấy trắng, như không có việc gì xảy ra.

Những phạm nhân lao động ở ngoài rừng, vì mưa lớn, không tiếp tục công việc được nữa, đã lục đục trở về. Họ cất dụng cụ và chuẩn bị nghỉ ngơi hoặc ăn trưa. Ở trại này, khẩu phần buổi trưa được phát luôn vào buổi sáng. Có người đã ăn hết từ sáng sớm, có người để dành lại chút ít, một củ sắn hay một mẩu khoai để ăn dặm

vào buổi trưa, với hi vọng lừa gạt cơn đói. Họ tụm năm tụm ba trao đổi vài câu chuyện bâng quơ, nằm nghỉ trên sạp, hay đan lát, khâu vá, những công việc riêng tư mà họ tranh thủ làm trong những lúc rảnh rỗi. Cho nên ở trong tù, phạm nhân rất mong trời mưa, vì khi mưa thì được nghỉ lao động. Chưa có ai để ý đến sự vắng mặt của ông Minh.

Tôi vừa nằm nghỉ được một lát, sắp trở dậy ra hội trường làm việc, thì bỗng thấy Tuy đứng ở cửa phòng, hỏi vọng vào :

— Các anh có thấy anh Minh đâu không ?

— Không thấy anh ấy vào đây.

Tuy vội vã bỏ đi, bước ra sân, nhớn nhác tìm quanh, tạt qua bệnh xá, xuống nhà bếp, rồi đi thẳng ra suối.

Chúng tôi đứng nhìn Tuy tất tả chạy đi, không ai nói với ai một lời. Ngoài tôi ra, có lẽ không ai biết ông Minh đã trốn đi từ sáng sớm.

Tôi thong thả bước ra hội trường, ngồi chăm chú dịch mấy trang khai báo, làm như không chú ý đến biến cố vừa xảy ra, nhưng vẫn lắng tai nghe ngóng, và thỉnh thoảng nhìn ra sân, theo dõi các hoạt động bên ngoài.

Mấy phạm nhân gầy yếu tiếp tục đan lát ở phía bên kia sân, cúi mình trên tấm cót dài, trên mấy cái rổ, rá. Chốc chốc ngẩng đầu lên, dò xét, và thì thầm trao đổi ý kiến. Trong đời sống lao tù, các vụ vượt ngục không hiếm, nhưng mỗi lần xảy ra, cũng làm cho mọi người xôn xao bàn tán. Công khai nói ra — thành thực hay không thì không ai rõ — có người cho rằng không thể nào trốn thoát khỏi trại giam, vì khó mà lọt qua tai mắt của mạng lưới "tình báo nhân dân". Có người lo ngại về những hậu quả tai hại đối với những ai còn ở lại: sự canh phòng sẽ chặt chẽ hơn trước, sự đi lại sẽ bị hạn chế hơn nữa, và cuộc sống chung sẽ khó khăn hơn. Có người lớn tiếng phê bình, đả kích người vượt ngục, với dụng ý tỏ cho cán bộ biết mình tôn trọng nội quy của trại "an tâm cải tạo" và luôn luôn tin tưởng vào "chính sách khoan hồng của Cách Mạng". Cũng có khi chính những người đã từng lộ liễu và hăng hái bày tỏ lòng trung thành với "Cách Mạng", sau đó, lại vượt ngục. Nhưng trong thâm tâm, ai cũng tán thành, đôi khi khâm phục người đã có can đảm ra đi.

Vẫn chưa có một tin tức gì về cuộc truy lùng, trời càng về chiều, tôi càng hi vọng: trận mưa giông tuy lớn, nhưng rất ngắn, có lẽ ông Minh đã đi thoát, đã đi khá xa rồi, cán bộ, bộ đội không tìm bắt lại được. Về sau, tôi được biết rằng, ngoài Tuy ra, mấy người bộ đội đã phân tán ra các ngả đường, đuổi theo kẻ đào thoát. Tôi khấp khởi mừng thầm, mỉm cười nghĩ đến bộ mặt rầu rĩ của Tuy khi đành chịu thất bại, không tìm ra tung tích người vượt ngục.

Bỗng tôi thấy mấy người ngồi ngoài sân đồng loạt đứng dậy, và chạy về hướng nhà bếp. Tôi vội vàng bước ra khỏi hội trường: Tuy và hai người bộ đội áp tải ông Minh từ con đường nhỏ dưới suối đi lên. Trong chiếc áo mưa bằng cao su đen bóng và đôi ủng cao cổ, mà ông thường dùng, ông có vẻ mệt nhọc, nhưng nét mặt vẫn bình tĩnh, không để lộ một xúc động nào.

Ông được đưa vào phòng ngay. Phòng của ông cũng là phòng kỷ luật, có cùm để cùm chân những phạm nhân vi phạm nội quy. Thấy chúng tôi còn tụ tập ở đó, Tuy khoát tay :

— Các anh trở về vị trí, tiếp tục lao động.

Chúng tôi vẫn chần chừ đứng lại, và khi lững thững bước đi, tôi nghe vọng lại tiếng dùi cui dồn dập đóng mạnh xuống chiếc cùm sắt, và tiếng chiếc cùm rít lên ghê rợn như một niềm uất hận bị đè nén mãi vẫn không tha. Trên con đường trở lại hội trường, tôi băn khoăn lo ngại cho bạn, và quên nghĩ rằng tôi đã gặp may khi không cùng bạn vượt ngục.

*
* *

*M*ột buổi sáng, Tuy đến gọi các anh Tứ, Lộc và tôi :

— Các anh sắp được chuyển trại. Lần này phải đi xa. Mà các anh cứ ngồi nhà mãi như thế này, chân yếu, nên ban giám thị cho phép các anh, hằng ngày, được tập đi để cho quen dần. Bắt đầu từ hôm nay, tôi dẫn các anh ra con đường nhỏ phía sau trại, các anh sẽ trèo dốc, xuống dốc cho cứng chân.

Chúng tôi sửng sốt, vì cứ đinh ninh rằng sẽ lưu lại trại này cho đến khi có một biến chuyển mới, do kết quả của Hội Nghị Ba Lê. Nay phải rời đi, mà đi xa, nên chúng tôi không khỏi lo ngại :

— Như thế này là thế nào ?

— Hay là Hội Nghị Ba Lê tan vỡ ?

Không ai đưa ra một câu trả lời rõ ràng: chúng tôi cần phải suy nghĩ thêm về quyết định mới này, và cố gắng tìm kiếm thêm một số tin tức liên quan đến nó.

Tôi nói với Tứ :

— Có lẽ Đệ không cùng đi với chúng ta.

— Có lẽ thế.

Đệ không thuộc nhóm ba người chúng tôi. Sau mấy ngày khai báo, anh sung vào các tổ, đi lao động ở ngoài; có khi anh xung phong đi cùi gạo từ các trại khác về. Hình như anh không được xếp vào loại phạm nhân chính trị như Tứ, Lộc và tôi. Nhưng còn ông Minh? Tôi đoán rằng ông sẽ cùng chuyển trại với chúng tôi. Có lẽ tôi chủ quan, muốn được gần gũi ông bạn già.

— Nếu ông ấy sẽ cùng đi với chúng ta, tại sao ông không cùng

"tập đi"? Tứ hỏi lại. Nhưng mà đi xa là đi đến đâu ?

— Có lẽ đi ra miền Bắc ?

— Từ đây ra đến vĩ tuyến 17, cũng không xa. Chúng mình có thể ra miền Bắc lắm.

Đã hơn một tuần, ngày nào chúng tôi cũng tập đi như thế. Một hôm, Tùng, cán bộ y sĩ của trại, đến dẫn chúng tôi đi. Anh học y khoa ở Hà Nội, vào Nam chưa lâu, vui tính và hay trò chuyện. Lợi dụng một lúc ngồi nghỉ chân dưới bóng cây, chúng tôi tỏ ý lo ngại về tình trạng sức khỏe, rồi nhắc đến vụ chuyển trại. Tùng cho biết anh sẽ cùng đi với chúng tôi.

— Nhưng đi đến trại nào, tôi hỏi.

Người y sĩ úp mở trả lời:

— Đi đến một nơi có cuộc sống thoải mái, không thiếu một thứ gì.

Hiểu rằng Tùng không muốn tiết lộ địa điểm của trại mới, chúng tôi không hỏi thêm nữa và nói sang chuyện khác. Lúc tập đi trở lại, cách xa chỗ Tùng ngồi, Tứ suy luận:

— Nếu trại mới ở một nơi không thiếu một thứ gì, thì chúng ta sẽ không ở những vùng rừng núi "khỉ ho cò gáy nữa".

Tôi nói đùa:

— Đúng. Nhưng chỉ có miền Nam là nơi không thiếu một thứ gì.

*
* *

*M*ột tuần lễ sau, mấy phạm nhân trong tổ đan lát chuẩn bị vót tre, vót mây để đan một cái võng. Họ không biết đan để làm gì, chỉ được lệnh phải hoàn tất công tác gấp. Cán bộ thường xử dụng võng để ngủ trong nhà hay ngoài rừng. Dùng võng rất tiện lợi, vì dễ mang đi theo, đỡ tốn chỗ khi ngủ trong nhà chật chội hay trong hầm địa đạo. Khi đi rừng nằm võng được êm và sạch sẽ hơn là đám lá cây trải trên mặt đất gồ ghề. Nhưng họ thường dùng võng ny lông nhẹ gọn, và dễ cho vào ba-lô, chứ không dùng võng đan bằng tre, nặng, cồng kềnh, vì không gấp lại được. Chúng tôi không lưu ý mấy đến việc này, vì cho rằng nó không liên quan đến chúng tôi.

Năm hôm sau, Tuy đem đến cho chúng tôi mỗi người một cái võng ny lông, một đôi giầy bộ đội bằng vải, đế cao su, một cái nón lá, và một tấm vải nhựa dùng làm áo mưa. Không nghi ngờ gì nữa, chúng tôi sắp ra đi; chiều nay, chỉ cần xem nhà bếp nấu cơm như thế nào là xác định được. Nếu họ chuẩn bị cơm, hay sắn, cho chúng tôi mang đi theo, thì chắc chắn mai sẽ lên đường. Nhưng không cần chúng tôi hỏi, Tuy nói ngay:

— Các anh chuẩn bị. Mai có thể đi.

Chúng tôi đoán rằng trại chưa có thể ấn định ngày đi một cách chắc chắn, vì còn phải xét tình hình chiến sự: chẳng hạn, nếu có một cuộc hành quân của quân đội Việt Nam Cộng Hòa trên lộ trình trong vùng lân cận thì chưa thể lên đường được.

Tối hôm đó, khi xếp bộ quần áo duy nhất ngoài bộ quần áo đang mặc vào cái xách tay, tôi chợt cảm thấy lòng mình bồi hồi xao xuyến. Tôi sắp rời bỏ trại này, dù sao cũng đã trở thành quen thuộc để đến một nơi xa lạ. Tại đó cuộc sống sẽ ra sao, và ngày nào sẽ trở về? Càng đi xa, có lẽ càng khó trở về hơn. Và có phải Hội Nghị Ba Lê đã bị đình hoãn, hay đã thất bại, chúng tôi không thể ngồi đây mà chờ đợi nữa, nên phải chuyển đến một địa điểm khác, để rồi ở lại đó trong một khoảng thời gian dài hoặc không hạn định?

Tôi rất tiếc ông Minh sẽ không cùng đi với chúng tôi. Trong lúc hoạn nạn, tìm được một người bạn hiểu mình có thể tin cậy được, không phải là chuyện dễ. Thiếu ông, tôi thấy thiếu rất nhiều: trong cuộc tranh đấu liên tục và đa dạng giữa cộng sản và chúng tôi, tôi sẽ mất một chiến hữu can trường và nhiều mưu lược. Hai hôm trước, ông đã được chấm dứt thời hạn thi hành kỷ luật, và trở lại lao động trong tổ đan lát. Ông đã khai rằng ông ra đi bằng con đường ven suối, chứ không phải vượt qua hàng rào, có lẽ để cho cán bộ không tăng cường canh gác ở phía đó, và ông có thể dùng lại con đường ấy cho một dịp vượt ngục khác. Hôm đó, vì mưa to, ông không thể tiếp tục đi, và đã ẩn nấp trong nhà một đồng bào Thượng. Chính gia đình này - do Việt Cộng tổ chức để làm tình báo - đã báo về trại, và cán bộ, bộ đội đã đến tìm ông tại ngôi nhà này.

Để giải quyết vấn đề lương thực, ông đã viện cớ đau răng, hàng ngày xin muối để ngậm cho sát trùng, và dần dần tích trữ được một ít. Hôm từ Huế ra đi, ông có đem theo một số tiền. Ông đề nghị với cán bộ mua một con gà và một ít nếp của một can nhân, để cúng giỗ cho một người vị hôn thê không bao giờ cưới, nhưng ông vẫn xem như vợ mình. Câu chuyện đó không biết có thực hay không - ông vẫn sống độc thân cho đến tuổi già - nhưng đó là lý do ông đưa ra để có thể mua thực phẩm mang đi theo hôm vượt ngục.

Tôi chua xót nghĩ rằng tôi sẽ không thốt ra những lời từ biệt mà tôi muốn nói và phải nói. Tôi chỉ có thể nói với Hoàng và Trung, cốt để ông Minh nghe được:

— Các anh ở lại. Mai tôi đi. Chúc các anh học tập và lao động tốt để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Sau mấy lời ngắn ngủi với Hoàng và Trung , tôi lấy một đôi đũa tre do một người bạn tù tặng trước đây, chuồi qua tấm liếp để biếu người bạn già. Tôi chẳng có gì khác để trao cho ông làm kỷ niệm, nhưng đũa tre cũng khó kiếm, vì phạm nhân không được lấy

tre của trại mà vót đũa. Vả lại, không có dao để vót, nên chúng tôi phải bẻ cành cây làm đũa.

Tiếng ông Minh nhỏ nhẹ lọt qua tấm phên:

— Thâm tạ.

Rồi ông ngâm hai câu thơ Đường để an ủi tôi:

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ thùy nhân bất thức quân.

Ông vốn thích thơ và làm thơ khá nhiều. Trên con đường dài dằng dặc của những lần chuyển trại, ông sáng tác khá nhiều bài. Tôi còn nhớ hai câu mô tả một chuyến đi xuyên rừng, và đêm phải ngủ lại ngoài trời:

Ngày đi lọng lá, tàn cây phủ
Đêm ngủ màn trời, chiếu đất che.

Để diễn đạt nỗi buồn của một người sắp xa bạn, tôi cũng tập Đường thi, đọc cho ông nghe:

Bắc xuất biên thùy vô cố nhân.

Cùng một lúc, tôi linh cảm rằng, trong hoàn cảnh bi đát của chúng tôi, chia tay rất có thể là vĩnh biệt.

Trung nói mấy lời giã từ đơn giản. Với những cử chỉ quyến luyến, Hoàng lo lắng cho tôi, dặn dò cách thức đi đường, và ngỏ ý ái ngại cho một ngày về không hạn định. Nhưng rõ ràng, trước mắt Trung, anh không thể bày tỏ cảm tình một cách đầy đủ, và một lần nữa, tôi nhận thấy, trong các tự do bị mất trong chốn lao tù, có cả tự do biểu lộ tình cảm đối với người cùng cảnh ngộ.

Kỳ sau : Trên đường ra Bắc

Nhà xuất bản *Văn Nghệ bắt đầu in* **Võ-Phiến toàn tập** gồm 18 cuốn, mỗi cuốn từ 300 đến 500 trang.

Cuốn đầu tiên là :

TÙY BÚT 1

Một công trình như thế chắc chắn còn lâu mới có dịp tái bản. Vì vậy để có đủ trọn bộ, khỏi hụt mất cuốn nào, bạn đọc có thể đặt mua ngay từ lúc này.

Thư từ và ngân phiếu xin đề :

Ông Võ-Thắng-Tiết
15551 South Pasadena Ave #A
Tustin, CA 92680

SINH HOẠT VĂN NGHỆ ĐÓ ĐÂY

SINH HOẠT VĂN NGHỆ TẠI GIA-NÃ-ĐẠI, TỪ TORONTO VỀ MIỀN TÂY

*H*ai tháng trước đây, ông thi sĩ *Ngọn Cỏ Bờng* ngôn rằng "văn nghệ ở Gia-nã-đại là... đồ bỏ." Tôi tin thi sĩ nói thật. Mà có thể chàng nói chơi. Chân chân giả giả. "Văn nghệ quận Cam cũng đồ bỏ." Mệnh đề sau có cái gì trúc trắc trục trặc. Xứ Nam Cali là nơi địa linh nhân kiệt (nói như vậy, không có nghĩa là Bắc Cali không có anh hào đâu nhé) ít ra cũng đã phát sinh được hai tờ báo thơm như hai múi mít tố nữ, là *Văn* và *Văn-Học*. Sao lại bảo là... đồ bỏ? Không lẽ thi sĩ muốn ám chỉ các *nhà* văn nghệ, không phải *báo* văn nghệ? Nếu như vậy, tôi để thi sĩ lãnh vạ một mình, tôi đi chỗ khác chơi.

Cái "chỗ khác" đó, xin loanh quanh trong mớ "đồ bỏ" bên này.

Từ Tây sang Đông, nhập khẩu Vancouver ở miền viễn tây xong, chặt cua 90 độ, băng qua rặng Rocky Mountains, ghé Alberta, đã thấy *Bình Minh Câm* mọc ngạo nghễ trên những giếng dầu hỏa. Ngạo nghễ thiệt đó, đài BBC có nói rõ ràng. Nguyễn-đức Bạt-Ngàn vốn là bạn thơ, không phải bạn nhậu, nên có bốc nhăng nhau một tí trong tinh thần tương thân tương... bốc, chắc cũng chả sao! Từ Alberta, lại mở đường đông tiến, ngang Saskatchewan và Minatoba, tới Winnipeg, trung thổ Gia-nã-đại, vựa lúa của cả Bắc Mỹ lẫn... Nga sô. Toàn là lúa mì. Bát ngát lúa mì. Lái xe đi suốt ba ngày ba đêm, tầm mắt vẫn chưa thoát khỏi màu vàng ối rơm rạ. Không thấy phố. Không thấy nhà (cũng không thấy mưa sa trên màu cờ đỏ). Cây xăng thì 80 cây số mới có một trạm, nhỏ bằng bàn tay, và thường thì... đóng cửa.

Giữa cái biển lúa mênh mông ấy có một thành phố nhỏ. Giữa thành phố nhỏ có một xóm Việt Nam lau nhau như thường lệ. Và trong xóm nhỏ ấy, tất phải có một nhà thơ. Trong mỗi người Việt

Nam, nếu không có một ông quan, tất có một nhà thơ. Trong số bao nhiêu là nhà thơ xóm nhỏ, tất phải có một nhà thơ lớn, người đó là tác giả *Ngày đi thương sợi khói bên nhà,* Lâm Hão Dũng, một "tầm vóc" có hạng. Lâm thi sĩ chỉ *thương* sợi khói ở bên nhà thôi. Khói bên này là một tai họa. Nhớ nhà châm điếu thuốc, rồi quăng tàn bậy bạ vào biển lúa, tù như chơi.

Đấy đấy, thưa thớt quá phải không? Đi hai ngày trời mới gặp được hai nhà thơ. Lại đi thêm nữa vậy, thêm tí ti nữa thôi là tới Ontario, tỉnh đông dân nhất nước. Vào thủ phủ Toronto (các ông *con trời* gọi là Tố-luân-tố) mới thấy Gia-nã-đại đông dân di cư. Trong cái khối hỗn mang ba triệu nhân loại này, có tới 800 ngàn anh chị Xì-pa-ghét-ti, 800 ngàn dân Tây Đức, còn lại thì hầm-bà-lằng Nga, Ba lan, Hung, Tiệp, Bảo, Nam tư, Bồ đào nha, Tây ban nha, Ấn độ, Hồi, Tạng, Tích lan, Phi luật tân, Cao ly, Nhật bổn, Con trời và An-nam-mít (đặc: ba chục ngàn).

Ở đây có thi nhạc sĩ N.D. Phan Ni Tấn là chì. Người họ Phan cứ nhất định không chịu giải thích N.D. là cái giống gì viết tắt. Bằng hữu có người lấy làm ức, phịa đại là "ngọc dương" (ngọc của dê, một món ăn bổ dưỡng còn hơn cả *ngầu-pín).* Sau ba mươi tám năm ở vậy làm thơ mà không cần gãi..., chàng đã chịu phép, tiểu đăng khoa xong, mặt mày lúc nào cũng hí hởn. Một người hí hởn nữa là *Nước Đục* Nguyễn Ngọc Ngạn, cây bút viết hung và hăng nhất thế kỷ (mặc dù tác phong lại chẳng hung hăng tí nào). Một Lỗ Tấn của xứ tuyết đấy. Các bà các cô đọc xong câu nào dẩy nẩy câu nấy, đọc tới dòng cuối lại thẫn thờ hỏi nhỏ: "Bao giờ thì in thành sách?"

Cây bút lông minh họa số 1 của Toronto là lão tướng Nguyễn Nhật Tân, vừa vẽ, vừa dịch *Thạch Kiếm.* Nhạc gia, bất khả tư nghị, xin phép thông quá.

Đời sống Tố-luân-tố tương đối an ninh. Lâu lâu Mít ta cũng có bùm nhau rai rai, lụi sơ vài nhát, quẳng nhau xuống lầu, xô vô xe điện v.v... Nhưng lai rai thôi, gọi là để đóng góp chút đỉnh tin tức với báo địa phương cho phải đạo ăn nhờ ở đậu. Mà đó cũng là chuyện ngày xửa, ngày xưa, cách đây vài ba năm rồi.

Báo Mít ở đây có 7 tờ ra thường xuyên, ba tờ bất định kỳ. Có hai điểm đặc biệt: một là không hề có tờ *tabloid* nào sống nổi (có mỗi tờ Sài gòn Thời báo sau đổi thành tạp chí *Làng Văn).* Hai là các báo rất thương yêu và đoàn kết. Thương cho roi cho vọt ghét cho ngọt cho bùi. "Roi vọt" thì thỉnh thoảng vẫn mang biếu xén nhau rất chí tình. Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết. Chưa có báo nào chết, chứng tỏ là có đoàn kết, dù chặt, dù lỏng. Âu cũng là hỉ sự

Ở đây cũng có văn nghệ văn gừng, thường lắm. Hầu hết là nhảy đầm. Quen nói là nhảy "đầm", chứ thực ra là Mít mình nhảy

với nhau, có khi mạnh ai nấy nhảy. Nhảy kiểu gì cũng được, miễn là có cục cực, nhúc nhích, giật giật cái tay, co co cái cẳng. Càng mau càng tốt. Càng mạnh càng... nghệ thuật. Sinh hoạt trình diễn tương đối hiếm, xuân thu nhị kỳ (30 tháng 4 và Tết). Năm ngoái có bố già Phạm Duy mang *Hoàng Cầm ca* qua hát nhân dịp sinh nhật *Làng Văn*. Bà con chịu nghe lắm. Mới đây, Toronto lại có thêm một giọng ngâm ngất ngây con tàu đi, là Tôn nữ Lệ Ba, vừa dọn kìm búa nha khoa về đây hành nghề. Tuy nhiên, răng đồng bào, Tôn nữ đã bẻ lai rai, còn ca ngâm, chưa có dịp trổ tài. Trước đây có một gánh cải lương, sau theo truyền thống cha rồng mẹ tiên, tách ra làm hai, rồi âm thầm hoạt động luôn, ít khi ra mắt. Có một đoàn du ca, và thêm một toán du ca. Đoàn với toán hình như không "ăn rơ", nên hè nhau giải nghệ, đổi sang nghề khác.

Chuyện nghe thì nhiều, kể lại cũng chẳng bao nhiêu. Bằng hữu đã nhất định lục vấn, ta cũng xin tạm thưa-thốt đôi lời. Từ phía Montréal kéo về đông, xin nhường cho nhà thơ họ Đỗ ra tay vậy.

Nguyễn Hữu Nghĩa

NHẮN TIN VĂN HỮU

Vũ Quỳnh Hương, San Jose CA : Văn Học rất vui khi nhận được hai bài thơ của Vũ Quỳnh Hương. Đã đăng bài Trăng ở Halfmoon Bay ở số này. Bài Thư gửi người yêu cũ sẽ đăng trên số sau. Mong nhận được truyện ngắn.

Nguyễn thị Bạch Yến , Phi luật tân : Hai người đàn bà không quê hương giản dị và cảm động. Sẽ đăng trên VH số sau.

Hồ đình Nghiêm, Québec, Canada: Ảo Mộng sẽ đăng trên Văn Học số 7. Chắc anh đã nhận được thư VH trình bày về những chỗ đề nghị anh thay đổi đôi chút. Mong nhận được thêm truyện của anh.

*Lê Diệp Cẩm, Paris :*Thằng Cuội của anh đã đến, không kịp đi số này nên xin chuyển sang số sau. Mong có dịp anh qua Hoa kỳ để biết mặt nhau.

Ngu Yên, Little Rock : Thuật ký pháp của thơ hoãn mãi chắc N.Y đợi. Những bài như vậy phải chờ để đăng chung với một số bài khác về thơ nên hơi chậm. Chờ thơ mới của N.Y. Cho gửi lời thăm Phụng.

Nguyễn Hữu Nghĩa, Canada : Vào Cõi Hồng Trần xin hẹn số sau, vì số này đã có quá nhiều bài điểm sách. Đọc thú lắm.

Thầy Phạm Việt Tuyền, Pháp : G đã nhận được phần thứ hai bài Các bạn trẻ trước truyền thống dân tộc qua không thời gian của Thầy. G. rất băn khoăn vì bài quá dài, đăng nhiều kỳ có điều bất tiện . Xin Thầy cho biết ý kiến về việc có thể chuyển cho các nhà

xuất bản hay không.

Đặng Phùng Quân, San Antonio : Đã nhận được truyện Thành phố gió của H.S.T. Sẽ có thư riêng và gửi báo theo địa chỉ anh cho. Bài thơ đã đi trên số này.

Trần Văn Tích, Tây Đức : Chưa nhận được bài trả lời phỏng vấn của anh. Đã chuyển bài Y tế Việt cộng cho VNTD. Chắc anh vẫn nhận được báo đều đặn.

Các anh Phan Ni Tấn, Phan Cung Nghiệp, Quốc Nam : Đã nhận được thơ. Bận quá không viết thư riêng cho quí anh được, mong thứ lỗi.

Mộng Hoàng Hoa, San Diego : Cảm ơn anh đã gửi cho tài liệu quí về hoạt động của kinh tài VC. Nhất định là bên VNTD sẽ khai thác vụ này. Anh gửi thừa tiền mua báo dài hạn. Xin anh cho biết nên ghi vào số báo dài hạn, hay nên hoàn tiền lại. Thân .

Kiệt Tấn, Paris : ĐÃ viết thư cho anh về Khi nhớ tới Anne Frank. Không hiểu sao VH gửi đường hàng không mà đến anh chậm quá. Số 5 anh nhận được chưa ?

Cáo lỗi : Vì bài vở kỳ này quá nhiều, nên Nguyễn Văn xin ngưng Thời sự văn học nghệ thuật lại một kỳ. Xin cáo lỗi cùng qú bạn đọc.

SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

Trong tháng vừa qua, Văn Học nhận được các sách báo do các bạn văn và bạn đồng nghiệp gửi tặng :

* *Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ, tập truyện ngắn của Vi Khuê :* do tác giả xuất bản tại Hoa Kỳ tháng 7.1986, gồm 10 truyện ngắn chọn lọc của tác giả *Cát Vàng*. Sách dày 184 trang, in và trình bày trang nhã công phu, giá 7.00 Mỹ kim.

* *Chính Ca, thơ Bắc Phong, do Đông Tiến xuất bản,* tập thơ tranh đấu của nhà thơ lấy ngòi bút làm vũ khí đấu tranh chống cộng sản ,dày 116 trang, địa chỉ liên lạc : Đông Tiến, PO Box 4708 San Jose, CA, 95 150— 4708 USA.

* *Ca dao kháng chiến, Đông Tiến xuất bản.Do Hội Văn nghệ Kháng chiến biên soạn và phát hành. Địa chỉ liên lạc cùng với địa chỉ nhà xuất bản Đông Tiến San Jose.*

* *Cuộc chiến đấu cho một nước Việt Nam Văn Hiến , do cơ sở Bất Khuất ấn hành,* sách dày 124 trang, không đề giá bán. Địa chỉ liên lạc : PO Box 110 Lakemba. NSW. 2195 Australia.

* *Nguyệt san Thế Hệ, tiếng nói của người trẻ tại hải ngoại* :tạp chí văn nghệ dành cho giới trẻ xuất bản tại Houston, đã ra được 4 số. Địa chỉ liên lạc : PO Box 53 298 Houston, Texas, 77052.

* *Viet Hamb,nội san của Hội người Việt tị nạn cộng sản tại*

Hamburg, Tây Đức.

* *Măng Non, tờ báo trẻ Việt hải ngoại :* của Trung tâm thông tin học vụ và nghiệp vụ tại Tây Đức.

* *Thanh Niên Hành Đông số 8,* xuất bản tại Berkeley CA.

* *Các tạp chí đồng nghiệp vẫn thường trao đổi thường xuyên với Văn Học như :* Làng Văn, Lửa Việt, Nhân Văn, Văn, Chiến Hữu,

* *Kinh Thi Quốc Phong, tập 2 và tập 3 bản dịch của Kim Y Phạm Lệ Oanh* : tủ sách Cành Nam xuất bản năm 1986. Kinh Thi Quốc phong được dịch và chú giải cẩn thận do công trình của một nữ sĩ uyên bác Hán học . Mỗi cuốn giá 8.00 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc : Tủ sách Cành Nam, 2607 N. Military Rd, Arlington, VA, 22207.ĐT số (703) 528. 5561.

* *Gã Tị Nạn , tập truyện ngắn của Vĩnh Liêm* :do tủ sách Con Rồng xuất bản năm 1986 tại Washington, USA, gồm 13 truyện ngắn chọn lọc. Tác phẩm thứ mười của tác giả *Tị nạn trường ca. Sách in đẹp, giá 7 Mỹ kim tại Hoa kỳ.*

LONG'S

AUTO CENTER

101 Harbor , Santa Ana, CA, 92 703

(Góc First và Harbor Blvd)

(714) 554 3000 & 554 3001.

VISA

MasterCard

CHÚNG TÔI MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

STATE OF CALIFORNIA
LICENSED
SMOG CHECK
INSPECTION
REPAIR STATION

Chúng tôi nhận sửa tất cả các loại xe
hư hỏng dù nặng nhẹ.(Xin gọi trư
để ước tính giá cả. Free Estimate.)

Giờ mở cửa : 8.30 sáng đến 7.00 chiều
Chủ nhật : 8.30 sáng đến 4.00 chiều.

Lê Đức Long kính mời.
Giá đặc biệt cho khách hàng của LONG'S
AUTO

Văn Nghệ sẽ phát hành
VÀO HẠ TUẦN THÁNG 8.1986
TÁC PHẨM MỌI NGƯỜI ĐANG CHỜ ĐỢI

MÙA BIỂN ĐỘNG
(tập 3)

của nhà văn
NGUYỄN MỘNG GIÁC

** Tập thứ ba trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động từng tạo tranh luận sôi nổi trong hai năm qua tại hải ngoại.*
** Tập truyện tái dựng lại khung cảnh tang tóc bi thương của Huế hồi Tết Mậu Thân*
** Tập truyện mô tả những vụ tàn sát đẫm máu của cộng sản tại cố đô.*
** Tập truyện ghi dấu khúc quanh trong tâm thức giới trẻ tại Huế, thức tỉnh những người còn mơ màng ảo vọng .*

Sách dày gần 300 trang
Nhà Văn Nghệ xuất bản

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ , theo địa chỉ :
Ông Võ Thắng Tiết
PO Box 2301 Westminster, Cali, USA, 92683
Phone : (714) 838 8432

Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THĂM THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: ***(714) 531-5505***

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN

ĐỒNG BÀO TẠI ORANGE COUNTY
Nói tiếng Việt xin gọi số:
(714) 895-6850

ĐỒNG BÀO TẠI LOS ANGELES C
Nói tiếng Việt & Trung Hoa xin gọi số
(213) 738-7327

Ở XA XIN GỌI TOLL FREE 1-800 -531-0020

9061 BOLSA Ave. #205
WESTMINSTER, CA. 92683
GIỜ LÀM VIỆC:
Từ 9:00AM đến 6:00PM
(Thứ Hai đến thứ Bảy)

2024 North BROADWAY #205
SANTA ANA, CA. 92706

2252 BEVERLY Blvd #20
LOS ANGELES, CA.9005
GIỜ LÀM VIỆC:
Từ 9:00AM đến 6:00PM
(Thứ Hai đến thứ Bảy)

One MANCHESTER Bl
INGLEWOOD CITY HALL
INGLEWOOD, CA. 9030

9 LÝ DO
Bị Tai Nạn Phải Tìm Cho Được
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG
SULLIVAN

1. Luật Sư lừng danh khắp nơi vì đã thắng nhiều vụ kiện trên 1 triệu dollar. Đặc biệt trong vụ cháy khách sạn MGM tại Las Vegas ông đã đem về 14 triệu cho thân chủ.
2. Đang thụ lý nhiều vụ kiện lớn như vụ rớt máy bay PAN AM tại New Orleans, KOREAN AIRLINE tại không phận Nga Sô. Riêng đối với cộng đồng Việt Nam, ông đang thụ lý vụ kiện hãng bào chế thuốc dưỡng thai Bendictin, và các vụ tai nạn chết người
3/ Văn Phòng Luật Sư chuyên về tai nạn lớn thứ ba tại California với hơn 40 luật sư và nhân viên công tác,gồm cả những luật sư từng là chánh án, biện lý và công tố viện tại toà án Hoa Kỳ, và 8 văn phòng quốc nội và quốc ngoại.
4/ Kinh nghiệm 18 năm trong ngành luật. Đấu tranh tận tình cho thân chủ tại toà thương thẩm và Tối Cao Pháp Viện.
5. Biệt tài hùng biện trước toà và các cơ quan hoà giải. Uy tín với các hãng bảo hiểm. Mưu lược khi thương lượng để đạt kết quả tối đa.
6. Rất nặng nợ với người Việt Nam. Cựu đại úy Thủy Quân Lục Chiến tại chiến trường Việt Nam. Tưng tham gia các trận đánh lớn và đã giải ngũ với anh dũng bội tinh vì bị thương tại chiến trường biên giới Việt Miện.
7. Là người bạn chân tình của cộng đồng Việt Nam. Phục vụ cộng đồng Việt Nam từ năm 1975 với hàng ngàn thân chủ hài lòng và qúi mến.
8. Là người giúp cho thân chủ được hưởng quyền lợi tối đa khi bị tai nạn.
9. Chỉ nhận thù lao khi thắng kiện.

THAM KHẢO LUÔN LUÔN MIỄN PHÍ

Tiệm Vàng

NHAN THÀNH

Mua, Bán và Sửa đổi
các loại Nữ Trang,
Ngọc Thạch,
Kim Cương, Vàng
24K, 18K, 14K
các loại Tặng Phẩm
và Quần Áo
Thời Trang

Jewelry of Quality

245 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(408) 287-7625

ĐẮC PHÚC

Vietnamese Cuisine

Phone: (408) 297-5517

Open: 10 AM – 9 PM • Closed: MONDAY

198 W. Santa Clara Street, San Jose, CA 95113

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
— Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO

ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

NGỰA HỒNG TRÊN ĐỒI CỎ

VI KHUÊ

Tuyển Tập
Truyện Ngắn

Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ, tuyển tập 10 truyện ngắn nhiều sắc thái khác nhau - tình cảm, tư tưởng, tâm lý xã hội, thời thế, kinh dị ... - đưa độc giả vào thế giới đặc biệt Vi Khuê, ngòi bút nữ nạn nhân chiến tranh, chứng nhân thời đại, một văn phong vô cùng độc đáo

---

Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ phát hành khắp nơi, 1.7.86. Xin hỏi mua tại các hiệu sách gần nhất. Sách để tặng có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về: 1306 S. 28th Street, suite 12, Arlington, VA. 22206 USA, đt. (703)684-7378

Giá : 7 mỹ kim + cước phí xa gần

TỦ SÁCH CÀNH NAM
GIỚI THIỆU SÁCH MỚI
KINH THI

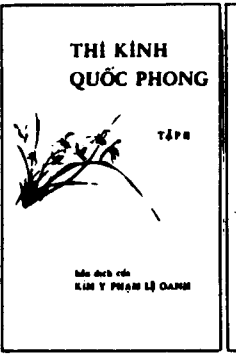

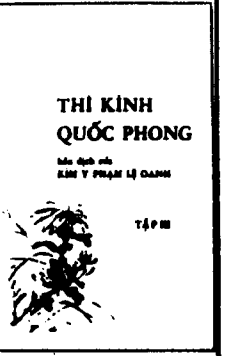

THI KINH (hay nói theo tiếng Việt : KINH THI) là tập thơ đầu tiên của Trung Hoa, một tác phẩm văn học đời nhà Chu (trước Tây lịch kỷ nguyên 1122-247). Theo Khổng Tử thế gia trong Sử ký Tư Mã Thiên thì thơ này trước có tới 3000 thiên, sau Khổng Tử gạn lọc chỉ còn giữ lại có 305 thiên. Sách chia ra làm bốn phần : QUỐC PHONG, TIỂU NHÃ, ĐẠI NHÃ và TỤNG.

KIM Y PHẠM LỆ OANH đã phiên dịch toàn bộ phần QUỐC PHONG (QUỐC là nước, PHONG là ca dao của địa phương) thơ lan truyền từ Chu Nam, Thiệu Nam tới Mân Phong, cả thảy 15 nước. Phần QUỐC PHONG gồm phần dịch, phần chú thích bình giải (phần này căn cứ theo Thi Kinh Tập truyện của Chu Hy, một học giả đời Tống). Tranh bìa và phần chữ Hán trong toàn bộ do họa sư TẠ CHÍ TRƯỜNG CẢM KHẢI. Lời Giới Thiệu của giáo sư NGUYỄN ĐĂNG THỤC, khoa trưởng trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Lời Bạt (nơi tập III) của giáo sư NGUYỄN NGỌC BÍCH thuộc viện Đại Học Georgetown và George Mason vùng Hoa Thịnh Đốn.

Toàn bộ dày 540 trang chia làm ba tập.

Mọi thư từ, ngân phiếu, chi phiếu xin đề:

GIÁ MỖI TẬP : TỦ SÁCH CÀNH NAM

8 Mỹ kim 2607 N. MILITARY RD. ARLINGTON, VA 22207

(thêm 65c cước phí (703) 528 - 5561
hay 94c cho toàn bộ)

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....
Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....
*Sáu tháng.....$13.00 US
*Một năm.....$25.00 US
*Hai năm.....$45.00 US
*Mỗi số .....$2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số.....$2.50 US
Tàu thủy mỗi số.....$1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số.....$3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :
6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....
Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

CHÍNH CA

Thơ Bắc Phong

ĐỒNG TIẾN
P.O. Box 4708
San Jose, CA. 95150-4708
U.S.A.

❀ tuổi hoa

TỜ BÁO CỦA GIỚI TRẺ VÀ TUỔI THƠ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

do các nhà văn, nhà thơ, nhà giáo tha thiết với tuổi trẻ thực hiện

Bài vở chọn lọc kỹ lưỡng, vui tươi, xây dựng, bổ ích
Hình thức trình bày tuyệt đẹp, công phu, với bìa offset 4 màu của họa sĩ Vi Vi

Chủ nhiệm: QUYÊN DI *Chủ bút:* NHẬT TIẾN

*

PHIẾU MUA & TẶNG BÁO DÀI HẠN

• *Xin gửi Tuổi Hoa từ số ..... cho tôi:*

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____ *Điện thoại:* _____

• *Xin gửi Tuổi Hoa từ số ..... cho người được tôi tặng báo:*

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____ *Điện thoại:* _____

Chi phiếu, thư từ xin gửi về TUỔI HOA MAGAZINE
10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 USA

***GIÁ BÁO:** * Giá báo dài hạn 1 năm tại Hoa Kỳ và Canada: 24 Mỹ kim (kể cả cước phí.) * Báo gửi đi Âu châu: — Máy bay: mỗi số $4.60, — Tàu thủy: mỗi số $3.20 * Úc và Á châu: — Máy bay: mỗi số $5.25 — Tàu thủy: mỗi số $3.20.*

Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
. . . . . .
đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

CỦA TIN, GỌI MỘT CHÚT NÀY LÀM GHI

* *

Sau ngày Miền Nam sụp đổ :

— Hàng chục văn gia, trí thức Miền Nam bị bức tử trong tù và ngoài tù,

— Hàng trăm văn nhân thi sĩ ký giả Miền Nam bị đọa đày trong ngục tối,

— Tất cả báo chí của Miền Nam đều đóng cửa,

— Tất cả văn nghệ phẩm của Miền Nam bị cấm lưu hành, tàng trử,

— Tất cả các nhà cầm bút tự do của Miền Nam nhất loạt ngưng bút,

— Hàng mấy chục triệu ấn phẩm bị tịch thu, tiêu hủy.

Tóm lại, hết thảy mọi dấu vết sinh hoạt tinh thần của 20 triệu đồng bào Miền Nam trong 20 năm tự do bị xóa bỏ.

BÂY GIỜ CÒN LẠI GÌ ?

Họa chăng còn một cố gắng cứu vớt, thu gọn trong một cuốn sách :

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM

của Võ Phiến

Mua sách ấy :

— Là góp tay bảo tồn đời sống tinh thần của chúng ta vào một thời kỳ bất hạnh đáng thương.

— Là níu lại những cảm nghĩ buồn vui, những tiếng khóc nụ cười của một thời kỳ không thể quên.

— Cuốn sách thứ 3 của nhà xuất bản VĂN NGHỆ.

Phát hành vào tháng 8.1986

Sách dày 370 trang. Giá 13.00 Mỹ kim

Ngoài nước Mỹ thêm 2.00 Mỹ kim cước phí.

Thư và chi phiếu xin gửi về : Ông Võ Thắng Tiết

Po Box 2301 Westminster, Ca , USA, 92683.

Phone : (714) 838 8432

ĐẶC BIỆT : BẠN ĐỌC MUỐN CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ, XIN GỬI THƯ CHO NHÀ XUẤT BẢN BIẾT